HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

số 7 tháng 10 và 11 năm 1992



SỐ ĐẶC BIỆT TRUYỆN NGẮN HẢI NGOẠI

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Phát hành hai tháng một kỳ – Số **7** tháng 10 & 11 năm 1992

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA.

Telephone và Fax: (714) 537-2468

Đại diện tại Florida:

Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068.

Đại diện biên tập và trị sự tại Âu Châu:

Mr & Mrs. Lê Tất Luyện. 15 Place Souham, 75013 Paris, France.

Tel: 45.83.19.12

Đại diện tại Na Uy:

Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway.

Đại diện biên tập và trị sự tại Canada:

Trân Sa, 12 Denbigh Cres., Toronto, ONT, M3M-2T2, Canada.

Tel: (416) 652-1384 và (416) 398-5916

Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4.

Tel: (514) 342-8018

Đại diện biên tập và trị sự tại Australia:

Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149.

Tel: 011-61-3-8071620

•

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Thế Giang, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Trầm Phục Khắc, Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Trần Quảng Nam, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Vũ Huy Quang, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Vũ, Trương Vũ.

•

Chủ biên:

Khánh Trường

Phụ tá chủ biên:

Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải

Phụ trách nghiên cứu lý luận:

Hoàng Sử Mai

Trị sự:

Nguyễn Thị Giáng Châu

---

lisence # 142486



MỤC LỤC

Võ Đình: *Trăng Rằm*, sơn Polymer, 1992, 24" X 24", tranh bìa.



 thư tòa soạn

Sau tín hiệu SOS phát đi qua *Thư Tòa Soạn* số 6, chúng tôi được hồi đáp bằng một lượng thư, điện thoại thăm hỏi và hiện kim bảo trợ ngoài mong muốn. Ban chủ trương xin chân thành cảm ơn độc giả, văn hữu, thân hữu đã quan tâm đến sự sống còn của tờ báo.

Tín hiệu phát đi, ngoài ước mong được chia sẻ, còn mang ý nghĩa một lời thăm dò: đường hướng và chủ trương của Hợp Lưu có thật sự đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của người đọc hay không? Mức độ quan tâm của họ đối với tờ báo như thế nào? Nay, chúng tôi có đủ dữ kiện đúc kết thành ý kiến chung: tờ báo là cột mốc quan trọng đánh dấu một thời điểm văn học. Vai trò của nó, ngoài việc góp phần làm cho không khí sinh hoạt chữ nghĩa hải ngoại sinh động, khởi sắc, còn cố gắng, trong khả năng của mình, thay đổi dần nếp tư duy tù đọng đã ăn sâu vào đầu óc chúng ta bao nhiêu năm nay. **Chúng ta**, Hợp Lưu muốn nói đến cái tập thể rộng lớn gồm tất cả mọi người Việt Nam, không phân biệt trong, ngoài, Nam, Bắc, từng trực tiếp hay gián tiếp tham dự vào cuộc chiến tranh dai dẳng, đẫm máu, dù đã chấm dứt mười bảy năm rồi, nhưng di chứng của nó, vẫn còn tồn tại trong não trạng mỗi người, như vết thương mưng mủ, nhức nhối triền miên. Chính vết thương này đã khiến chúng ta không thể mạnh dạn ngẩng cao đầu tiến bước. Chính vết thương này làm cho đất nước đã tan hoang vì chiến tranh, chủ nghĩa, càng tan hoang bởi hận thù, chia rẽ. Hãy bình tâm để thấy, trên bàn thờ của các bà mẹ miền Bắc, chân dung bài vị những đứa con ra đi "chống Mỹ cứu nước" vẫn còn đó. Trên bàn thờ của nhiều bà mẹ miền Nam, chân dung bài vị những đứa con lên đường "bảo vệ chính nghĩa Quốc gia" vẫn còn đó. Và trên rất nhiều bàn thờ của bao nhiêu bà mẹ từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, đang có cùng một lúc hai ba bài vị của chồng, của con, cái mặc quần áo Giải Phóng Quân, cái vận quân phục Việt Nam Cộng Hòa... Những đau thương, những thảm kịch buốt xương này, nếu không sáng suốt tìm cách chữa trị, thì mãi mãi chúng ta sẽ đắm chìm trong thù hận. Đất nước không cần thù hận, đất nước cần những trái tim. Đất nước không cần chủ nghĩa, dù trắng hay đỏ, đất nước cần những tấm lòng biết thiết tha với nó. Nhìn vào thực tế, theo thống kê mới nhất, 65% dân số Việt Nam hiện nay ở vào tuổi trên dưới hai mươi lăm. Chỉ vài ba năm nữa, tỉ lệ phần trăm này có thể sẽ lên đến 70, 80. Lớp người này hoàn toàn xa lạ với chiến tranh, với cả hai chế độ, chắc chắn, họ sẽ không bị đè nặng trên vai những tảng đá nặng nề của quá vãng. Chúng ta có thừa lạc quan để tin: cùng với lớp người trang lứa hiện đang sống, đang học hành, đang thành đạt về mọi mặt bên ngoài đất nước, tương lai Việt Nam sẽ được định đoạt bởi họ. Chúng tôi nhấn mạnh, bởi họ, chứ không phải bởi những "đàn anh" đã lão hóa tư duy, hay tệ hại hơn, bởi những cái loa đã và đang gào thét lảm nhảm điên rồ bên ngoài lẫn bên trong dải đất quê hương.

Sau số báo này, chúng tôi sẽ tự tách mình ra khỏi những đôi co, chỉ tổ góp

phần làm cho khuôn mặt báo chí hải ngoại và giới cầm bút nhem nhuốc thêm mà thôi. Và cũng là một cách ngầm nói: không có âm mưu, tà tâm đen tối nào có thể xuyên tạc, bôi nhọ, đe dọa, hay xúi giục sử dụng bạo lực trên sinh mệnh của Hợp Lưu được. **Chúng tôi khinh bỉ trò hề bẩn thỉu và hèn hạ này.** Nếu Hợp Lưu buộc phải chọn cho mình một kẻ thù để đương đầu, thì kẻ thù đó, duy nhất, là tư tưởng hẹp hòi, chia rẽ đang tồn tại trong lòng mỗi chúng ta. Rồi ra, bèo bọt rác rến của cả hai phía - Quốc Gia cũng như Cộng Sản - sẽ phải chìm xuống đáy sâu, để chỉ còn lại những người Việt Nam thực sự, những người Việt Nam không "trắng", không "đỏ". Những người Việt Nam biết yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Và để trên diễn đàn này sẽ nở rộ những mùa hoa, làm nên cái cảnh thổ trù phú mang tên Văn Học Việt Nam.

Sau hết, vì phần lý luận, nhận định, tiểu luận, phỏng vấn, thời sự... kỳ này khá nặng, có thể sẽ làm độc giả nhức đầu. Để quân bình, Hợp Lưu trân trọng giới thiệu một nhánh sáng tác tươi khỏe và đầy sức sống của văn chương Việt Nam. Cũng như đểđáp lại lòng thương mến của văn hữu ngoài nướcđã nhiệt tình đóng góp bài vở, Hợp Lưu tạm rút bớt phần văn học quốc nội, và dời truyện dài *Nhẹ Kiếp Nhân Sinh* của Milan Kundera do nhà thơ Trịnh Y Thư chuyển ngữ lại một kỳ. Qua phần sáng tác sung mãn này, một lần nữa, Hợp Lưu tái khẳng định với độc giả: trước sau, Hợp Lưu vẫn là một tờ báo văn học nghệ thuật. Nếu vì thời thế, Hợp Lưu buộc phải "trực diện" với các vấn đề có tính thời sự, thì âu cũng chuyện chẳng đặng đừng. Hiểu theo một cách nào đó, tất cả những việc làm của Hợp Lưu, từ một năm nay, đều mang khát vọng xiển dương, thăng hoa con người. Từ đó, nẩy sinh câu hỏi: phải chăng mục đích của văn chương nghệ thuật là nỗ lực chu toàn trách nhiệm của mình trong chiều hướng đó? Trong câu hỏi, đã có câu trả lời.

Hợp Lưu.

HỢP LƯU số 8 tháng 12, 1992 và tháng giêng năm 1993
sẽ là số báo có chủ đề về họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn, nhà thơ:

VĂN CAO

Kính mời văn , thi hữu, họa sĩ, nhạc sĩ, các nhà biên khảo, phê bình, lý luận... cũng như độc giả trong và ngoài nước đóng góp bài vở, tư liệu... để số báo thêm phong phú, xứng đáng với tầm vóc và sự nghiệp của người nghệ sĩ đa tài này.

Bài vở, sáng tác xin gởi về tòa soạn trước ngày 30 , 12 , 1992.

Sau "Chủ Đề Văn Cao", Hợp Lưu sẽ lần lượt thực hiện các chủ đề khác, hoặc dành riêng cho một tác giả, hoặc một vấn đề liên quan đến văn học, nghệ thuật nước nhà. Chúng tôi sẽ thông báo trước, trên cột báo này.



PHẠM TRỌNG LUẬT

nghĩ với dương thu hương về đất nước, trăn trở và trí thức

"Fools march boldly in where angels fear to tread"
("Kẻ rồ dại mạnh bạo bước vào nơi mà
thiên thần còn sợ giẫm tới")
Tục ngữ Anh

1
Chiến Tranh Và Công Bằng

Các sử gia Việt Nam ngày mai sẽ viết gì về cuộc chiến tranh vừa qua ? Đi tìm một khuôn khổ lý luận để suy nghĩ về "Cuộc Chiến Tranh 30 Năm Ở Đông Dương", một giáo sư chính trị của đại học Michigan Mỹ đã đặt ra nhiều câu hỏi không dễ trả lời : bản chất của cuộc chiến là gì ? đây là một cuộc chiến tranh duy nhất hay nhiều cuộc chiến kế tiếp và giáp giới nhau ? (1) v. v... Ở đây, chỉ xin giữ lại câu hỏi mấu chốt về bản chất của cuộc chiến, bởi vì tất cả những thắc mắc khác đều tùy thuộc nơi lời giải đáp cho nghi vấn này. Xung đột quốc tế hay nội chiến ? Chiến tranh giữa 2 khối cộng sản và tư bản ? Giữa đế quốc và giải phóng ? Giữa các khuynh hướng chính trị địa phương ? Giữa quân chính quy và quân du kích phiến loạn tại mỗi nước ?

Nếu chọn tiêu chuẩn khách quan để tìm giải đáp, người ta có thể dựa vào bối cảnh lịch sử của cuộc chiến - nhưng có thật là cái bối cảnh ấy đã không thay đổi trong ngót nửa thế kỷ ? Nếu chọn tiêu chuẩn chủ quan, người ta có thể dựa vào quan điểm của một hay nhiều bên tham chiến - nhưng luôn luôn có ít nhất là 2, trong trường hợp của Việt Nam sẽ là 3 hoặc 4 hay nhiều hơn nữa, phải lấy quan điểm nào ở đây ?

Về bối cảnh lịch sử, bây giờ có lẽ chẳng còn ai phủ nhận là thế kỷ thứ 20 đã vừa thừa hưởng, vừa sản sinh ra quá nhiều mâu thuẫn đối kháng : tư bản / cộng sản, thực dân / thuộc địa, đế quốc / nhược tiểu, quốc gia / cộng sản, v.v... Khi những mâu thuẫn quốc tế và địa phương quyện chặt vào nhau trên một tụ điểm nào đó - như ở Việt Nam chẳng hạn, thì đối kháng địa phương khó lòng giữ được vai trò chính yếu, và khả năng quyết định sẽ từ từ nhưng

chắc chắn vuột khỏi bàn tay của người tại chỗ. Tương quan lực lượng bắt buộc !

Chiến tranh Việt Nam, như vậy, sẽ là một cuộc xung đột quốc tế ? Bao nhiêu bà mẹ Việt Nam sẽ đau lòng : con mình chết cho chuyện gì đâu đâu ! Sự thật có lẽ không hẳn như thế khi nó bắt đầu, nhưng sự thực có thể đã trở thành như vậy khi nó kết thúc lần thứ nhất (1954). Nếu không, khó lòng giải thích một số sự kiện. Tại sao một chiến thắng vang dội như ở Điện Biên Phủ lại chỉ dẫn đến sự chia cắt đất nước, rồi sự phân tranh Nam Bắc ? Tại sao hình ảnh của một người hằng chiến đấu cho chủ quyền dân tộc như ông Hồ lại không cô kết toàn vẹn trong chân dung của một người anh hùng dân tộc, mà lại xẻ đôi như chàng Janus hai mặt thành thiên thần của một bên và ác quỷ của nửa bên kia?

Trong cái quá trình quốc tế hóa cuộc chiến, người Việt Nam có phần trách nhiệm của mình, dù là có ý thức hay không ý thức. Đó là sự chọn lựa con đường cộng sản.

Chủ nghĩa Marx-Lênin không can hệ gì đến lòng yêu nước của người Việt Nam thật (2), nhưng chủ nghĩa này đã có phần đóng góp nhất định của nó vào cuộc chiến. Và nếu trong buổi đầu, sự góp phần ấy vừa có cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực, thì với thời gian dần dần chỉ còn lại toàn những hậu quả vô cùng tai hại.

Về mặt quốc tế, điểm tích cực là chủ nghĩa cộng sản đã mang lại cho kháng chiến Việt Nam một thế dựa to lớn hơn - mặc dầu không phải lúc nào cũng vững chắc, diểm tiêu cực là nó cũng vừa đồng thời tạo ra cho địch thủ một hậu thuẫn tương tự, vừa trao tặng cho hắn cái khả năng và những cơ hội dàn xếp trên đầu người Việt. Nếu không có sự đồng lõa của Anh và Mỹ, làm sao Pháp có thể dễ dàng trở lại Việt Nam sau khi đã bị Nhật đánh bật ra khỏi Đông Dương ? Không có sự áp đặt đồng thời của Liên Xô và Hoa Kỳ, làm sao Việt Minh có thể thất bại ở Genève sau khi đã thắng lớn trên chiến trường ? Không có cái duyên cớ bảo vệ thế giới tự do, làm sao Hoa Kỳ có thể dễ dàng đưa vào Việt Nam trên nửa triệu lính Mỹ và đồng minh ?

Về mặt nội bộ, điểm tích cực là chủ nghĩa này cũng đã giúp cho cấp lãnh đạo ĐCSVN có dược cái ý thức và cái khả năng gắn liền đấu tranh dân tộc với đấu tranh xã hội, đô thị với nông thôn. Chính nhờ thế mà Đảng đã trở thành một lực lượng giải phóng trên quy mô cả nước vào đúng thời điểm quyết định, trong khi các đảng phái quốc gia chưa bao giờ vượt qua nổi cái kích thước chật hẹp của những nhóm khủng bố ở thành phố. Điểm tiêu cực là sự thành công ấy đã tráo lộn vĩnh viễn mọi dữ kiện của một bài toán lẽ ra đơn giản. Trong khi cái chánh đảng *"vô tổ quốc"* của giai cấp vô sản thế giới phất lên lá cờ chủ quyền dân tộc vì nhiệm vụ chiến lược, thì nhân danh tự do, các tổ chức *"quốc gia"* lại tích cực chống lại những kẻ đang giương cao ngọn cờ độc lập ấy !

Nằm trong cái rọ đó của lịch sử, người Việt Nam nói chung đã sống điều

nghịch lý này như thế nào, nhất là từ sau 1955 ? Có lẽ chỉ có chính các cấp lãnh đạo - lớp kominterchiks chính cống một bên, những Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Thiệu-Kỳ ở phía bên kia - mới hoàn toàn biết chắc họ đã tiêu hao bao nhiêu xương máu của nhân dân cho cái gì. Vì độc lập, tự do, chủ nghĩa? Hoặc đơn giản hơn, vì bị kẹt trong cái thế tốt đầu trên bàn cờ quốc tế ? Hay tồi tệ hơn nữa, vì thèm muốn quyền bính và lợi lộc cá nhân ? Về phần những binh lính và thường dân 2 miền đã vĩnh viễn nằm xuống, không chắc ai cũng có được cái ý thức trong sáng là mình đã hy sinh cho một lý tưởng dân tộc cao cả.

Có thể trong mọi lẽ công bằng thì cái *"cao nhất là công bằng với bản thân"* (3), nhưng công bằng với địch thủ cũng chẳng dễ gì. Một khi ở mỗi bên Việt Nam tham chiến đều có những người chết trận trong niềm tin là họ đã hiến thân cho độc lập hay tự do của tổ quốc, thì sử gia hay người yêu chuộng lẽ phải của mỗi bên sẽ đi tìm chân lý ở đâu đây ? Ngoài cái bối cảnh lịch sử khách quan của bao nhiêu đối kháng chồng chéo ? Ngoài cái khát khao trung thực bằng sự cố gắng vượt lên trên cái phần nửa sự thực của bản thân hoặc phe đảng ? Hay ngoài sự thừa nhận cái giả thuyết rất có thể chỉ trùng hợp với sự thực đơn thuần là cuộc chiến tranh vừa qua, nếu không phải là nội chiến trọn vẹn, thì ít ra cũng có khía cạnh nội chiến hay một giai đoạn nội chiến ?

Chân lý là một giá trị bắt buộc, nếu không muốn rơi vào chủ trương bất khả tri. Nhưng chân lý ở đây chỉ có thể là một sự *"quy nạp từ nhiều chiều"* (5) - nghĩa là từ những nhận thức rất thiếu sót về một quá trình khách quan ngày càng phức tạp. Và, *"nửa sự thực"* thì *"không phải là sự thực"*, như ai đó đã viết (6). Hơn nữa, *"cái gì là sự thực thì không ai có quyền chối bỏ, dù thích hay không thích"* (3). Công bằng với bản thân nhất định là khó, khi nó bao hàm điều kiện là phải thẩm định lại cả cái phần không sáng sủa trong nhận thức của mình về sự thực. Công bằng với địch thủ đôi khi còn khó hơn, nếu nó hàm chứa đòi hỏi là phải định giá lại cả cái phần trong sáng nơi nhận thức của kẻ khác.

2
Nội Chiến Và Sự Thật

Công nhận tính chất hay giai đoạn nội chiến của cuộc chiến tranh vừa rồi vẫn chưa trọn nghĩa, nếu khái niệm "nội chiến" chỉ đơn thuần diễn đạt cái ý tưởng là những tù binh, thương phế binh hay xác chết đều da vàng, mũi tẹt, tóc đen, cùng một huyết thống với nhau. Đồng thời vô tình hay cố ý quên đi cái động cơ khiến một số người - một số, có thể là lớn hoặc nhỏ, nhưng không phải là tất cả - đã cam tâm cầm súng của Nga, Tàu hay Mỹ để bắn vào đồng bào. Nhiều người đã giết chóc hay hy sinh thực sự vì độc lập và một xã hội không còn bóc lột, hoặc cho tự do và quyền làm người. *Đó mới là cái kích*

thước đích thực của nội chiến, với tất cả sự tàn nhẫn và bi thảm của nó, tất cả nỗi đau khổ và phẫn uất của một dân tộc!

Ngày nào người bên này còn xem cái lý tưởng của phía bên kia là "huyền thoại" hay "chiêu bài", ngày đó chúng ta vẫn còn luẩn quẩn trong cái nhận thức què cụt của phe đảng về cuộc chiến. Nếu có những tên *"nô lệ phục tòng một định mệnh tàn khốc"*, thì bọn chúng không chỉ rủ nhau nằm cả ở một bên chiến tuyến, nhường hết phần đất bên kia cho những đứa con *chưa bao giờ bội bạc với tổ tiên* (3). Sự thật là, bị quy định bởi thế kỷ, người Việt Nam đã không hề có được những chọn lựa căn bản trong suốt. Do đó, từ những thập niên 1920 và 1930, đứng vào hàng ngũ này hay phía đối lập đều là một quá trình dấn thân vừa không hoàn toàn sáng sủa vừa đầy bất trắc.

Có phần đóng góp của thời đại. Từ sau cuộc cách mạng Nga, một trật tự thế giới tay ba đang từ từ thành hình. Đầu tiên là khối những đại cường tư bản già giặn đang ngồi chễm chệ trên đầu cả trăm triệu dân thuộc địa. Bên cạnh là khối các nước tư bản mới cất cánh khác đang thèm thuồng cái địa vị được ưu đãi ấy. Trước mặt là khối các quốc gia mang tham vọng lật đổ toàn bộ cái trật tự thế giới tư bản, với một pháo đài đầu tiên vừa được thành lập. Có phần trách nhiệm của người lãnh đạo chính trị : sự cám dỗ của một thời thế rối ren như thế thường là những bài toán đại số được xem là hiển nhiên nhất : *bạn của thù là thù, thù của thù là bạn, v. v...* Để đánh Pháp, trong số những người Việt Nam yêu nước, bao nhiêu cái đầu đã hướng tới, sau Beijing và Tokyo, Berlin, Washington hay Moskova ?

Điều tai ác là khi sự chọn lựa đối tượng bị xích cứng vào một đối tượng khác hoặc một chiến lược đấu tranh thì khó lòng chỉ lấy cái trước mà vất cái sau. Độc lập và chủ nghĩa cộng sản ? Tranh thủ chủ quyền bằng cách tạm thời cộng tác với Pháp đánh lại kẻ tử thù của chế độ tư bản ? Có người yêu độc lập nhưng sợ cộng sản, có người muốn thu hồi chủ quyền nhưng nghi ngờ mẫu quốc. Những người đó sẽ phải hành động ra sao ? Một điều bất trắc khác, khi mục tiêu quốc gia bị gắn liền với mục tiêu chiến lược của một đồng minh lớn mạnh hơn, là sự lệ thuộc của cuộc tranh đấu trong nước vào các quyết định đến từ bên ngoài. Làm thế nào để nó không mất định hướng ? Làm sao giải thích với quần chúng những đổi thay đột ngột và bất lợi để họ không mất tin tưởng ?

Cần phân biệt sự thực và sự nhận thức về sự thực nơi quần chúng ; 2 sự kiện này không bắt buộc phải trùng hợp với nhau, nhất là khi trình độ dân trí lại quá thấp. Nếu không muốn mất chánh nghĩa, bản lãnh của các cấp lãnh đạo ở đây chính là khả năng quản lý sự nhập nhằng giữa nhiều đối tượng hay sự nguy hiểm của chiến lược áp dụng, trước những bước ngoặt trong cuộc chiến. Và, như mọi cuộc đấu tranh dai dẳng và phức tạp khác, cuộc chiến tranh ở Việt Nam - trên 30 năm, với ít ra là 7 diễn viên chính (Nhật, Trung Hoa, Liên Xô, Pháp, Mỹ và 2 nhà nước Việt Nam) - không thiếu gì những khúc quanh quan trọng, mỗi khi có thêm một cường quốc trên chính trường,

một bộ quân phục nơi trận mạc, hoặc sau mỗi giai đoạn đình chiến.

Sự thật là đất nước đã mất chủ quyền từ thế kỷ 19. Cuộc chiến tranh giành độc lập không phải là một *"huyền thoại"* ; nó hoàn toàn có chánh nghĩa, nếu nhìn vào điểm khởi đầu. Bao nhiêu người đã đến với ĐCSVN, thậm chí đã trở thành đảng viên, chỉ thông qua lòng yêu nước ? Sự thật là đất nước chưa bao giờ có một chế độ tự do. Cuộc đấu tranh cho dân chủ không phải là một "*chiêu bài*" ; nó cũng hoàn toàn có chánh nghĩa, nếu nhìn vào điểm kết thúc. Bao nhiêu người, kể cả những người cộng sản, đã bỏ nước ra đi vì thiếu tự do dân chủ ? Giữa 2 thời điểm là một chuỗi các dữ kiện tạo thành một quá trình mà giá trị tổng hợp có tiềm năng, và trên thực tế đã là tác nhân, chẳng những làm thay đổi nhận định của quần chúng về chiến tranh, mà có lẽ còn làm biến đổi cả bản chất của cuộc chiến.

Có còn là cùng một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm không, hay đã trở thành nội chiến mất rồi, khi tiếng súng lại vang lên sau hiệp định Genève ? Vẫn là một, nếu tiếp tục nhìn từ điểm khởi đầu. Có gì khác đâu ? Vẫn là tên đế quốc đã từng đứng cạnh thực dân Pháp và đã gánh chịu đến 78% (2,6 tỷ $US) chi phí chiến tranh cho hắn (1), vẫn là cái bọn quan lại hay tướng tá cũ do ngoại bang thả dù, vẫn cái trò cắt đất *"Nam Kỳ tự trị"*. Ôi, sự độc lập của miền Nam ! Đã có nhiều thay đổi, nếu nhìn từ điểm kết thúc của giai đoạn trước. Một chế độ đã hiện nguyên hình bên kia vĩ tuyến 17, với những cái mới rất đáng lo ngại. Cái mới của đấu tố, của các tòa án nhân dân, của chủ nghĩa giáo điều và của đủ mọi thứ hạn chế. Ôi, tự do của miền Bắc !

Tiếp nối hay đứt đoạn? Nhìn chung, sự thực ở đây là một quá trình vừa có mặt tiếp nối, vừa có mặt đứt đoạn. Sự thật là đất nước vẫn chưa có chủ quyền, dù ở miền Nam hay ở miền Bắc -trừ phi chúng ta nhận định sự lệ thuộc vào một chủ nghĩa và một liên minh như một hình thức giải phóng. Sự thật là vấn đề thể chế chính trị cho cả nước không còn là chuyện có thể thương lượng với nhau trong tương lai nữa mà đã trở thành một hiện thực áp đặt. Sự thật là ĐCSVN đã không ngừng sống nhờ trên cái lợi thế lúc ban đầu của mình - cái quá khứ chống thực dân của lãnh đạo và đảng viên. Sự thật còn là các chánh đảng quốc gia chưa bao giờ tự tạo nổi cho bản thân một vị trí lịch sử tương xứng.

Đây là sự thực tổng quan của một quá trình chuyển biến, của một cái gì không còn là một nhưng cũng chưa rõ là khác - của những buổi hoàng hôn hay bình minh tranh tối tranh sáng. Sự nhận diện thực chất của một tiến trình nước đôi như vậy chẳng bao giờ dễ dàng và thường vẫn phiến diện ; nó tùy thuộc nơi chỗ đứng và tầm nhìn của mỗi người. Cái triền này của dải núi Pyrénée hay cái bờ kia của con sông Bến Hải cũng chỉ có cùng một tác dụng ở đây : ngăn cản khả năng tiếp cận chân lý trong sự toàn vẹn của một tổng thể.

Trên dòng vận động liên tục của lịch sử, cái quá trình thành người quốc gia hay thành người cộng sản ở Việt Nam đều có một vùng tối và một vùng

sáng. Trong chiến tranh, chủ đích của tuyên truyền bao giờ cũng là làm thế nào để sự nhận định của quần chúng về sự thật luôn luôn dừng lại trên cái vùng tối của địch thủ và cái vùng sáng của mình, phần còn lại chỉ là kỹ thuật hoặc bôi nhọ hoặc đánh bóng thêm. Xuyên qua sự can thiệp của Mỹ và các nhóm lãnh đạo tay sai trong Nam, bên kia có mọi lý do để không nhìn thấy hàng triệu người khao khát tự do. Xuyên qua sự tham gia của khối cộng sản và cái tầng lớp lãnh đạo đã tha hóa ở miền Bắc, bên này cũng có mọi lý lẽ để không nhìn thấy hàng triệu người hằng tha thiết với độc lập và thống nhất.

Ngày nay, trả lại cho cuộc nội chiến này cái kích thước đích thực và bi thảm của nó, trước hết, có nghĩa là chúng ta cần phải chấm dứt tức thì và vĩnh viễn mọi thói quen thóa mạ hoặc phỉ báng lẫn nhau. Hãy trả lại cho những người đã chết đi hay mãi mãi tật nguyền của đôi bên - dù họ là đa số hay thiểu số, kẻ chiến thắng hay chiến bại - cái quyền được yên nghỉ, không như một bọn lính đánh thuê cho ngoại bang mà trong sự phục hồi danh dự như những đứa con đã hy sinh cho 2 hoài bão lớn nhất của tổ quốc trong suốt thế kỷ. Hãy trả lại cho những người đã bỏ làng nước ra đi những năm 1954 và 1975 cái quyền được sống thanh thoát trong sự hòa giải với bản thân nơi đất khách, không phải mặc cảm vì cái hình ảnh méo mó của những kẻ *"chạy theo lối sống sa đọa của Mỹ Ngụy"* mà trong tư cách thật sự của người tị nạn - dù gọi là tị nạn chính trị, kinh tế hay văn hóa, tựu trung vẫn là tị nạn cộng sản.

3
Tội Ác Và Lỗi Lầm, *Màn Một*

Trong bất kỳ cuộc chiến nào, tội ác cũng được chia đều cho cả đôi bên. Nhưng tội ác không chỉ xuất phát từ sự mất nhân tính trong một lúc của bọn người cầm súng trên chiến trường. Nhiều khi chúng nằm lộ liễu trong các chương trình đã được lạnh lùng quyết định sau các bàn giấy bóng nhoáng, bởi những con người có quyền sinh sát mà đôi tay vẫn giữ sạch sẽ - nghĩa là, bởi cấp lãnh đạo của cả đôi bên. Làm sao có thể giải thích khác hơn, phía Mỹ, sự thành lập những "vùng tự do bắn giết" và sự mở rộng những đợt rải thảm bom hoặc thuốc độc lên các thành phố hay làng mạc ? Và phía Việt Nam, cuộc tàn sát hồi Tết Mậu Thân ở Huế hoặc sự khởi động chiến dịch "Phượng Hoàng" sau này ? Trước loại *"hành động chiến tranh bình thường"* ấy, sự cuồng sát của các nhóm lính điên loạn đủ mọi quốc tịch, ở Mỹ Lai hay nơi khác, cơ hồ chẳng còn lại bao nhiêu ý nghĩa.

Có một vấn đề mà tầm quan trọng ít nhất cũng ngang bằng với sự thú nhận tội ác. Đó là sự tìm hiểu vì sao những tội ác ấy đã có thể xảy ra trên đất nước này, cho dù là trong hoàn cảnh chiến tranh đi nữa, giữa những con người từ bao đời vẫn cùng nhau chia sẻ mọi nỗi niềm. Có sự đồng lõa của các tập đoàn lãnh đạo - nhưng đó vẫn là lối hành xử tự nhiên của bọn người đã tha hóa vì lợi lộc cá nhân hoặc những mộng mị không tưởng.

Có sự xui dục của bản năng sinh tồn, của nỗi kinh sợ, lòng căm thù, hoặc ngay cả sự nổi thú tính nơi những kẻ cầm súng trên trận địa - nhưng liệu thành phần này có bao nhiêu trách nhiệm trước loại tội ác đã được kế hoạch hóa ? Trên tất cả các lý lẽ ấy, chính là sự đào nhiệm của 2 đội ngũ trí thức, nếu quả thật vai trò của trí thức là *"báo trước cho dân tộc mình các hiểm họa có thể tới"(6).*

Trong hàng ngũ "trí thức xã hội chủ nghĩa" ở miền Bắc, ai đã đảm nhận cái *"chức trách người cảnh báo trong xã hội"*, khi cuộc chiến tranh giành độc lập, bởi những tác động dồn dập và to lớn của các nhân tố quốc tế và sự bất đồng quan điểm nội bộ, đang chuyển hướng dần thành một cuộc chiến tranh nửa quốc tế nửa nội chiến ? Vào buổi hoàng hôn của một quá trình lịch sử, khi cả bối cảnh chính trị quốc tế lẫn quốc gia đều chợt thay đổi sâu sắc với cuộc "chiến tranh lạnh" giữa 2 khối và sự khai sinh ra 2 nhà nước Việt Nam đối kháng, lúc cái chính nghĩa giành độc lập đang phai nhạt dần bởi vì cái ý đồ áp đặt một thể chế sắt máu cũng đã trở thành hiện thực, ai là người đã báo động hiểm họa của một cuộc chiến tranh chắc chắn là sẽ cực kỳ tàn khốc, với những hậu quả trầm trọng không lường ?

Có "Nhân Văn Giai Phẩm", dĩ nhiên. Nhưng "Trăm Hoa" cũng chỉ mới là một phong trào chống đối những điểm tiêu cực của chế độ, chưa hẳn là chống đối chế độ, lại càng không phải là phản chiến. Thế giới quan của các văn nghệ sĩ này, nơi Trần Dần chẳng hạn (8), chỉ là một thứ chủ nghĩa cộng sản được xem là "chân chính" hơn *("Tôi yêu chủ nghĩa này, cờ đỏ cãi cho tôi"), của những người trí thức đã dấn thân vào "cuộc đấu tranh cuối cùng" ("Hãy đi mãi như người cộng sản (...) Hai bàn tay chết cứng vẫn ôm cờ")*. Trong khi một chiến thắng của miền Bắc còn có nghĩa là sẽ chụp lên cả miền Nam cái thể chế mà chính họ đang nghiêm khắc phê phán, nhìn xuống dưới vĩ tuyến thứ 17, dường như họ cũng không trông thấy gì khác hơn ngoài bàn tay của đế quốc Mỹ và bọn tay sai dương bóp nghẹt mọi tầng lớp nhân dân, cản trở ngày độc lập và thống nhất toàn vẹn.

Trong hàng ngũ "trí thức tự do" ở miền Nam, ai là kẻ đã kêu gọi cảnh giác trước sự can thiệp của Mỹ ? Các thứ chủ nghĩa -kể cả chủ nghĩa chống cộng - đều chia sẻ với nhau cái khả năng tạo ra một loại nhận thức chỉ dựa trên những gì mà đương sự muốn tin, như thể con người cần sống trong thế giới của ảo tưởng để tự thuyết phục. *"Hoa Kỳ đã đến Việt Nam hoàn toàn vì lý tưởng, không phải vì quyền lợi chính trị, quân sự hay kinh tế gì khác". "Độc tài là chế độ hữu hiệu nhất để đương đầu với cộng sản"(9)*... Sau khi Mỹ bước vào chiến tranh, ai là người đã gióng chuông báo động trước những hậu quả về mọi mặt của một đạo quân viễn chinh hơn nửa triệu người, trước những hành động chiến tranh mù quáng trên cả nước của các "đồng minh" ? Hy vọng chiến thắng bằng bom đạn đã che lấp tất cả, từ cái sự kiện là chính sự tham chiến ấy đang vô tình giao trả cho địch thủ một chánh nghĩa mà hắn đã đánh mất, đến những thương tích sẽ còn đục khoét lâu dài trên tình tự dân tộc sau

này.

Thật ra, có phong trào Phật Giáo. Nhưng đây là tiếng nói của lương tâm tôn giáo, không phải của lương tri trí thức. Cũng có những Nhất Hạnh, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Thái Luân, và có thể còn một vài người khác nữa. Nhưng đây là những tiếng thét cá nhân đếm được trên đầu ngón tay, không phải là sự nghiệp của một tập thể trí thức dám phê phán. Ngoài ra là hành động tuyên truyền của thành phần địch nằm vùng. Ngoài ra, không kể thái độ chửi đổng, chỉ là sự tĩnh mịch của bãi tha ma - một thứ nghĩa địa có thể chớp nhoáng biến thành các phiên tòa ồn ào khi được dịp kết tội bọn trí thức lừng khừng "*ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản*". Mỹ tàn sát cả một làng ở Mỹ Lai : im lặng. Mỹ ném bom những mục tiêu dân sự ở miền Bắc : nín thinh. Mỹ rải thuốc độc ở miền Nam : vẫn im lìm. Cả thế giới kết án cuộc ném bom khủng bố của Nixon mùa Lễ Giáng Sinh năm 1972 trên Hà Nội, Hải Phòng : vẫn câm nín. Cái giá lương tri của mơ mộng chiến thắng !

Điều còn khiếp đảm hơn cả tội ác chính là những lỗi lầm của 2 đội ngũ trí thức, bởi vì chính chúng chứ chẳng ai khác đã làm bà đỡ cho tội ác. Dù là người phía bên này hay phía bên kia, làm gì có chuyện *"đi dưới 2 làn đạn"* (3) khi cái hành động ấy còn có đôi chút tác dụng và ý nghĩa, nghĩa là trong chiến tranh ! Có chăng - ngoài những ngoại lệ đã kể - là loại văn chương ngợi ca "chủ nghĩa anh hùng cách mạng", "chủ nghĩa yêu nước", và cuộc "thánh chiến" một bên, hoặc vai trò "tiền đồn của thế giới tự do" và "chính nghĩa quốc gia" bên kia. Điều tai họa cho đất nước không phải là chúng ta đã có đến 2 đội ngũ trí thức dám dấn thân trên những lựa chọn chính trị. Nhưng điều bất hạnh cho đất nước là sự chọn lựa ấy đã làm họ quên đi bao điều còn lại, từ tình nghĩa đồng bào cho đến những giá trị nhân bản - sự thật, công bằng, nghĩa vụ, đạo lý, v. v... Và không phải chỉ trong chiến tranh.

4
Tội Ác Và Lỗi Lầm: *Màn Hai*

Còn có những tội ác đơn phương của ĐCSVN (10), còn có những lỗi lầm đặc thù của người trí thức xã hội chủ nghĩa. Cái tội ác đã tiếp tục chiến tranh với những kẻ đã buông khí giới, đã thanh toán một số thành phần xã hội bị độc đoán khai trừ. Cái tội ác đã đem nhân dân làm vật thí nghiệm cho các chính sách không có ngày mai, đã xua đuổi bao đồng bào ra khỏi nước, đã đem con bỏ chợ. Cuối cùng và trầm trọng nhất, cái tội ác đã đặt nòi giống trước họa suy kiệt, đã đưa đất nước đến nạn khánh tận. Đây là những tội ác không thể được biện minh bằng bất cứ một yêu cầu tự vệ nào hoặc bằng sự say máu một lúc trên trận địa. Tất cả đều bắt nguồn từ các tính toán điên rồ của những bộ óc giáo điều, ngay từ cơ sở lý luận của một thứ chủ nghĩa đã lấy căm thù làm chất liệu cách mạng.

Trước hàng loạt tội ác - nhiều cái đã rõ rệt ngay từ những năm 1975, 1976

- ấy, ai là người đã đảm nhận cái trọng trách phê phán Đảng và nhà nước, trong chế độ "Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa" của nước Việt Nam thống nhất này ? Có chăng là những tiếng hát dối trá ca ngợi một ngày mai không tưởng, những bài báo chống đỡ cho Đảng hay xuyên tạc sự thực, hoặc sự im lặng đồng lõa (6). Làm sao giải thích sự phá sản của một đội ngũ trí thức mà có lẽ đa số thành viên đã tự nguyện dấn thân - ít ra là trong buổi đầu - vào con đường đấu tranh gai góc nhất của thời đại ?

Có sự quyến rũ của cương vị xã hội. Bởi vì, làm *"trí thức xã hội chủ nghĩa"* dù sao cũng còn được xem là một bộ phận của "nhân dân". Đây không phải là một danh xưng vô thưởng vô phạt. Nó có năng lực xóa trắng nguồn gốc giai cấp, bôi nhòa những sai lầm lớn nhỏ của quá khứ, và lắm khi còn làm một bàn đạp kiến hiệu để nhảy lên cái thế giới danh vọng chật hẹp của các vị "đầy tớ" đặc biệt của nhân dân. Một mặt, chính nó khoanh định cái cơ sở nhân sự trên đó người ta nỗ lực gieo trồng một tầng lớp *"công chức thuộc địa"* (6) được trả lương bằng nhiều đặc quyền đặc lợi đáng kể, so với một xã hội còn nghèo mạt. Mặt bên kia, nó cũng chính là cái cơ sở tư tưởng của thứ luận điệu chống cộng ngây ngô, thường chỉ biết giải thích và đánh giá sự trỗi dậy của thành phần trí thức chống Đảng thông qua cái lý do "thất sủng".

Có bàn tay uốn nắn của Đảng. Điển hình ở đây là chính sách trấn áp của bộ máy cai trị đối với những văn nghệ sĩ bị dính líu trong vụ "Trăm Hoa", và tác động không phai nhạt của nó trên ký ức tập thể của tầng lớp trí thức. Nhà khoa học xã hội Trần Văn Giàu đã phải vận dụng đến 2 chữ *"can đảm"* khi đặt vấn đề nghiên cứu trong khuôn khổ của một nhà nước xã hội chủ nghĩa (11). Một nhà văn đàn anh nào đó (Nguyễn Tuân ?) đã nghẹn ngào nâng chén rượu lên giữa đám đàn em, *"Tao còn sống, còn cầm bút được đến bây giờ là nhờ biết sợ"*. Nguyễn Minh Châu còn phát hiện, *"Có người cầm bút đến lúc sắp bước sang thế giới bên kia vẫn chưa dám thốt lên một câu nói thật tự đáy lòng, không dám viết hồi ký thực, vì sợ để liên lụy đến đời con cái"* (12).

Cũng có cả những ảo tưởng chính trị đến từ sự ám ảnh của ước mơ đổi đời dai dẳng. Cụ thể là mối hy vọng đã chai cứng rằng gốc rễ của cái mô hình cách mạng Marx-Lênin vẫn còn xanh tươi, chỉ mới có cành lá là đã vàng úa. Nó được thể hiện ở sự tin tưởng một cách khá phản trí thức vào tính khả thi của một loạt chính sách hoàn toàn nghịch lý. Như thể biện chứng pháp là một phép lạ có khả năng đẻ ra những "con người mới" và một "xã hội mới" từ những tiền đề sai lầm ngay tại nền móng : vừa đấu tranh giai cấp, vừa bảo tồn cộng đồng dân tộc ; vô sản hóa các tầng lớp nhân dân mà vẫn tạo lập được một cuộc sống ổn định và văn minh ; đòi hỏi con người sản xuất song song với sự tước đoạt quyền tư hữu...

Cuối cùng, có tâm trạng của người không muốn phủ nhận quá khứ, nhất là khi cái quá khứ ấy lại không chỉ có mặt tiêu cực trong một thời gian khá dài. Nếu sự đốt bỏ những thần tượng của ngày hôm qua không phải là điều ai cũng có tài năng thi thố, thì đối với thành phần đã tham gia kháng chiến

và cách mạng, nó càng khó khăn hơn. Bởi đây là tiếng vọng của một thời thanh xuân náo nức lên đường, của chuỗi ngày tuy gian khổ mà trong sáng của kẻ có lý tưởng, của một thứ tình đầu chính trị bền chặt. Trừ trường hợp cảm thấy bị bội phản hay khinh bạc, người trong cuộc ít khi tiến tới một giải pháp dứt khoát như đoạn tuyệt. Trước các thất bại dồn dập, phản ứng thông thường là tình cảm uể oải, chán chường, hoặc thái độ phó mặc, buông trôi.

Các lý do trên đều ít nhiều giải thích những do dự và khuynh hướng thỏa hiệp của phần đông trí thức xã hội chủ nghĩa, cả người sống bên trong lẫn kẻ sống bên ngoài vòng kiềm tỏa của chế độ. Những vi phạm về dân chủ, dù trong kích thước tập thể (ở mức độ nhà nước) hay cá nhân (vấn đề nhân quyền) đã đầy ắp từ các năm 1975-1976. Thảm trạng thuyền nhân cũng bắt đầu đồng thời, với cao điểm là các năm cuối của thập niên 1970. Nếu lấy năm 1986 làm giờ thức tỉnh, thì trong suốt cái khoảng thời gian dăng dẳng hơn 10 năm trời ấy, liệu đếm được bao nhiêu tiếng nói khảng khái trước thực trạng của đất nước, bao nhiêu lời đau xót cho những nạn nhân của chế độ ? Có chăng là sự tự dối và tự kiểm duyệt. Cái giá lương tri của khát khao cách mạng!

Chúng cũng giải thích các thái độ "trần tình" hay "tự bạch" của một số những người trí thức đã chọn con đường chống đối.

Nếu *"độc thoại"* thực chất là một sự đặt lại vấn đề trong nội tâm và trên cơ sở của những giá trị nhân bản phổ biến nhất, thì *"biện bạch"* thường chỉ nhằm phát biểu một lập trường đảng phái cố hữu. Đây là cố gắng giải thích một hành động nào đó của bản thân, nhưng không phải với đối tượng chống đối (4), cũng không phải với một địch thủ chẳng có gì để san sẻ (3). Thực chất của sự trần tình còn là nói chuyện với các đồng chí và chiến hữu, cho dù nó chỉ minh thị hướng về một cá nhân bên ngoài đi nữa. Nó mang nặng những liên hệ day dứt với lý tưởng, với bao người sống và kẻ chết. Nó có thể là khởi điểm cho một cuộc "*đối thoại*" chân chính, nhưng chắc chắn không phải là một sự "đanh đá và đáo để", hay tệ hơn nữa, một "dấu chấm hết" (13).

5
Chính Trị, Giai Cấp, Trí Thức

Nói gì với người trí thức xã hội chủ nghĩa trong một cuộc đối thoại đích thực ? Có lẽ lại phải bắt đầu bằng cái vấn đề thiết thân nhất : mối quan hệ giữa chính quyền với tầng lớp trí thức, và cái hệ luận của nó - chính sách trí thức của các tập đoàn cai trị. Một mặt, mọi chánh đảng cầm quyền, dù là cộng sản hay chống cộng, chẳng bao giờ có tham vọng gì khác hơn là tại vị lâu dài. Mặt khác, ngoài các thiên tai, hầu hết những tai họa có thể xảy ra cho một quốc gia đều xuất phát từ sự bất cẩn, đui mù hay ngu dốt của kẻ lèo lái. Nếu thiên chức của người trí thức là dự báo các hiểm họa có thể xảy ra và phê phán những sai lầm, thì cái sứ mạng ấy luôn luôn là một mối đe dọa

to lớn cho các tập thể cầm quyền. Trừ phi nó bị bóp nghẹt trong một quan hệ chủ tớ!

Điều mơ tưởng công khai của mọi thể chế độc tài là xây dựng nên một tầng lớp "trí thức" có khả năng chuyên môn nhưng hoàn toàn thần phục. Ở các đảng cộng sản cầm quyền, nó trở thành một chính sách tự giác nhằm tạo lập một quan hệ *"hữu cơ"* giữa đảng và tầng lớp trí thức. Người trí thức trong nền chuyên chính vô sản không thể chỉ san sẻ với "đảng của giai cấp công nhân" cái lý tưởng cộng sản. Một quan hệ tinh thần đơn giản chẳng khi nào chặt chẽ : nguồn gốc xã hội bên trên của phần đông trí thức đi theo cách mạng chính là đầu mối của mọi dao động bất lợi. Cần phải kết hợp nó với sự gắn bó xác thịt bằng quyền lợi giai cấp : người trí thức cộng sản thực sự hoặc sẽ xuất thân từ các giai cấp công nông, hoặc sẽ chẳng bao giờ tồn tại. Đó là cái ý nghĩa và tầm quan trọng của chủ nghĩa lý lịch trong lãnh vực giáo dục.

Vai trò của tầng lớp "trí thức hữu cơ" mai sau sẽ ra sao ? Lời giải đáp nằm nơi những chính sách của ĐCSVN đối với cái tiền thân "trí thức xã hội chủ nghĩa" của hắn hiện nay. Đừng trông chờ ở Đảng sự nhận rõ *"chức năng khám phá và dự báo của người nghệ sĩ"* - khi nó có nghĩa là đưa ra ánh sáng trách nhiệm của Đảng là kẻ cầm quyền, *"chức năng phát hiện, hướng dẫn phát triển xã hội của các nhà khoa học"* - khi nó bao hàm một thái độ phê phán trước hệ tư tưởng chính thức và sự lãnh đạo Đảng. ĐCSVN cũng chưa bao giờ tự giao cho bản thân cái nhiệm vụ *"tập hợp đông đảo đội ngũ trí thức"*, trừ phi đấy là một tập thể ngụy trí thức mà bản chất vĩnh viễn sẽ là "hồng" hơn "chuyên", và "chuyên" hơn "chân" (6).

Hoàn toàn không thể có ngộ nhận nào ở đây. Một bên có quyền năng, một bên có "tư bản ký hiệu" (vốn liếng chữ nghĩa, công thức). Cái hợp đồng chính trị giữa Đảng và những người "lao động trí óc" dưới trướng chỉ giới hạn vào một nhiệm vụ : minh họa chính sách và ca tụng chế độ. Đảng cần người phục vụ đắc lực, không cần những kẻ luôn luôn trăn trở với những vấn đề lương tâm. Hoặc anh xem đây là một hợp đồng sòng phẳng và nên thực hiện ; trong trường hợp này, khó lòng có con đường nào khác hơn là sự vong thân trong hàng ngũ "công chức thuộc địa". Hoặc anh nhận định nó là một hợp đồng gian trá cần phải hủy bỏ ; lúc ấy, giải pháp duy nhất còn lại là đấu tranh.

Thật ra, có cái gì bấp bênh trong các khái niệm "trí thức xã hội chủ nghĩa" hoặc "trí thức vô sản", hiểu như loại mưu toan nhằm gán ghép một chức năng xã hội với những đường lối chính trị hoặc quyền lợi giai cấp. Trí thức trước hết là một con người, và do đó, hoàn toàn có quyền theo đuổi - như bao kẻ khác - một hay nhiều lý tưởng chính trị khác nhau, kể cả các chọn lựa dựa trên quyền lợi giai cấp. Nhưng trí thức còn là một thứ người đặc biệt mà thiên chức là làm lương tri của cái xã hội trong đó anh ta sinh sống. *Anh có trọn quyền, nhưng không hề có sứ mạng phải đấu tranh cho một chính kiến hoặc một quyền lợi đặc thù nào cả ; ngược lại, trừ phi chấp nhận vong thân, anh có bổn phận phải đảm trách cái nghĩa vụ mà xã hội, từ bao giờ, đã âm thầm nhưng*

trân trọng giao phó.

Nói cách khác, cái điều kiện để người trí thức "sống đạo" là sự độc lập. Độc lập với mọi chánh quyền, đường lối chính trị hoặc quyền lợi xã hội. Ở đây, sự độc lập về mặt tinh thần còn quan trọng hơn cả về vật chất : làm người trí thức chân chính căn bản là *một vấn đề ý chí* (14). Trí thức là cái loại người có thể hợp tác với một chánh quyền nhưng không nô lệ quyền lực, biết dấn thân vào một cuộc đấu tranh chính trị mà không biết thỏa hiệp với bạo lực và gian trá, xuất thân từ một tầng lớp xã hội nhưng vẫn vượt lên nổi sự ràng buộc của quyền lợi giai cấp. Đây không phải là một hình ảnh không tưởng về người trí thức. Và nếu nó có thể là một "kiểu mẫu lý tưởng" theo nghĩa của Max Weber, thì trong lịch sử của nhiều dân tộc, không ít gì những con người bằng xương bằng thịt đã tiếp cận sát sao cái khuôn mẫu ấy.

Bằng chủ nghĩa lý lịch, ĐCSVN chắc chắn sẽ bóp chết ngay từ trong trứng nhiều nhân tài của đất nước. Đảng cũng có thể sẽ đào tạo nên một tầng lớp chuyên gia trong giới công nông, nhưng rồi Đảng cũng sẽ chỉ rước lấy thất bại trong ý đồ chính trị. Bởi vì những "linh hồn bằng ngọc" của các thế hệ trẻ thơ công nông mà Đảng gửi tới trường, ngoài sự được dạy dỗ để căm thù các giai cấp khác, cũng sẽ được giáo dục để biết yêu quý con người và những giá trị như sự thật, công bằng, tự do, v.v... Đến một lúc nào đó, người "lao động trí óc mới" này cũng sẽ tự hiểu là mình đang sống trong một thế giới hoàn toàn điên loạn. Anh ta sẽ cảm thấy bị bắt buộc phải chọn lựa, giữa một hệ thống chính trị phi nhân và các giá trị ấy, giữa vai trò "công chức thuộc địa" và nghĩa vụ phê phán. Rồi một khi đã bước vào đấu tranh, nếu bị Đảng tịch thu hết giấy mực, có gì bảo đảm là họ sẽ chẳng *"dùng dao viết văn lên đá"* ? (15).

Tựu trung, làm trí thức, một phần lớn, cũng tương tự như làm nghệ sĩ. Cũng cùng một bản chất trời ban hay trời đày - đúng hơn là cái bản chất thứ hai do tập quán bồi đắp. Cũng cùng một kiếp tằm, và, *"con tằm đến thác vẫn còn xe tơ"*. Nếu cách xe tơ của nhà nghệ sĩ là sáng tạo, thì lối xe tơ của người trí thức, ngoài các mặt khác, chính yếu là phê phán, trong nghĩa rộng nhất của từ này. *Một sự phê phán mà nền tảng là những giá trị nhân bản bao gồm cả đạo lý lẫn khoa học - những gì con người đã dày công tạo tác từ khi siêu hiện trên các loài cầm thú, để giành lấy một cuộc sống cao đẹp hơn súc vật.*

Và, từ cái cơ sở ấy, nói như Karl Marx ở đâu đó, *"một sự phê phán không tiếc thương đối với tất cả những gì hiện hữu, không thương tiếc theo nghĩa là sự phê phán ấy sẽ không lùi bước trước những kết luận của chính nó, hay trước sự xung đột với chánh quyền, dù đấy là chánh quyền nào"*.

6
Cảnh Giác Và Giải Ảo

Mặt trái của kì vọng phê phán rốt ráo đặt nơi người trí thức ở đây là bổn

phận phải thường xuyên cảnh giác của cả một tầng lớp. Bởi vì mọi chểnh mảng trong chức năng nói trên sẽ là đầu mối của nhiều tai họa khó đo lường. Bài học lớn của thế kỷ thứ 20 đang tàn tạ này chính là một sự mất cảnh tỉnh như vậy của tầng lớp trí thức hoàn toàn có khả năng xảy ra. Và trong thực tế lịch sử, nó đã phát sinh từ 2 thái độ trái ngược : hoặc sự khinh thị vô lý trước những đe dọa tưởng đâu chỉ là chuyện tầm phào đối với con người, hoặc sự chiêm ngưỡng mê muội trước những hệ tư tưởng biết hứa hẹn một ngày mai ca hát cho cả nhân loại.

Sau 1945, bao nhiêu người trí thức Đức đã bàng hoàng nhìn lại quá khứ. Cái chương trình tiêu diệt dân Do Thái đã nằm toàn thân trong tác phẩm "Mein Kampf" (1925), một quyển sách mà Adolf Hitler, sau cuộc đảo chánh hụt ở Munchen đã lụi cụi viết trong tù với sự trợ giúp của Rudolf Hess. Sau 1975, bao nhiêu người trí thức Pháp bỗng sửng sốt khám phá ra rằng cái kế hoạch kinh tế của các lãnh tụ Khmer đỏ - lùa hết thị dân về nông thôn lao động, phát triển kinh tế bằng sự động viên cả nước vào những công trình tập thể kiểu Mao Trạch Đông - đã thành hình từ năm 1960, trong một luận án tiến sĩ của Khiêu Sâmphan ngay trên đất Pháp (16). Ai nghĩ đến việc đề phòng những tư tưởng điên rồ khi chúng chỉ là giấy mực ? Điều bất hạnh cho các dân tộc là kẻ điên cũng có ngày lên nắm chánh quyền, chưa kể trường hợp kẻ cầm quyền bất thần hóa điên.

Càng khó hơn nữa là sự cảnh giác trước những tư tưởng cao thượng. Có gì rất phải đạo trong cái nguyên tắc *"phân phối theo nhu cầu, đòi hỏi theo khả năng"* - nó diễn tả cái ước mơ người nhất của nhân loại : sáng lập một trật tự bình đẳng nhân tạo để thay thế cái thế giới bất bình đẳng hiển hiện của thiên nhiên. Có gì rất hợp tình trong cái luận điểm thứ 11 về Feuerbach (17) : *"Các triết gia đã chỉ giải thích thế giới một cách khác nhau ; điều quan trọng bây giờ là phải thay đổi thế giới"* - nó nói lên một nhiệt tâm hành động. Tất cả vấn đề là, để thực hiện nguyên tắc kia, nhất thiết phải băng qua cái luận điểm này. Và ở người trí thức, cái con đường tất bắt buộc ấy – khi chủ nghĩa Marx chưa phải là khoa học! – chính là bước đầu của sự từ nhiệm và xuống cấp: tư duy nhường chỗ cho giáo điều, tinh thần phê phán cho mặc cảm và tín ngưỡng.

"Từ một cõi rất xa xăm trở về", đó là nhận định thường nghe thấy nhất về cuộc hành trình giải ảo của những người trí thức tả khuynh trên thế giới - các tên tuổi chói lọi đã một thời đến với chủ nghĩa cộng sản vì những khắc khoải nhân bản của Karl Marx, và đã lần lượt bỏ đi ngay từ thập niên 1930, khi cuộc cách mạng nhằm giải phóng con người từ từ biến thành cái bộ máy nô lệ hóa con người tàn khốc. Cũng cùng một tiến trình ấy, song chậm trễ và chậm chạp hơn nhiều ở Việt Nam. Cạnh các lý do đã liệt kê, có lẽ còn có sự tác động ngấm ngầm của một số yếu tố hoặc quán tính của lịch sử, gắn liền với vai trò của sĩ phu ngày xưa - dưới hình thức một truyền thống trọng phục vụ hơn lý luận, và cái vị trí khá đặc biệt của đảng cầm quyền ngày nay - dưới hình thức một quan niệm cổ điển, ở đây là phong kiến, về chính thống : đất nước thuộc

về dòng họ hay chánh đảng nào đã hoàn tất một cuộc chiến tranh giải phóng!

Cái thứ nhất đã để lại một tầng lớp trí thức mới dám dễ dàng hy sinh tất cả để phụng sự kháng chiến, từ vai trò lãnh đạo trong quá khứ đến những trăn trở lẽ ra phải xuất hiện sớm hơn liên quan đến sự nghiệp xây dựng sau giải phóng. Thay vào đó là sự tin tưởng kiên nhẫn vào khả năng chăn dắt của một tập đoàn lãnh đạo sắt thép, sự tham gia tận tình vào công tác du nhập và phổ biến một thứ chủ nghĩa thiên niên mới. Nếu chủ nghĩa Marx đã trở thành, qua bao nhiêu bậc xuống cấp, một thứ *"tân tôn giáo được lôgíc hóa bằng những lý lẽ khoa học thô sơ, hình thức và phiến diện (...) rất tương hợp với tâm thức và mặc cảm cố hữu của người nô lệ"* (3), thì trong đó cũng có sự tiếp tay của trí thức Việt Nam. Điều không may, nạn nhân của nó không chỉ là thành phần nông dân - đa số chưa thoát nạn mù chữ - mà còn là cả một đội ngũ "độc thư nhân" đã làm bà đỡ.

Cái thứ hai để lại nhiều chướng ngại thuộc một thứ loại khác. Ở những người trí thức đã đi theo ĐCSVN để giành độc lập, vẫn còn không ít vướng mắc trong yêu cầu đoạn tuyệt. Ngay nơi những ngòi bút phê phán sâu sắc và rốt ráo nhất, nếu có nhiều cánh cửa sổ mở, vẫn còn đôi cánh khép kín. Cụ thể, một số phán đoán khoáng đãng: *"Dân tộc nào chỉ đắm chìm trong quá khứ, dân tộc ấy không có tương lai"*, hay, *"mọi vinh quang đều hão huyền, chỉ có hạnh phúc là có thật"* (3). Nhưng cũng không trừu tượng, mối bận tâm gây ngột ngạt về những *"thất thiệt cho nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam"* (3) - cái nhà nước mà nhân dân biết gọi một cách rất chính danh là "Xấu Hơn Cả Ngụy", hoặc sự biểu đồng tình rằng *"nhân dân phải biết ơn Đảng"* - trong khi vẫn có ý thức *"Đảng cũng đã là tác giả của những phương án kinh tế sai lầm"* (7) đang đưa mọi tầng lớp nhân dân thuộc nhiều thế hệ xuống vực thẳm ! (18)

Sự giải ảo chỉ trọn vẹn khi tinh thần phê phán được vận dụng đến tận cùng, khi chúng ta *"thực sự có tư tưởng và sẵn sàng trả giá để bảo vệ tư tưởng ấy"* (5). Đã xa rồi, cái thời kỳ người trí thức tự nguyện và tự giác đóng vai trò của những văn công để truyền đạt tư tưởng và đường lối cách mạng, đồng thời xem đấy như một hoàn cảnh "lột xác" cần thiết. Và có lẽ cũng đã thấp thoáng xuất hiện đó đây cái ý thức rằng chỉ còn chỗ trên pháp trường cho một chủ nghĩa đã phản bội hoàn toàn mọi tình cảm đẹp đẽ của thời kỳ thai nghén ra nó (4&7). Nhưng trên bao nhiêu mồ hôi, nước mắt và máu xương đã phung phí một cách vô cùng ngu xuẩn từ 1975, đã thực sự đơm bông chưa, hay vẫn chỉ mới trổ nụ, cái ý thức rằng *lịch sử không chỉ là các kỳ tích của quá khứ mà còn là hôm nay và ngày mai ?*

Nếu quả thật *"lịch sử sẽ phán xét tất cả không loại trừ một ai"*, bởi vì *"lịch sử không có phạm trù bao cấp, không biết tới thể chế đặc quyền và ưu tiên"* (7), thì ở những người trí thức muốn nhìn về tương lai, muốn xây dựng hạnh phúc ngay nơi trần thế này, tinh thần phê phán không thể dừng lại trên một thứ truyền-thống-tàn-tích, hay một thứ tình-nghĩa-tàn-tích không nên lưu giữ mà

cần được xem xét và đánh giá lại nghiêm chỉnh thông qua những hệ quả của nó trên đất nước. Hãy đóng góp ngay từ nay vào sự nghiệp tạo lập cho tổ quốc một quan điểm mới - dân chủ - về chính thống : *đất nước là của chung và nhà nước phải thuộc về lực lượng nào vừa có khả năng bảo tồn cộng đồng, vừa phát triển quốc gia, vừa đem lại hạnh phúc cho dân tộc, đồng thời và nhất là, được nhân dân tự do chọn lựa.*

7
Trước hiểm họa, một tập hợp mới

Điều này dẫn đến câu hỏi cơ bản : tổ quốc Việt Nam đang trôi dạt về đâu? Chúng ta đang đứng trên bậc thềm của một thời kỳ nô lệ khác, do chính tay ta mở ra. Áp lực chính trị của Trung Quốc, song song với sức ép kinh tế của các cộng đồng Hoa Kiều định cư ở khắp Đông Nam Á, là 2 gọng kìm ngày càng bám sâu và siết chặt. Trong khi đó thì sức đề kháng của đất nước đã vơi cạn dần bởi sự phá sản của xã hội và văn hóa Việt Nam. Chiếc nỏ thần chống ngoại xâm của chúng ta ngày nay là một xã hội đã hoàn toàn băng hoại vì căm thù và nghi kị, một nếp sống không còn luật lệ và tin tưởng trước sự nghèo đói và yêu cầu sống còn của mỗi cá nhân. Chúng ta đã cầm bán tất cả những gì có thể bán được cho ngoại nhân : tài nguyên, của công, của tư, di tích lịch sử, bàn thờ tổ tiên và ngay cả niềm kiêu hãnh làm người dân Việt. Trong nhiều gia đình, người ta sẵn sàng bán lẫn nhau và bán cả bản thân nếu được giá.

Nhà dột ngay từ trên nóc xuống. Sự phá sản đã bắt đầu từ trên cao, từ một tập đoàn lãnh đạo mắc bệnh *syđa - sao y đàn anh* trầm trọng. Một thứ bệnh tâm thần đã làm tê liệt và giết mòn tinh thần cùng khả năng tự chủ, tự quyết, tự lập, tự tin, tự hào,.. đồng thời trải rộng trước mắt con đường tự hủy. Cái thói quen dựa vào một bố nuôi đã để lại ngay trên đầu dân tộc, khi đàn anh bỗng dưng biến mất sau một trận thư hùng hay một cơn động đất, cả bầy con côi cút nhốn nháo rủ nhau đi tìm một bậc cha chú khác. Hết Trung Quốc, Liên Xô, Đông Đức, rồi lại "thiên triều". Hết quân sư cộng sản thì lật đật quay sang cố vấn tư bản ; Mao, Stalin, Honecker đổ thì lạy mời Lý Quang Diệu. "Bốn bể là anh em", ai cũng được, trừ cái thằng dân bản xứ không thiếu sức cần lao và trí thông minh, nhưng lại có cái quyền đứng lên đòi lại xương máu, cuộc đời và chánh quyền.

Một quan điểm phân chia các thành phần chính trị tại Việt Nam khá phổ biến ở nước ngoài hiện nay nhận diện 3 lực lượng: "thành phần lừa bịp, thành phần bị thua và thành phần bị lừa" (19). Một cách khoanh vùng đầy hấp dẫn nhưng vẫn còn mang vết tích chủ quan của sự đối kháng quốc / cộng trong quá khứ. Ví dù tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN có là *"thành phần bịp bợm"* chính cống đi nữa, thì 2 lực lượng kia đâu hẳn chỉ là kẻ *"bị thua"* hoặc *"bị lừa"* đơn chất. Là kẻ chiến thắng chăng, những người đã hiến dâng cả cuộc đời cho độc

lập, để rồi ngày hôm nay còn phải trông thấy dân tộc vẫn bị ngoại bang bóc lột và chà đạp ngay trên quê hương ? Không bị lừa sao, những kẻ đã nhắm mắt tin tưởng vào "đồng minh" cho đến lúc, giải quyết ổn thỏa quyền lợi riêng trên đầu mình xong, hắn bỏ chạy, vất lại sau lưng bao nhiêu tang tóc, đổ vỡ?

Lịch sử của hơn nửa thế kỷ đấu tranh vừa qua của dân tộc này, ngoài vị đắng cay của một sự thất bại hầu như toàn diện, một sự phung phí khổng lồ và một núi những vấn đề nan giải, có lẽ chỉ để lại về mặt chính trị 2 thành phần đối nghịch khách quan : một khối nhỏ những lực lượng phi dân tộc một bên - các tập đoàn lãnh đạo cộng sản và chống cộng ; bên kia là một khối lớn các thành phần dân tộc *vừa "bị thua" vừa "bị lừa"* -những đoàn thể và cá nhân đã bước vào đấu tranh vì lợi ích dân tộc thuần túy. Với chiều hướng phát triển là, trong tương lai, đường ranh này sẽ mỗi lúc một đậm nét hơn trong tâm thức của mỗi người và trong thực tế : những kẻ chưa thoát ra nổi lối đặt vấn đề quốc / cộng sẽ đứng vào một bên dù chỉ để tiếp tục thanh toán nhau ; một tập hợp mới sẽ thành hình ở phía bên kia, bao gồm tất cả mọi cá nhân và tổ chức, vì quyền lợi dân tộc, muốn đi tìm một lối thoát chung cho cả nước.

Điều khó khăn hiện nay là ĐCSVN, cái bộ phận có tổ chức và ngoan cố nhất của khối nhỏ kia lại nắm được nhà nước, trong khi cái tập hợp mới này vẫn còn ở vào tình trạng phôi thai trong một xã hội dân sự tan tác. Và bởi vì nhà nước chẳng bao giờ bền vững nếu nó không phải là biểu hiện của xã hội công dân, không ai có thể trông đợi ở Đảng những hành động tự giác đơn phương nhằm cởi trói cho một xã hội dân sự có cơ trở thành mồ chôn của chủ nghĩa toàn trị như ở Đông Âu. Do đó, mọi cố gắng đánh đổ chuyên chính bằng những phương tiện chính trị bắt buộc phải khởi đầu bằng sự xây dựng cả xã hội công dân lẫn cái tập hợp mới cần thiết này. Tất cả vấn đề là ai sẽ phải đảm nhận trách nhiệm ấy.

Bình thường, khi người ta đã hết trông cậy vào giới chính trị nói chung và kẻ cầm quyền nói riêng, thì vấn đề trí thức lại được đặt ra bởi ngay chính những người trí thức. Hoài niệm về vai trò của kẻ sĩ thời xưa hay trực giác về trách nhiệm xã hội của bản thân trước những hiểm họa sắp tới ? Dù sao, vài tiếng thét của sự đau khổ và căm giận đã vang lên, như một hồi kèn đánh thức và một hình thức kiểm điểm lại hàng ngũ, trong niềm hy vọng rằng một sự trăn trở sẽ réo gọi những thao thức tương tự. Nhưng liệu người trí thức Việt Nam ngày nay còn có tiềm năng trở về với chức năng của mình sau mấy mươi năm đào nhiệm trước uy thế của các thành phần quan liêu hoặc quân phiệt? Để tìm lại một cương vị xã hội mà đáng lẽ họ chẳng bao giờ được phép đánh mất, bằng sự cố gắng vươn tới kích thước tập thể mà đất nước đang trông đợi.

8
Đối thoại, hòa giải, dấn thân

Xây dựng một xã hội công dân tự chủ, tập hợp lại một dân tộc phân rã,

giành lại chánh quyền cho nhân dân, thúc đẩy tổ quốc cất cánh vào quỹ đạo phát triển... Đó là những nhiệm vụ khổng lồ đang chờ đợi sự tham gia của tầng lớp trí thức Việt Nam trước ngưỡng cửa của thế kỷ thứ 21. Với điều kiện là tập thể này có thể hồi sinh, nhờ sự thoát xác đồng thời của 2 đội ngũ trí thức đối kháng, di sản của những mâu thuẫn của thế kỷ thứ 20 và của những chọn lựa chính trị quốc gia nông nổi. Một sự thoát thai bắt buộc phải vượt qua nhiều giai đoạn thử thách, những yêu cầu khó khăn do tình hình khách quan áp đặt : đối thoại, hòa giải và dấn thân một lần nữa trên một cơ sở khác.

Đầu tiên là yêu cầu đối thoại. Thế giới và cả Việt Nam nữa đã thay đổi sâu sắc từ 1975 và 1990. Bên ngoài, một trật tự thế giới mới đang thành hình, với sự biến mất của đối kháng Đông Tây và sự trầm trọng hơn của mâu thuẫn Nam Bắc. Trong nhà, hiểm họa mất nước hoặc giải thể quốc gia ngày càng hiển hiện song song với cái ý thức rằng thảm trạng của xứ sở ngày nay xuất phát từ sự sụp đổ của cả phe "quốc gia" lẫn phe "cộng sản", nghĩa là từ sự phá sản không cách xa nhau bao lâu của cả 2 chiến lược đấu tranh đã được áp dụng hầu đưa tổ quốc vào thế kỷ thứ 20 : dựa lên chủ nghĩa cộng sản để giành độc lập và làm cách mạng xã hội, dựa lên các chánh quyền tư bản nước ngoài để tranh thủ tự do và kiến thiết đất nước. Đã đến lúc chúng ta cần phải đánh giá lại không nhân nhượng toàn bộ đoạn đường đã qua, và suy nghĩ về một hướng tiến khác.

Tuy nhiên, một cuộc đối thoại chân chính giữa trí thức bao hàm một số điều kiện cần được tôn trọng : sự vất bỏ mọi điều kiêng kị, sự tôn trọng kẻ đối thoại, cố gắng vươn tới kích thước của những vấn đề đặt ra, sự tuân thủ các nguyên tắc luận lý, và một ngôn ngữ trung thực. Nếu dựa vào những gì đã được viết ra từ nhiều năm nay ở ngoài nước, và nhất là từ sau một bài "tự bạch" nóng bỏng, thì con đường đối thoại còn đầy chông gai. Làm sao có trao đổi, khi các vùng đất mà "thiên thần còn sợ giẫm tới" vẫn tồn tại, thái độ trịch thượng còn bàng bạc trong một thứ ngôn ngữ hằn học và lăng mạ, các tâm hồn nhí nhách vẫn ẩn nấp sau những mỹ từ to và kêu. Chỉ có cơ hội cho sự đấu khẩu chính trị thuần túy, khi lối lập luận phổ biến hơn hết - ngoài các thói gán ý, phỏng đoán, trộn lẫn - lại cũng chính là cái thứ "ngụy lý nhân hệ" (20) méo mó nhất.

Trong khi đó, yêu cầu khách quan của tình hình là tiến đến hòa giải. Đây là một đề tài đã được bàn tới khá nhiều vì tầm quan trọng của nó trong sự nghiệp xây dựng lại quê hương. Bước đầu của chính sách hòa giải - hòa giải giữa những con người với nhau - đã được quan niệm và thực hiện từ nhiều năm nay. Cần phải đưa vấn đề lên một mức độ cao hơn : *hòa giải giữa 2 đội ngũ trí thức*, bắt đầu bằng những kẻ dám chấp nhận *"bị ném đá cả từ 2 phía"* (3). Hòa giải khác với quy phục hay chiêu hồi, nó không bao hàm điều kiện là anh phải rời bỏ đội ngũ để nhảy sang phía bên kia, nó đòi hỏi sự tôn trọng quá trình và kinh nghiệm sống của mỗi người trong một tập hợp mới. Nhưng sự hòa giải giữa trí thức không thể chỉ dừng lại trên một tình cảm chung

chung về sự cần thiết của một chủ trương đúng đắn, nó phải tỏa rộng và tiến sâu vào một lộ trình hành động nhằm cô lập các tập đoàn phi dân tộc, cả bên trong lẫn bên ngoài nhà nước chuyên chính hiện nay.

Nghĩa là, rốt cuộc, vẫn trở về với yêu cầu dấn thân. Trí thức không thể chỉ là kẻ biết nói nhưng không dám làm. Thiên chức phê phán ở đây bao gồm cả 3 mặt nhận thức, phát biểu và phấn đấu - nhất là khi truyền thống văn hóa Đông Phương lại luôn luôn gắn chặt "đạo" với "sống đạo". Làm gì có sự giới hạn *"người "trí thức" chỉ tranh luận ý kiến"*, vì *"khi đi vào hành động, họ sẽ bước qua ranh giới của người làm chính trị"* (21) -trừ phi chấp nhận tự giam chung thân trong cái tháp ngà của đôi ngoặc kép, hoặc hiểu chính trị theo cái nghĩa chật hẹp của sự giành giật chánh quyền. Đứng về phía những người bị áp bức chính là tấc lòng của đã hơn một thế hệ trí thức đối với đời, nghĩa là với chính trị trong nghĩa nguyên thủy. Có điều, già hơn một kinh nghiệm đau xót, từ đây họ sẽ biết dè dặt hơn khi được các nhà chính trị mon men đến thân mật vỗ vai, và không quên rằng, bên cạnh quyền đấu tranh chính trị được công nhận cho mọi người, còn có cái bổn phận của riêng người trí thức là phải dấn thân - ngay trong đấu tranh chính trị- trên những giá trị nhân bản.

Một ước mơ, một ngày, phải thành hiện thực. Như tại bao quốc gia tiên tiến khác, một tập thể trí thức Việt Nam hồi sinh sẽ là lương tri của mọi cuộc đấu tranh chính trị ngày mai, dù thuận chiều hay ngược hướng với nhau. Và cái tập thể này chỉ có khả năng hoàn tất nghĩa vụ ấy, mặc dù những khác biệt khác, khi nó hiện hữu tự thân và tự giác, nghĩa là tồn tại như một tầng lớp đặc biệt đồng thời ý thức được đặc trưng của bản thân tầng lớp. Không phải như một đảng phái chính trị đã đành, nhưng cũng không phải như một giai cấp (22) hoặc bộ phận của một giai cấp - bởi vì trong trường hợp đó, nó sẽ có quyền lợi riêng tư để đe dọa tinh thần phê phán. *Trí thức chỉ có thể là một loại người đặc thù, vì là thành viên của một tầng lớp xã hội không kém đặc biệt, với một chức năng tập thể đã và chỉ được ký thác trong một thứ tuyên ngôn không thành văn bản : xuất thân từ mọi giai tầng xã hội, để bảo vệ và tôn vinh những giá trị cao đẹp và vĩnh cửu của loài người trên xứ sở mình.*

PHẠM TRỌNG LUẬT

CHÚ GIẢI VÀ THƯ MỤC

(01) Tác giả phân biệt, dưới khái niệm "cuộc chiến tranh 30 năm ở Đông Dương", cho đến năm 1977 : 1) trong khuôn khổ của lịch sử thế giới, "cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ I" (1946-1954), "cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ II" (1965-1973) ; 2) trong khuôn khổ của lịch sử địa phương, "cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ I" (1945-1954), "cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ II" (1959-1973), "cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ III" (1973-1975), "cuộc chiến tranh Campuchea" (1970-1975), cuộc chiến tranh

ở Lào chỉ được xem như một phó sản của các cuộc chiến tranh Việt Nam. Dĩ nhiên, đây chỉ là một quan điểm. Xem : Russell H. Fifield, "The thirty years war in Indochina : a conceptual framework", *Asian Survey*, tập 17, số 09, 1977, tr. 857-879.

(02) Dương Thu Hương, "Cốt lõi của cải cách xã hội", *Đoàn Kết*, 05/1990, số 423, tr. 39-41.

(03) Dương Thu Hương, "Tự bạch về Tiểu thuyết vô đề", *Diễn Đàn*, số 06, 03/1992, tr. 22-26.

(04) Dương Thu Hương, "Tự kiểm điểm: tôi đã phạm tội nhẹ dạ và cả tin." *Đoàn Kết* số 428, 11/1990, tr. 33-376. Đọc và so sánh với bài trên.

(05) Dương Thu Hương, "Lại phải nói tới vài điều ông Nguyễn Thanh Hà nói lại", *Đoàn Kết*, số 411, 03/1989, tr. 36-37.

(06) Dương Thu Hương, "Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức", *Đoàn Kết*, số 399, 02/1988, tr. 34-35.

(07) Dương Thu Hương, "Chức năng nhận thức và trách nhiệm công dân của nhà văn", *Đoàn Kết*, số 419, 12/1989, tr. 40-41.

(08) Trần Dần, "Nhất định thắng" và "Hãy đi mãi". *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc.*

(09) Luận điệu rất phổ biến trong suốt thời kỳ chiến tranh ở miền Nam, và ngay cả bây giờ trong một giới chính trị nào đó tại hải ngoại.

(10) Những nhận định đầy phẫn nộ về ĐCSVN trong bài này có thể làm nhiều người khó chịu. Thật ra, chúng chỉ liên quan đến cái chánh đảng đã cầm quyền trên cả nước từ 1975, cụ thể là các cấp lãnh đạo Đảng, và hoàn toàn không nhắm vào thành phần "đảng viên bình thường" đã hiến dâng cả cuộc đời cho cách mạng để rồi cuối cùng vẫn bị cấp lãnh đạo phản bội hoàn toàn.

(11) Trần Văn Giàu, "Nguyên nhân chủ yếu của sự lạc hậu về khoa học xã hội là do sự lãnh đạo của Đảng", *Đoàn Kết*, số 408, 12/1988, tr. 26.

(12) Nguyễn Minh Châu, "Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn vănnghệ minh họa", *Đoàn Kết*, số 399, 02/1988, tr. 32-34.

(13) Nguyễn Văn Huy, "Trường hợp Dương Thu Hương", *Thông Luận*, số 48, 04/1992, tr. 10. Trần Bình Nam, "Hiện Tượng Dương Thu Hương", *Diễn Đàn Thanh Niên*, trích đăng trên *Thông Luận*, số và tr. đã dẫn.

(14) *"Trí thức được định nghĩa là người trách nhiệm ; không do một kiến thức, một niềm tin, một học thuyết, hay một khả năng nào, mà bởi một ý chí" ("Responsable, ainsi se définit l'intellectuel ; non en raison d'un savoir, d'une croyance, d'une doctrine, non à cause d'une compétence, mais en fonction d'une volonté").* Xem : Francois Chatelet, "Intellectuel et société", *Encyclopaedia universalis*, p. 1249-1252.

(15) Phùng Quán, "Lời mẹ dặn". *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc.*

(16) Khiêu Sâmphan, *L'économie du Cambodge et ses problèmes d'industrialisation.* Pari, 1960.

(17) Karl Marx, *Thèses sur Feuerbach*. (1845).

(18) Dân tộc Anh biết trọng truyền thống và các vĩ nhân của họ, nhưng cũng yêu dân chủ và biết nhìn tới tương lai. Churchill là một vị anh hùng của nước Anh trong cuộc thế chiến thứ hai. Nhưng khi người hùng không thành công trong thời bình, người dân Anh đã bỏ phiếu mời ông về vườn. Chẳng ai có thể nhân danh cái gì để đòi hỏi nhân dân VN phải còng lưng gánh chịu từ gần 20 năm nay, sự ngu dốt và bất lực của một ông "Thánh Dỏm" mạo xưng là "Thánh Dóng" ?

(19) Quan điểm thường được trình bày trên nguyệt san *Thông Luận*. Đặc biệt trong bài của Phạm Ngọc Lân, "Một Tập Hợp Dân Tộc Mới". *Thông Luận* số 12, 01/1991, tr. 4-7.

(20) *"Ad hominem"* là loại nguỵ lý theo đó, một mệnh là đúng hay sai không do ở sự đối chiếu với thực tại, mà do ở người nói. Nhiều người, để bác bỏ bản "Tự bạch", bỗng dưng "phát hiện" ra rằng : DTH là cò mồi chính trị (hoặc của ĐCSVN, hoặc của ngoại bang), một nhà văn tầm thường, và ngay cả một phụ nữ không nhan sắc !

Chúng ta sẽ biết tôn trọng người đối thoại khi nào bản thân ta chấp nhận được 2 sự thực đơn giản : 1) sự đồng ý hoặc bất đồng ý với nhau thường chỉ có thể đạt tới trên một hay nhiều điểm, chẳng bao giờ trên tất cả mọi điểm ; 2) địch thủ sai (đúng) chưa có nghĩa là ta đúng (sai). Sự đả đảo hay tung hô, lúc đó vô nghĩa, sẽ nhường chỗ cho đối thoại.

(21) Ng. V., "Trí thức", *Diễn Đàn*, số 06, 03/1992, tr. 11.

(22) Có người xem tầng lớp trí thức như một giai cấp và khẳng định sự tồn tại của một *"giai cấp trí thức nho giáo"*, mang đủ tính chất *"tự nó và cho nó"* như một *"giai cấp chức vụ"*. Một, định nghĩa này hình như chỉ giới hạn vào thiểu số hiển nho (quan lại) ; trong trường hợp đó, nó bỏ ra ngoài cái đa số hàn nho và vai trò xã hội vô cùng quan trọng của thành phần này. Hai, nếu nó bao gồm cả 2 thành phần, khó lòng xem tập hợp này như một giai cấp: hiển nho và hàn nho không cùng chia sẻ những điều kiện sống giống nhau về vật chất, mặc dù có chung một hệ tư tưởng ; nhưng hệ tư tưởng trở thành tiêu chuẩn chính để định nghĩa giai cấp từ hồi nào ? Xem : Trịnh Văn Thảo, "Những Cái Cầu Sắp Sập", *Thông Luận*, số 50, 06/1992, tr. 10-12.

CHÚC MỪNG

Ban Chủ Trương HỢP LƯU chúc mừng

nhà văn **PHAN TẤN HẢI**
và chị **BÙI LỆ DUNG**

hạnh phúc bền lâu.



LAM SƠN

bản chất của sự tự do và tập quán tự do

Trong khi chủ nghĩa Maxit Léninit đã vô hình trung tự thú nhận sự thất bại của nó trong việc xây dựng một mô hình xã hội hiện thực tốt đẹp mà nó tuyên hứa, đồng thời làm mất lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân nó đã từng thu hút trong một giai đoạn lịch sử, đặc biệt đối với tầng lớp gọi là trí thức, tiến bộ, thì chủ nghĩa tư bản dân chủ vẫn chưa sản sinh ra một mẫu mực, một tuyên ngôn nào của con người mới để có thể thay thế, thỏa mãn được những khát vọng vật chất và tinh thần trong một thế giới đang bị phân tán vì những tranh chấp dân tộc, biên cương.

Ngày nay, người ta nói đến sự thắng thế của khuynh hướng tự do dân chủ, coi như một biểu tượng phát triển của nhân loại chuẩn bị bước vào thế kỷ 21. Nhưng người ta cũng đang tranh luận: bản chất thực sự của tự do dân chủ là gì? Trước một thế giới càng ngày càng thu hẹp và đang bị các giới truyền thông đầy quyền lực hướng dẫn, nhân loại có thể bị đưa vào những huyền thoại hào nhoáng để rồi rơi vào tuyệt vọng hay không? Hay phải cần đến một trật tự mới của thế giới như Tổng Thống Goerge Bush của Hoa Kỳ đang hô hào, mặc dù những tiền đề xây dựng trật tự đó chưa được định nghĩa rõ rệt.

Gần đây, nhiều học giả chính trị đưa ra khái niệm vận dụng các năng lực tư nhân và trách nhiệm có tính tự nguyện của một nền dân chủ tư sản để ngăn chận các vấn nạn xã hội, văn hóa đang suy đồi, các vấn nạn mà không một chính phủ nào có thể can thiệp, giải quyết được. Họ muốn nói đến khái niệm tự do, và bản chất của tự do với ba hoặc bốn yếu tố xuất hiện đồng bộ và có tính xác quyết:

- Tự do bắt nguồn từ một truyền thống tinh thần không thể tách rời được, và cội rễ của nó là lòng tin vào Thượng Đế.
- Cách bảo vệ tự do hữu hiệu nhất là tôn trọng tuyệt đối quyền tư hữu của mỗi cá nhân.
- Chính quyền tự bản chất đều có khuynh hướng áp đảo tự do cá nhân, như thế bộ máy công quyền phải được tổ chức càng nhỏ, và càng ít can thiệp vào hoạt động cá nhân càng tốt.
- Quyền lợi, kể cả quyền thực thi tự do báo chí, phải có một trách nhiệm và một bổn phận có thể giải thích được, không những bằng luật pháp, mà còn phải bằng những giá trị đích thực. “Quyền lợi mà không trách nhiệm” chỉ là đặc quyền của một bọn ma cô chính trị trải qua các thời đại, như nhận định của Stanley Baldwin.

Thật ra, cũng không có gì mới lạ trong khái niệm trên, chủ nghĩa tự do tuyệt đối đã được khởi xướng từ Aristote đến John Locke, Jeremy Bentham, Hayek và Friedman. Nhưng căn bản của chủ nghĩa này đã được trích mượn từ những khẩu hiệu hấp dẫn như Tự Do, Bình Đẳng, Huynh Đệ trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền năm 1789 của Pháp hơn là xuất phát từ những tín điều phức tạp nhưng thực tiễn như tự do trong sự đa diện, dân chủ tư sản và trách nhiệm cá nhân: mỗi gia đình vì cộng đồng, mỗi việc làm vì đất nước.

Tuy nhiên, khi nhấn mạnh đến tính tuyệt đối trong tự do, con người thường có khuynh hướng đi quá trớn khiến xã hội lâm vào tình trạng rối loạn mà nhiều người gọi là tình trạng vô chính phủ. Phủ nhận những yếu tố trên, một khuynh hướng mới xuất hiện với mục tiêu nhằm điều tiết xã hội. Khuynh hướng này chủ trương nhà nước, chính quyền phải can thiệp vào mọi mặt của đời sống xã hội, hầu tái lập trật tự dưới ngọn cờ "xã hội chủ nghĩa". Để đạt được cứu cánh này, một huyền thoại về tính tập thể được khai sinh.

HUYỀN THOẠI CỦA TÍNH TẬP THỂ

Khái niệm "tính tập thể", trải qua mấy thập niên, đã xâm nhập vào ngôn ngữ chính trị và ngự trị trong đầu óc của nhiều giới trí thức Tây Phương, đặc biệt sau thế chiến thứ hai. Nó như một loại nấm độc, một thứ vi trùng truyền nhiễm, lây lan hầu như khắp hoàn cầu.

Huyền thoại của tính tập thể nằm ở cụm từ "Công Lý Xã Hội". Nhóm chủ trương "tập thể" cho rằng công lý và xã hội có tính công bình hơn công lý dành cho một cá nhân, rằng giai cấp quan trọng hơn nhân dân nói chung và lợi tức xã hội phải trên lợi tức mỗi người. Những người xã hội chủ nghĩa, dựa vào huyền thoại tập thể, đưa ra khẩu hiệu tối cao: "Các quyền của tập thể phải và sẽ thắng những quyền của mỗi cá nhân công dân, và "mỗi người vì mọi người".

Kinh nghiệm biện chứng đã chứng minh rằng đó là một huyền thoại nguy hiểm và vô nghĩa. Khi tham gia vào một hội đoàn, một nghiệp đoàn hay một đảng phái chính trị nào, thì tập thể đó đương nhiên sẽ có nhiều quyền hành hơn, nhiều khả năng hơn bất cứ một cá nhân hội viên đơn lẽ nào. Điều chắc chắn là tập thể đó sẽ không ban phát cho cá nhân thành viên quyền hành rộng rãi hơn nó. Không một giai cấp nào hay thành phần xã hội nào có quyền chống lại hoặc có quyền đứng trên các thành phần xã hội khác. Thật vậy, khi cho rằng với quyền tập thể, để có ý nghĩ rằng chỉ có một số ít người trong tập thể đó mới có quyền thụ hưởng trong khi một số đông không có quyền, chỉ có một số ít người có quyền cao hơn người khác, hậu quả tệ hại là số ít đó sẽ tìm cách tiêu diệt mọi quyền của số đông.

Để dễ hiểu hơn, người ta có thể nhìn vào phương thức thực hiện huyền thoại tập thể, xem thành quả và hậu quả như thế nào. Ví dụ cụ thể nhất là tại các nước xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Sô.

Trong một thời gian dài hơn bảy mươi năm, những người lãnh đạo Cộng Sản Liên Sô đã tạo ra huyền thoại tập thể, họ đã thành công trong việc xây dựng một nhà nước. Họ đã nhân danh "nhân dân" để làm chủ và quản trị mọi tài nguyên quốc gia, mọi phương tiện sản xuất, lực lượng sản xuất, phân phối và trao đổi. Mọi quyền đều được gọi là quyền tập thể. Mọi công lý đều là công lý xã hội. Mọi tài sản đều là tài sản nhà nước, tài sản nhân dân. Kết quả? Có thể nói chỉ cần qua một đêm, lý tưởng tập thể hóa đã biến thành một chế độ độc tài nhất thế giới. Công nhân vô sản trở thành chủ nhân tập thể xí nghiệp. Nông dân vô sản được hứa hẹn ban cho đất đai, ruộng vườn và tự do. Cuối cùng, họ nhận được "hai ông Lenin và Stalin". Giấc mộng của một nhà nước giải phóng dân bị áp bức, san bằng bất công và nghèo đói, tạo lập hòa bình, đem lại tình huynh đệ, đại đồng, trở thành một thực tế đau thương, trong đó tuyệt đại đa số nhân dân Liên Sô, từ thế hệ này sang thế hệ khác, kéo lê kiếp sống cơ cực, lạc hậu, thua kém xa thế giới tư bản chủ nghĩa Tây Phương. Giải phóng xã hội chủ nghĩa có nghĩa là sát nhập các nước Ukraine, Georgia, các nước Baltics vào Liên Sô, có nghĩa là tiêu diệt luôn sự tự do tối thiểu của dân Nga đã có được dưới thời đại Nga Hoàng. Xã hội chủ nghĩa hiện thực đã đưa đến sự xóa bỏ mọi hình thức sáng tạo, mọi hình thức tự do phát biểu tư tưởng trong viết lách, hội họa, âm nhạc... Tất cả đều phải theo một khuôn mẫu nhất định, có tính nhân dân, có tính xã hội chủ nghĩa.

Bất cứ hành vi nào, ý nghĩ hay tư tưởng nào, va chạm đến huyền thoại tập thể đều bị lên án, cấm đoán và bị gán cho tính cách phản động, phản cách mạng, đi ngược quyền lợi nhân dân. Mọi sự lên án, cấm đoán đều được thi hành nhân danh "nhân dân". Tòa án nhân dân, công tố nhân dân, kiểm sát nhân dân được lập nên để bắt nhốt xét xử nhân dân không đồng ý với "tập thể". Xí nghiệp nhà nước quốc doanh được lập ra để cấm đoán nhân dân hành nghề riêng tư, dành độc quyền cho những người chủ xướng huyền thoại tập thể. Tất cả được trình bày như những cơ phận của một nền dân chủ tập trung và chuyên chính vô sản.

Tiến bộ và sáng tạo hơn, người Cộng Sản Việt Nam đưa ra khẩu hiệu: "Đảng lãnh đạo, Nhà Nước quản Lý, Nhân Dân làm chủ tập thể". Sau này, để tránh bớt sự bất mãn của những ông chủ tập thể, đảng đã bỏ đi hai chữ tập thể trong khẩu hiệu trên.

Bây giờ người dân các nước xã hội chủ nghĩa đã bừng tỉnh, lôi cuốn luôn sự bừng tỉnh của nhiều giới trí thức Tây Phương. Trước đây hơn trăm năm, nhà chính trị quí tộc Pháp Alexis de Tocqueville đã đưa ra một nhận xét chính xác: "Thể chế dân chủ và xã hội chủ nghĩa không có gì giống nhau trừ một chữ: bình đẳng. Nhưng phải lưu ý đến sự khác biệt của chữ đó. Trong khi *thể chế dân chủ mưu tìm bình đẳng trong tự do thì chủ nghĩa xã hội mưu tìm bình đẳng trong áp chế và nô lệ*".

PHẢI CHĂNG BẢN NĂNG TỰ DO ĐÃ MẤT

Hãy lấy thí dụ một con chuột bạch. Ta thử nhốt nó vào một cái lồng trong một thời gian dài để nó quen sống tự do trong môi trường chật hẹp đó. Nó muốn làm gì cũng được trừ việc không được phép chạy ra khỏi chiếc lồng. Lâu ngày, chiếc lồng trở thành nơi chốn duy nhất an toàn cho bản thân nó. Một buổi đẹp trời, ta thử mở cửa lồng và quan sát. Điều gì xảy ra? Con chuột sợ hãi, nhìn dáo dác, không dám phiêu lưu bước khỏi lồng. Mãi một lúc sau, với những bước chân dọ dẫm, nó bò chậm ra ngoài và bắt đầu chạy đi tìm... tìm một mẩu bánh, một miếng phó-mát mà nó thèm thuồng. Cuối cùng nó chạy trở vào lồng. Thay vì hưởng cảnh thoát củi sổ lồng, sống đời tự do, con chuột tự nguyện chọn lựa cuộc sống giam cầm.

Thí nghiệm trên cho thấy giống vật có thể mất bản năng tự do nếu bị điều kiện hóa.

Con người có như vậy không? Một quốc gia, một dân tộc có mất bản năng tự do không?

Hãy lấy thí dụ nước Anh vào thời Đảng Lao Động cầm quyền - thập niên 60. Họ tổ chức một guồng máy hành chánh to lớn, cồng kềnh, áp dụng chính sách quốc hữu hóa kỹ nghệ. Nhà nước chiếm hết hai phần ba tổng sản lượng quốc gia, khu vực tư nhân chỉ chiếm một phần ba còn lại. Hơn 30% lợi tức của dân Anh và gần phân nửa lợi tức của các xí nghiệp, công ty tư nhân đều bị nhà nước tước mất qua chính sách thuế khóa. Lúc ấy bà Margaret Thatcher, một đảng viên đảng Bảo Thủ, mô tả tình trạng nước Anh bằng câu nói danh tiếng: "Khi đảng lao động lên nắm quyền, thì con ngựa (khu vực tư) lớn hơn, mạnh hơn và nặng hơn người cởi ngựa (nhà nước). Bây giờ người cởi ngựa lại nặng gấp ba lần con ngựa". Một nhà nước khi đã làm phình rộng, làm cồng kềnh bộ máy cai trị, tự nó đã tạo ra sợi dây thắt cổ khó tháo gỡ. Lập pháp tạo thêm luật lệ để trói buộc người dân, hệ thống thư lại tuyển thêm thư lại... mỗi mỗi cơ quan đều phình rộng ra, ngày càng lớn, càng cồng kềnh thêm. Với tình trạng như vậy, khu vực tư ở vào tình trạng suy yếu nghiêm trọng, nhưng nó vẫn ráng sống còn, và co rút lại, chỉ còn một khối nhỏ, mất tinh thần, không sáng tạo nổi nữa để vươn lên, giống như một người đang hưởng tự do, bị đe dọa, bị cưỡng chế phải ưng thuận để bị tước mất tự do riêng tư của mình.

Nhìn vấn đề trên một bình diện khác, tình hình nước Anh bấy giờ không khác những nước Đông Âu như Ba Lan, Hung Gia Lợi trước đây. Càng ngày dân chúng bị thu hút vào các khu vực lao động của nhà nước. Nhà trường, gia cư, y tế, hưu bổng, bảo hiểm, các xí nghiệp quốc doanh... cái gì cũng của và do nhà nước độc quyền quản trị. Người dân sa vào guồng máy nhà nước đến độ họ mỗi lúc mỗi trở nên lệ thuộc và không còn ham thích làm việc cho các xí nghiệp không thuộc quốc danh. Họ hình như bị "điều kiện hóa" và thụ động chấp nhận "cái lồng" do nhà nước tạo ra. Nhìn hiện tượng, dễ có cảm

tưởng khả năng đề kháng, đấu tranh của người dân đã bị thui chột.

Trường hợp nước Anh, chính bà Thatcher, sau khi thắng cử trước đảng lao động và trở thành thủ tướng, đã tạo ra một chiến tích lịch sử. Bà đã đảo lộn được tình thế bằng cách "làm phiền lòng" đồng bào của bà: dẹp đi cái lồng của đảng lao động, trả lại tự do cho họ vào giai đoạn thích hợp nhất. Từ đó, người dân Anh đã tìm lại sự sáng tạo, sự khích thích để phát triển, lấy lại uy thế của một cường quốc Châu Âu và thế giới.

Trường hợp các quốc gia Đông Âu, cái tập thể lớn "hình như bị điều kiện hóa" và mất đi "khả năng đề kháng, đấu tranh" kia đã vùng dậy, giành lại quyền chủ động, tạo nên những biến động ngoạn mục, làm thay đổi cả cục diện thế giới trong thời gian vừa qua.

Như vậy, bản năng tự do của con người cũng như của một quốc gia là tự nhiên. Nó chỉ bị kiềm chế vì bị áp bức, nhưng nó sẽ hồi sinh nếu được giải thoát. Nó không bao giờ bị hủy diệt khi con người còn, quốc gia còn. Hai trăm năm trước ông John Stuart Mill đã khuyên những người tuyên dương và yêu chuộng tự do như sau: "Một dân tộc có thể yêu chuộng tự do hơn, nhưng nếu vì biếng nhác, hờ hững, khiếp nhược hay thích tinh thần chung chung, sanh nạnh trong những nỗ lực duy trì chính quyền tự do ấy, thì họ sẽ không còn hưởng được tự do nữa".

Cuộc đảo chánh ngày 19 tháng 8, 1991 của phe bảo thủ, giáo điều trong đảng Cộng Sản Liên Sô đã thất bại, ngoài những yếu tố chủ quan của phe đảo chánh, phần lớn đều do ý chí bảo vệ tự do mà nhân dân Nga lần đầu tiên hưởng được, sau hơn 70 năm bị tước đoạt và sau khi ông Gorbachev cho thi hành chính sách tái cấu trúc (perestroika) và cởi mở (glasnost).

Phải nhìn nhận rằng trong buổi giao thời, thể chế dân chủ chưa được phổ biến sâu rộng và thực thi đúng mức, kinh tế tiếp tục suy thoái gần đến chỗ sụp đổ, làm người dân Nga mất niềm tin vào chế độ dân chủ. Nhưng không vì thế họ chấp nhận từ bỏ sự tự do để đổi lấy miếng "bánh mì" trong cảnh cá chậu chim lồng trở lại. Thất bại của phe đảo chánh cũng chỉ vì muốn tước bỏ tự do của nhân dân. Và nhân dân Moscov phải bảo vệ ông Boris Yeltsin chỉ vì họ muốn bảo vệ biểu tượng của tự do họ vừa dành được.

TẬP QUÁN TỰ DO

Như trên đã nói, bản năng tự do là một bản năng tự nhiên. Như vậy, cần phải xác quyết rằng:

- Tự do phải được xem và sử dụng như một tập quán, một tập quán cần được học tập và thực thi, cần có không khí tươi mát, sử dụng thường xuyên, nếu không muốn nó bị tước mất đi.
- Không có một luật tắc tự nhiên, bất biến nào cho rằng chỉ có ở các nước Tây Phương mới có một xã hội tự do tồn tại. Một xã hội tự do có thể chết hoặc chết oan uổng do sự xâm lăng từ bên ngoài hoặc mầm mống độc tài từ bên

trong, do kinh tế thất bại hay do suy nhược chỉ vì tinh thần biếng nhác và mất đi ý thích sống tự do.

- Có tự do mới nói đến dân chủ. Dân chủ sẽ không bảo đảm được trừ khi người dân tự do có óc nhận thức rõ ràng và có ý chí chính trị để đánh bại tất cả những cuộc tấn công chống lại thể chế dân chủ từ bên trong lẫn bên ngoài.

- Tự do cũng không thể tồn tại nếu để cho mọi cuộc xâm lăng kéo dài mà không bị trừng phạt, nếu nền pháp trị bị những kẻ tuyên hứa bảo vệ bỏ rơi nó.

- Tự do đòi hỏi sự cảnh giác cao độ, đòi hỏi nhiều thiện chí hy sinh, thà chấp nhận tổn hại ngày nay còn hơn để mang hận và tổn thất nhiều hơn gấp bội ngày sau.

- Quyền tự do cá nhân phải được phát triển theo nhịp phồn thịnh của đất nước. Muốn được vậy, mọi tham vọng cá nhân đều phải nhằm vào việc gia tăng tài sản quốc gia, sản xuất nhiều sản phẩm mới, kỷ thuật mới, theo một cơ chế tranh đua để mở rộng phạm vi tự do chọn lựa sản phẩm, dịch vụ và công việc làm. Đó là mục tiêu của thị trường tự do mà các nước Tây Phương đã thực hiện từ lâu.

- Tự do cá nhân chỉ được bảo đảm chắc chắn khi quyền tư hữu, vốn tư hữu được bảo đảm hữu hiệu và có tính cách phổ biến. Nó phải là một biểu tượng rõ ràng và là một căn bản cho tinh thần con người: ý thích có, được, giữ gìn và trao lại cho con cái họ những thứ gì mà họ đã thủ đắc do công sức họ bỏ ra.

Muốn được như vậy, cần phải nhấn mạnh đến hai điều quan yếu:

1. Không một chính quyền nào, một nhân viên chính quyền nào cũng như một cơ quan cầm quyền nào hoặc xí nghiệp quốc doanh nào có quyền giảm bớt quyền thủ đắc của người dân, của người tiêu thụ, chỉ trừ trường hợp đặc biệt vì những mục tiêu giới hạn nhằm vào lợi ích công cộng.

Chỉ có tự do đích thực khi một quốc gia bảo vệ được những quyền của cá nhân chống lại sự lạm quyền của các cơ chế tập thể, kể cả nhà nước, bằng hiến pháp và bằng một hệ thống luật pháp rõ ràng được giải thích chặt chẽ.

2. Mọi công dân, đặc biệt là giới trẻ, cần được nhắc nhở rằng nơi nào nhà nước chiếm lĩnh hoặc độc quyền quản trị, và qui định phần lớn tài sản quốc gia, đặc quyền cho giới chính trị hoặc giới cầm quyền, thì nơi đó không có tự do đích thực.

Tự do đích thực chỉ có ở nơi nào mà tuyệt đại đa số công dân tự do làm chủ, quản trị tài sản xã hội và được bảo vệ bằng hệ thống luật phát chống lại sự chiếm đoạt một cách chuyên chính các quyền trên tài sản của cá nhân. Mỗi cá nhân có quyền giữ gìn sự độc lập, sự riêng tư, có thể thay đổi chỗ làm, đi lại, và quan trọng nhất *có quyền không đồng ý với những người lãnh đạo của họ*.

Tin tưởng, tranh đấu cho tự do đích thực chỉ là lấy lại bản năng tự do, chỉ là trả lại quyền bẩm sinh của mỗi người mà Thượng Đế đã ban cho. Tự do

không phải do ai ban phát, và cũng không ai phải đi mua tự do. Tự do không phải là một đặc ân, mà là một quyền tự nhiên của con người. Nhiều khi cái giá của tự do phải trả bằng nước mắt, bằng máu và cả bằng sinh mệnh con người.

Một khi tự do đã trở thành tập quán, đã có căn bản vững chắc, được phổ biến và tôn trọng, những giá trị và quyền lợi khác về chính trị và kinh tế đương nhiên sẽ nối bước xuất hiện.

Tuy nhiên, tự do chỉ có một giới hạn duy nhất: nó phải đi đôi với trách nhiệm và bổn phận. Không thể tuyệt đối hóa tự do, tuyệt đối hóa cá nhân để quên đi quyền lợi cộng đồng, tập thể, khiến xã hội đi vào tình trạng rối loạn mà nhiều người gọi là vô chính phủ. Nhưng cũng không thể nhân danh bảo vệ trật tự, ổn định tình hình chính trị mà nhà nước có quyền bóp nghẹt tự do cá nhân.

KẾT LUẬN

Những nhà lãnh đạo các nước vừa cởi bỏ xã hội chủ nghĩa Maxit Leninit và những thế lực dân chủ tư bản chủ nghĩa đã cổ vũ và khuyến khích vận động làm tan rã hệ thống cộng sản quốc tế, đều có chung một quan niệm: phản đề của chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội Maxit Leninit phải là chủ nghĩa tư bản, dân chủ và kinh tế thị trường.

Trong những năm cuối cùng khi sự tan rã của khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu xem như một sự kiện không thể đảo ngược được, đa số các nhà lãnh đạo các nước Đông Âu và Liên Xô cũ dường như chú trọng nhiều đến khía cạnh dân chủ, như một giá trị, một cứu cánh thiết yếu cho những quốc gia lạc hậu, chậm tiến và chịu đựng sống quá lâu dưới một hệ thống chính trị áp bức, độc tài. Họ vội chụp lấy chủ nghĩa tư bản, ôm lấy các lý thuyết về kinh tế thị trường tự do, coi như những khuôn mẫu cần thiết để thay thế cái cũ đang tồn tại; để rồi sau hai năm họ phải loay hoay trong màn lưới mù mịt của chủ nghĩa tư bản, của kinh tế thị trường tự do.

Thật ra, tư bản chủ nghĩa không phải là một hệ thống chính trị, nó chỉ là một hệ thống kinh tế, dựa vào thể chế chính trị dân chủ và kinh tế thị trường để phát triển. Hơn nữa ba yếu tố tự do, dân chủ, tư bản chủ nghĩa có những tương quan khắn khít. Đó là lý do tại sao người cộng sản coi chủ nghĩa tư bản là mặt đối lập chính yếu của họ. Tuy nhiên, ba yếu tố tự do, dân chủ và tư bản chủ nghĩa không đồng tính chất. Trong bất kỳ một cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, các nhà lãnh đạo thường tìm một mẫu mực nào đó có thể cho họ nhiều cơ may để ổn định được tình hình hoặc để vượt qua sự khủng hoảng. Chính trong lúc tìm kiếm cơ may này, sẽ sản sinh ra một khác biệt to lớn về hướng đến tùy thuộc vào những mục tiêu mà các nhà lãnh đạo nhắm vào để đạt được. Và chính vì vậy, cơ may hay vận rủi của một quốc gia, một dân tộc tùy thuộc vào một chớp nhoáng của sự chọn lựa khác biệt trên.

Kinh nghiệm cho thấy tại các nước đang phát triển thuộc khối thế giới thứ ba, thể chế dân chủ kiểu Tây Phương được áp dụng chưa hẳn đã hoàn toàn tốt đẹp, nếu không có những yếu tố quan trọng khác kèm theo, nếu chưa có những chuẩn bị cần thiết làm căn bản cho thể chế dân chủ mọc rể, nẩy mầm. Như vậy, không cần thiết chê bai hay tán dương thái quá thể chế dân chủ như nhiều người đã làm. Vấn đề chính yếu là các quốc gia mới thoát được ách độc tài, kềm kẹp dù tả hay hữu nên dồn hết nỗ lực, tập trung vào việc phát triển tự do, một sự tự do có trách nhiệm. Một khi tự do đã có cơ sở, gốc rễ được phổ biến và tôn trọng, đã trở thành một tập quán, những giá trị và quyền lợi khác về kinh tế và chính trị sẽ đương nhiên nối bước theo sau.

Kinh nghiệm cho thấy, tuy khẩu hiệu tự do dân chủ với bầu cử tự do được hoan nghênh và xem như tiêu biểu cho một thể chế dân chủ, người dân sống trong các nước độc tài, chuyên chế, đảng trị mong muốn tha thiết nhất lại là sự tự do. Họ mong muốn được thoát củi xổ lồng, muốn được tự do phát biểu tư tưởng, tự do ấn hành sách báo, tự do ngôn luận, tự do thông tin, tự do tín ngưỡng và tự do phản đối những lạm quyền bất công xâm phạm tự do cá nhân, tự do hội họp. Họ muốn tự do có quyền tư hữu do công sức lao động của họ làm ra và tự do quyết định sự sử dụng nó. Họ muốn được tự do sản xuất và bán những sản phẩm theo sự ưng ý của họ càng ít có sự can thiệp thô bạo chừng nào của nhà nước càng tốt.

Kinh nghiệm cũng cho thấy khuynh hướng chung của người dân vừa thoát củi xổ lồng độc tài áp bức thường đi từ cực này sang cực khác, nghĩa là đi đến tự do quá trớn, quá đà. Chính cái quá đà này sẽ là mầm mống gây ra hỗn loạn đi đến mất trật tự xã hội và cũng là mầm mống sinh ra nạn độc tài. Đó là một cái vòng lẩn quẩn phải tránh.

Tự do có trách nhiệm và bổn phận trong một chế độ dân chủ là một giá trị quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện dân chủ. Không ai phủ nhận dân chủ là đầu mối của nhiều giá trị khác. Nhưng dân chủ tự thân nó cũng có những khuyết tật như sự "tàn nhẫn của đa số" mà ông Tocqueville đã đề cập đến. Một câu phát biểu của cố thủ tướng Anh Winston Churchill có một giá trị đặc biệt: "Thể chế dân chủ là thể chế xấu nhất trong các hệ thống chính trị, ngoại trừ những thứ xấu xa khác. Dù xấu, nó cũng còn tốt hơn cả trăm ngàn lần thể chế tập trung dân chủ".

Nhưng không thể nhân danh trách nhiệm và bổn phận mà hạn chế gắt gao tự do cá nhân. Không thể nhân danh tập thể, một nhóm để tự mình vẽ ra khuôn khổ của tự do, đi ra ngoài khuôn khổ ấy là bị lên án, bị chỉ trích.

Tự do cũng không thể chỉ vì mình, vì cá nhân của mình, buộc người khác phải theo ý kiến của mình, nghĩa là chỉ nghĩ đến tự do của bản thân, quên đi tự của người khác.

Chừng nào người ta ý thức được bản chất của sự tự do và tự do trở thành một tập quán, chừng đó mới có tự do đích thực

LAM SƠN



PHẠM THỊ HOÀI

man nương

Man nương, tôi gọi em như vậy những buổi chiều bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ trong căn phòng trống rỗng tầng ba có hai nhành xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên.

Man nương, em không rón rén nhưng cũng không thật đàng hoàng băng qua một hành lang dài bếp dầu xô chậu và guốc dép vãi như kẹo trước mỗi cửa phòng nào cũng bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét màu xanh lơ.

Trước cửa phòng tôi chỉ có một đôi dép nhựa tái sinh nâu thô kệch cỡ bốn mươi sáu là ít nhất. Động tác đầu tiên của em là cúi nhón đôi giày tràn trề nữ tính vừa trút ngoài cửa vào theo, đặt chính xác ở góc càng mở cửa càng tàng hình. Rồi mới úp mặt vào ngực tôi mở sẵn, rồi hai bàn chân trần tìm trèo lên hai chân tôi cũng đã mở sẵn em có thêm năm centimet bệ đỡ để nhích úp mặt vào cổ tôi, rồi hai cánh tay tìm ghì lên vai tôi để em đu úp mặt vào mặt tôi, thế là tới đích.

Man nương, những buổi chiều từ hai giờ đến bốn giờ tôi gọi em như vậy, từ hai giờ đến bốn giờ nắng quái ác tôi chỉ có một chiếc quạt ba mươi nhăm đồng cực kỳ tế nhị muốn đặt kiểu gì nó cũng tự xoay vào tường, hơn nữa từ hai giờ đến bốn giờ thành phố chưa có điện. Tôi đóng tất cả cửa sổ, mong ánh sáng cũng được tế nhị như cái quạt. Vì sao? Man nương, em và tôi chúng ta không phải nhân vật chính trong tiểu thuyết bán chạy nhất. Điều đó đã rõ ràng. Tôi là một người đàn ông chỉ có chiều cao là chiều cao không gỡ lại được gì. Khẳng khiêu, nhan nhản xương, đốt nọ đốt kia, nhiều tới mức chính tôi cũng chẳng buồn xem chúng có được một hài hòa trật tự nào đó chăng. Chúng không có. Em đã nhìn thấy. Em còn nhìn thấy chỗ khuỷu tay tôi chỗ bẹn chỗ hai tay chảy xuống toàn là nhăn nhó. Còn chỗ ấy là một cục xám nâu thảm hại không đáng một cái liếc mắt của trường phái nạ dòng âm thầm từng trải. Ngực thì mỏng tanh. Móng chân móng tay không cắt theo đường lối. Quần áo tầm thường. Người đàn ông này cũng không tỏa hương thèm khát ở môi ở các ngón tay dù ngón run run rờ trên em. Run run thật. Vì làm sao tôi tìm được đây là không gian ái tình. Tôi cũng đã nhìn thấy em không phải một

trang mỹ nữ với đùi dài thẳng tắp với ngực vênh vểnh và tóc xõa xõa. Man nương, em chẳng có gì giống thế. Đã bao lần em đứng trước gương không biết nên trách khuôn mặt hay trách mái tóc hai thứ nhất định không cùng ê kíp. Rồi cả hai lại hoàn toàn độc lập với những gì còn lại. Đã bao lần em gắng thu xếp một tư thế lý tưởng nào đó lúc thì giấu giếm ngực lúc xua đuổi hai cái xương chậu và chủ yếu là thủ tiêu những đường cong ngược, ôi Man nương!

Em úp mặt vào mặt tôi. Chúng mình không biết hôn một cách chuyên nghiệp. Tôi nghe nói người ta dùng lưỡi tách hai hàm răng. Em hẳn cũng nghe nói người ta xoay nghiêng một góc bốn mươi lăm độ.

Nghe nói phải từ từ gỡ hai khuy áo trên. Phải sững sờ vài giây trước điều kỳ diệu thấp thoáng rồi có hai cách, hoặc vừa dịu dàng cúi xuống đặt môi vừa khe khẽ ngắm như thể đấy làm bằng pha lê bằng sứ Tàu bằng ngọc lan bằng hai giọt sương khổng lồ, hoặc tay phải bao giờ cũng là tay phải có một nhà văn đã nói về nỗi bất hạnh của những kẻ thuận tay trái cuống cuồng mơn nắn vò xé từ bên này qua bên kia từ bên kia qua bên này như thể chẳng kịp như thể nó sắp đột ngột vượt lên thách thức như một dải Hoàng Liên Sơn hay sắp biến mất sau trận động đất, cách hai là cách như dại cách một là cách như ngây. Còn em, em phải cong người ra phía sau cong mãi cong mãi con tôm của tôi chiếc lạt của tôi. Tôi mãi muốn làm mái vòm linh động rủ theo em. Che cái nắng quái ác cái nắng thiếu hẳn đức tế nhị.

Nhưng nghe nói phải diễn biến tiếp.

Bây giờ cũng có hai cách.

Cách một tôi vẫn áo quần nguyên nhè nhẹ trải em ra gấm của tôi vóc của tôi tôi có hai con mắt và một ngón tay. Em thì mắt khép đùi khép còn lại lồ lộ run từng cơn thụ động. Cho đến khi em phải lật mình sang nghiêng, e lệ dốc thèm muốn xuống một bên lườn, một nửa số xương sườn thấp thỏm. Tôi mới liếm phơn phớt hai vành tai làm bằng nhung the và hai nhủ đầu có mùi táo tàu. Đừng anh làm gì, em phải nói với khăn trải giường như thể câu ấy là bắt buộc. Nếu không chúng ta là phường đồi trụy. Một câu nói có sứ mệnh tổng vệ sinh tích cực thân thể xú uế của chúng ta. Rồi chúng ta lại bốc mùi đã khử trùng của hành lang bệnh viện.

Cách hai nghe nói phải oanh liệt hơn. Như thể hai dòng sông đã sốt ruột chảy và chảy qua bao nhiêu phong cảnh qua những bè gỗ thả những áo quần giặt đùm đụp đùm đụp những đập thủy điện xây vội những vó bè tần ngần, để bây giờ đổ ập vào nhau. Không có tôi trước hay em trước. Không có sỉ diện và những chùm tiết hạnh khả phong treo hoài phòng khách. Tôi phải ồn ào giải phóng em khỏi lớp trong lớp ngoài lớp lịch sự lớp văn minh giải phóng em khỏi lòng tự trọng quá sâu sắc. Tất cả sẽ rơi lả tả hoặc cuộn thành mả thành đụn vô chủ như trên mặt trăng. Rất gợi cảm. Rồi tôi cũng hùng hổ lộn vèo qua đầu chiếc sơ mi trong khi một tay lần này tay trái vẫn giữ em. Dòng sông của tôi dừng chảy một mình ra biển. Rồi chúng ta phải gầm gừ. Ở cách hai này gầm gừ là bắt buộc. Lẽ ra tôi dùng thêm từ rên rỉ, nhưng trong tai tôi

từ ấy xấu xí như chiếc cà vạt phải đeo đúng cách vào các dịp nào đó. Em không có cơ hội nói một câu gì vì tôi bịt kín miệng em tôi lấp hết các cửa ngõ ngay từ đầu tôi ào ào đánh phá bằng nhiều tốc độ vừa đánh vừa kìm. Cứ như ý tôi thì thành lũy này cho phép trọn vẹn hai tiếng đồng hồ từ hai giờ đến bốn giờ. Cho đến khi mỗi đứa đều băng qua điểm ích kỷ tuyệt vời chỉ còn đủ sức thán phục nhau bằng cách thiếp đi năm phút trong khi tay nắm tay nhau. Nếu không chúng ta là phường bạc bẽo.

Vẫn hoặc là như dại hoặc là như ngây.

Nhưng đã xác định tôi và em chúng ta không có trong tiểu thuyết bán chạy nhất. Nghe nói thì thế đấy. Nghe nói thì người ta yêu nhau cứ như thể một sự kiện. Cứ như thể tiệc tùng. Cứ như thể Niết Bàn. Tôi không có ý chống lại các superlatives như hồi vị thành niên, nhưng đã từng lẻn khỏi một vài tiệc lớn nơi quí ông quí bà mỗi người một chiếc ly trong tay loay hoay trình bày một phong độ. Tôi đã quẳng chiếc ly của mình vào một lùm cây gần nhất rồi chuồn. Và cũng từng chuồn khỏi một vài Niết Bàn nơi các quí vị nâu sồng lườm nguýt nhau vì xôi oản và chứng chỉ phong di tích lịch sử. Đã được xếp hạng.

Nghĩa là tôi rất yên tâm vì những buổi chiều xanh lơ ấy không giống như nghe nói.

Giống làm sao được. Tôi cứ nhìn kỹ vào cuộc sống của mình, soi đi soi lại, như tự nghiện, như rấp tâm viết hồi ký, thì thấy rõ. Không có sự kiện đáng hàng tít lớn nào xảy ra với tôi. Hồi nhỏ chắc tôi cũng đã lên sởi, đã mấy lần gãy tay và mắc chứng táo bón chứng bỏ học chứng lười đánh răng. Tất cả những chuyện đó thật đáng yêu nhưng chúng chẳng cho phép tôi thành một chú bé khác thường. Tôi cũng đã là cái giá áo cho những trang phục hiếu chiến nhất suốt một tuổi vị thành niên. Hồi ấy mỗi ngày tôi búng ngón tay và nhổ nước miếng mấy trăm lần. Từng cái lông chân của thiên hạ đều khiến tôi giận dữ và kinh tởm. Sau khi thấy thế chỉ tổ cho bà con khu phố giải trí không mất tiền, tôi chuyển qua trầm ngâm. Ngay từ hồi ấy tôi đã hiểu thấu đáo ý nghĩa của việc lặng ngồi nhấp nháp một tách trà ở ngã tư Hoà Mã, nơi cứ hai tuần tàu điện lại chẹt chết một ai đó. Ngay từ hồi ấy tôi đã tập dượt những ý nghĩ bao quát về số phận. Tôi nghĩ ngợi về sự cẩu thả không thể tin được của con người trong cái cách họ im ỉm đóng cửa cãi lộn hoặc an ủi nhau tất cả thường diễn ra quanh mâm cơm người này gắp thêm một miếng cho người kia người khác thì hất nước mắm ra chiếu, trong cái cách họ lê dép đi ra đường hoặc dính chặt vào yên xe đạp, trong cái cách họ chào nhau bằng những câu xoi mói, họ vén quần đái giữa phố một cách rất khiêu dâm, họ ngồi chồm hổm ở khắp mọi nơi như những con khỉ vui sống, họ tỏ tình không ý nhị gì cho lắm, họ sực nức mùi cá biển cất ô toàn thành phố trong cùng một ngày. Tôi nghĩ ngợi rất nhiều về tương lai. Tương lai khi ấy đối với tôi vẫn còn là một ngôi sao treo khuất ở đâu đó. Tôi cũng bỏ công lên đường tìm kiếm những kẻ giống mình, nghĩa là những kẻ trầm tư chĩa mắt vào cuộc đời mà

họ chưa từng sống. Nhưng đấy là nhận định bây giờ. Thuở ấy tất nhiên tôi lang thang đi tìm tri âm như một kẻ đã sống quá đủ kể cả đời sống tình ái. Có một cô tên Lan hơn tôi mấy tuổi chịu trách nhiệm về điều đó. Chúng tôi ngồi ở công viên Pasteur rồi chạy tuốt lên đường Lê Phụng Hiếu trốn một công an và hai dân vệ. Cuối cùng ở con dốc gần lò mổ tôi mới biết cô nàng là nạn nhân của bệnh đậu mùa và hôi rình ở miệng ở nách còn những chỗ khác tôi hoàn toàn lú lẫn. Thế là quá đủ. Tôi cặp kè sống chết với Vũ và Lâm. Vũ là một đứa loẻo khoẻo thích đội mũ phớt biết kéo vĩ cầm xuất thân giáo sư cả bố lẫn mẹ. Trên thế gian này không có ai đáng cho nó nói chuyện dù chỉ là câu thế nào khỏe chứ. Vì thế sự trầm ngâm của tôi là hợp cách. Lâm lại là hình ảnh của rất muốn dùng bạo lực. Vì lý do tổng quát. Nó bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng chỉ riêng sự có mặt của nó trên đường phố đã đủ là lời tuyên án trực tiếp nhất nếu không muốn nói là sự khủng bố đầy hân hoan với tất cả những gì còn lại, nó với bộ râu quai nón tương lai với cặp mắt chứa chan tình cảm và đôi môi cố mím để khỏi mếu mếu cười cười. Rút cục chúng tôi cũng chỉ là một bộ ba phổ biến bao giờ người ta cũng ưa chuộng con số ba. Làm như nhân ba thì phấn chấn hơn nhân bốn. Tất cả những chuyện ấy thật đáng yêu thật đáng nhớ lại kể lại với gia thêm một chút bột canh Việt Trì. Nhưng sòng phẳng mà nói những sóng gió tuổi choai choai ấy đến lúc nào đó bỗng nhiên đi đâu hết. Tôi chẳng biết bây giờ Vũ đã đội chiếc mũ phớt thứ bao nhiêu trong cuộc đời, Lâm đã lầm bầm nguyền rủa bao nhiêu lưỡi dao cạo. Một ngày nào đó gần đây tôi chợt thấy Vũ dắt chiếc một linh ba mặt mũi đầy tự trọng kiểu trí thức thuộc địa và theo sau một quãng nghi binh là một nàng đeo kính cố tách khỏi môi trường. Tóc nàng để rất dụng ý. Khóe miệng thì chán chường căng thẳng. Những phụ nữ hạng siêu việt này chỉ có một mục đích trong cuộc đời là săn tìm một người đàn ông có thể hiểu được mình. Họ quả là không đơn giản chút nào. Tôi mừng cho Vũ từ đằng sau. Thế là nó đã tìm được ai đó đáng cho nó nói chuyện. Thế là nó đã trưởng thành, đã có một đời sống xã hội thật rồi cứ nhìn cách nó chọn xe pháo thì biết. Còn Lâm đôi ba lần lướt qua ngay sát mũi tôi nhưng tôi chẳng kịp đánh hơi xem nó là ai. Mà tôi chắc cũng dậy mùi VIP khiến nó phải miễn cưỡng ngoảnh lại. Nó đã quệt vỡ cái đèn xi- nhan bên trái của tôi để lách lên chui qua chiếc chắn tàu ở đầu đường Khâm Thiên, nó tỏ ra biết quí thời gian ở tình huống chắn tàu như phần lớn người Hà Nội hiện đại và cũng giống như phần lớn người Hà Nội hiện đại nó không xin lỗi. Thế cũng là một trưởng thành.

Man nương, chẳng bao giờ em cật vấn tôi tôi cật vấn em xem chúng ta có đáng một hàng tít lớn nào không. Cứ thử nghĩ xem khi người ta đẹp khi người ta cường tráng người ta nổi tiếng và giàu có mà lại còn yêu nhau và yêu nhau hợp đạo lý thì có gì mà nói nữa. Hoặc khi người ta bị xô vào nhau như Chí Phèo Thị Nở thì cũng chỉ cần nói một lần trong sách vở là đủ. Chúng ta chẳng có gì giống thế.

Tôi rất mừng thấy em không phải hạng phụ nữ siêu việt như trên vì tôi

không thích là mục đích của đời em. Nếu như thế tôi sẽ bứt rứt tôi sẽ gồng lên và một lúc nào đó cái không gian ái tình màu xanh lơ nóng hầm hập trơ trụi của chúng mình dứt khoát sẽ biến thành vũ đài. Tôi sẽ vùng vẫy hò hét ở đó trên cơ sở cặp mắt sáng rực của em. Không, vì tôi biết tới gần giây phút sung sướng có thực nhất có một màn mây mỏng đùng đục kéo qua mắt em, trông em đau đớn thất thần như trong cơn vượt cạn, rồi ở cái điểm ích kỷ tuyệt vời ấy em lờ đờ nhắm mắt, khẽ trào ra một hai giọt lệ, còn tôi thì khụt khịt như bị ngạt mũi. Theo thẩm mỹ riêng của tôi như thế đáng cảm động hơn vũ đài.

Tôi cũng rất mừng thấy em không phải hạng phụ nữ nổi loạn muộn mằn. Em không có một quá khứ dại dột nào để bây giờ phải cân bằng. Em cũng không hầm hừ chúng mình trong nhiệt độ cao của những tâm hồn bây giờ mới biết bốc cháy. Em lại càng không xoa dịu lương tâm bằng cái cách phổ biến là vò xé nó. Không phức tạp, không riết róng, không ồn ào. Nếu cần nói về em, tôi luôn chỉ biết em không như thế nào. Cứ trừ dần trừ dần đi, có thể còn lại là em, ôi Man nương!

Tôi thường hết lòng ngắm em vào lúc hai giờ năm phút và bốn giờ kém năm phút. Hai giờ năm phút em gỡ tóc ra và chải. Bốn giờ kém năm phút em chải và búi tóc lên. Bao giờ cũng chừng ấy động tác xoắn xoắn vuốt vuốt chừng ấy sợi tóc rụng mơ hồ. Bao giờ cũng là cái lược ấy, cũng nhựa tái sinh, cũng màu xanh lơ, bán rất nhiều ở các mẹt hàng xén ngoài chợ. Tôi không thể hình dung em với một cái lược khác. Đến nỗi buổi chiều cuối cùng tôi đã hỏi xin em cái lược ấy. Em nhẹ nhàng bảo như thế có xúc phạm vợ anh không. Tôi cười trừ và bỏ ngay ý định. Tôi không cho phép cái gì xúc phạm vợ tôi ngoài chính tôi. Nàng cũng biết thế và nàng không đau đớn quá mức cần thiết.

Ở khoảng giữa hai lần chải đầu, tất cả diễn ra đều đều, trật tự. Tôi đã nói rồi, không có sự kiện. Đầu tiên em lơ đãng liếc qua một hai mẩu báo rơi chểnh mảng trên sàn tôi thường mua bánh mì kẹp trong giấy báo. Trong khi đó, tôi kiểm tra một lần nữa các cửa sổ rồi rót nước lọc cho em vào cái nắp phích. Tôi tới ngồi bệt trên sàn cạnh em, quạt quạt bằng bìa tờ phụ san thể thao văn hóa. Có Madonna và Maradona. Chẳng bao giờ tôi đưa ra một nhận xét tích cực về áo quần và mùi hương của em vì với em tôi không nỡ nịnh. Em trang phục theo lối tổng thể không thay đổi nên mọi nhận xét về biến cách của chi tiết một cái cổ áo dăm ba cái cúc mấy đường chít chít lượn lượn đều vô ích. Chỉ có một lần em giắt thêm hoa ngọc lan trong nịt vú. Đấy không còn là biến cách mà là một phá cách đàng hoàng. Nhưng chỉ một lần em không lặp lại chẳng hiểu vì sao tôi cũng không hỏi.

Rồi lượng chừng mẩu báo đã dẫn luận xong, tôi đỡ em nằm xuống vẫn ngay trên sàn nhà chỉ thêm hai chiếc gối chứ chẳng giường chiếu khăn khiếc trải gì hết. Hai chiếc gối bọc cùng loại vải kẻ ô cùng một đường may như đôi quần đùi của tôi. Em sẽ không nói gì với khăn trải giường, phải rồi, đấy là

một tất yếu. Trong cái ánh sáng khó tả đã được tôi dàn xếp trước, trên nền gạch vàng nhờ nhợ và từ góc nhìn chênh chếch xuống trông em thật tươi. Mi mắt em sẫm hơn, vành môi rõ ràng hơn, gò má thanh thoát hơn. Tôi ôm em một lúc vừa ôm vừa quạt phẩy đi là Madonna phẩy về là Maradona. Được khoảng trăm cái tôi mỏi tay em cũng tự động nhích ra. Đến lượt những câu chuyện bâng quơ. Có gì mới không em, có gì mới không anh, hai câu hỏi và hai cái lắc đầu thế là đã hết năm phút. Đấy là tốc độ sống bình thường, tôi biết có những người còn chậm hơn. Chúng ta đào đâu ra từ bốn giờ chiều hôm trước đến hai giờ chiều hôm sau những thông tin túi bụi, tôi với em chúng ta thuộc loại chưa từng gởi đi đâu một bức điện khẩn. May lắm mỗi người trong chúng ta có được một hai quyết định tạm gọi là quan trọng trong cuộc đời. Trong cả cuộc đời, tôi muốn nhấn mạnh. Hai mươi hai tiếng đồng hồ chỉ vừa xoẳn cho ta tự nhiên già đi một chút không nhận thấy, tự nhiên quên đi một cái gì không rõ, tự nhiên ra ra vào vào mấy lượt ở ngay cửa nhà ta mà thôi. Nghe thì chán nhưng thật ra tất cả những chuyện ấy cũng thật dáng yêu. Vì thế tôi vẫn đầy hứng khởi theo sát những chuyện không mới của em. Hôm nay con bé nhà em lại nhất định không chịu đi nhà trẻ. Hôm nay em gặp chị ấy chị ấy ở đầu chợ Hôm lâu lắm không gặp trông có vẻ béo ra. Lý tưởng thẩm mỹ của em là béo tôi có thể hiểu được. Hôm nay hôm nay hôm nay. Tôi không có khả năng miêu tả cuộc đời mình giản dị sinh động như thế, nên lòng dần tràn âu yếm. Và bắt đầu run run rờ trên em. Làm sao tôi tin được đây là không gian ái tình.

Em nhổm dậy xoay lưng cởi áo tôi cũng nhổm dậy xoay lưng. Bên nào ra bên ấy không có cảnh ngổn ngang vô chủ. Trung thành với truyền thống mảnh trong vẫn ở trong mảnh ngoài vẫn ở ngoài ngăn nắp trên sàn. Em không hề biết trên đời có cái gọi là hiệu ứng đồ lót. Còn tôi cũng không hề biết cách nâng niu những thiên thể bé nhỏ ấy tôi sợ chúng tuột qua kẽ ngón tay. Rồi chúng ta cùng quay nhanh lại cùng trườn vội vào lòng nhau cùng nhìn sâu vào mắt nhau thế là mắt khỏi chạm vào những chỗ khác. Tay cũng thế môi cũng thế nói chung cái nào vào cái ấy rồi tất cả cùng trật tự đi tới đích, hoặc thỉnh thoảng cũng không đi tới đích. Tinh thần chung là không sáng tạo. Có thể tôi luôn tỏ ra sung sướng hơn tình cảnh thực một chút. Có thể tôi tìm cách giấu giếm một vài cố gắng. Và có thể em một đôi lần cũng nhẫn nại nằm đó cho cái tình yêu thật kém điêu luyện này có chỗ mà đậu vào. Có thể như vậy. Đấy không là những động tác giả. Đấy chỉ là để thay thế những xin lỗi cám ơn tương kính như trong hội nghị mà chúng ta chẳng thể du dương cất lên.

Sau đó đến lượt em quạt, quạt mãi quạt mãi, vài chục nghìn chiếc tôi đếm không chính xác vì lần nào cũng thế đúng lúc ấy hai nhành xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên đột ngột lách qua một khe cửa sổ nhòm vào. Như một nụ cười hiền. Nhân chứng duy nhất đấy, kẻ khích lệ duy nhất đấy. Tôi quên bẵng những đốt xương nhan nhản của mình, quên sự trầm tư, quên

rằng bên cạnh tôi em đã thu xếp được một tư thế lý tưởng từ lâu; tôi nháy mắt và đánh lưỡi với một con thạch sùng treo lặng phắc trên trần; tôi ư hử trong cổ họng: Man nương ới man nương. Không bao giờ em biết tôi gọi em như thế.

Buổi chiều cuối cùng đợi em búi tóc xong tôi đã bẻ một trong hai nhành xanh ấy trao cho em. Em chớp chớp mắt ngạc nhiên rồi bỏ nó vào chiếc túi cán bộ thường đeo kéo phécmơtuya thật chặt. Một nửa nụ cười hiền nhàu nát theo em vượt qua lại một hành lang dài bếp dầu xô chậu và guốc dép vãi như kẹo...

Tôi định bụng đem theo nốt nhành xanh còn lại sớm hôm sau khi giã từ Hà nội. Nhưng việc ra đi bận rộn khiến tôi quên đi mất. Căn phòng của tôi đã bán.

4.1992
PHẠM THỊ HOÀI
(Trong nước)



THANH THẢO

cái nhìn của tương lai

những đứa trẻ như những cây cao su còi
mọc không hàng không lối
nắm tay nhỏ vung qua bụi đỏ
mắt gườm gườm xói vào chúng tôi

những nhà văn đi thực tế bằng xe hơi
tung bụi bẩn vào mặt đàn em nhỏ
tung ngôn ngữ gấm hoa vào mặt những túp lều khốn khổ
nơi đói nghèo công khai rách nát công khai

chúng tôi cứ hồn nhiên ca ngợi tương lai
cho tới chiều nay. Rừng cao su Chư Pả
tương lai bỗng ném vào chúng tôi cái nhìn kỳ lạ
qua cặp mắt gườm gườm những đứa trẻ thơ ngây

1-89
THANH THẢO
(Trong nước)



ĐÀO TRUNG ĐẠO

nhớ quên

Nguyệt cận bất cải sắc
Khách cư hành dĩ biên
Cao Bá Quát

Mai mốt ta về như khách lạ,
Đáp chuyến tàu xuôi ngả vô biên.
Đồng hành mấy cụm mây sơ tán,
Và một vầng trăng lạnh nửa đêm.

Đến ngã ba sông trời xuống thấp,
Bờ xa mất hẳng con nước lên.
Từ lâu phó mặc cho trời đất,
Quay miết lộ trình quên nhớ quên.

Hồn ai u hiển chìm phương bắc,
Xuôi nam nương ẩn đám lục bình.
Tiếc xưa chẳng hóa làm mây trắng,
Gửi trọn cho đời những mỏng manh.

Một sớm mai nào tim bật khóc,
Còn nhắc chi những chuyện nhớ quên.
Ừ, chuyện nhớ nhớ nhiều vô kể,
Mà chuyện quên quên hết thân quen.

Tim em chẳng đợi người khai khẩn,
Hay đã khâu liền một vết thương?
Mộng vắng âm thừa đêm nguyệt tận,
Đâu bóng trăng cài trên dấu sương?

7-92
ĐÀO TRUNG ĐẠO



TRẦN VŨ

gia phả

I

Tôi đi ở cho tộc Trần từ lâu lắm. Từ cuối đời Lý. Lúc Trần Thị chỉ vừa cắt nhau. Đêm tháo thai, sống cảnh sinh nở đầu đời nên tâm hồn tôi ngập kinh hãi. Máu từ cửa mình vợ Trần Lý chảy xối, bắn phun tung tóe như bát canh rau dền rơi vỡ trên đất. Thứ canh đỏ thẩm, lợn cợn những nhau, thịt, chất nhờn. Trần Thị giẫy, vùng, đôi tay chới với cào cấu vươn tới trong động tác nắm tìm sự sống. Đã biết đi vào đời là đi vào khổ đau, nhưng tôi cũng không ngờ khổ đau to lớn tàn phá đến rách bươm cửa mình vợ Trần Lý. Mỗi cái quẫy mình là mỗi một vũng máu, trào ra, trào cho đến đầy thau. Máu bê bết chẳng khác một pháp trường.

Cánh tay mụ đỡ đưa cao lắm. Cánh tay lằn những sợi gân oan nghiệt. Miếng chai cắm lùi trong than hồng đỏ rực. Loại miếng chai sắc cạnh, bén nhọn chỉ dùng cho mỗi thứ công việc đành đoạn là cắt cổ người, hoặc nhẹ nhàng lắm: thọc huyết heo. Vợ Trần Lý co rúm như con lợn lôi ra sân bếp. Tôi nhắm mắt, đã hiểu mình sẽ không bao giờ lớn. Trần Thị mất mẹ ở hành động cưỡng ép chối bỏ tình mẫu tử đó. Cuống rốn nằm trong tay mụ đỡ hiểu được số mệnh, vùng vẫy, cựa quậy, tháo thân, cuống rốn như con rắn nước liều lĩnh kháng cự trước lúc bị chặt đầu. Miếng chai xắn xuống, xắn xuống, cứa mãi, cứa mãi, thịt rách, gân đứt, máu phụt, vợ Trần Lý căng, đạp, thét la oằn oại gào trong mất mát. Trần Thị bật khóc, tiếng khóc đầu tiên vỡ òa khi cuống nhau nối mình vừa đứt. Máu tiếp tục phun. Nước mắt tôi chảy cho Trần Thị: Vào đời giữa máu mê hung bạo.

II

Tôi về ở cho tộc Trần, như thế, từ sau đêm máu mê ấy. Tộc Trần là một tộc lớn, ngự trị khắp phủ Xuân Trường. Hiếm ai ngờ một dòng họ còn sót lại từ thời Bắc Tống, kéo xuống lập nghiệp phương Nam khởi đi từ nghề đánh cá nhỏ mọn, sau một trăm năm lại hùng mạnh chừng ấy. Ở cho một gia tộc quyền thế, song công việc của tôi cực nhàn nhã. Ngày ngày theo chân Trần Thị, lẫm chẫm quanh vùng Hải Ấp, rồi lớn dần chạy nhảy bên bờ sông Thao.

Trần Thị lớn vụt lên như lẫm lúa bát ngát mênh mông của tộc Trần. Sức sống của con sông Thao cuồn cuộn chảy buông mênh mang về Phú Thọ, cũng chở mang sắc đẹp của Trần Thị. Mỗi dòng sông ở đầu thế kỷ 13 mang một vẻ đẹp riêng, nhưng sông Thao mang vẻ đẹp của đất nước.

Nhưng nếu tôi không bao giờ lớn, ở lại mãi mãi cái đêm sinh nở tàn bạo, thì Trần Thị trổ vươn như một nhành lúa bắn mình đẹp đẻ. Nhành lúa đẹp tựa một ánh chớp sáng bừng rực rỡ, ửng hồng giữa bầu trời tối tăm tàn tạ cuối triều Lý. Chưa ý thức, song Trần Thị thường nắm tay tôi nhìn đăm ra khoảng sân sau, khoảng sân huyễn hoặc, lót đá vân lọt thỏm giữa lòng nhà lưa thưa nắng. Những tia nắng kỳ ảo lấp lánh lăn quăn khắp bức tường loang loáng vẽ nghìn tia ngũ sắc ngời ngời óng ả phản quang không ngớt trên mặt vại nước. Trần Thị kéo tay tôi ngồi xuống. Chúng tôi ngồi sát nhau tưởng chừng có thể nhập làm một, như thể tôi với Trần Thị chỉ là một - một người con gái nhiều giờ liền ngắm bức tường say mê. Nắng nung những ước vọng thầm kín trong tôi, còn khoảng tường vạch lên trước mắt Trần Thị vị trí của tộc Trần. Có lẽ trưa đó, Trần Thị cũng bắt đầu nhận biết vai trò của mình trước lịch sử khi đối diện khoảng tường soi nắng ấy. Nắng soi như chưa bao giờ được soi xuống từ mảnh ngói vỡ vàng choé, lập lòe, rũ màu sắc, buông thả từng đường, từng mảng, từng cánh tay ôm choàng ngang bức tường rêu cũ kỹ xanh ố mờ thời gian. Cả bức tường vụt sống. Cả thời gian cũng vụt trỗi mình quẩy cuồng sáng lóa trong khóe mắt Trần Thị. Tiếng nước rỏ xuống sân nghe váng âm hắt dội giữa trưa vắng tịch mịch, chợt vang vang thành bước chân của những tên khổng lồ đuổi bắt thời gian. Thời gian của thời đại hay của định mệnh? Gã khổng lồ mang thân xác tên tuổi tộc Trần - tôi rùng mình nhớ tới Thủ Độ - Trần Thị cũng rùng mình lúc tôi cởi cúc, tuột áo, bắt đầu múc nước từ bồn chứa xối cho Trần Thị tắm. Những ngón tay tôi xoa nắn, những ngón tay Trần Thị nắm lại. Mặt đất nở hoa. Không khí thơm sữa. Trần Thị khép hờ mắt, chỉ còn thân xác hiến dâng trọn vẹn. Tôi đuối vào giữa ngực Trần Thị, ngỡ mình sẽ hưởng những dòng máu chảy ấm bên trong, sẽ ôm lấy vào lòng thịt da run rẩy, sẽ ấp ủ thân thể trắng trong mềm nõn. Dưới trần mái âm u không tiếng động, ngón tay tôi ngẩn ngơ mê mẩn, những ngón tay Trần Thị chậm lắm níu chặt, kéo giữ bàn tay tôi ở lại, thúc hối nhịp nhàng nhịp nhàng từng khắc từng khoảnh khắc van lơn nài kéo. Tôi mê man xoa nắn, mân mê âu yếm, Trần Thị khép mở đùi rồi thỏng hai tay ngửa mặt buông cho thể xác tận hưởng chút thiên nhiên mỏng manh đang lọt vào tòa nhà qua kẽ nắng. Từng đốm sắc xanh mờ tối, nhảy múa lung linh như có lân tinh, tôi hôn tới đâu đốm sáng bốc thành ngọn lửa phụt cháy. Tôi nuốt lửa cuồn cuộn trên ngực Trần Thị nghe vang vang tiếng nước chảy róc rách, nhưng không chỉ có tiếng nước mà bất chợt tiếng đập cánh của bầy quạ đen thất thanh ầm ĩ trên mái vùng bay. Trần Thị giật mình bấu lấy tay tôi thảng thốt:

- Chị Đào! Thị sợ!

Mình mẩy ướt đẫm, tôi cũng sợ. Nhưng không phải nỗi sợ hãi vu vơ của cánh quạ đen tuyền đập phần phật quýnh quáng âm động giữa không gian vắng. Nhưng là nỗi sợ hãi sâu chín hun hút từ thịt da trắng ngần trong trẻo của Trần Thị như có nạm ngọc. Mỗi một hột nước là một hạt trân châu óng ánh không bao giờ tắt. Cánh tay tôi cứng sững không dám vươn tới, không bao giờ chạm vào được thân Trần Thị lõa thể đứng tắm giữa sân. Qua mí mắt Trần Thị tôi đã hiểu: Bức tường choáng ngợp. Rõ ràng Trần Thị không thuộc về tôi, nhưng thuộc về khoảng tường xây đắp hơn một trăm năm của tộc Trần. Bức tường đối diện, sừng sững, ngạo mạn đầy uy quyền đời đời không bao giờ sụp đổ. Cả tiếng nước rỉ, võng âm như bước chân của gã khổng lồ man dại chạy sấm sẩn sầm sầm cũng trở nên đe dọa... Nắng nghiêng dần, bức tường lùi vào bóng tối, tới lúc những giọt nắng cuối cùng từ trong gáo nhiểu bay thánh thót chạm đất, vỡ toang trên nền đá ẩm, thì hai chúng tôi mới bừng tỉnh. Khoảng tường cuốn hút kỳ lạ. Bờ tường ủ ê hâm hấp. Bàn tay tôi trơ trẽn, buông vội tiếc rẻ vuông ngực trần mơn mởn, đầu vú nhọn nhú lên xuôi mềm mại tròn chĩnh trắng muốt thắt hẹp ở hông rồi lại nở vung ôm chặt lấy đáy thân Trần Thị. Trần Thị cắn môi nhìn tôi bẽn lẽn, một tiếng trống chùa xa xa nhắc nhở...

Tắm xong, tôi lấy xiêm áo cho Trần Thị thay. Vải lụa tím ngà thêu những nụ thủy tiên thôi còn e ấp, nhưng bắt đầu nở. Trần Thị xỏ ống tay áo, khép vạt, chéo áo lập lòe bâng quơ rộn ràng đàn bướm vàng rực. Trần Thị xoay mình ngắm, vạt áo xòe rộng ở gót chân, trong gương váy áo phập phồng phơi múa giống chiếc đuôi của loài công làm đẹp cho cơ ngơi tộc Trần. Tôi không khỏi ngăn mình liên tưởng Trần Thị cũng là một con công, song không phải một loài công nuôi, mà là thứ công để thịt. Chẳng phải ngẫu nhiên mà có câu tục ngữ: *nem công, chả phượng*. Trên đất nước này, loài vật đẹp đẽ nhất, cũng chỉ phục vụ cho mục đích phàm phu nhất.

Chúng tôi bước ra gian thờ. Trần Thị nhắc tôi khép cửa. Căn buồng đóng lại, chỉ còn hương thơm thoang thoảng theo dấu chân Trần Thị. Công việc của tôi ngoài nuôi nấng Trần Thị, còn được giao trọng trách chăm sóc bàn thờ. Thứ trọng trách mà tộc Trần chỉ giao cho kẻ bất lực, không có khả năng chống đối, lật đổ tham vọng. Mỗi ngày tôi với Trần Thị quẩn quanh, chữa lại một cành vạn thọ cắm không ngay, treo thêm những vòng nhang xoắn, đốt cho khói hương không bao giờ dứt. Bột nhang vàng lấm tấm, tàn nhang cong oằn, tôi quét dọn tro than không ngừng rơi xuống. Trần Thị hay phụ tôi xếp những trái vải đỏ mọng, xoay những quả cam Bố Hạ phơi mặt vàng óng, rồi lau khắp lượt những mặt người quá cố. Chân dung Trần Kính vẽ bằng than chì như hãy còn sống, nhìn thèm muốn từ bắp chân Trần Thị lên quá đùi. Con ruột Trần Kính là Trần Hấp, cha đẻ của Trần Lý cũng nhìn Trần Thị như thôi miên. Cặp mắt hấp háy của bức vẽ truyền thần tôi lau tới đâu sáng quắc tới đó, muốn hớp hồn, níu kéo từ cổ tay trắng mịn của Trần Thị lục lọi mân mê cho đến tận bờ ngực con gái mềm vung. Tia mắt sờ soạng rờ rẫm. Tia mắt

dâm dật ruột thịt. Trần Thị hốt hoảng đánh rơi mâm ngũ quả, những trái hồng quân lăn trên đất chạy trốn. Tôi cũng hốt hoảng bởi hiểu trong cái nhìn ham muốn thèm khát của Trần Hấp đầy dẫy những đòi hỏi chiếm hữu. Trần Thị chạy tung ra cửa, vụt đứng sững ngay lại: Tiếng vó ngựa dồn dập dã man phóng nước kiệu trên con đường đất đỏ bụi mù dẫn đến gian nhà thờ. Tim tôi cũng đập mạnh đứt quãng, cái con người hung hãn nắm vận mệnh tộc Trần đã đến. Yêu Trần Thị nhưng tôi bất lực. Thứ bất lực của kẻ ở theo hầu một triều đại.

Trích nhật ký Thị Đào.

III

Tôi theo dạy chữ Thánh Hiền cho Thủ Độ từ tấm bé. Thứ chữ dùng làm đạo. Thứ đạo của người quân tử. Nhưng với Độ, không có thứ đạo nào hơn sức mạnh. Học hết Tam Tự Kinh, Độ không xem tôi là thầy nữa, nhưng coi như một thứ quân hầu đi theo sai việc. Độ sớm phát triển cơ thể. Bắp tay nở nang, bả vai đồ sộ. Phóng dao, đâm giáo, dùng đoản côn, tráng đinh khắp làng Tức Mặc không ai hơn Độ. Sự phát triển của cơ thể chỉ đưa đến gia tăng tính dục. Độ mạnh về đường sinh lý, những chiều đi tập võ về, Độ thường cởi trần trùng trục, đứng trần truồng khoe thân trước đám thôn nữ. Ai không muốn xem, Độ cho tiền bắt xem. Ai bỏ chạy, Độ rượt theo đánh. Chữ Thánh Hiền lúc đó chỉ còn là một mớ hình dáng tạp nham làm bẩn óc Độ. Có lần điểm mặt Trần Lý, Độ nói không nể nang:

- Ở đời không mưu, không đạt việc lớn!

Trần Lý cúi gầm mặt. Bản chất yếu đuối, trí não không hơn một kẻ đánh cá, Trần Lý không sao trấn áp, tranh được với trí xảo của Độ. Năm Kỷ Tỵ 1209, Độ mười lăm tuổi, mang sức vóc của loài vượn trắng. Trưa quất ngựa theo Độ đến gian nhà thờ của tộc Trần, tâm thần tôi đầy ray rứt của nhà nho bất lực với chữ nghĩa thả mặc dây cương cho môn sinh tìm tội lỗi.

Chiều đó, bầu trời bẩn lắm. Có nắng, nhưng cũng nhiều mây, thứ mây đen tối bao phủ trên nền trời đất nước. Độ thúc ngựa như điên, như dại. Nắng ruổi theo sau hớt hãi. Nhưng nếu nắng cuối triều Lý không đủ ấm, thì khi soi xuống mình Độ lại biến chất. Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hãn, mặt trời như có đúc vàng đặc cứng chật căng trên da mặt Độ phừng phừng lửa giận. Độ thắng ngựa, buộc chặt trước rào. Cả một gian nhà thờ vụt kinh hãi cung kính phủ phục đợi Độ. Đôi mắt Trần Kính sợ sệt trốn tránh. Cặp mắt Trần Hấp nhợt nhạt nhìn lảng vu vơ. Cả một dãy chân dung truyền thần cúi gầm mặt không dám ngẩn lên. Anh ruột Trần Thị là Trần Tự Khánh trông thấy Độ cũng cũng vội vã bỏ trốn. *Ở đời không mưu không đạt việc lớn*. Song Độ không chỉ mưu mà còn có cả sức lực. Tất cả kẻ sống và kẻ chết trong gia tộc Trần đều biết. Độ đá bật cửa, giật mạnh tấm màn gấm che ngoài. Nắng xộc vào hung tợn hơn lũ cướp soi trắng thịt da Trần Thị tái ngắt sợ hãi. Trần Thị luống cuống hỏi:

- Cậu Độ tới tìm tôi?
- Không tìm chị thì tìm ai? Tìm chó à?

Độ gầm. Giọng nói như tên bắn.

- Phải thằng Sam trốn giặc Quách Bốc về đây hỏi cưới chị?
- Tôi không biết!

Trần Thị co rúm mình lùi vào góc nhà. Độ sấn tới, vóc vạc không thua con dã nhân đeo cung kiếm. Sử quan triều sau, với lối chép sử biên niên cổ lỗ, không ai tả được đôi mắt Độ. Đôi mắt của kẻ nhất quyết nắm chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ năm mươi lăm tuổi. Trần Thị kinh hãi lùi dần, lùi dần, cho tới khi bị Độ chụp lấy cằm bóp mạnh:

- Có phải chị nhận lời vì thằng Sam là hoàng thái tử? Có phải?
- Cậu buông tôi ra!
- Có phải?

Độ tát Trần Thị một bạt tai ngã sấp. Máu ứa ra ngoài môi, Trần Thị bưng mặt, Độ đến siết cổ, Trần Thị cố dẫy, búi tóc xổ tung, những sợi tóc đen nhánh đổ vung vãi xuống phần ức trắng. Độ xé toạc ngực áo lột trần truồng xuống tới lưng. Trần Thị gào la khóc lóc thở hổn hển.

- Tôi lạy cậu!

Trần Thị van lơn nhưng Độ không nghe, không ai có thể kềm chế được Độ. Tôi run rẩy đứng chết trân sau cột nhà, không gian đặc quánh nỗi sợ sệt tê điếng, đã hiểu mình không sao giúp gì được cho Trần Thị, đã hiểu chữ Thánh Hiền chỉ là mớ chữ vô dụng. Số phận Trần Thị chỉ có thể do Trần Thị quyết định, nhưng Độ đã nắm lấy tóc kéo lôi đi. Trần Thị giẫy giụa, mười ngón tay bấu sướt trên nền đất cố trì kéo mà không được. Độ ném Trần Thị ngã ngồi, rồi từ từ cởi giáp. Hai bắp vai Độ lồi ra đen đỏ màu đồng. Nắng dát vàng khắp lưng bóng lưỡng, Độ đứng xoay lưng nên tôi chỉ trông thấy được những bắp cơ rắn rỏi chạy dọc từ cần cổ xuống gót chân, Độ trần truồng thô lỗ. Trần Thị tái mặt. Đôi mắt của Độ dâm dật bệnh hoạn, nhưng cũng đầy thỏa mãn, Độ từ từ quay lại nhìn tôi hỏi:

- Chữ gì?
- Bẩm, chữ nhân.

Tôi lắp bắp. Độ phá ra cười, tiếng cười lồng lộng xuyên xoáy trên nóc nhà, rồi dội hắt trở xuống. Tiếng cười như có khảm gai. Không phải nhân mà là Dục, không phải Dục mà là Trí, không phải Trí nhưng là Dũng. Nhân, Trí, Dũng, Dục, Độ có đủ. Lấy thằng Sam là trí, ăn ở với hắn là mưu, giết hắn là dũng. Độ tiếp tục cười khùng khục đứng dạng chân, vươn tay phơi mình nhìn sững Trần Thị trong tư thế nham nhở. Trần Thị nhắm mắt úp mặt vào lòng bàn tay nấc nở. Độ bỗng lầm lì cúi nhặt thanh mã nằm rơi trên nền đất. Tiếng cười im bặt.

- Tộc Lý là con ngựa này!

Độ chỉ con ngựa ô buộc ngoài máng. Tay chân tôi lạnh ngắt, người rã ra trong cơn sợ hãi, tôi đã hiểu Độ sắp làm gì. Độ lại nắm tóc kéo lôi Trần Thị

lê lết trên mặt đất bắt nhìn quang cảnh. Hai cánh tay Độ hươi cao lắm, gân guốc, mạnh mẽ. Bản dao sáng lóa, suốt đời chưa bao giờ tôi trông thấy một thanh mã rùng rợn như thế, đôi mắt của Trần Thị mở căng khiếp đảm, đôi mắt của Độ hung bạo, đôi cánh tay vung lên rồi quất xuống bằng tất cả sức lực. Tiếng ngựa rống chói tai. Tiếng vó sắt đập tung như trống nện. Cần cổ con ngựa ô ngập lún bản dao vùng lên, từ chỗ vết thương thịt da máu me đổ trào ra như thác, máu ngập máng, máu lênh láng bắn phun lên nền đất. Tiếng rống khủng khiếp của con vật kêu thất thanh, cố giật ra khỏi rào buộc. Độ đã chém tiếp, thân thể trần truồng của Độ cũng vấy máu chém xối xả liền tay không ngừng nghỉ, mã tấu hươi lên rồi lại bổ xuống, máu tung như sóng, lớp lớp trào trào. Bản thép sáng loè loè sắc lạnh. Hình ảnh một kẻ trần truồng chém đầu ngựa trông kinh hãi. Chất thép rờn rợn. Hai chân trước của con vật đã khụy xuống, khoảng lưng đen nhẫn lềnh máu. Những móng ngựa nhồi xuống mặt đất chỉ còn là những dẫy vùng tuyệt vọng, thứ co thắt của ruột gan dứt đoạn. Máu ộc ra ở miệng, đôi mắt con vật đứng tròng nhìn trừng trừng lên nền trời bát ngát. Mình ngựa đã xụm xuống, Độ xắn lấy đầu giơ cao. Những đầu ngón tay tôi thâm tím đi vì sợ. Cặp mắt con vật, chính là cặp mắt của Lý Huệ Tông sau này ở chùa Chân Giáo.

Độ bước trở lên thềm, người tắm máu, dáng dấp của tên khổng lồ cuồn cuộn thịt gân. Xét theo sách tướng, Độ có thiên mệnh, nhưng thần sắc lại nửa rắn, nửa rồng. Không làm vua mà lại coi vua. Độ nhìn Trần Thị say mê, vẻ say mê hung bạo.

- Chị yêu tôi không?

Độ cúi xuống, hôn vào giữa đôi môi run rẩy của Trần Thị, một bàn tay sờ soạng phần ức trắng, mân mê nơi đầu vú. Rồi bàn tay truồn xuống bụng, Trần Thị thót người, co rút mình mẩy. Nhưng cử chỉ đối kháng chót cùng đó chỉ làm Độ giận dữ:

- Trao thân cho tôi là trao thân cho đất nước! Hiến thân cho tôi là hiến thân cho tộc Trần! Cớ chi phải sợ? Hay chị muốn như con ngựa này?

Độ quát.

Buổi chiều đó, tộc Trần khởi nghiệp trên thân xác Trần Thị.

Trích nhật ký thầy đồ.

III

U Đào đi ở cho dòng họ tôi, từ lâu lắm. Mỗi sáng u thường hay quẩn quơ trước bàn thờ, chữa lại hương án, rót nước, châm trà, rồi lau khắp lượt những mặt người quá vãng, từ tổ phụ, cố nội, bà, cho đến chú tôi mà ánh mắt cứ một ngày một nhạt phai trên bức vẽ. Không có ai trên bức vẽ mà u không biết. Từ cố có chiếc bình điếu bằng ngà khi làm đến chức Thái Sư có người dâng cây gậy bằng vàng lúc chết chôn theo, đến ông tôi từng đăng quang ở điện Thiên An, khi ông đi khuất chính u là người tự tay khâm liệm. Còn bà tôi theo lời u kể, chạy tản cư giặc nguyên từ kinh sư về tới phủ Thiên Trường dọc đường

trúng bệnh mà mất. Phút lâm chung bà tôi không ngớt kêu tên cố. Tại sao lại kêu tên cố mà không là ông? U Đào không bao giờ giải thích cho tôi rõ.

U Đào như thế, đã ở với từng người ấy của họ Trần. Bây giờ trong bức vẽ nhìn ra, không biết họ có còn trông thấy u? Từ thuở tấm bé, tôi đã trông thấy chiếc bóng của u vật vờ, dật dờ, làm như u đã ở cho tộc Trần suốt nhiều kỷ. Không rõ từ khi nào, nhưng chiếc bóng của u đã sâu lắm, chạm khảm vào trong trí não tôi như thể u chính là sự hiện diện của gian nhà thờ trong mỗi gia đình Việt, từ đời này qua hết đời khác, hết thế hệ này xuyên suốt thế hệ khác, luôn luôn ở đó bất di bất dịch.

Dạo ấy, mỗi sáng, qua khe hở của hai tấm ván ghép rời, lập lòe soi đỏ một tim đèn dầu thắp đêm ngày cạnh hương án, tôi đều trông thấy u Đào nhặt nhạnh từng cánh hoa tàn rụng rơi, vương vãi dưới gốc chân nhang. U quét tước phấn hương, xếp lại những quả na, bầy biện thêm những quả xoài cống từ đất Chiêm Thành vàng ửng màu cát. U không biết chữ, lại không có thì giờ đi nghe giảng kinh, nên đối với u dọn dẹp bàn thờ là một hành động hướng thượng. U rất chăm làm, ngày xưa Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị gọi u là sự tôi luyện của thời gian. Thời gian phơi trên mấy ngón tay trắng trẻo trẻ tràng của u lúc vào ở cho tộc Trần, cần mẫn sắp xếp hai thếp nhang, đôi nến trắng, một cho khám thờ Phật và một đặt trước bài vị gia tiên. Vẫn động tác đó, nhưng thời gian đã bào mòn, ăn nhấm từng đầu ngón tay, khiến lớp da nhão nhoẹt nhăn nheo như thứ da bị ngâm nước lâu ngày chỉ chực lột để lộ xương. Nhưng hình như u không để ý mấy tới việc thịt da mình bị tàn phá. U vẫn cẩn trọng quét dọn bàn thờ. Xong xuôi tươm tất đâu đó rồi u mới lẳng lặng, lặng lẽ lên gác mời tôi:

- Mời Thiếu Đế xuống lễ.

Chiếc bóng tôi đi trước, chiếc bóng u già cỗi theo sau. Trẻ thơ, song tôi sớm có ý nghĩ: U Đào chỉ là một chiếc bóng mờ câm sẵn sàng tan biến nhập hẳn vào từng thớ gỗ, trộn lẫn cùng mối mọt ở đà nhà mình. Chiếc bóng im lìm không động đậy nơi bức vách. Nếu không phải gia tộc Trần thì cũng là gia tộc khác. U sinh ra chỉ để đi ở, chấp nhận, bất lực.

Tôi thắp nhang, van vái, rồi thỉnh một tiếng chuông rước thầy, cố, cùng các nội tổ về. Quay lại trông thấy u, tôi lại tự hỏi: Tại sao gia phả của dòng họ Trần không thấy chép tên của u Đào? Dù u đã ở với chúng tôi nhiều kỷ. Cả một kiếp người, vậy mà u cũng chỉ giống giọt nước rỏ từ mái hiên điện xuống chậu kiểng, giọt nước kêu đánh "tạch" trên tàu lá rồi chảy xuôi xuống đất mất tích. Nếu nhìn từ toàn cảnh, tôi chính là cái chậu kiểng tiếp tục hứng giọt nước nhỏ mọn ấy chảy từ thân u Đào. Tôi, Thái tử Án - Trần Thiếu Đế - đứa trẻ được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, chăm sóc, chăm bón, để mong nối dõi cơ nghiệp của tộc Trần.

Song năm Kỷ Mão 1399, triều Trần đã bạc nhược lắm. Thượng hoàng Thuận Tông bị Quý Ly chuyên quyền đầy ra ở Ngọc Thanh Quán huyện Đông Triều tỉnh Hải Dương. Tôi cũng phải rời cung Bảo Thanh về ở phủ

Thiên Trường, mang danh hiệu Thiếu Đế mà không có quyền bính. Kẻ ăn, người ở trong nhà chỉ còn mỗi u Đào và bõ Phúc. Bõ Phúc cũng già lắm, lúc xưa là con của thầy đồ, được nội tổ Trần Hấp rước về dạy chữ Hán cho cụ cố Thủ Độ. Thầy đồ qua đời, con trai ở lại giúp việc rồi thành bõ. Lúc tôi bước chân ra sân, nắng rơi lác đác trên những tấm giấy chép chữ Thánh Hiền. Bõ Phúc đang ngồi lom khom phơi kinh sử, mặt bõ ngơ ngác, nói cười như mếu:

- Bẩm Thiếu Đế ra sân chầu?

- Đạo đã nát, chữ đã nhòe mực, bõ còn phơi làm chi?

Bõ nhướng mắt ngạc nhiên, những xấp kinh Luận Ngữ của Khổng Tử nhầu nát trong tay bõ. Những tấm giấy đen đủi chép Đạo Đức Kinh của Lão Tử ố vàng, thấm nước mềm ủng như bún. Bõ Phúc không hiểu tôi nói gì, lại cúi xuống chăm chỉ xếp từng tờ một, ngay ngắn, thẳng hàng. Những ngón tay già héo của bõ chậm chạp vuốt lại những trang Nam Hoa Kinh rồi bày trên mặt đá. Một cơn gió thổi bất ngờ làm chữ nghĩa bay tán loạn, bõ Phúc hối hả tất tả chạy đuổi theo cho tới lúc cả chiếc bóng bõ cùng những tờ giấy mất hút. Sân đá lạnh câm. Không chiêng, không trống, không cờ hiệu, không cả tiếng hát của cung nga, tôi đứng trơ trọi một mình. Phủ Thiên Trường lúc xưa là nơi khởi phát của tộc Trần, về sau là nơi các thượng hoàng sau khi truyền ngôi cho thái tử về dưỡng lão. Chiếc nôi của triều đại mỗi ngày một cũ mục, suy tàn. Tiếng gió lay lắt mấy tấm rèm cửa.

Mãi đến chiều bõ Phúc mới lượm hết chữ Thánh Hiền trở về. Mặt mũi bõ phờ phạc, thở hổn hển. Trông bõ tội nghiệp. Tôi lại đứng xem bõ nhẫn nại phơi kinh sử. Tôi muốn tìm người hiến kế, nhưng không có ai khác, đành hỏi bõ:

- Quý Ly muốn soán ngôi, tôi còn nhỏ dại, phải làm sao?

Bõ Phúc đang ngồi xổm, lấy đá lèn giấy, nghe tôi hỏi bỗng ngửng phắt lên chỉ tay xuống ao quát:

- Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo! Trận này không phá giặc thề không trở lại khúc sông này nữa!

Vẻ mặt bõ Phúc đột ngột hùng dũng, quả quyết. Tiếng nói đanh thép của người bõ già làm tôi muốn khóc, không ngờ những phút lâm chung của gia tộc hãy còn người trung. Tôi ôm chầm lấy bõ Phúc, quỳ vội xuống đỡ bõ đứng dậy. Tôi vái sống bõ Phúc hai vái.

- Trời ơi! Mệnh trời chưa hết mới xui bõ về đây, thiên mệnh nhà Trần chưa hết, mai này về được kinh sư tôi nguyện không quên ơn cứu giúp! Vậy bõ có kế chi?

Bõ Phúc cũng xúc động lắm, hai vai run run, đưa tay vấn lại khăn nhiểu. Mặt bõ băn khoăn, hết quấn khăn rồi lại vuốt vạt áo thâm, mãi mới ấp úng:

- Nhổ cỏ thì phải nhổ cả cái rễ nó đi!

Tôi sững người chưa hiểu bõ Phúc muốn nói gì. Thấy bõ do dự, tôi gặn hỏi:

- Cỏ nào? Ở đâu?

Lúc ấy, tự nhiên mặt mũi bõ Phúc mất hết thần khí, chỉ còn lại thân xác khô vắt của một kẻ già. Nhìn vào đôi mắt bõ trống rỗng, ngơ ngác, hai đồng tử bạc phếch lờ đờ, tôi chợt hiểu. Hai cha con bõ Phúc theo hầu nội tổ Thái Sư Thủ Độ và họ Trần đã quá lâu, về già chẳng còn biết gì nữa. Tôi muốn giở cười, giở khóc, dâm giận mình thiếu lý trí, kế giữ ngôi báu không ai hỏi kẻ ở đợ trong nhà.

Lúc tôi quay gót trở vào trong, hàng liễu rũ đứng dưới sắc trời chiều chạng vạng, vẩn vơ chiếc bóng của bõ Phúc hãy còn ngồi lom khom ngờ nghệch phơi ủ chữ Thánh Hiền.

Đêm đó, sau bữa cơm, tôi hỏi u Đào:

- Tộc Trần chỉ còn một mình tôi ư?

- Bẩm Thiếu Đế còn đông lắm.

U mỉm cười, hàm răng nhuộm đen tuyền làm vẻ mặt u thêm trắng. U nói u không bao giờ lớn, trước tôi không tin, bây giờ nhìn u đứng trong bóng tối, vóc vạc nhỏ nhắn, hai tay xuôi mềm, hai chân bé bỏng, sau lớp da nhăn còn giữ dáng dấp thiếu nữ, tôi mới nhận ra u hãy còn rất trẻ. U bưng khay trà, rót vào chung kính cẩn mời:

- Bẩm Thiếu Đế ngự.

- U nói sao, tôi không hiểu. Đông là những ai?

- Bẩm tất cả.

U lại nhìn tôi do dự. Có điều gì bí ẩn u muốn giấu. Tôi nắm lấy tay u, u run se sẻ, tôi cảm nhận rõ ràng mạch máu ấm giữa lòng bàn tay u chảy mạnh. Có lẽ u chưa bao giờ biết đàn ông.

- U còn thương tộc Trần thì dẫn tôi đi gặp.

Đôi mắt u buồn lắm. Đôi mắt u nhìn kỹ trong veo như đáy sông Thao, phảng phất tia nhìn của Linh Từ Quốc Mẫu. Tôi ôm u vào lòng và u bật khóc. U Đào khóc nấc nở, nước mắt u đầm đìa, những giọt nước mắt của bao nhiêu năm câm nín, cam chịu, của nhẫn nhục cô đơn. U nuôi tôi từ tấm bé, nhưng chưa bao giờ tôi thấy u khóc nhiều và thành thật như tối đó. Tôi biết u không thể nói, nên u phải khóc. Tôi cũng khóc, vì gia phả tộc Trần xuống tới đời tôi là hết. Quý Ly đã sai Phạm Khả Vĩnh đi giết thượng hoàng Thuận Tông, như ngày xưa nội tổ Thủ Độ sai thắt cổ Lý Huệ Tông chồng Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị ở chùa Chân Giáo. Vài hôm nữa chắc Quý Ly cũng cho người đến bắt ép tôi uống độc dược tự tử. Tôi úp mặt vào ngực u thổn thức. Nhưng u Đào đã lặng lẽ lạnh lẽo gỡ tay. Những giọt nước mắt của u sau mau cạn? Tôi dâm ngờ u không khóc cho tộc Trần.

- Bẩm Thiếu Đế đã đến tuần.

U đốt đèn lồng dẫn tôi vào sân trong. Khoảng sân lưa thưa gió, tối ám, nước rỉ hai bên vách tường lâu năm bám ẩm rêu. Khói nhang từ lư hương với vàng mã đốt liên tục cay nồng nặc. Bõ Phúc đứng đợi kéo ngai cho tôi ngồi. U Đào đốt thêm nhang đèn vàng mã. Tiếng nước nhiễu xuống vại nước nghe rõ mồn một. Cả một bức tường đồ sộ soi ánh trăng sáng như một trụ tháp ngà

dát bạc. Bức tường sừng sững vĩ đại, bên trên khắc chi chít tên tuổi của những người trong tộc Trần, cùng những chiến công lẫy lừng từ trận Tây Kết, đến Hàm Tử Quan, Vân Đồn, Bạch Đằng, hội nghị Bình Than, Diên Hồng... Nghi tục của các vua Trần về ở phủ Thiên Trường là mỗi tối phải mặc niệm trước bức tường đã ghi chép chiến tích. Tôi cũng không thoát ra khỏi tập quán đó.

U Đào với bỏ Phúc xá lạy rồi bước ra. Chỉ còn tôi với chiếc ngai và bức tường mỗi lúc một sáng lộng lẫy. Ban đầu tôi tưởng là sáng trăng, song cứ mỗi lúc ánh sánh càng rực rỡ chiếu phát như bức tường là cả một khối ngọc khi ửng đỏ lúc long lanh ngời ngời. Ánh sáng huyễn hoặc thu hút đến độ tôi không sao rời mắt đi được. Người tôi mụ đi, chả trách bao nhiêu đời vua Trần đều say mê chiêm ngưỡng bức tường. Ánh sáng từ bức tường thấm vào người tôi tới đâu tê mê tới đó, máu như thông chảy trong cơ thể, sảng khoái, rã rượi, ngọt lịm như say, toàn thân tôi vẫn ngồi yên trong ngai mà như ân ái với nhiều cung nữ, với Chiêu Thánh, với Thuận Thiên, với Linh Từ Quốc Mẫu, với cả u Đào. Ánh sáng cứ một lúc một mãnh liệt từng vòng tứng vòng lớn mãi. Ánh sáng chỉ thoi thóp tắt dần khi trời ửng sáng. Nhiều đêm, nhiều tháng sau, mỗi tối tôi đều đến với bức tường. Cho tới lúc tinh khí kiệt quệ, tôi mới hiểu thứ ánh sáng huyễn mộng đó đến từ hào quang của quá khứ.

Hết nhật ký của Bảo Ninh Vương Nguyên Trần Thiếu Đế.

TRẦN VŨ
19.8.1992
Sainte Maxime



THANH TÙNG

gửi người đánh cá họ hoa

Năm xưa các anh mời tôi ăn con cá đánh được trên mặt biển
Cát Bà tôi vẫn nghĩ con cá đó có thể đến từ mặt biển Trung Hoa
Năm nay các anh đã đi xa vẫn làm nghề đánh cá, những con
cá các anh bắt được trên mặt biển Trung Hoa tôi lại nghĩ
có thể đến từ mặt biển Cát Bà bởi những con cá có bao giờ
mang hộ chiếu

1980
THANH TÙNG
(Trong nước)



HOÀNG XUÂN SƠN

họa

Tặng anh Võ Đình

Ngồi vẽ lên mặt đá
những hình mây phất phơ
biến vào hoa vô tạng
chim cao. vực thẳm. bờ
Montréal, 6-92

rượu khóc

Rượu trói chân vào câu nhã hứng
ngồi quanh chưa đủ mặt vong thần
đã ngâm mỏi giọng hồn bi thiết
đêm dài sương khói cũng tà huân
Ô hay! uống rượu làm sao khóc?
kẻ rưng rức lên ngấn lệ đầy
còn người cảm khái đời cô độc
lửa đốt chưa vàng những ngón tay
Ai hát bài ca người nô lệ
tự do bốc cháy nửa cung đàn
đời như nhát búa nghìn cân nặng
một thoáng sinh cầu cũng nát tan
Gặp đây chưa thỏa giang hồ vặt
mai người trở lại chốn huyền lâu
thuyền mây tan tác bao giờ ngộ
đâu quán hà giang, giải kiếm sầu?

HOÀNG XUÂN SƠN



TRẦN SA

bản chính

Tặng Q.C và M.

Trong một giấc ngủ, Nhiên mơ thấy nàng gặp lại nàng thời nhỏ. Nhiên Nhỏ khoảng mười bốn mười lăm tuổi, da nâu hồng rám nắng, mặc quần áo vải thô sờn rách màu xanh trời, bộ điệu man dã ngây thơ như nai con. Nàng cầm hai bàn tay cô, mừng rỡ, ngắm nghía từng nét một, cả đến những sợi tóc mai và những chiếc lông măng. Đầu hơi cúi, cô bé liếc liếc nàng, hai rèm mi cười rung rung. Đôi tay cô vùng vằng nhè nhẹ, như muốn được thả ra để dọt đi chơi cho rồi nhưng lại sợ làm nàng buồn giận. Cô trông giống nàng quá, và dĩ nhiên là trẻ trung mạnh khỏe hơn. Cô có vẻ đẹp của một đức trẻ lớn lên từ núi đồi hoang dã. Tim nàng chao nhẹ. Nàng hỏi:

"Nhiên có biết tôi là ai không?"

Nhiên Nhỏ lắc đầu. Nàng nói:

"Tôi là Nhiên đó."

Cô bé cười ha ha như nàng vừa mới nói đùa.

"Làm sao chị là tôi được? Chỉ có tôi mới là tôi thôi!"

"Thật mà! Tôi là Nhiên. Tôi là tương lai của Nhiên. Nhiên là ngày xưa của tôi. Tụi mình là một người."

"Thôi mà. Tôi không hiểu đâu. Hiểu để làm cái gì! Thả tôi ra cho rồi!" cô năn nỉ.

"Nhưng Nhiên đi đâu bây giờ vậy? Cho tôi theo với."

"Tôi đi tìm bạn của tôi. Chị sẽ không thích những trò chơi của bọn tôi đâu. Tôi thì chán những sự tính toán nhỏ nhặt của người lớn! Chị là người lớn."

Cô vuột ra khỏi tay nàng bỏ chạy. Được một đỗi ngắn cô quay đầu lại nhìn nàng, nói to:

"Nếu chạy được như tôi thì mới là tôi!"

Nàng chạy theo, giẫm lên những chiếc lá vàng mục ẩm sương. Nắng vừa mới lên, dịu dàng lấp lánh trên cành lá. Nhiên Nhỏ chạy băng băng, thỉnh thoảng lăng quăng lòng vòng quanh những gốc cây như để chờ đợi nàng. Cô nhảy vút qua vài tảng đá nhỏ, dần dần bỏ xa nàng... Đến khi hình dạng cô chỉ còn là một dấu chấm nhỏ tí nhảy múa giữa hai màu lá xanh và đất nâu thì nàng cũng nhòa biến, cùng lượt với tiếng thổn thức của một chiếc lá vừa rụng. Không biết ở đâu.

Nàng nhớ giấc mơ ấy nhiều ngày. Nhớ màu da rám nắng và những sợi lông măng thật mỏng óng ánh trên khuôn mặt như trái cây chuẩn bị ửng chín của

Nhiên Nhỏ. Nhớ đôi tay vùng vằng và cái cười hơi thẹn. Những câu nói và đôi chân nai rừng chạy thoăn thoắt...

Buổi sáng sau giấc mơ, nàng đứng trước bồn rửa mặt, ngước khuôn mặt dẫm ướt lên nhìn mình trong gương cố tìm dấu vết của Nhiên Nhỏ. Nàng ngó đăm đăm hai con mắt mệt mỏi. Nàng nhếch môi để cười. Nàng cười to lên. Nụ cười tiếng cười lạ lẫm, gượng gạo làm sao! Bằng cách nào mà tôi đã để mất, đã đánh mất, đã bị cướp đoạt hoặc bôi xóa mất ánh hồn nhiên trong mắt và vẻ vui tươi của nụ cười? Đó là những điều thuộc về tinh thần, nào có lệ thuộc bởi thời gian đâu? Lời nói của Nhiên Nhỏ càng lúc càng sắc rõ trong trí: "Tôi thì chán những sự tính toán nhỏ nhặt của người lớn". Một sự phê phán quyết liệt và ngây thơ. Chỉ có trẻ con mới quyết liệt, ngây thơ được như thế. Thật ra, nếu nghiêm khắc hơn, cô có thể chê trách nàng là một kẻ lười biếng, yếu đuối và hèn nhát nữa kìa. Khi đuổi theo phía sau lưng Nhiên Nhỏ, mắt nàng đã không ngừng kiểm soát mặt đất, hoàng hốt tránh né những viên sỏi, nhánh cây. Nàng sợ phải trợt té. Nàng trèo qua những tảng đá một cách thận trọng vụng về trong khi Nhiên nhỏ nhảy phóng qua chúng một cách rất ngoạn mục. Và khi khoảng cách giữa họ bắt đầu hơi xa, nàng đã chạy chậm lại dần với tư tưởng đành bỏ cuộc. Nàng biết trên hai đầu gối của cô bé có rất nhiều vết sẹo, kết quả của bao lần té ngã. Nhưng chúng nào có làm đôi chân kia rụt rè hơn một chút nào đâu. Tại sao càng lớn người ta càng sợ té, sợ đau?

Có thể giấc mơ ấy sẽ không bao giờ còn lặp lại. Có thể nàng sẽ gặp lại Nhiên Nhỏ - tùy mức độ tha thiết, ý chí lẫn sự làm việc của não bộ nàng - theo hình thức khác. Cuộc gặp gỡ sẽ mơ hồ hơn hoặc trọn vẹn hơn, nàng chưa biết được. Duy một điều nàng biết, là lần hội ngộ mộng mị và cảm động vừa rồi đã khơi dậy lại trong nàng cảm giác yêu thương - và niềm khao khát được sống trọn vẹn với - chính mình.

Lẫn trong đống giấy tờ sách vở gởi lại ở căn nhà của cha mẹ nàng là một cuốn sách cũ của H. Hesse. Cha nàng nói: "Con hãy lựa những gì con muốn giữ lại, những thứ không cần thiết thì xe đổ rác sẽ mang đi". Căn nhà đã bán. Cha mẹ nàng chuẩn bị dọn về chung cư. Khi tất cả con cái đã lớn, người có gia đình riêng, người đi làm xa có chỗ ở riêng, họ không còn muốn giữ lại căn nhà có sân vườn quá rộng đòi hỏi nhiều chăm sóc: cắt cỏ mùa Hè, quét lá mùa Thu, xúc dọn tuyết mùa Đông. Nàng đi loanh quanh trong căn nhà đã từng ở mười năm, nhìn nó lần chót với niềm lưu luyến nhẹ nhàng. Khi vào căn phòng cũ của mình lục soạn chọn lựa những gì giữ và không giữ, nàng cầm lên một cuốn sách cũ, giấy đã vàng ố. Tờ bìa đã mất. Sau lời tựa của Mann là hai câu của Hesse chiếm trọn một trang giấy: **Tôi chỉ muốn sống hòa hợp với những giục giã đến từ cái tự ngã thực sự của tôi. Tại sao ước vọng chỉ có thế mà lại quá đỗi khó khăn?** Đọc lướt vài chương sách, nàng bắt gặp tác giả tự trả lời: **Cả một xã hội đã làm nên những người sợ hãi cái vô danh trong con người họ***. Nàng xếp cuốn sách lại, vuốt nhẹ lên trang đầu tiên, nơi có chữ ký

của Vũ Anh, bên dưới ghi năm 1977. Đầu nàng đột nhiên ngân nga lại một đoạn âm thanh của bài hát ngắn nàng viết năm mười chín tuổi, với tất cả sự đơn sơ của nó:

Vũ Anh Vũ Anh
Con Chim trên đồi
Vũ Anh Vũ Anh
Hót lời yêu tôi

Tội nghiệp Vũ Anh. Đây là cuốn sách Vũ Anh mê thích thời hai mươi tuổi. Vũ Anh đưa cho nàng ngày nàng cùng gia đình rời khỏi Việt Nam với lời hẹn "Gặp lại nhau ở bên kia biển!" Bây giờ Vũ Anh không còn ở đâu cả, cũng như Hesse. Họ đã biến vào đất cát, vào không khí, mang theo tất cả bao nhiêu ước mơ, bao nhiêu điều muốn thấy thời còn sống.

Ngực nàng đau buốt chỗ trái tim, khi hình ảnh Vũ Anh lại mơ hồ thoáng hiện trong trí nhớ. Cô gái tóc dài ngang lưng, khuôn mặt trắng đẹp lạnh lùng, ngồi đánh trống trong ban nhạc nữ sinh. Những lần trình diễn chung, nàng đàn guitar và hát giọng chính. Thỉnh thoảng ở giữa bản, nàng quay đầu lại cười với Vũ Anh. Lúc nào Vũ Anh cũng đưa hai ngón tay lên thành chữ V, nháy mắt cười lại với nàng. Hình ảnh này nối hình ảnh nọ. Nàng ngồi lặng lẽ, để cho mọi kỷ niệm trở về. Nàng mỉm cười, nhìn thấy lại cô Vũ Anh nhảy cẫng lên hét lớn: "All right!" ngày hai đứa cùng có tên trên danh sách những người thi đỗ. Là người duy nhất đỗ ưu hạng của lớp. Vũ Anh mở tiệc khao tất cả bạn bè. Đêm bày tiệc trong vườn, Vũ Anh ép hai mươi đứa con gái cùng uống rượu. Nàng uống hai cốc rượu đầu tiên trong cuộc đời, ngồi ngây dưới giàn bông giấy đỏ nghe Vũ Anh tranh cãi với một người bạn. Giọng Vũ Anh nhiệt thành sôi nổi: "*Nếu bạn không sống trọn vẹn như là chính bạn, bạn sẽ không là cái quái gì cả! Bạn chỉ là một bản sao, một sự rập khuôn, một con số không đứng trước những con số không khác, một con ốc vít cùn trong bộ máy, hoặc bất cứ cái gì khác đáng chán nhất trên đời!*" Đêm đó Vũ Anh sao mà đẹp! Vũ Anh đánh mắt màu tím nhạt và tô son hồng bạc. Lần đầu Vũ Anh trang điểm! Chiếc áo đầm nhung tím hở vai làm Vũ Anh lớn hẳn. Nàng ngồi im, chỉ cười và ngắm người bạn thân nhất của hai năm cuối cùng thời trung học, thấy Vũ Anh như gần như xa. Sắc đẹp lộng lẫy của Vũ Anh, sự thông minh khác thường của Vũ Anh, kiến thức và những lời nói đi trước tuổi của Vũ Anh, cộng với ngày chia tay đã cận kề... làm nàng thấy buồn buồn: Có lẽ nàng sẽ mất Vũ Anh. Một Vũ Anh luôn luôn quấn quít bên nàng, lo lắng giúp nàng bài vở, hốt hoảng khi nàng ngã bệnh, ước nước mắt khi nàng khóc. Một Vũ Anh luôn luôn chia đôi bất cứ cái gì có được cho nàng, chăm sóc từ tinh thần đến vật chất. Từng cuốn sách hay vừa đọc được, từng bản nhạc hay vừa nghe được, từng chiếc áo đẹp nhìn thấy được...

Tiệc tàn lúc mười hai giờ đêm. Vũ Anh tiễn bạn bè ra đến cổng. Nàng vào ngồi ở hàng hiên, đàn một khúc nhạc. Vũ Anh tắt những ngọn đèn trước sân, đến ngồi bên cạnh. Trong khi nàng đàn, Vũ Anh nhặt những viên đá nhỏ dưới

chân quẳng vu vơ về phía trước. Khu vườn trước mặt mới đây còn rộn rã tiếng cười bây giờ lại lặng lẽ âm u quá.

"Hát đi, Nhiên. Mai mốt chẳng còn nghe Nhiên hát nữa."

"Hát gì bây giờ?"

"Hát gì cũng được."

Nàng hát: "Giờ này còn gần nhau... Còn thắm thiết..." Chỉ được vài câu, rồi nghẹn. Vũ Anh hát, giọng trần xuống, gần như thì thào. Dứt bản, Vũ Anh ngồi im lặng như một cái tượng đá. Nàng để đàn qua bên.

"Bây giờ thì thấy buồn quá". Giọng Vũ Anh nhỏ, ướt. Vũ Anh cầm tay nàng, mân mê những ngón tay:

"Học ngành gì thì học, nhưng đừng bỏ chơi đàn, nghe!"

"Ừ."

"Hứa?"

"Hứa!"

Họ đã ngồi ở cái hàng hiên này, cạnh nhau như thế này, chẳng biết bao nhiêu lần, bao nhiêu buổi tối. Nhưng lần này không giống những lần trước. Vũ Anh ngồi đụng sát người nàng, hơi thở còn thơm men rượu nho.

"Hơi say say, Nhiên ơi."

"Nhiên cũng thế."

Nàng nhắm mắt. Mọi ý nghĩ bềnh bồng trắng xóa bay bay như mây. Mà nàng cũng chẳng muốn nghĩ gì nữa, ngày mai thuộc về ngày mai. Bây giờ nàng chỉ muốn ngồi cạnh Vũ Anh. Với cảm giác Vũ Anh đang nhìn, nàng mở mắt ra thấy Vũ Anh đang nhìn mình thật. Ánh mắt nóng, nồng nàn. Nàng đã bắt gặp Vũ Anh nhìn mình như thế rất nhiều lần. Và đã, khi thì bối rối ngượng ngập, khi thì cợt đùa vờ vĩnh, để làm nó biến mất đi. Lần này thì không lẩn trốn nữa, nàng nhìn lại Vũ Anh, sẵn sàng tiếp nhận bất cứ điều bất thường nào từ cá tính mạnh mẽ, linh động và quyến rũ của con người Vũ Anh. Bạn bè đã khuyến cáo nàng - với đầy đủ sự tò mò thú vị lẫn sợ hãi của họ - "Coi chừng Vũ Anh đồng tính luyến ái đấy Nhiên. Nó mê Nhiên quá chừng. Mấy năm trước nó đã mê Soeur Paulina dạy nhạc. Bây giờ nó mê Nhiên đấy!" Mẹ nàng cũng thắc mắc: "Sao Vũ Anh cứ quấn lấy con thế? Gặp mặt ở trường không đủ sao mà tối nào cũng tới kiếm nữa?" Cái "mê" của Vũ Anh tưới đẫm lấy nàng suốt những ngày cuối cùng bậc trung học như dầu xăng, và một cách lặng lẽ, thầm kín, nàng thấm hút lấy tất cả, chờ được bốc cháy.

Nàng nhớ rất rõ cảm giác cái hôn môi lần đầu tiên của đời mình hôm đó. Hơi thở như hương cỏ non trộn lẫn rượu nho của Vũ Anh. Đôi môi êm dịu, chiếc lưỡi ấm mềm mại của Vũ Anh quấn hút mơn man. Nó làm choáng váng, làm say. Cái say dịu dàng, dễ chịu, mà mạnh mẽ còn hơn hai ly rượu ban nãy nàng đã uống. Tim nàng đập vang trong lồng ngực. Nàng mềm nhũn, ngây ngất, không còn biết gì ngoài, không còn biết gì khác. Nàng đang ở đâu, nàng là ai... Chẳng biết chi nữa hết. Nàng níu lấy thân hình thon và êm của Vũ Anh, run nhẹ lên theo từng cái vuốt ve của Vũ Anh luồn trong áo dọc trên da thịt.

Vũ Anh hôn lên cổ lên vai nàng rồi cắn mạnh ở cánh tay. Nàng bật kêu nho nhỏ. Vũ Anh cười thầm thì sát bên tai: "Đau hả?" rồi ngậm xiết phần thịt da bị cắn của nàng. "Để Nhiên nhớ...", Vũ Anh nói thế. Lưỡi Vũ Anh ấm nóng xoa dịu vết đau.

Giữa những cái hôn họ buông nhau ra để thở và nhìn đắm đuối mặt nhau. Đôi lông mày thẳng và đều, hai hàng mi đen rậm, và mắt của Vũ Anh, sao buồn và đẹp thế này. Sao bỗng chốc họ lại gần nhau quá vậy, gần đến nỗi những gì của Vũ Anh là chính nàng và nàng đã là của Vũ Anh. Môi Vũ Anh cuốn hút như nam châm, nàng mê mang nhập vào với những ý nghĩ rộn rã về hạnh phúc.

Những ngày hôm sau, thỉnh thoảng nàng lại vén tay áo lên nhìn ngắm cái vết hồng trên cánh tay. Nàng sợ nó phai đi mà cũng sợ người khác sẽ nhìn thấy. Soi gương, nàng có cảm tưởng mình đã lớn hơn nhiều lắm, với một bí mật trồng trong trái tim đang mọc rễ đâm chồi kết lá nở hoa màu sắc rực rỡ khác thường. Từ đấy cho đến ngày chia tay mỗi đứa học ở một tỉnh, nàng và Vũ Anh không thể rời nhau. Nhiều đêm nàng ngủ lại với Vũ Anh trong căn nhà vắng rộng. Mỗi buổi sáng, Vũ Anh thức nàng dậy bằng những ngón tay nghịch ngợm vuốt dọc thân thể nàng hay những cái hôn lên má và những tiếng nói thì thầm bên tai. Vũ Anh mua bún bò từ gánh hàng trước cổng mang vào tận trong phòng cho nàng, dành phần xắn ớt vắt chanh. Vũ Anh làm café, nâng tách kề tận môi nàng, chờ đợi nàng uống từng hớp nhỏ. Thời gian đó nàng bắt đầu viết ca khúc. Lúc nàng loay hoay với cây đàn, trang giấy và những nốt nhạc đen trắng nhảy tung tăng, Vũ Anh ngồi chống cằm ngắm nàng, gật đầu, lắc đầu ở những đoạn nhạc Vũ Anh cho là hay, hoặc chê là "không được. Trục trặc trúc trắc thế nào ấy!" Có khi Vu Anh ngồi trên thành cửa sổ, hút thuốc và gõ những ngón tay trên thành gỗ thay nhịp trống. Đó là những ngày rất đẹp của cuộc đời nàng. Những ngày cùng với Vũ Anh, nàng khám phá chính mình, cảm xúc và thân xác mình trước một con người khác. Cách xa Vũ Anh vài giờ là nàng muốn điên lên vì nhớ. Trước đây, ngày nào đến lớp không thấy Vũ Anh nàng cũng thấy thiếu vắng, nhơ nhớ, mong mong. Nhưng cường độ cái nhớ bây giờ đã nhân lên gấp mấy lần như thế. Vũ Anh nói: "Vậy là Nhiên có yêu..." Đó là kết luận của Vũ Anh. Nàng thì không dám khẳng định như thế. Đôi khi, trong suốt thời gian thiếu nữ của mình, nàng vẫn mơ mộng đến một người đàn ông nào đó. Anh ta - nàng tưởng tượng - có khuôn mặt đẹp, da mịn màng, mày thẳng, mắt sáng, mũi cao, môi đầy đặn, cằm vuông. Anh ta cao vừa phải, cân đối, thanh mảnh. Một con người cương quyết, thông minh, có nghị lực, nhạy cảm, dịu dàng, có được sự kết hợp đẹp đẽ giữa bộ óc khoa học và trái tim nghệ sĩ. Một ngày nào đó nàng sẽ lấy anh ta làm chồng. Họ sẽ sinh hai đứa con. Nàng còn tìm một cái tên lạ và đẹp để đặt cho anh ta (trong số những cái tên Đoan, Đô, Doanh, Huyên, Mẫn, Mai Khôi v.v... mà nàng đã chọn, đến bây giờ thì nàng nhận ra, đa số đều có âm hưởng dịu dàng và thiên về nữ tính!). Không thể chối cãi niềm đắm đuối mê

say giữa nàng với Vũ Anh, nhưng nàng đã nghĩ, đó là một thứ tình vượt khỏi tình bạn thông thường, mà vẫn chưa phải là tình yêu. Tiếng "yêu" từ Vũ Anh làm nàng thấy sờ sợ. Từ xã hội chung quanh, trong phim ảnh sách báo nàng xem đọc, nàng chưa bao giờ được nghe, nhìn hai người đồng phái nào nói yêu nhau. Phải là tiếng yêu âu yếm dịu dàng ngọt ngào phát ra từ chính họ kìa. Không phải từ những bài báo tường thuật lại với thành kiến chủ quan riêng thành những thứ tin tức giật gân, không từ những màn ái ân có mục đích kích thích dục tính chiếu thoáng qua trên phim ảnh. Nàng vẫn băn khoăn tại sao tình yêu đồng phái lại là điều cấm kỵ? Người ta nói đến nó bằng một thái độ kỳ cục như nói về một thứ bệnh kín. Tại sao không ai dám đem những mối tình đồng phái đẹp đẽ và hạnh phúc vào sách truyện, phim ảnh hay kể cho nhau nghe? Trong một cuốn sách y học rất cũ, tác giả là một ông bác sĩ - có lẽ bây giờ cũng đã hòa tan vào trong đất và nhập vào cõi vô cùng tịch mịch - đã cho rằng tình yêu đồng phái là một chứng bệnh tâm lý (về sau nàng biết, chẳng chỉ mỗi mình ông ta viết ra sách như thế. Và tất cả những người như ông đều được chứng minh họ viết như thế là sai). Cuốn sách ấy làm nàng đau đớn bực dọc, như thể ông bác sĩ kia có ác ý muốn làm tổn thương nàng vậy. Vũ Anh là một bệnh nhân sao?

Chứng bệnh gì mà lại làm Vũ Anh thông minh tài hoa, quyến rũ và mạnh mẽ đến như vậy! Mỗi lần có nàng bên cạnh, Vũ Anh tươi tắn hạnh phúc như một đóa hoa nhận đầy đủ mặt trời và dưỡng chất. Dĩ nhiên nàng chẳng thể nào tin cái chẩn đoán "bệnh" ấy, cũng như không tin rằng những người thuận tay trái có "tật xấu" ấy vì thói quen, và thói quen thì có thể sửa được!

Thế nhưng mà, nàng vẫn cứ sợ hãi cái tiếng "yêu" phát ra từ đôi môi xinh đẹp của Vũ Anh - dù nàng chẳng bao giờ tránh được cái lực hút của nó - cũng như đã dấu kín vết răng cắn trên tay mình, không để ai nhìn thấy.

Quân điện thoại rủ nàng ra quán café Roméo nơi anh đang ngồi chờ. Anh nói muốn cho nàng xem những bài thơ anh mới dịch, và phải uống café pha thật đậm mới "phê". Từ nhà nàng đi bộ ra Roméo chỉ có mười lăm phút. Sáng thứ bảy nắng thu dìu dịu trên con đường ngang qua những căn nhà có cỏ xanh và những loài hoa nở muộn. Đi hết con đường nhỏ ấy, nàng rẽ ra dãy phố đầy những bảng hiệu đủ màu và cửa gương nhốt bên trong các người bán hàng buồn chán của thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Mười lăm phút đồng hồ đi bộ, nàng đi qua, nhìn thấy khoảng vài ba chục người, Họ trắng, đen, hoặc vàng như nàng, có người pha trộn giữa các màu ấy. Họ nhìn lướt nhau, đi qua mặt nhau, dửng dưng, lạnh lùng. Bỗng dưng nàng muốn làm một bài toán đơn giản. Mỗi người, trong số mấy chục con người nàng nhìn thấy sáng nay, trong suốt cuộc đời họ, đã nhìn thấy bao nhiêu người? Giả thử lấy một con số (không lấy gì là quá đáng lắm) là một trăm năm chục ngàn người (số tuổi trung bình là bốn chục, số người trung bình mỗi ngày nhìn thấy: mười!). Trong số một trăm năm chục ngàn người ấy, được bao nhiêu người được gọi

là quen biết? Trong số những người quen biết, bao nhiêu người có thể gọi là bạn. Trong số gọi là bạn, bao nhiêu người gọi là chí thiết? Trong số những người bạn chí thiết, bao nhiêu người *thực sự* thương yêu mình? Trong số những người thương yêu mình, có bao nhiêu người mình yêu? Con số thành có thể là zero cho quá nửa những người nàng nhìn thấy hôm nay, và cho hàng tỷ con người trên trái đất. Từ con số một trăm năm chục nghìn tụt xuống thành zero (hay cao lắm là hai, ba, năm, bảy...) cũng là điều đáng để người ta suy nghĩ lắm chứ. Người ta có thể - trong những ngày mùa Thu lá bắt đầu vàng úa này - nghĩ rằng mỗi người là một dấu chấm nhỏ rí trên quả địa cầu mênh mông. Nhân loại là hàng chục tỷ cái dấu chấm đang lung linh nhảy múa bên nhau để sinh tồn. Nhìn từ rất xa, chúng giống như một khối. Nhìn gần, chúng có vẻ là từng khối nhỏ quây quần. Nhìn gần nữa, hầu hết những dấu chấm là những điểm cô độc! Có những dấu chấm chỉ kết hợp lại với nhau với mục đích duy nhất là tạo sức mạnh để tiêu hủy các dấu chấm khác nhằm nới rộng vị trí (vị trí của những nhúm cát trên sa mạc!) Nhưng mà cũng có những dấu chấm nào đó sẽ biết tìm đến nhau với tình thương chứ. Nếu không thì ý nghĩa của sự sinh tồn là gì?

Trong khi chờ đợi nàng đến, Quân đã uống cạn một tách café. Anh nhổm người lên nhoẻn miệng cười khi nàng đẩy cửa bước vào quán, và gọi thêm hai tách café sữa. Những bài thơ để trên mặt bàn, bên cạnh cái lọ cắm hoa cúc trắng. Nàng kể cho anh nghe ý nghĩ của nàng trên đường đến quán. Anh nghe một cách thú vị, hai ngón tay trỏ và giữa gãi gãi chiếc cằm. Nàng mỉm cười nhìn cái cằm vuông của anh. Anh cao hơn nàng một cái đầu, người cân đối thanh mảnh, mày thẳng, mắt sáng, mũi cao. Kỹ sư và nhà thơ, thông minh, nghị lực, dịu dàng, kết hợp đẹp đẽ giữa bộ óc khoa học và trái tim nghệ sĩ: chàng trai trong tưởng tượng của nàng năm mười tám tuổi.

"Điều thú vị là," Quân cười, "Nhiên vừa nói về một vấn đề mang tầm cỡ nhân loại vừa nhìn cái cằm nhỏ bé của anh mà cười! Nhiên là một cô bé rất ngộ nghĩnh!"

"Gọi em là cô bé à? Quân làm em mừng đó!"

"Không là cô bé thì là gì? Bác hay bà đây? No way, man! Nhiên lúc nào cũng có nét trẻ thơ, dù là lúc tỏ ra mệt mỏi. Tên của Nhiên rất đúng với Nhiên".

Nàng mừng thật. Nàng reo lên "Nhiên Nhỏ" trong đầu, nghe thấy tiếng cười của cô mơ hồ rộn rã với bước chân chạy nhảy hồn nhiên trên đất đá địa cầu, tìm về lại với nàng.

"Nghe đoạn thơ này nhé, của Walt Whitman. Nhiên sẽ thấy nó có liên quan đến những gì Nhiên vừa nghĩ trên con đường đến quán".

Anh hắng giọng, bắt đầu đọc.

Linh hồn chẳng hơn gì thể xác
Thể xác chẳng hơn gì linh hồn
Không điều gì, ngay đến Thượng Đế, đối với con người,

lại cao cả hơn chính hắn
Và bất cứ ai bước đi một phần tám dặm đường
mà chẳng có chút tình thương nào cho kẻ khác
Sẽ đi về phía mộ phần mình
Trong một chiếc áo tang.

Nàng ngắm khuôn mặt thanh tú của Quân trong lúc anh đọc thơ. Có lúc nàng thoáng có ý nghĩ muốn hôn lên làn da nâu và đôi môi đó của anh. Rồi tình yêu sẽ bắt đầu, nàng sẽ yêu anh say đắm, săn sóc anh, nghe anh đọc thơ cho tới răng long tóc bạc. Sẽ sinh hai đứa con với anh và đặt cho chúng những cái tên xinh đẹp ngày xưa nàng đã chọn. Nàng sẽ viết nhạc lúc con đang ngủ. Đôi khi Quân cũng sẽ muốn ngồi với nàng trong khu vườn khuya, dưới trăng, để nghe nàng đàn hát những gì xuất phát từ trái tim nàng.

Quân lại gãi cằm, cái cằm vuông của anh, đọc tiếp một bài thơ khác, rồi một bài thơ khác nữa. Nàng vẫn chăm chú nhìn anh. Chưa từng thấy người kỹ sư điện nào yêu thơ đến thế! Đấy là người đàn ông thuở xưa nàng mơ mộng đấy. Nhưng ngoài lòng quý mến, nàng chưa bao giờ thấy nhớ nhung Quân? Ý nghĩ muốn hôn lên làn da nâu và đôi môi quân trong vài phút trước đây thuần túy chỉ là ý nghĩ, không là niềm thôi thúc khát khao. Mọi điều khác, như sẽ sống bên anh, săn sóc anh, nghe anh đọc thơ, đàn hát bên anh dưới ánh trăng... cũng chỉ là những tưởng tượng không xuất phát tù ước muốn. Nàng đã vẽ vời như thế nhiều lần, đã muốn thực hiện cùng với năm, ba người, và lần nào cũng khựng lại từ những bước đầu. Nàng chưa từng thấy yêu, chưa từng thấy đắm say người đàn ông nào cả. Mọi cố gắng của nàng cố vượt lên trên tình thương mến để đi đến một điều gì mãnh liệt sâu xa hơn như thế đều thất bại, có khi tác động ngược để trở thành những cảm giác buồn bã, khổ đau.

Bây giờ, nhìn những ngón tay Quân đang lật từng trang giấy, nàng nhớ thiết tha những ngón tay Vũ Anh gõ gõ trên thành gỗ. Nhìn đôi môi Quân đang nói cười, nàng nhớ quay quắt những tiếng nói tiếng cười của Vũ Anh. Nếu có khi nào nàng sẽ được Quân áp môi anh lên môi nàng, có lẽ mọi điều rồi cũng xảy ra hệt như các lần trước, những lần nàng tưởng mình có thể yêu. Kết quả rồi thì cũng giống nhau. Sau những cuộc ân ái mang đến cho nàng chút khoái lạc trong giây phút (hoặc bực bội buồn cười suốt cả mấy tháng sau), nàng sẽ lặng người đi với cảm giác trống rỗng không cưỡng được hoặc chạy nhào vào phòng tắm dội cho tan biến đi sự dối trá mình tự phủ lên mình. Chẳng có gì gọi là rung động là choáng váng là say ngất bềnh bồng như ngày nào trong vòng tay của Vũ Anh. Nàng sẽ lại cúi đầu với niềm ân hận mà nói với Quân rằng đó là một điều lầm lỡ, đừng bao giờ lặp lại nữa và Quân sẽ bỏ đi mang theo sự tổn thương nàng không cố ý gây ra.

Họ uống hết ly café. Quân đã đọc hết những bài thơ. Anh hỏi nàng có thích không. Nàng gật đầu. Dĩ nhiên là những bài thơ đó hay, vì nó được Quân chọn, và vì nàng cũng đã đọc nhiều bài trong số đó rồi, từ Vũ Anh đưa. Nàng

bỗng thấy choáng váng vì đột ngột nhớ ra điều ấy. Hầu như những gì hay nhất nàng từng đọc ngày xưa đều được Vũ Anh chọn và đưa cho đọc. Giờ phút này thì nàng đã nhận ra cái điều thẳm sâu khúc mắc: chính Vũ Anh là cái *bản chính* của hình ảnh người đàn ông trong mơ tưởng của nàng. Nàng đã lấy hình ảnh, cá tính, con gười của Vũ Anh, thêm thắt vài chi tiết để tạo thành người ấy. Suốt bao nhiêu năm nay, nàng đã chỉ yêu và chờ đợi một Vũ Anh! Vũ Anh mày thẳng, mắt sáng, mũi cao. Vũ Anh xinh đẹp, thông minh, nghị lực, một người có kết hợp toàn vẹn giữa óc khoa học và tâm hồn nghệ sĩ...

Nàng thấy nhức đầu ghê gớm. Nàng ôm lấy đầu, mặt tái xanh:

"Thỉnh thoảng em lại bị migraine headache như thế này. Phải về thôi."

Quân nhổm người dậy định cùng nàng đi. Nàng lắc đầu:

"Em muốn đi một mình. Hôm nào khác mình gặp lại".

Quân ngơ ngác nhìn nàng vội vã đi ra cửa. Nàng quay lại nhìn anh một lần nữa, gượng cười để trấn an Quân. Nàng nhìn Quân, lần này hoàn toàn biết chắc chắn anh không phải là người nàng mong đợi. Ôi chỉ là những từ ngữ miêu tả người thôi, Quân ơi...

Nàng uống hai viên thuốc ngủ, kéo rèm cửa sổ xuống và nằm xuống giường. Với tay mở hộc bàn ngủ, nàng lấy cuốn album nhỏ. Trong đó, bên cạnh hình ảnh những người trong gia đình nàng là tấm ảnh của Vũ Anh. Nàng mỉm cười. Cô sinh viên khoa học năm thứ nhất trong ảnh trông thật bụi đời và yêu đời. Cô mặc quần jeans xanh bạc màu và áo thun màu vàng tươi bị châm thuốc lá lủng từng lỗ nhỏ. Nàng kề tấm ảnh sát gần hơn để nhìn. Trên áo có chữ của Vũ Anh vẽ lên bằng bút marker mực đen: *Eternity*. Vũ Anh đứng ở bãi biển Vũng Tàu, cười toe toét, và như thường lệ đưa hai ngón tay lên làm thành hình chữ V. Tấm ảnh này Vũ Anh chụp để gởi cho riêng nàng. Phía sau lưng ảnh, Vũ Anh viết "Để Nhiên ngắm". Nàng ngắm tấm ảnh rất lâu, rồi thầm thì trong đầu: "Nhiên biết Vũ Anh muốn nói gì với Nhiên, khi cứ đưa hai ngón tay làm thành hình chữ V như thế. Yên chí đi, Vũ Anh yêu dấu". Nàng đưa tấm ảnh lên môi hôn, rồi cất lại vào tập ảnh.

Nàng bắt đầu buồn ngủ. Nàng biết mình sẽ ngủ thật say và không bị ác mộng, không thấy mình đứng trên bờ hoảng hốt kêu la tuyệt vọng khi chiếc ghe có Vũ Anh trên đó chìm dầm vào lòng biển. Nàng sẽ ngủ rất êm như Vũ Anh đang ngủ rất bình yên. Chỉ có khác là nàng sẽ thức dậy, còn Vũ Anh thì chẳng bao giờ. Nhưng chẳng sao, nếu nàng không thể tìm thấy Vũ Anh ở một con người nào khác, hoặc không tìm ra người nào nàng sẽ có thể yêu như đã yêu Vũ Anh, thì nàng vẫn còn có Nhiên Nhỏ. Phải không? Đúng thế không, Vũ Anh?

Thôi.
Ngủ đi, Nhiên Nhỏ!

TRẦN SA, 9. 92

---

* *Demian, 1919*



PHẠM CÔNG THIỆN

thơ cầu đảo hồn ma van gogh

I.
Úm tô rô Van Gogh hiện ra
Úm ba la u linh ma ha
Đất nứt nở ra bầy quạ trắng
Hồn thiêng Van Gogh nhập vào ta

II.
Thiu thiu thời gian lướng hồng xiêu
Chiu chít thương châu hóa mộng kiều
Chẳng đợi mà trông hờ chi nữa
Thượng hướng dương trường đoạn tịch liêu

III.
Thượng hướng dương trường đoạn tịch liêu
Khách thổ tha phương vẽ mộng kiều
Không không chẳng đợi chờ chi hết
Biệt ly trường trải quạ nguyên tiêu

IV.
Úm ta ra Van Gogh hiện ra
Úm ba la sét đánh sập nhà
Đất nứt nở ra bầy quạ trắng
Hồn thiêng Van Gogh nhập vào ta

V.
Biệt ly trường trải quạ nguyên tiêu
Thiu thỉu không gian tiêu sắc yêu
Không đợi chẳng chờ mưa trắc bá
Hướng thượng dương trường mệnh tịch liêu

VI.
Thượng dương trường châu thương xiêu xiêu
Khoáng dã đìu hiu đồng mộng kiều
Chút chiu khoảnh khắc thời gian trống
Đất nứt hoang liêu bầy vạc kêu

VII.
Úm ta ra dông tổ hiện ra
Úm ba la sét đánh sập nhà
Đất nứt nở ra rừng trắc bá
Hồn thiêng Van Gogh nhập vào ta

VIII.
Đất nứt nở ra bầy quạ kêu
Thiu thiu không gian thương châu kiều
Chẳng đợi không chờ chi lần lữa
Xiêu xiêu trường triệu dương quan liễu

IX.
Úm tô ra hương linh hiện ra
Úm ba la ưu ưu Bát nhã
Đất nứt nở ra đôi vạc trắng
Hồn thiêng Van Gogh nhập đêm qua

California, 13-2-89
PHẠM CÔNG THIỆN

CHÚC MỪNG
Chúng tôi được biết

Nhà văn **ĐÀO TRUNG ĐẠO**
và nhà văn **TRẦN DIỆU HẰNG**
cùng đồng ý ký giao kèo sống chung
kể từ tháng 8 năm 1992 cho đến tóc bạc răng long

Hợp Lưu và tất cả văn thi hữu cộng tác chúc anh chị như ý



HỒ ĐÌNH NGHIÊM

chạy đạn

Người con gái cao hơn hắn một cái đầu. Mắt hắn nhìn thẳng, chiếu ngay vào giữa ngực. Ngực cô ta sâu một đường khe. Hắn nuốt nước miếng, tô phở đi vào bụng nửa tiếng trước bắt đầu tạo ra phản ứng?

- Một trăm.

Đứa con gái đá lông nheo, hết nói tiếng Pháp xong lại xổ tiếng Anh. Môi son đỏ co giãn và hai hàm răng không ngừng nhai kẹo cao su. Hắn ngửi được một mùi thơm, rất đàn bà.

- Cần nói thêm là đã tính luôn tiền phòng cộng với túi cao su.

Mua một món hàng thì ai cũng săm soi nhìn trước ngó sau. Hắn thọc tay vô túi quần và đầu thì đang bị mấy chữ trường túc bất chi lao hiện ra dằn vặt. Đi đâu mà vội. Hút một điếu thuốc cái đã. Vả lại ông bà mình có dặn, mới ăn no không nên hoạt động châu thân vô ba cái vụ này.

- Cho tao một điếu. OK?

Khói thuốc bay cùng lần nơi hai mái đầu chụm lại. Hắn thổi đám mây xám bay lên những bậc cấp ám tối. Có lẽ trên đó, sau cánh cửa im ỉm đóng là nơi hành lạc? Buổi trưa, nắng không có, nhưng nóng. Bầu trời trám chì nặng nề đã mấy hôm rồi tức dông. Chiều nay trời không mưa thì tôi sẽ làm mưa. Hắn nhai đám khói thuốc trước khi thở ra lỗ mũi. Phía bên kia đường có tiệm bán dĩa cũ và vidéo phim ba X. Tuy ban ngày mà đèn chớp nháy ngó thật rậm rật. Cửa mở rộng treo bảng đại hạ giá, nhạc hard rock như thác chảy từ trong đó tuôn ra. Bảng ấy đang đứng top. The Unforgiven của bọn Metallica. Đứa con gái nhún nhảy. Bộ ngực. Hai cái thánh giá sáng chói đeo nơi trái tai cũng nhún nhảy. Nghĩ cũng tức cười. Thời buổi này thánh giá bán rất chạy, cho những cô gái đem làm vật trang sức; trong khi lời nhạc thì đem ma quỷ ra mà gào thét. Mạt pháp! Hình ảnh những vị thần linh ngày càng nhạt đi khi đồng tiền biết nói.

Từ trên mười tám bậc cấp có tên đàn ông râu rậm loạng quạng đi xuống. Mặt thằng chả đỏ ké, in tuồng xuất hạn dầm dề, ngang qua đứa con gái thò tay lông lá véo ngắt vào mông.

- Bận sau anh sẽ đi với em. Con Rosé ăn thứ gì mà trở chứng.

- Nó ăn thịt ba của anh chứ ăn thứ gì. Đừng cà chớn.

- Đù má em.

Thằng đàn ông cười khan trong cổ. Nhổ một đám nước dải rồi bỏ đi.

- Tao chán những đứa lắm chuyện như thế không thể tả. Nghe đồn dân Á Châu rất ngon lành trong cái vụ im hơi lặng tiếng và ít bày đặt kiểu cọ?

- Có lẽ.

- Thế còn keo kiệt? Thấy một trăm mắc thì dang ra chỗ khác chơi cha nội.

Hắn ném điếu thuốc xuống đất. Trong nách ẩm rít, không biết con nhỏ này vẫn giữ nguyên hay đã cạo sạch. Thử tưởng tượng nằm lấy tay gối đầu, đám lông nách ướt át vê lại. Tại sao hấp dẫn vậy mà đàn bà con gái lại chẳng hay? Hắn nhìn lại thân xác con đĩ da trắng. Cái áo thun đen đã cũ in hàng chữ vàng bằng tiếng Pháp chạy méo mó vì căng trên vũng thịt lồi lõm, rung động. Dốt ngoại ngữ lắm trí óc hắn cũng tự động phiên dịch ra tiếng Việt : "Hãy cứu vớt linh hồn tôi".

Nhạc đã đổi sang một bản khác. Tiếng trống đánh dồn dập chát chúa, tưởng như có cướp vào nổ súng thị uy để lấy đi hết những cuốn phim Dê có bên đó. Hắn sờ xấp giấy bạc trong bọc quần, mấy ngón tay duỗi thẳng gãi háng tự nhiên ngứa. Rầm rập, xịch xình. Rock and roll và những nhịp tim đập. Khẩu súng cứng và hắn nghĩ phải đến lúc bắn đứa con gái nào một hai phát cho dân tóc đen khỏi bị mang tiếng keo kiệt.

- Trên đó phải không? Hắn hất hàm.

- Chịu rồi phải không? Con nhỏ tóc vàng chu mỏ thổi bay cục cao su màu hồng ra ngoài đường. Đi theo tao.

Mười tám bậc cấp. Có ai đè địa ngục mà phải bước lên. Trần gian đang ở đâu thế? Bên kia đại dương chăng? Ở đó có người vợ hờ mà người ta nói tương lai sẽ thuộc về hắn. Người ta sẽ chịu chi một cái vé máy bay về bển với điều kiện hắn ra Qui Nhơn tổ chức đám cưới rồi lo mọi thủ tục để có ngày vớt cô vợ bé bỏng ấy sang đây. Người ta cho hắn xem hình đen trắng, cũng khuôn trăng đều đặn nét ngài nở nang. Tiếc là tấm ảnh nhỏ chỉ thu lấy khuôn mặt, mình và tứ chi chẳng rõ có nở nang? Hắn xem xét, lòng những muốn phiêu lưu vào cuộc hôn nhân quái đản nhưng miệng vẫn ngậm câm. Thiên hạ kháo nhau chuyện tầm phào, gái Qui Nhơn không có lông. Xời, biết đâu đó là lối quảng cáo thiệt khéo làm đánh động tính tò mò. Như anh hắn ngày xưa có đeo đuổi chuyện văn chương, muốn người ta biết tới mình bèn giở hạ sách đăng nguyên một trang cáo phó. Không có gì tổn hao công sức cả, chịu khó ẩn mặt một thời gian rồi lại hô hoán lên có kẻ ganh tài chơi ẩu. Tôi vẫn còn sống đây...

- Lẹ lên cưng.

Đem tuổi tác ra mà so thì chưa rõ hơn thua, nhưng lấy thể xác mà đọ thì chị trước em sau. Cánh cửa đóng kêu cái két, tù mù một hành lang ẩm mốc có lai vãng mùi cần sa đang dật dờ trước mũi. Hai bên lối đi là dãy phòng có cửa sơn màu tím. Tiếng giày cao gót gõ xuống nền gỗ rền rĩ chuyển mình. Một hai ba bốn. Thình thịch thùm thụp. Hắn hơi ngộp thở, có thứ gì đó làm trái tim ép sát vào lồng ngực. Phòng số 10. Nâm-bờ ten. Chẳng rộng rãi

thoáng khí như hắn lỡ mường tượng. Vách dán giấy hoa có nơi keo không ăn vật mình tờ giấy xuống, oằn oại lưng chừng. Đinh đóng lỗ chỗ vào vách chẳng rõ để làm gì, trống trơn không một bức tranh móc treo lên. Một bàn vuông nằm trong góc. Hai cuốn niên giám điện thoại. Bốn năm vỏ chai bia lăn lóc. Cái gạt tàn thuốc. Cùi một trái táo ai gặm không hết vất dưới gầm giường khô quắc từ trăm năm. Và cái giường là vật thể cuối cùng nằm chình ình ra đó. Giường nhỏ, trải tấm ra màu xanh như giường có trong bệnh viện, khu hộ sinh.

- Nóng nảy quá hả?

Đứa con gái cởi quần jeans rách đầu gối treo trên mấy cây đinh. Hắn phát hiện chẳng có cửa sổ nào cả, như một cái hộp vuông vức. Không quạt trần, không luôn cả máy lạnh. Mồ hôi tuôn như đang đứng ở Gò Vấp. Montréal xứ tuyết vẫn có khi quỷ quái như thế đó. Lạnh Liên Xô mà nóng Việt Nam.

- Đưa tiền đây.

Năm ngón tay chìa ra. Cánh tay còn lại của đứa con gái đang chống nạnh, quần lót màu đỏ nhỏ chút xíu có ưa dùng để hỉ mũi lau cũng không sạch. Mấy ngón nhịp nhịp trên sợi dây thun chờ đợi. Một trăm là năm tờ giấy hai chục. Hắn lè lưỡi thấm nước miếng đếm. Tiền trao nhưng cháo chưa múc.

- Đợi tao dội qua miếng nước cho sạch sẽ. OK?

Nước? Nước non ngàn dặm ra đi. Có phải kiếm cớ để ôm tiền lặn mất tiêu không đó? Nụ cười con nhỏ ngó dễ ghét, nó cởi áo "cứu vớt linh hồn" ném vào mặt hắn rồi quay lưng bước tới vách, nơi có miếng giấy hoa gần rơi rụng. Chà, hiện đại nhỉ? Có cánh cửa ở đó mà hắn không thấy. Đằng sau là phòng vệ sinh dồn đẩy mùi long não ra khi cửa mở. Đứa con gái tụt miếng vải cuối cùng vặn vẹo người đạp nó rớt xuống nền nhà. Hắn ngồi trên giường giương mắt ốc ra ngó từng cử động. Tiếng nước chảy, tiếng vòi nước bị khóa lại nơi cái robinet đã han rỉ. Đứa con gái đứng gát chân dội nước kỳ cọ đám lông thưa. Xoắn xít và vê lại như một cụn râu dê nhọn mũi.

- Chưa cởi đồ ra sao?

Hắn nhìn vô cái tam giác đang chuyển dịch lại gần. Những giọt nước rơi xuống, từ đó rơi xuống. Cơn khát lại hiện ra nơi cái lưỡi khô nhám. Người ta cho hay, nhỏ đó tên Thủy, mới mười chín tuổi và bảo đảm là chưa hề thất thân lần nào cả. "Nói láo xe cán. Ai lại thất đức làm mai cho cậu một người vợ mất trinh?" Trời ạ, phải chi Thủy đang đứng đó. Người hắn nóng ran. Thủy khỏa thân dưới chân giường và anh sẽ quỳ xuống để hôn em. Anh sẽ uống hút tất cả những gì dính dáng đến chữ thủy...

- Xong hết rồi đó. Làm lẹ đi.

Đức con gái vật mình xuống giường nằm ngửa dang rộng tay chân. Hắn lóng cóng hồi lâu trong việc thoát y. Dòm đồng hồ đeo tay trước khi ném cái áo thun xuống đất. Hai giờ bốn mươi. Một trăm đồng mồ hôi nước mắt xem thử lao động được bao lâu.

- Mày dễ thương hiền lành hơn tao tưởng.

Đứa con gái nói, mắt thì nhìn hạ bộ của hắn với một nhãn quan ướt át. Năm ngón tay mát lạnh lần mò xuống. Hắn cũng bắt chước nhưng bấu chặt vào vú cô ta. Hắn nhắm mắt, người run lên. Đứa con gái cười mà nghe hệt như đang bị ai bóp cổ, dãy dụa. Ngũ trảo vuốt ve ân cần, là một hiệp sĩ mãi tần ngần nắm lấy chuôi đao chưa tiện hạ thủ, rút ra đút vào, kéo lên đẩy xuống. Sự ma xát giữa bản đao với cái vỏ bọc chắc gây được nổi thích thú? Hắn trườn lên người cô hiệp sĩ có bộ cước dài thon, da trắng da vàng dán sít nhão nhoẹt chất nước nhờn làm biên giới.

- Hãy khoan. Bộ tính không mặc áo mưa sao?

Dấu trong bao gối có cả dãy bao bì. Đức con gái nằm rướn người với tay lôi ra, xé một cái toạt dí vào ngực hắn. Sức khỏe là vàng bạc, vả lại cũng chẳng nhiêu khê gì khi tròng nó vào. Thêm thay có hàng chữ in dưới nhãn hiệu cầu chứng, ga-răng-ti không mất cảm giác, dầu mỡ trơn ướt sẵn sàng, làm tại Canada...

Quỳ ba mươi giây, xong rồi buông người xuống khối thịt ít xương êm ái. Hắn phát giác chiều dài không đồng nhất của hai thân thể đã làm so le những bộ phận cần được bổ sung điền khuyết cho nhau. Hèn gì người ta dùng tới chữ cân cặp xứng đôi khi tả đến hình ảnh một cặp vộ chồng. Không sao, trườn nhích lên một tẹo. Hai chân đứa con gái mở xoạt ra, hắn ôm một đùi đang trồng cây chuối lưng chừng chới với để làm bàn đạp tiến công. Da dẻ ở đùi mịn láng, xuống tới mông thì bắt đầu nổi hột nhám rít. Hắn mò tay đi chốn khác. Phải rờ rẫm, xoa bóp, bẹo ngứt kẻo lát nữa đây tay trắng lại hoàn trắng tay. Đứa con gái bày đặt rên rỉ, răng cắn lấy bờ môi; lâu lâu lè lưỡi ra liếm quanh một vòng. Bọn đế quốc thực dân bay thì cái gì cũng bự cũng lớn. Còn tụi tao nước bé quanh năm bị đè đầu bóc lột thì có chi phát triển nổi. Không vĩ đại, cầu cho thường thường bậc trung đã là khá, vậy có lý nào gãi ngứa được em?

Đi vô đi ra đâu có được trăm bận mà hắn chóng mỏi gối chồn chân. Người bất giác run lên rồi ngã đổ như thân cây bứng rễ. Đứa con gái xô hắn qua một bên, thoát nợ mà bộ tịch như dỗi hờn. Phù du! Bận sau nhất định không ghé tiệm phở ấy nữa. Gia vị, nước lèo nấu nướng không đúng công thức đã đành, lại thêm chẳng có chút gì bổ khỏe cả. Ăn vào khát nước, làm tình thì chóng xuất tinh. Lếu láo thật!

Hắn ngó gỡ gạc đứa con gái lần cuối. Xì-líp kéo lên, xú-chiên gài lại móc. Đi nhón gót tới xỏ chân vô quần jeans. Cầm chiếc áo thun lên rũ rũ.

- Lộn rồi, áo đó của tao.

- Xin lỗi.

- Không sao, thích thì cứ giữ lấy mà mặc.

Đứa con gái hôn một bên má hắn, nhe răng cắn nhẹ vào trái tai.

- Tao tên Nancy. Lần sau có đến tìm thì tự nhiên giá cả sẽ thay đổi.

Hắn mặc chiếc áo "cứu vớt linh hồn" vào người, bụng nói thầm nhầm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Khi bước xuống mười tám bậc cấp, trời đổ mưa chan hòa mọi

ngõ ngách.

- Đi bộ hả? Thôi bai nghe.

Con Nancy đứng mở miệng cười ở vuông đất đón khách. Hắn nhắm hướng có xe điện ngầm mà đội mưa. Ba giờ mười lăm. Cơn mưa biến trời đất phố phường thành một vùng hoang liêu tịch lặng. Hắn mới ném nạm tiền qua cửa sổ, không hối hận nhưng lòng dồn lên chút chán chường. Bốn giờ, con chuột lột về tới nhà ướt nghe ngói đứng mở cửa. Mùi thơm từ cái áo thun bốc lên đến lúc này mới ngửi thấy. Có lẽ vì từ sau bếp đang ùn ra mùi nước mắm. Đầu hắn lởn vởn mấy chữ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Người anh hắn hiện ra ở hành lang, tay vày vò cái khăn ca-rô dùng để lau chén bát.

- Về rồi à? Có sướng không?

Ngọn đèn trên đầu anh hắn được thắp sáng. Đôi con mắt thì muốn quét mạnh hơn cả đèn pha.

- Ngó xuống con người mày đi. Tàn tệ và dơ bẩn đến thế là cùng. Coi, bày đặt chơi chữ nữa. Cứu với lại vớt...

Hắn đứng sững. Nước từ người tụ một vũng dưới chân như sợ hãi tới độ són đái.

- Hồi trưa, khoảng hai giờ mày làm gì ngoài phố? Nói tao nghe.

- Tui hai mươi mốt tuổi rồi đó anh à. Tui không còn là đứa con nít ngày nào chạy theo anh đi vượt biển.

- Tao biết. Ừ, mày lớn rồi... Lúc nào cũng vỗ ngực. Thật khốn nạn! Tao hối hận đã dắt mày đi qua đây.

- Có chuyện gì thế? Anh sắp lấy vợ, sắp ở riêng rồi sao còn nhăn nhó chi cho mất vui.

- Thật mất mặt. Tao chở bà Thuyên đi chợ trời thì bắt gặp mày đứng trò chuyện mặc cả với một con đĩ. Tại sao vậy? Ăn nói sao cho ổn với người ta?

- Cùng lắm thì hủy cái hợp đồng vợ chồng kia đi. Nghe như giễu vậy mà anh lại tin. Chứ không phải anh là kẻ luôn hò hét chửi rủa những tên đi về Việt Nam à?

- Đây là nói tới chuyện của tao. Mày hại thanh danh và hạnh phúc của tao cũng phải thôi. Rồi mai đây trong cộng đồng họ đồn tùm lum ra.

- Tui chơi đĩ chớ phải anh đâu mà sợ. Bộ cũng nghiên cứu lý lịch kỹ như Cộng Sản hay sao đây?

- Mày câm mỏ đi.

Anh hắn bỏ lui sau bếp, ném mạnh một vật gì đó vào bồn rửa chén.

- Tao hẹn bà Thuyên chiều nay lại nhà ăn cơm. Mày đi đâu khuất mắt cho tao nhờ.

- Tui lại nhà anh Đại thì có chuyện chi phiền cho anh không?

Hắn thấy anh hắn đang nắm lấy con dao. Chắc chỉ để xắc thịt hay thái hành ngò chi thôi. Tính khí anh rất nóng nảy, nhưng chỉ thấy lộ ra trên những dòng chữ viết. Bình thường anh tỏ ra là người đàn ông rất dịu dàng nhỏ nhẹ khi lăng xăng bên cạnh chị Thuyên. Bà ấy đã có chồng con, quyết ly dị để sống

gần anh. Anh Đại nghĩ tình bạn bè cũ một mực cản ngăn và hậu quả là tên chí tình kia trở nên một kẻ... thân cộng. Lý do ư? Trong người còn giữ mãi một viên đạn AK, bắn gần trúng tim mà không chịu chết. Hắn nhắc tới ông trung úy ấy để mỉa mai cho vui vậy thôi, chớ ai dại gì vác mặt mốc tới nhìn kẻ từng xám mặt kêu trời không thấu.

- Tao không hơi sức đâu mà dài lời với đứa mất dạy như mày. Địt má, em với út.

Hắn cũng cảm thấy rát cổ, vào phòng vệ sinh cởi quần đứng đái. Nước mưa thấm ướt làm ngứa cái vật đang lắc lư cúng bái lạy lục. Hừ, nhờ lễ phép vậy đó mà trời tha không bắt mỗi tháng phải bị hộc máu một lần. "Mày đi khuất mắt cho tao nhờ". Hắn rùng mình. Tui lạy anh, tui biết anh chúa ghét cái câu không có gì quý hơn độc lập tự do, nhưng huynh đệ với nhau, sao nỡ tương tàn áp bức đến thế?

Hắn dội cầu, ra mở tủ lạnh tìm bia uống. Phòng ăn ngó tươm tất xôm tụ hơn một bữa tiệc đoàn viên ODP. Anh hắn nổi tiếng trong nhiều lãnh vực, không ngờ chuyện bếp núc còn khéo léo tới độ khó tin. Trộn gỏi nhanh hơn múa bút, cắt nem chả sắp ngay ngắn trong dĩa còn đẹp mắt hơn bày đồ cúng ông bà cha mẹ. Loay hoay, tẩn mẩn, vụn vặt. Giả dụ nếu có kiếp sau, thì kiếp sau anh sẽ làm một con mẹ đàn bà. Và hắn cầu xin, mọi người sống trong đó phải chịu trả tiền riêng cho cái khoản nói năng. Lời nói phải mất tiền mua, lựa lời mà nói mới vừa lòng nhau. Chắc rằng những kẻ đã lỡ bị chụp mũ sẽ đồng thanh hoan hô nhất trí. Phải thế không anh Đại?

- Mày làm gì đó? Nem của bà Thuyên mua không phải để cho mày nhậu khan.

- Cần tui phụ cái gì không?

- Mày xéo đi. Đừng có táy máy hai bàn tay nhơ nhớp vào đồ ăn.

- Thế nào là nhơ nhớp? Anh đã nghe anh Đại giảng nghĩa chữ đó chưa? Rằng khi xưa chị Thuyên có lần...

Hắn ngậm miệng. Ánh thép vừa loáng lên và cây dao cắm ngập lưỡi vào cái thớt gỗ. Những trái dưa leo giật bắn mình mẩy lăn đổ xuống đất. Bàn tay anh hắn nổi vồng gân xanh.

- Mày có tin là tao sẽ giết mày không?

- Vì miếng ăn hay vì đàn bà?

Mắt anh hắn đã tắt đi ngọn đèn pha, còn lại ở đó ngầu một tia lửa tỏa nhiệt bên trong. Mí mắt căng ra, nhìn hắn không nháy.

- Kể từ giờ này mày nên đi khỏi nhà ngay. Nuôi mày đã mười năm tao chẳng còn gì đáng để hối hận cả. Tròn trịa quá rồi. Và nếu có sứt mẻ thì mảnh vỡ ấy do mày tạo nên.

- Tui biết anh không nỡ giết tui. Đăng một ô vuông từ em trên mặt báo thì có lẽ hợp với chuyên môn của anh hơn. Còn chuyện nuôi nấng? Thiệt cám ơn anh, sao anh chẳng nói luôn là vừa thí một trăm đồng cho tui đi chơi đĩ?

- Khốn nạn thật! Miệng lưỡi y hệt như thằng Đại. Tao thật không ngờ mày

chóng học nên những điều thâm độc từ bọn bất lương kia. Giang hồ này quả là hiểm ác, mày có biết là chúng nó cố tình gây chia rẽ tình anh em không?

- Nhiều lần, tui cũng cố tin như vậy rồi, anh ơi.

- Mày đã nghe nói qua chữ hoa hồng xám chưa?

- Tiếng Việt tui dốt lắm. Và anh là người đã gây cho tui nỗi sợ hãi không muốn dây dưa với tất cả người đồng hương quanh đây. Chơi với tụi tây đầm thiệt khỏe trí, không lươn lẹo. Tui yêu sự sòng phẳng vô chừng, như muốn ôm một con đĩ vào lòng thì ném cho nó một mớ tiền.

Hắn ngửa cổ, đổ đầy một hơi bia. Bia đắng, nhưng hậu vị là cả một sự ngọt ngào. Tình anh em trôi nổi xứ người, ban đầu thì mặn mà, thét còn lại cái cốt lõi chua chát. Cũng chẳng trách gì ai được. Con người anh hắn khó tìm ra một kẻ tâm đầu ý hợp, vớ được bà Thuyên buộc lòng anh phải trân quý và xem mọi thứ khác đều là cỏ rác.

- Anh còn tiền không, cho tui vay một trăm.

- Không có.

- Bao nhiêu đồ đạc tui sắm trong nhà này không đáng với giá đó sao? Cái TV, đầu máy video tui mua cả bạc ngàn chớ đâu có phải đi ăn trộm của thiên hạ.

- Mày tính bán à? Bán thì tao mua. Một trăm có phải không?

- Ừ. Trước mua vui sau làm nghĩa. Bữa nào anh đám cưới thì nhớ cho rằng tui đã có quà cáp hiến lễ trước tiên. Còn lời chúc anh chị trăm năm đầu bạc thì tui xin khất.

- Mày lại giở giọng gì nữa đây? Mày tuồng như luôn có ác ý với bà Thuyên.

- Cái đó là do anh suy luận. Anh tài giỏi thì anh đừng để có ngày chị Thuyên phải ra thông cáo đòi ly dị.

- Tiền đây. Cầm lấy mà đi chơi đĩ cho mắc bệnh chết cha mày luôn.

- Anh đã dắt chị Thuyên đi thử máu chưa? Không khéo lại rơi vào chữ hoa hồng xám quỷ quái gì đó.

Anh hắn sững mặt ra một giây. Một giây sau thì bàn tay cầm lên chén nước mắm để gần đó và tạt hắt vào người hắn. Xác ớt tỏi giã vụn bám không rời nơi hàng chữ "hãy cứu vớt linh hồn tôi". Thấm vào da bỏng rát, tanh nồng. Hắn cười. Tiếng cười run rẩy giữ trong cần cổ, khàn nghẹn. Hắn cởi áo ném vào thùng rác. Bày đặt! In làm gì hàng chữ trước ngực chướng tai gai mắt. Thủ tiêu đi cũng vừa. Hắn tự hỏi, người làm văn chương nghệ thuật cao cả như anh hắn có bao giờ dám hối hận những gì đã giải bày trên giấy trắng mực đen?

- Anh nói giùm với chị Thuyên là linh hồn tui đã lỡ bán cho quỷ rồi. Chuyện lấy Thủy, cô vợ Qui Nhơn xa ngãi kia thì xin đợi kiếp sau.

Hắn vào phòng vơ đại một cái áo rồi bỏ đi. Một trăm trong túi quần, chẳng lẽ lại nướng hết vào mục chơi gái? Hắn đón xe buýt chạy lên hướng phố, không hiểu so lại giật chuông khi thấy bóng dáng con Nancy.

Trời tạnh ráo. Gió đi trên cao làm những chùm lá cây như biết đái, rắc

nước nhỏ giọt xuống người hắn. Cơn mưa hồi chiều thấm vào mặt lộ đen, thơm mùi ngai ngái. Những hàng đèn nháy đỏ bên kia đường, từ tiệm bán phim sex và dĩa nhạc cũ, không đủ sức thâm nhập vào vũng tối có đám yêu nữ trú thân. Một hai tiếng huýt gió trỗi lên. Ở xa, tiếng còi xe cảnh sát sắc nhọn đâm về. Ba bốn mái đầu quay đảo ngó quanh quất.

- Ủa. Lại là mày sao?

Con Nancy cười rộng miệng. Cách nhau mấy tiếng đồng hồ bộ dạng mặt mày nó vẫn không hề suy suyển, nhai kẹo cao su chanh chách và hai cái thánh giá vẫn luôn nhún nhảy. Hắn nhìn cặp đùi dài, miệng trên thì đang cười, còn miệng dưới đã nuốt vào được mấy trăm đồng bạc rồi?

- Phải mày không? Cái áo kia đâu?

- Tao đã lộng kiếng mà treo lên tường rồi.

- Cái gì?

- Thứ gì quý giá hoặc đồ vật mà người ta muốn tỏ lòng quý mến đều phải làm như thế cả. Bộ lạ lắm sao?

- Mày đừng làm tao cảm động chứ. Dù gì thì lần này mày chỉ phải trả tám chục thôi.

- Tao chỉ còn năm chục. Mày có thể cho tao ngủ với mày một đêm không? Ngủ chay. Tuyệt đối chỉ có ôm thôi, hoặc không thì nằm nói chuyện đời trước khi ngủ.

- Điên à? Nghèo mà ham. Tao đâu phải thuộc tuýp người lãng mạn. Trên cuộc đời này có con mẹ gì để phải chuyện trò? Ăn ngủ ỉa đái và fuck. Mày hiểu không?

- Chắc tao chẳng thể hiểu được. Fuck thì phải khác với làm tình chứ?

Con đĩ ngựa cười ré lên.

- Dang chỗ khác chơi cha nội. Mày còn năm chục hả? Tới đằng công viên kia tao bú cho. Cứ lảm nhảm những chuyện tầm phào.

Một đứa con gái da đen đi láng cháng ngang qua.

- Bốn chục. Miệng đen hay trắng thì cũng thế thôi, đều có răng với lưỡi bên trong cả. OK thì đi với tao.

Mẹ kiếp! Khẩu xà như vậy đó mà lại giở trò xin xỏ cứu vớt linh hồn. Đằng ngã tư có tên thanh niên đạp xe tới như người say rượu. Nó phun ra thứ ngôn ngữ gì đó để cuối cùng lòng đường vắng ngắt chỉ còn mình hắn đứng lẻ loi. Chắc là bị động ổ rồi. Mấy đứa ăn sương biến thật nhanh, như nước thấm vào đất. Hắn đốt một điếu thuốc, khi ngửa mặt thổi khói thấy ánh đèn xanh đỏ chớp nháy vẽ hoa ngũ sắc trên dãy tường vôi đổ nát. Xe cảnh sát chạy thật chậm như đang đưa đám ma một đồng nghiệp, muốn xả thân diệt côn đồ. Ở trong xe vẳng ra tiếng máy truyền tin ù ù cạc cạc và cặp mắt ai đó nhìn hắn săm soi. Hắn chửi thề trong bụng. "Công an cảnh sát thì tha, ai làm cho Mỹ lột da ba lần". Mẹ nó. Toàn một lũ điên. Đến ngày nào thì đổi ngược lại câu nói xuẩn động tanh tưởi đó?

Hắn rảo bước vào phố Tàu, ghé tiệm ăn quen thuộc và kéo cái ghế sắt lết

dưới nền xi-măng thức tỉnh bầu khí lặng lờ chủ tớ đang ngáp ruồi.

- Hây. Lông thai nô xi. Khỏe không bạn hiền? Lị xực cái gì đây?

- Hoành thánh mì.

- Thêm chi khác?

- Lị còn ở chỗ cũ không?

- Còn chớ. Sao chẳng thấy ghé chơi?

- Ghé chơi làm gì, ngộ tính dọn tới ở chung với lị, có được không?

- Lị cỏn mách dệ? Nói đùa sao?

- Thật chớ. Tiền nhà chia đôi. Chỉ muốn có một chỗ để ngã lưng ban đêm thôi.

- OK. Thời buổi này đi đâu cũng nghe nói tới kinh tế khó khăn. Thắt lưng buộc bụng kiểu đó cũng nên lắm. Để mai ngộ đi làm thêm một cái chìa khóa.

- Lị quả là hảo bằng hữu.

- Mụ cỏn mại li ti a.

Hắn chìa tay ra nắm bắt bàn tay của A Hính. Ừ, thì không nói tới những cái nhỏ nhặt. Trước đây hắn cũng xua tay và xổ câu đó ra khi hai đứa làm trong một nhà máy, giúp đỡ và dạy dỗ tiếng xứ người cho Hính. Viết hộ một lá đơn cho tòa đại sứ xin bảo lãnh thân nhân, giới thiệu nó cho Đại để mua lại chiếc xe hơi với giá hời. Có một điều chẳng hiểu anh hắn có biết không, rất giản dị, là đời sống này vẫn còn đó luật vay trả.

- Lị làm ở đây có khá không?

- Sao bằng chỗ cũ được. Nhưng công việc nhẹ nhàng và thật sướng miệng khi nói tiếng mẹ đẻ. Ngộ sợ phải uốn lưỡi với bọn mắt xanh lắm. Không phải lộng ngôn, chứ hạnh phúc đôi khi nằm ở những cái thật tầm thường. Con em ngộ viết thư qua trách, đàn ông lấy công danh làm trọng sao anh lại chui đầu vào mấy cái tửu lầu cao lâu mà phục vụ, hoang phí tuổi xanh. Than ôi, luôn luôn kẻ ở phương xa ngó tới mình bằng tất cả những ngộ nhận!

- Ngộ hiểu được. Sống ở đây có nhiều cái bực mình, bứt rứt như... mẫn cuối khíu chọ.

- Lị nói tiếng Tiều hay tiếng Quang Thoại thế? Cảo xồ a lị.

Tô mì hoành thánh nhạt nhẽo, hèn gì mà quán vắng khách. Tô phở hắn ăn hồi trưa cũng không khá gì hơn nhưng thực khách lai rai trên dưới mười người. Có vậy mới nghiệm ra dân tộc Việt Nam bác ái và độ lượng vô cùng. Dễ ăn, dễ nuôi, dễ tin, dễ bị lừa. Gốc gác Phật Tổ chắc hẳn là người Việt mình thôi. Mô Phật, ngày hôm nay con ngã mặn dữ quá. Đã thế còn bị hứng nguyên một chén nước mắm từ tay ông anh mặn mà hơn cả biển Thái Bình. Thôi, ta không vào địa ngục thì ai vào?!

Hắn gọi bia.

- Mấy giờ thì lị xong việc?

- Không nhất định, tùy và thực khách. Thông thường thì hai giờ sáng.

A Hính nhìn hắn thăm dò. Có lẽ mặt hắn đang ửng đỏ. Máu huyết chạy rần rần.

- Đêm mai nghe, rồi hãy tới. Để cho ngộ dọn dẹp sơ qua. Có điều gì nan giải, hay quanh quẩn trong một chữ buồn giận?

- Chẳng có gì cả. Tính làm lại cuộc đời thôi. Chuyện bảo lãnh của lị có khả quan không?

- Ngộ vẫn còn lòng tin vô ông Trời dù giấy tờ chẳng có triệu chứng gì gọi là xuôi chèo mát mái.

Hắn không thể trò chuyện lâu với thằng bồi bàn được. Một đám bầu đoàn thê tử vừa kéo nhau vào, loạn xạ tiếng cười đùa. Và A Hính bị quay cuồng giữa biển người đó. Chỉ một tiếng chào cũng phân tâm không thể đáp lễ. Cước bộ thoăn thoắt. Khăn trải bàn, gạt tàn thuốc, bình trà nóng và chồng ly tách cao nghệu ở hai tay ôm.

Hắn bước xuống những bậc thềm, đứng ngoài vỉa hè vặn vẹo cái lưng. Chẳng còn một địa chỉ nào khác. Cơ thể mỏi mệt réo gọi thầm mặt nệm, một giấc ngủ. Hắn từng có khi tiêu phí thời gian bằng cách chui vào métro, đi từ khởi điểm này tới một kết thúc kia. Đổi tuyến đường màu này sang một ngõ ngách màu khác. Loang quanh dưới lòng đất, sật sừ với độ rung chuyển của con tàu xé gió, đi cùng khắp những địa đạo Montréal có được. Nhưng bây giờ thì không thể. Não nề lắm, côi cút lắm. Trông như một kẻ bị ruồng bỏ, vô công rồi nghề, vô tổ quốc, vô gia đình, vô gia cư... Vô tận cùng của chữ vô buốt giá. Hãy về ngủ thôi. Giờ này họ đã ăn xong. Có thể đã từ biệt hôn nhau bịn rịn trước sân cỏ lung linh màu lá đen như một đôi lần hắn nhìn thấy qua liếp màn cửa. Tiếng máy xe nổ và bàn tay có đeo vòng ngọc thò ra vẫy trắng đục một màu sữa. Nghe tả, hồ ly tinh thì đẹp hãi hùng. Nhan sắc của bà Thuyên chẳng có ma lực gì để buộc người đối diện phải mê mẩn tâm thần. Hắn không hiểu được tình yêu. Người đàn ông tuổi bốn mươi như anh hắn bỗng dại khờ như một cậu trẻ chưa bị phá trinh, mù quáng trao duyên lầm nữ chúa.

Khi hắn mở cửa vào nhà, tai hắn đón nghe một chuỗi tiếng động lạ. Phòng anh hắn còn thắp đèn, thứ đèn mờ dùng để đọc sách trên giường liếm ra ngoài hành lang một vệt vàng xỉn, đi qua cánh cửa khép không kín nên bị ép nhỏ thành hình một lưỡi kiếm nhọn mũi. Có tiếng cười sắc như dao của bà Thuyên len lỏi ra.

- Anh nhìn cái vật của con mẹ đó đi. Ghê quá hả? Xời, tài tử gì trông phát khiếp.

- Ủa. Vậy bình thường thì nó đẹp hơn sao?

- Dĩ nhiên... Hà, còn giả bộ ngây thơ. Cái mặt sững sờ ngó phát ghét.

Những tiếng thở gấp rút có nhạc đệm gợi tình từ cái TV stéreo bứt rứt xướng họa. Tài tình thật. Mua rẻ một trăm, muốn chắc ăn liền bê từ ngoài phòng khách vào thu dấu trong buồng mình. Và phút giây đầu tiên, chủ nhân ông đã bắt nó lay động ngay, phục vụ chiếu hình những pha gay cấn.

- Anh mua nhầm phim dở rồi. Chẳng có cốt truyện gì cả. Cứ làm lui làm tới chừng đó hoạt cảnh.

- Đâu có lựa được. Hồi chiều cứ lo sợ nó nhìn thấy bọn mình đứng đó thì quê mặt cả đám.

- Thuyên hỏi thật cái này nghe. Em thì hoang đàng như thế, còn ông anh thì sao? Thử ngủ với đĩ lần nào chưa?

- Nói tầm bậy. Coi phim đi, rồi lát nữa còn làm tài tử.

- Nó có dẫn xác về bất tử không đó?

- Yên tâm. Nó có tiền và tụi trẻ thì thiếu gì mục ăn chơi về khuya.

- Nó có tương lai lắm chứ không đùa đâu à nghe.

- Là sao?

-Đẹp trai hơn anh. Hai con mắt rất là thu hồn. Mỗi lần nó nhìn Thuyên, có cảm tưởng như mình đang trần truồng. Thuyên sợ...

- Sợ gì? Anh đuổi cổ nó đi mất đất rồi. Sao em ưa nhắc tới nó vậy?

- Ừ, chẳng hiểu tại sao. Thuyên yêu anh và sợ một ngày nào đó sẽ làm chuyện tầm bậy.

- Em mới là người nghĩ quẩn. Em chỉ nên tập trung đầu óc vào chuyện giấy tờ ly dị thôi. OK? Có được trong tay một ít tài sản thì khi ấy hoàn cảnh sẽ biến đổi ngay.

- Cũng cầu mong thế. Nhưng có tiền đâu phải là làm cha thiên hạ?

- Khờ quá. Tụi mình sẽ bỏ cái thành phố lắm chuyện này mà đi xa.

- Anh tính toán nghe cũng hợp nhĩ lắm. Nhưng có người chồng thông minh cũng chưa đủ, để xem chuyện kia anh làm có tới không?

- Đâu, đưa coi nào, xem thử có đẹp hơn tài tử không mà chê bai người khác.

- Khoan, khoan đã. Sau này anh có thay lòng đổi dạ không?

- Giờ phút này em lại đi nói một câu khó nghe. Anh lặp lại lần cuối, anh là đứa không ngại mang giày cũ. Muốn anh thề thốt nữa sao?

- Thôi khỏi thề. Mà cũng đừng nhìn, hãy hôn nó đi.

Cái giường già nua, từ hồi chính phủ cho khi mới sang, trường thọ tới giờ này bắt đầu lẩy bẩy kêu ca. Hắn nín thở. Tiếng rên của bà Thuyên mỗi lúc một khuyếch đại hơn lên. Chịu không nổi, hắn tới mở hé cánh của.

- Sao khi không lại ngừng ngang xương vậy?

Anh hắn ho một tràng dài thế cho câu trả lời.

- Làm cái gì thế?

- Em đâu phải chánh quán người Qui Nhơn.

- Đồ quỷ sứ. Chỗ này nè. Chẳng có kinh nghiệm gì hết trơn. Đứa em của anh chắc là sành sỏi hơn trong lãnh vực này.

Hắn thò đầu vào. Cuốn phim đã hết nhưng màn ảnh truyền hình vẫn chưa tắt. Căn phòng như có tráng lân tinh. Bà Thuyên đang ngồi trên người anh hắn, sừng sững khối da thịt trắng muốt. Anh hắn như một chiếc ghe mà mặt nệm là đại dương sóng lớn. Thân hình người đàn bà lắn lư uốn lượn. Mái tóc rối loạn dập dềnh. Bà Thuyên tự bóp vú mình, người ngữa cong lui sau. Đôi mắt nhắm nghiền bỗng nhiên mở ra, ngây dại và hoảng hốt. Giọng hét thất

thanh như gặp ma. Cuống quít giật vội một mảnh vải. Anh hắn ngóc đầu lên.

- Lại là mày, thằng khốn kiếp!

Hắn đứng lù lù ra đó như thứ hình nhân bị thôi miên.

- Mả cha mày. Trời sinh mày ra làm chi để luôn báo hại người khác.

- Tui kiểm lại rồi. Hồi nãy anh đưa cho tui có bảy mươi lăm đồng, những tờ giấy bạc khác chỉ dùng riêng cho siêu thị Canadian Tire.

- Thì mai tao đưa thêm cho. Bộ có con đĩ đứng ở ngoài dọa đào mả hay sao mà khẩn trương vậy?

Anh hắn không ngại ngùng thu dấu của quý, trần truồng chạy tới đóng mạnh cánh cửa.

- Thật mất sướng. Thôi, để Thuyên về.

- Em đừng chơi ngặt, rồi cả hai sẽ ngủ không xuống đâu.

- Thấy chưa, Thuyên vừa kể cho anh nghe, sao nó linh như một cái miểu. Vừa nhắc Tào Tháo thì Tào Tháo xuất hiện.

- Thằng chó chết.

- Chẳng biết cu cậu đã bỏ đi hay còn đứng rình ở ngoài?

- Địt mẹ, nghĩ tới nó mà tức. Thằng này phải tống cổ ra ở ngoài đường mới khỏi lôi thôi.

Cánh cửa mở ra. Anh hắn đã mặc quần xà lỏn, mình trần trơn ướt. Tay nắm cây vợt tennis như vừa chơi xong mấy trận hào hứng. Người đàn bà đứng ở cửa phòng hồi hộp theo dõi màn chung kết. Trước kẻ ngoại tộc ai lại vạch lưng cho xem cảnh nồi da xáo thịt?

- Tui xin lỗi. Thôi, chúc ngủ ngon.

- Ngủ con mẹ gì. Mày nói mà có khi đúng. Mai tao sẽ đăng báo cái mẩu tin từ em. Dòng họ Nguyễn sẽ bớt đi được một thằng khốn nạn.

Thêm một cánh cửa nữa vừa đóng sập giận dữ sau lưng hắn. Đêm đã khuya, không có tiếng xe chạy và nỗi yên ả đông cứng giữa mọi con đường nói cho hắn rõ điều đó. Hắn ngửa mặt lên trời cười ba tiếng. Trời đen kịt, cao thẳm. Phía sân nhà hàng xóm có tiếng chó sủa. Đã lâu rồi, giờ này hắn mới nghe được tiếng chó gâu gâu. Hắn nhìn ngang, liếc dọc. Đi? Nào ta biết đi đâu?

HỒ ĐÌNH NGHIÊM



LÊ BI

đến khi

Đến khi thơ anh chẳng chở được gì
là lúc trời sao cộng lại.

Nên thơ anh cũng không ở lại
nó bỏ anh thành con ve
cứ hùa theo những ngọn gió hè
nó bỏ anh như hạt cát
vùi thân vào sa mạc
nó bỏ anh làm ngọn cỏ
thế kỷ này bận bịu dẫm lên
anh ở lại anh biết trời sao có ích
để giữa cuộc đời anh cứ phải nhìn lên
quên cả phận mình.

Đến khi không cần làm thơ nữa
là cũng không phải tự xé mình ra.

Nên thơ anh đã là đốm lửa
hóa kiếp từ những sao xa
kẻ đọc thơ chỉ đọc được một niềm đau quá chậm
những điều anh thấy hôm nay đã chết tự bao giờ
anh chỉ là hạt muối
trơ trọi biến hình giữa biển xanh
giấc mộng anh là giấc mộng không thành
vác trên vai người mang tội
anh còn bao niềm đau chưa viết
đã bị từng biến cố bước qua
thôi thì anh cũng cầu cho những gì chưa biết
sẽ mọc mầm hoa.

Đến khi thơ anh không cần anh viết
là biết trời sao kia đã bớt đơn côi.

LÊ BI



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

hai đầu cột điện

Lúc nào cũng vậy. Lúc cửa tiệm bắt đầu đông đúc, dãy ghế năm chiếc đặt trang trọng trước năm tấm gương lớn đã được trám đầy, người thì tới hớt tóc, kẻ cạo râu, có vài người khác thì chỉ là bạn quen của anh Tiếng thợ chính, tới gặp anh để tán dóc vài câu chuyện linh tinh, nắng mưa, thời sự, qua đường, lúc họ bắt đầu râm ran cười nói, vui vẻ, hỏi đáp qua lại ... dường như không ai còn chuyện gì để sai bảo hạch hỏi nữa, thì như một thỏa hiệp ngầm không cần giải thích, không có ai ký giữa hai bên bốn phía vân vân, tự tôi, tôi hiểu là đã tới giờ mình có quyền lĩnh đi chơi.

Câu chuyện Hằng Nga - Hậu Nghệ hôm qua còn nằm nguyên trong óc đến nỗi tối đến, trong giấc mơ tôi đã thấy Hằng Nga với cánh tay áo rộng và cái eo nhỏ xíu bay lên. Cánh tay áo phất phới và những dây áo cùng tà áo lấp loáng dưới ánh trăng xanh, mát rượi, cứ bay qua bay lại mãi trong giấc mơ của tôi, cùng với thứ tiếng nhạc tiên thánh thót dìu dặt. Ồ, tôi chẳng hiểu tại sao tôi lại tin đó là nhạc tiên chứ chẳng phải nhạc tục... Dù sao giấc mơ đêm qua thật êm đềm.

Ông Minh kể đến đoạn Hằng Nga lúc bấy giờ đã nuốt trộm linh chi thảo, cô ta đã bay lên, xa khỏi trái đất, nhìn xuống và thấy Hậu Nghệ thật... không giống ai.

Hằng Nga dụi mắt dụi mũi mấy lần và vẫn theo đúng kiểu của một cô gái nhỏ ngây thơ dễ tin, Hằng Nga còn cấn cả móng tay nữa để tự chắc với mình rằng không mơ ngủ:

- Ủa cái ông Hậu Nghệ này, thường ngày mình vẫn thấy ổng là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh vô địch, kìa xem lão vác cái cái cung to lớn như thế, nặng nề như thế, mà chỉ vác có một tay, lão ta lại cao hơn mình cả trượng, không cao lớn bề thế nhất trần gian thì là còn gì. Và lão ta cũng là người dữ tợn nhất nữa chứ.

Hằng Nga lầm bầm trong miệng :

- Mỗi khi lão nổi khùng lên, lông mày dựng ngược, hai cái gân trán giật giật liên hồi miệng thì hét lên: ta sẽ chà nát cả thế gian này ở dưới chân ta... mình thấy lão anh hùng quá, khí đởm dữ dội... Nhưng sao bây giờ trông lão lụ khụ, già nua như một anh cả đẫn, lão đi đi lại mệt mỏi bằng những bước chân ngắn ngủi của người lùn.

Hằng Nga nhìn đi ngó lại, quan sát trần gian, quan sát Hậu Nghệ, ngắm nghía, ngẩn ngơ rồi đực mặt ra, cóc có hiểu chuyện gì sốt cả.

Ông Minh kể tới đó thì hết chuyện và tôi phải tới giờ về nên vội vã ra đi. Hôm nay nếu tới gặp ổng mà ổng không có chuyện gì khác để kể, thì mình sẽ

hỏi ổng mấy câu về Hằng Nga này, cái cô tiên đẹp đã làm mình mất ngủ cũng như đã giúp cho mình ngủ ngon suốt đêm hôm qua.

Đường phố vào trưa đã bắt đầu nhộn nhịp ở khu gần chợ. Ánh nắng, rác bụi, sự huyên náo, hơi người, mùi xăng... chói chang, ngợp thở nhưng là chất sống của Khờ mỗi ngày. Nếu không có nó, chắc Khờ sẽ chết vì tẻ lạnh.

Nó ngồi xuống nơi khu đất sau lưng nhà hộ sinh, nơi tụ tập của đủ mọi người: loại chạy hàng từ vải vóc, vàng bạc, thuốc tây tụ thành một nhóm, loại cướp giựt móc túi hay vờ đón hỏi mua đồ đạc áo quần cũ của những người đi chợ muốn mua bán, loại dắt mối mua bán mọi thứ kể cả mua bán người, loại xì ke ghiền nặng bị công an rượt chợ này thì chạy qua chợ khác và cuối cùng là một bọn cũng có nghề nghiệp lai rai như Khờ, như ông Minh (ông Minh chụm củi cho một lò nấu rượu lậu nên ông thường được uống rượu thả dàn, mỗi khi say khướt thì ông bỏ lò tìm ra chợ kể chuyện kim cổ đông tây cho bà con nghe). Một vài người nữa Khờ biết tên hoặc không, quan hệ gì, miễn là mọi người ở đây chấp nhận Khờ như một thành viên, cho Khờ được tự do ngồi nghe chuyện, tự do đặt câu hỏi, chớ không phá lên cười khanh - khách hay thẳng tay đuổi Khờ đi chỗ khác chơi, như những người khách ở tiệm hớt tóc "Đông Xuân của chú Biên".Cũng nên kể thêm một thành viên đặc biệt nữa và đó cũng là một lý do vì sao mỗi ngày không ra họp mặt ở khu đất chợ thì Khờ tưởng như mình có thể chết đi: cô bé bán thuốc lá lẻ, hai mắt to và nụ cười lúm một cái đồng tiền bên trái, cô thường ngồi yên lặng kín đáo dấu đôi chân bị teo nhỏ của mình sau quầy thuốc, nên với Khờ và với nhiều người khác qua lại ở đây, cô vẫn là cái thể hiện của một cô gái đẹp rất nguyên vẹn. Cô thường ngồi yên lặng theo dõi câu chuyện trao đổi của mọi người và nụ cười với một đồng tiền thường lúm lên, lấp lánh trong ánh mắt bao dung.

Hồi nhà hộ sinh mới xây, vợ chú ba Biên vào sinh rồi chết ở đấy, chú Ba không bao giờ dám héo lánh tới khu vực này. Sáng hôm đó, Khờ đi với chú Ba vào thăm thím, chú Ba mua cho vợ một gói xôi bắp thật lớn vì có tin nhắn là thím đã khỏe. Thím bị sẩy thai rồi sau đó lại làm băng. Gói xôi bắp khô cứng, vo ve một lớp ruồi nhặng bị nằm bỏ quên bên xó giường cạnh xác chết của thím Ba làm cho tôi mỗi khi có tiền muốn ăn quà vặt, nghĩ đến món xôi bắp Khờ lại thấy lợm-lợm.

Hôm qua lại có một tên xì ke nữa vừa qua đời. Hoặc thiếu thuốc hoặc vết thương lở lói khắp thân thể đã nhiễm trùng quá nặng, bọn xì ke lâu lâu lại rụng lặng lẽ đi một đứa , như một thứ trái cây độc lặng lẽ rụng xuống và rữa nát trong một khu vườn đen thẫm nào đấy và cuộc nhân sinh vẫn tiếp tục mơ màng.

Cô bé bán thuốc điếu lẻ vẫn ngồi yên chỗ cũ, nụ cười má lúm đồng tiền với tôi khi tôi đến:

- Anh Khờ, ông Dán Nhãn vừa đến đấy!

Cô bé bảo thích thú làm ai cũng vui lây. Ông này tên là Bân nhưng hầu như ai cũng quên mất tên thật của ông vì ông có cái biệt tài là hễ chỉ cần nghe

ai nói chuyện, kể chuyện hay hỏi dăm ba câu gọi là phát biểu ý-kiến, là lập tức, ổng nhận ra được một cái tật lớn nào đó của người đó ngay và liền đặt cho một cái tên theo lối dán nhãn. "Khờ" cũng là cái tên mà ông đặt. Ổng gọi Minh là Minh-tiên, vì hay nói chuyện trên trời dưới đất, Thanh là bà Thanh đạp cứt vì ai nói gì thì nó hay nói theo, Bơ là Bơ đầu bạc vì ảnh có hơn ba mươi mà đi học tập về đầu trắng xóa, một anh khác không tên Bơ nhưng cũng bị gán cho cái tên Bơ đầu-bò, vì ổng nói đấy là một hiệu phó mát rất danh tiếng của nước Pháp rất hạp với cái đầu bò lắc lư của anh ta. Dù sao thì ngoài ổng ra, cô bé bán thuốc lẻ cũng được ông Dán Nhãn cho một cái nhãn.

Ông Dán Nhãn thường quảng bá cái triết-lý cao siêu về việc dán nhãn của ông như sau:

- Đứa nào mà tử tế dễ thương với tao thì tao cho một cái nhãn khá-khá ngon lành, đứa nào hắc ám với tao, tao lụi luôn cho một cái là tàn đời. Đời mà ai lại không có tật lớn tật nhỏ, nhưng hễ ai đụng tới cái tật của mình là mình vội nhảy đổng-đổng lên. Chỉ có tao là khôn nhất, tao có cái nhãn là Dán-Nhãn, ai dám chê tật nào của tao nữa đâu?

Có một người đàn bà đi qua cám cảnh anh xì ke chết dường chết chợ lạnh tanh, ruồi bu từ sáng đến giờ mà công an chưa tới hốt xác đi, bà mua cho một thẻ nhang để trên đầu ảnh rồi bỏ đi.

Hồi thím Ba Biên mới mất, thiên hạ chòm-xóm xì-xào dị-nghị chú Ba khá nhiều. Nào là chú Ba giàu-có quá, chủ một cửa tiệm có năm ghế như tiệm Đông Xuân mà không dám bỏ tiền ra rước bác sĩ tư cho thím, nào là dạo đó vi-ta-min K để cầm máu cũng có thể mua với gía chợ đen ở chợ trời để cứu thím mà chú tiếc tiền không mua... Chú Ba chịu đựng lời ong tiếng ve khá lâu rồi không hiểu sau đó nhờ ông bạn nhậu nào đó của chú dạy khôn, lâu lâu rượu vào lời ra, chú Ba cũng khề khà dở sách thánh-hiền phán vài câu:

- Ở đời, chưa chắc gì thằng nào ngon hơn thằng nào đâu nghen mậy! Tha hồ cho nó to miệng chửi-bới bêu xấu tao, sách nho xưa có nói: "Thiên hà ngôn tai ", trời đất có nói gì đâu? Vậy thì tao không dính chính không thèm trả lời, không nói đi nói lại và cũng không thèm ngó mặt cái đồ nó nói thậm thụt sau lưng tao, vậy là tao ngang bằng ông trời rồi đó!

Chú nói riết rồi mọi người cũng tin, cũng thấy chú ngon lành gần bằng ông trời. Còn đối với tôi thì chú thực sự là một ông trời con.

Lúc còn ở dưới quê, thầy thuốc nam nói là tôi mắc bệnh con khỉ, dù có nhiều tuổi thêm cách mấy cũng chỉ cao lớn cỡ một thằng con nít tám tuổi, bác sĩ ở phòng Y tế huyện thì nói tôi bị bệnh chậm lớn và thiếu dinh dưỡng. Dù bịnh gì đi nữa thì má tôi cũng đau khổ vì thấy "tác phẩm của bả" (mấy chữ này là sau lên thành phố quen ông Minh rồi mới bắt chước được của ổng), má tôi cũng thấy khổ sở vì hàng xóm láng giềng, nhất là tụi con nít mỗi lần thấy đi ngang đều cười rộ lên và réo với nhiều tên khác nhau: á, ha ha, thằng Lắc-Lư, thằng Khỉ già, Còi ơi là còi há... ha ha ha... Má gởi tôi lên ở làm công cho chú Ba, sáng ra mở tiệm, sắp đặt bàn ghế ngay ngắn, quét dọn trong

ngoài gọn ghẽ, có khách tới đông rồi thì cút đi đâu thì cút, chiều tối về hốt dọn mớ tóc vụn, sắp đặt lại bàn ghế, lau chùi mấy tấm gương, chế nước cho đầy vào mấy cái bình xịt tóc. Mấy món thuốc cấm kỵ như bình dầu thơm, tông dơ, kéo, đồ nghề thì chớ có rớ tới làm mất thứ tự của anh Tiếng mà có ngày toi mạng. Chú Ba Biên đi vô, đi ra, thâu tiền, chào hỏi, tán dóc với khách hàng. Mỗi ngày chú phát cho tôi số tiền đủ ăn một gói xôi nếp vì chú biết tôi chẳng thể ăn được xôi bắp, chiều về cơm nước đã có bà Năm nấu sẵn, chú thường ăn trước một mình, tôi ăn sau với bà Năm. Hôm nào chú có bạn nhậu rủ đi thì bà Năm cho tôi ăn phần thịt luộc của riêng chú. Bà Năm vừa ăn vừa gật gù nhắc tôi:

- Bữa nay tao cho mày ăn thịt, lát nữa mày phải đấm bóp cho tao.

Tôi nghe tới đó thì thường là miếng thịt bã ra trong miệng lạt nhách, nhưng không ăn nữa thì bà Năm giận, tội nghiệp bã, mà không đấm bóp cho bã, lỡ bã ...bỏ bụng buồn kiếm chuyện say sưa rồi khóc hu-hu thì bã sẽ có cớ duổi tôi về quê như chơi. Mà má tôi đâu còn muốn tôi đi về dưới đó làm chi nữa! Ông Dán Nhãn nhiều khi nói cũng đúng, ở đời, mỗi người ai cũng đều có một cái tật. Có tật mà có tài thì còn đỡ, chớ có người chỉ toàn có tật không chớ chẳng thấy có tài gì.

Có lần ông Minh dạy tôi mà cũng là nói chung cho cả bọn:

- Khờ à, ở đời có hai loại thú vui, có cái vui ngắn hạn và có cái vui dài hạn. Ngắn hạn là thí dụ như ăn ngon, ngủ ấm, nhậu rượu như tao, ngủ bậy với nhiều con mẹ đàn-bà khác nhau như thằng cha Dán Nhãn (lúc ông Minh nói câu này thì ông Dán Nhãn cha tới), còn có cái vui dài hạn hơn là chẳng hạn như mày ráng ở đây kiếm cơm nuôi miệng để khỏi bận lòng cha má mày, là chẳng hạn như mỗi ngày mày ra đây ngồi chơi để học khôn cũng là cái vui dài hạn đó!

Rồi ổng hỏi:

- Vậy mày ưng thứ vui nào ngắn hay dài?

Tôi đáp thành thật là tôi ưng cả hai, thì ổng vỗ vai tôi cười đắc ý và nói một câu chắc ăn là tôi đã hết khờ rồi, tên Khờ lỡ đặt thì kêu cho vui vậy thôi.

Ổng không biết là tôi đang dấu ổng một điều. Còn một nỗi vui dài hạn của tôi nữa là nụ cười má lúm một đồng tiền của cô bé bán thuốc lẻ, ngày nào còn thấy nụ cười ấy thì tôi còn thấy một niềm vui triền miên vô hạn...

Thành phố này chỉ có một con đường độc đạo mà nó nối được hai nỗi vui dài hạn của tôi. Đầu đường là tiệm hớt tóc Đông Xuân của chú Ba Biên, nơi tôi làm công kiếm cơm để khỏi bận lòng ba má, cuối đường là tiệm bán thuốc lá lẻ của cái má lúm đồng tiền, nếu ông Minh nói đúng, thì đời tôi cũng gặp nhiều may mắn. Giữa hai nỗi vui lớn ấy còn thiếu gì những điều vui nho nhỏ. Tôi nghĩ tới và so sánh với hai dây cột điện có hai sợi dây thép giăng ngang, giữa là lấm chấm những con chim sẻ đậu. Những ngày mùa xuân trời ấm, chim đậu đếm không hết. Những ngày đông mưa gió xám-xịt, chỉ còn hai cây cột và sợi dây điện đứng chơ-vơ, nhưng miễn sao hai cây cột đừng ngã, sợi dây

dừng đứt, qua mùa ấm, chim sẻ lại ríu rít trở về.

Sáng nay, anh Dụng tới chơi, ông Dán Nhãn kêu là Dụng-ngáp, không phải ảnh có tật hay ngáp mà vì đối với ảnh, qua miệng ảnh, chuyện gì cũng trở thành nghiêm trọng quá đáng, nên ông Dán Nhãn bảo là: "Nghe thằng Dụng nói thì bọn mình chỉ có nước ngáp-ngáp," nên gọi ảnh là Dụng-ngáp.

Anh Dụng-ngáp hỏi ông Minh:

- Ông là người cao kiến, vậy chớ tôi hỏi ông, nếu thí dụ như nhà mình nghèo chỉ nấu được có một trã canh mà "con sâu làm rầu nồi canh", vậy sau khi mình vớt con sâu ra rồi thì đổ nồi canh nhịn thèm hay là cứ ... tiếp tục ăn canh?

Anh Bơ-dầu-bò gật gù cái đầu bự một lát rồi đáp:

- Hỏi vậy chứng tỏ mày đếch có hiểu gì câu nói đó hết. Người ta nói "rầu" là hư là thúi là đáng đổ đi, hỏi vậy mà cũng bày đặt hỏi.

Thanh-đạp-cứt liền hưởng-ứng tức-khắc:

- Phải rồi, phải rồi, khi nghe kể chuyện gì mà mình cảm thấy phát rầu trong ruột là chuyện không khá rồi, là chuyện vất di...

Dụng-ngáp phản pháo tới nơi chốn :

- Đọ dọ...như mày , Thanh-đạp-cứt à, mày dúng là một con sâu đó. Lẽ ra nồi canh này phải được khá hơn không đến nỗi phải đổ đi, chỉ vì mày chêm cái miệng chùa của mày vô mà nồi canh của tao mới bắc lên chưa kịp sôi dã muốn đổ.

Ông Minh muốn can gián hai bên khỏi thành gây ra kình cãi, ông la lớn:

- Anh em, để tôi kể chuyện trái đất này sắp tận thế tới nơi cho anh em nghe. Đây không phải là chuyện trời dưới dất, chuyện khoa học xác thực một trăm phần trăm ... Năm 1999 này là năm tận thế tới nơi rồi dó...

Chiều tối, tôi ra về. Qua ánh đèn đường lấp loáng, những tia dèn vàng lung tung nhảy múa, tôi mường tượng đến trận mưa khủng-khiếp kéo dài suốt một tuần lễ trước khi trái đất bốc hơi và mất sức hút để rơi vào một khoảng không vô tận. Còn mặt trăng của Hằng Nga lúc dó sẽ ra sao nếu trái dất bị rớt? Có khi hôm dó mình dang di chơi về như thế này thì bỗng nhiên nghe sấm sét nổ đùng dùng, dó là trận mưa tận thế đã tới. Nhưng nghĩ làm chi xa xôi quá vậy, từ dây tới dó vẫn còn có cả chục năm. Ai biết dược, mình còn sống tới ngày dó, chú Ba có còn cho mình làm công ở tiệm ống không, chú duổi, cha má mình cũng không muốn nhận , thì mình di dâu? Mà từ dây tới dó biết mấy ông Minh, ông Dán Nhãn, anh Thanh-Đạp-Cứt, Bơ Đầu Bạc có còn có dịp ra tụ-họp đông dủ mỗi ngày như bây giờ không? Và còn nụ cười má lúm đồng tiền rồi sẽ ra sao ?

Bước thấp bước cao, chuyện cổ-tích bằng thơ mà ông Minh kể bỗng hiện lên rõ mồn-một từng chữ trong dầu tôi:

Dòng sông có ngôi sao xanh
Dẫn tôi đến với thênh thang ruộng đồng
Nhớ xưa cùng bác nhà nông

Cày trên ruộng mục với con ngựa què
Cuộc đời ở chốn nhà quê
Tôi mơ thành quách bóng cờ tiến quân
Bay lên thành ngôi sao xanh
Rớt xuống thành nước xẻ hai một dòng
Đôi khi nhớ bác nhà nông
Tôi thầm nhủ chắc bác không trách mình.

Rồi tôi đâm lo cho anh Bơ-Đầu-Bò. Ảnh bị cụt một chân ở với bà mẹ già và sinh sống bằng nghề sửa, vá xe đạp nhưng suốt ngày ảnh chỉ mơ một chuyến đi xa. Ảnh bảo từ khi nghe ông Minh đọc cái chuyện bằng thơ đó, không đêm nào là ảnh không thấy một dòng sông và một ngôi sao xanh. Ảnh mơ thấy mình lái một chiếc du thuyền trắng trong dòng sông và đi mãi, đi mãi theo ngôi sao xanh. Biết đâu cái lo tận thế mạnh quá sẽ khiến ảnh ngày mai dẹp cái chòi sửa xe đạp và đi hoang mất tiêu, thì sẽ tội nghiệp cho bà mẹ già của ảnh biết mấy.

Mưa đã bắt đầu lắc-rắc hột. Ánh đèn đường mờ ảo, đường đã vắng người, có tiếng chó sủa vu-vơ mà ấm áp. Những đêm trăng ở dưới quê, một mình ra đi không ai biết, tôi thường thơ-thẩn đi từ trong xóm ra ngoài ruộng. Đường vắng ngắt, thôn xóm im lìm, trăng đổ từng vũng trên mặt đường, mặt ruộng lạnh ngắt, chỉ có lũ chó thức đêm cùng tôi sủa vu-vơ.

Lần đầu tiên, tự nhiên tôi rơm rớm. Quả tình,tôi chỉ là một kẻ có tật mà chẳng có tài gì.

Đêm nay tôi chẳng mơ Hằng Nga, chẳng mơ Hậu Nghệ cũng chẳng có dòng sông với ngôi sao xanh đỏ gì ráo, chỉ mơ sao ngày mai thức dậy, ông chú Ba vẫn "thiên hà ngôn tai", tôi vẫn được dọn-dẹp tiệm, vẫn được đuổi cút ra chợ, vẫn được gặp đầy đủ ông Minh, ông Thanh, anh Dụng... dù họ không nói chuyện tiên, không đạp cứt, không ngáp ngáp, không dán nhãn... dù không ai nói với ai một lời nào, dù má lúm đồng tiền chẳng cười lúm với tôi, ôi mọi người xin hãy ở yên, ôi mọi điều, xin cứ được như cũ, để hai cái cột điện với sợi dây thép giăng ngang của tôi chẳng bao giờ phải trốc gốc và đứt dây cả.

Hồi hộp tôi bước vô nhà. Đèn nhà trên đã tắt, đèn nhà dưới lờ mờ. Bà Năm vẫn đứng yên chỗ cũ, giặt giũ vắt khô và sắp sửa phơi mấy tấm khăn lông lên sợi dây thép căng bên hồ nước.

Nghe tiếng chân bước vô, bà hơi quay lại và quay lại hẳn, miệng sặc mùi rượu trắng:

-Thằng quỷ mày đi dầm mưa về bịnh chết cha! Sao không mau đi thay đồ, còn đứng chết trân đó?

Tôi nuốt vội những giọt mưa, những giọt nước mắt, hiu hắt nghẹn ngào mà nghe ra cái ấm áp trong nhà lan tràn đang thắng cái lạnh ào ạt ngoài kia.

Mùi rượu từ miệng dì Năm vẫn xông lên ngào ngạt.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC, Tháng 7-92.



CHÂN PHƯƠNG

bên rìa trí nhớ shiva

1.
biển và em vắng mặt

2.
từ thượng nguồn hiu quạnh
rượu với máu đổ về trái tim thừa
nỗi thèm muốn dật dờ
nơi hạ lưu đầm lầy trí nhớ

3.
đường cong nhục thể...
mặt phẳng lãng quên

4.
tình yêu
là đứa con rơi của số không

chai rượu mạnh
là anh em sinh đôi

với dương vật

in bóng lẻ loi
khắp các nhà tiểu công cộng

CHÂN PHƯƠNG



NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

ngoài khung đời

1.

Dạo này cứ trưa trưa, da thịt đứa con gái bỗng bừng bừng như những ngọn gió chở lửa ở bên ngoài. Trời đất hì hục quất vào nhau những cơn gió động cỡn khiến Mỹ thấy mình cũng hừng hực lây. Người Mỹ nóng ran, cảm tưởng chính ngọn lửa ấy vồ chụp lấy mình thiêu đốt đến tận cùng và điên rồ.

Donna, bà mẹ nuôi hiếm con, chưa già mà đã bị chồng chê, nói rít qua hai hàm răng: "Nghỉ hè rồi, lo kiếm việc gì mà làm đi chứ! Không lẽ cứ ra vô đỏng đảnh, hớ hênh cả ngày, coi sao được". Ông Michael lập tức quay sang vợ, mở máy nói rè rè rì rì hệt như đời sống tình dục... không mấy vui của hai người: "Ôi thôi kệ cô ta mà. Cô Mỹ cũng lớn rồi chứ bộ. Hà cớ chi bà phải bày đặt chỉ vẽ điều này điều nọ? Cô ấy ở nhà ôn bài, làm chuyện nhà được rồi".

Ý kiến của bà Donna luôn luôn tắt tịt vì bà vốn nể sợ chồng. Không lẽ tại buồng trứng của bà bị hư, bị thối nên bà đành trao cho ông ta cái quyền nói tiếng nói cuối cùng? Một cách âm thầm, bà Donna đã nhiều lần tủi thân nghĩ; khi người đàn bà bị tắt tịt chuyện sinh đẻ tất nhiên chuyện phát biểu cũng phải chịu... nín theo. Chồng bà từ bao giờ bỗng trở nên một vị thánh sống. Không phải sao, ông ấy đã hết sức đạo hạnh, lạnh lẽo với bà như thể chuyện ăn nằm với vợ là một đọa đày ở chốn luyện ngục.

Đêm đêm, bà bằng lòng phong thánh cho nỗi thất bại và sự bất lực câm lặng của ông chồng. Chỉ lâu lâu bà mới trở lại với tánh ưa đùa cợt và thích chọc ghẹo... "thần linh". Nhưng lúc ấy bà thấy ông Michael thật khôi hài trong dáng điệu quỳ gối, chống hai tay và chiếc miệng bỗng nhe hai răng nanh như quỷ râu xanh. Có điều chỉ một giây sau là ông ấy tê tái (hay tê liệt?) đóng đinh thân xác mình trên ngôi chí thánh.

Dạo này bà ngấm ngầm thấy rằng trong người đứa con gái nuôi bị một con quỷ đùa nghịch. Trong làn da mướt đen như bóng tối của Mỹ (chả trách con mẹ nó đĩ ngựa ngủ tùm lum với những tên Mỹ viễn chinh) chắc chắn có tẩm thuốc mê nên quỷ dưới địa ngục phải nắm tay nhau về trần nhảy múa, la hét loạn xà ngầu, đòi hỏi hút tinh hoa của cô ta.

Con quỷ đầu tiên (mà có khi bà Donna đã vội phong thánh vì luôn luôn giữ cho thân thể bà được cao quý, tinh khiết) kể ra cũng gây ngạc nhiên và dám xuất hiện vào... ban ngày.

Bà Donna nghe nói ở Việt Nam, người ta phải mướn thầy pháp để dùng bùa xua loại yêu tinh quỷ sứ này đi. Ở Mỹ, bà biết mình có thể dùng thầy cãi đuổi con quỷ tà dâm ra khỏi nhà ngay.

Thế giới này nhan nhãn toàn quỷ (bà đoán ai cũng có lúc muốn biến thành quỷ để thử xem, vì người ta hay nói "yêu quỷ" nên chắc chỉ có quỷ mới biết yêu thôi. Bà ngờ lắm việc thần thánh biết yêu. Chồng bà đấy, bà biết chứ). Riêng bà, trong cuộc đời còn lại, nếu bà đuổi con quỷ ấy đi rồi thì bà ở với ai? Nếu khai trừ... quỷ đi thì thế giới hẳn cô đơn và hoang liêu vô cùng!

2.

Hầu như lúc này cứ vào giờ ăn trưa, ông Michael sốt sắng lái xe về nhà. Ông ta bỏ thói quen ăn "hamburger" ở sở và lần nào cũng lái về với bó hoa hay quà tặng đủ loại cho Mỹ.

Buổi trưa nhất định là lúc bà Donna ở sở. Tối tối bà thường sắm chút rau xà lách với một lát chanh tươi và vài ba cái bánh lạt cho buổi ăn trưa qua loa. Bà vốn sợ mập nên không thích đi tiệm, cũng như càng không nghĩ đến vụ lái xe về nhà vì ba chuyện ăn uống. Bất quá bà uống cà phê trừ... bánh mì hoặc rau trái.

Sự bất tiện (hay vấn đề kiêng ăn) của bà Donna dĩ nhiên trở thành... tiện lợi cho ông Michael. Ông ta tha hồ sống lại với cảm xúc xao xuyến ngập tràn của thằng con trai mới lớn. Từ đáy lòng tưởng như nguội lạnh và từ thân xác cũng tưởng chừng tắt lửa, người đàn ông bỗng gặp ngọn lửa cuối đời rực sáng. Trong con người Mỹ, từ đôi mắt cho tới vùng cổ cao, bờ ngực lẳng... đều như có lửa. Lửa trong mắt Mỹ thì kỳ dị, đốt tim ông ta, lửa ở những nơi khác trên người Mỹ thì lại nung cháy Michael ở những bộ phận khác. Nói chung người đàn ông không tài nào thoát khỏi cả rừng lửa đang rừng rực lan chiếm.

Thật ra Mỹ cũng đâu muốn ông Michael "tàn rụi" vì mình. Mới mười bảy tuổi đầu, Mỹ đã biết dành cho bà Donna những thương cảm về thân phận đàn bà với nhau. Chưa kể thêm một ray rứt không thể không có về lòng bội phản với ân nhân mình. Điều lạ nhất là càng sợ hãi, lửa càng dũng mãnh tiến lại gần hò hét. Cho đến một buổi trưa nóng như lửa, trời đất chứng kiến ngọn lửa oan nghiệt của họ làm rát bỏng cả bà Donna.

3.

Khi về nhà, Michael dừng lại ở sạp hoa nhỏ bên đường. Ông ta mua một bó hồng và cảm thấy lòng mình mát rượi theo những giọt nước long lanh còn sót lại trên những nụ hồng. Bất giác, ông mường tượng đến đôi môi khêu gợi, đa tình của cô gái nuôi lai Mỹ đen. Môi cô ta đúng là những cánh hoa man dại mà ông đã bao lần thèm được ngậm lấy.

Vào trưa, trời mùa hè phừng phừng những bờ lưỡi nóng. Ông thấy hơi choáng váng vì con nhà nắng cứ thi nhau nhảy múa óng ánh trước mặt. Hình như nắng đang mặc một chiếc áo lụa mỏng với những nhụy hoa vàng lấm tấm. Trên cao, những vầng mây tháng hạ vẫn nhẹ tênh bay.

Dễ chừng cũng gần ba tháng ông Michael đều đặn về nhà ăn trưa. Dĩ nhiên đó chỉ là cái cớ để ông được bắt gặp khuôn mặt sáng rỡ của Mỹ dăm ba phút. Ông biết mùa hè cũng sắp hết và cô gái sẽ không còn nhiều dịp chạy ùa ra chào mỗi trưa ông về. Mỹ sẽ đi học lại, rồi thì trên trường sẽ thiếu gì những thằng trai trẻ chạy theo si ngây. Nghĩ vậy, lần này ông nhất quyết phải làm bất cứ cách gì để kéo Mỹ vào mối hệ lụy tình cảm. Ông sợ mất Mỹ, dù ông chưa được Mỹ.

Vừa thấy Mỹ, Michael lao đến như một mũi tên. Chỉ một chút nữa là môi ông cắm chặt trên môi Mỹ, nhưng không hiểu sao ông ta kịp đổi hướng, mũi tên như có phép bay ngược trở lại phía tim ông, sự né tránh đúng lúc đủ để Mỹ nghe được từng luồng hơi nóng từ dương vật Michael rần rần tỏa sang người mình. Vẻ ngẩn ngơ hiện ra trên hai môi dày kiểu tham lam của ông bố nuôi khiến Mỹ chới với. Hình như ông ta cố ý làm vậy để khiêu khích Mỹ bằng cảm giác hụt hẫng, nửa gần mà nửa xa, nửa có mà nửa không... Nếu không, sao ông ta chỉ để mắt môi mình gần chạm tới người Mỹ, man rợ bốc trần những hương thơm dậy thì ấy rồi nhẹ nhàng tan biến như sương mai. Mỹ nghĩ, không lẽ ông ta không biết Mỹ đứng ở cửa vào giờ này để chờ ai sao?

Quả thật làm được phép lạ... tàng hình ấy. Michael nghiễm nhiên trở thành nhà ảo thuật đại tài khiến Mỹ xốn xang, tối tăm mặt mũi và toàn thân rúng động. Tự nhiên Mỹ bỗng co người lại như ngọn cỏ, rạp mình ướt sũng những giọt sương. Sao lạ vậy. Michael chỉ mới gần chạm đến cánh cửa thôi mà. Sao toàn thân xác Mỹ bỗng muốn mở tung chào đón ông ta như loại cửa tự động máy móc.

Michael nhìn sâu vào hai mắt Mỹ bằng cái nhìn của loài ong thèm hút mật hoa. Nhưng ông ta kịp dừng lại, để mặc đất trời quanh ông ôm nhau luân vũ trong những vòng tròn ánh sáng say đắm. Môi Mỹ mướt như miếng thạch mà ông đã nhai nuốt ngon lành trong bữa ăn tối qua, nhưng ông tự nhủ mình không nên hối hả. "Từ từ rồi sẽ đi đến đích. Nếu không, biết đâu tôi chẳng bao giờ chạm đến em. Em biết không, từ một xác chết là tôi để có thể hồi sinh nẩy mầm một sự sống trong đó có máu huyết em đến cứu chuộc thì phải tỏ ra biết điều một chút chứ. Tôi không chạm được em thì tôi thà chạm bóng tối hư vô hơn là chạm bà vợ chán ngấy này". Michael mỉm cười xé toang ý nghĩ của mình rồi nói lắp bắp:

- Có bó hoa cho em này.

Mỹ ngẩn người và cúi xuống lí nhí:

- Cảm ơn ông. Nhưng ông đã biết không nên mua hoa cho em nữa, vì em cứ phải nói dối với bà Donna hoài.

- Sắp hết hè rồi. Tôi chỉ mua hoa cho em một lần đầu mùa hạ và bây giờ

là... cuối hạ.

Mỹ bỗng buồn hắt hiu:

- Gì mà hoa đầu mùa, hoa cuối hạ nghe ghê vậy? Hay là ông để tặng bà Donna đi.

Bó hoa ngay sau đó được ông Michael trao tận tay một cách trịnh trọng đến tức cười cho bà Donna. Nghĩ cho cùng ông Michael có định không đưa cũng không xong. Bó hoa đang nằm trên tay ông và vợ ông bỗng mở cửa bước vào bất ngờ như cơn gió thoảng. Bà Donna nhận ra ngay sự im lặng ngơ ngác của hai người, như thể họ vừa truyền cho nhau những tín hiệu bí mật qua hàng mi chớp, tròng mắt dại hay cặp môi hé...

- Tôi đã về sớm hôm nay mà anh còn về sớm hơn tôi nữa à? Bà Donna gằn giọng về phía chồng.

Ông Michael nhìn vợ, cố đóng một vai tuồng hạng bét:

- Anh vừa tính đi bây giờ đó chứ. Mới về coi thử hộp thư có hồ sơ quan trọng gởi đến chưa. Anh có mua hoa cho mình nè.

- Anh mua hoa cho tôi? Bà Donna há hốc mồm.

Ông Michael nhất định nhập tâm với vai trò của tên chồng o bế vợ trên sân khấu:

- Thấy hoa bán đại hạ giá giữa đường, anh đây có lòng mua mà em không vui sao?

-Thôi đi, anh nói nghe như thật. Đời nào anh nghĩ đến người ta mà bông với hoa.

Mỹ bỗng phá ra cười, chêm vào một câu lạc lõng:

- Chồng không mua hoa cho vợ thì mua cho ai chứ?

Câu nói châm ngòi cho thứ mặc cảm thua sút và nỗi thảm bại lâu ngày bén lửa. Bà Donna hoàn toàn đánh mất sự bình tĩnh cuối cùng:

- Mấy người đừng qua mặt tôi chứ. Ông ấy không mua hoa cho tôi đâu, tôi biết. Có gì tối nay cô đem ngay cho con ngựa cái của ông ta ở ngoài chuồng đó.

4.

Đêm ấy Mỹ mặc chiếc áo ngủ lồng lộng trắng. Mỹ mở cửa sau, thoắt ra vườn như một kẻ mộng du mê mải đuổi theo vầng trăng nhợt nhạt. Mỹ thấy vầng trăng hình như càng xa dần. Mỹ tưởng chừng những đám mây đang rủ rê trăng chạy đua. Vầng trăng của Mỹ vừa hun hút qua mặt lũ mây ẻo lả. Mỹ mơ hồ thấy mình ngồi phệt bên chuồng ngựa, lãng quên dần ý định tìm bắt ánh trăng mộng xa xôi.

Mỹ đặt nhẹ bó hồng dưới chân con ngựa cái, mỉm cười khó hiểu:

- Ông Michael bảo ta mang hoa ra tặng mày nè. Không phải mụ Donna khó tính hay nhăn có ý tốt lành chi với mày đâu. Mụ ấy biết được còn ghen cả với mày nữa đấy.

Con ngựa cái cúi xuống ngửi ngửi bó hoa trông rất buồn cười. Mỹ có cảm

tưởng như nó cũng biết tôn trọng với quà tặng. Có điều hai mắt của nó trong bóng tối thật u buồn. Tự nhiên Mỹ muốn chọc cho nó vui bằng cách vuốt vuốt cái mũi ươn ướt:

- Mày mà cũng biết hôn hoa hồng nữa hả? Ờ nhỉ, biết đâu kiếp trước mày chả là một chàng trai phong nhã biết mua hoa cho đào và phóng ngựa như bay.

Kiếp này nó là con ngựa cái tên Bờm Xờm, không biết vui biết cười. Nó chỉ biết đưa chiếc mõm ấm lạ lùng vào đầu vú xinh xinh của cô chủ nhỏ. Con ngựa có cái bờm dài mướt làm Mỹ liên tưởng đến đám lông mịn đen dưới cằm ông Michael. Mỹ để ý ông ta vẫn thường chạm bộ râu quai nón ấy vào "đám tóc đen" (tên Mỹ đặt cho cái bờm, cũng như tên đặc biệt Mỹ gọi con ngựa) một cách trìu mến.

Bây giờ ông Michael có lẽ đã yên giấc. Mỹ rơm rớm nước mắt khi nghĩ đến nụ hôn hồi chiều chưa kịp gần gũi mà đã... xa rồi những mường tượng. Mỹ âm thầm định trốn khỏi căn nhà đêm nay. Bà Donna đã mỉa mai Mỹ là con ngựa cái, có ý đuổi Mỹ ra chuồng ngựa ngủ hoặc đi khuất mắt cho rồi. Bà ấy đời nào tha thứ cho hai người nếu có điều gì xảy ra. Mỹ sợ chất xúc tác giữa Mỹ và ông Michael đã đến hồi bốc nhiệt. Ông Michael không thể chống trả nổi sức hút của Mỹ và ngược lại Mỹ cũng không kềm nổi mầm mê loạn của thân xác mới lớn.

Mỹ vít đầu con ngựa cái xuống ôm hôn lần nữa. Chỉ có nó mới được mang hương hơi của Michael và Mỹ biết đã trăm lần Michael cởi nó phi qua những thung lũng, những ngọn đồi tình tự. Con vật vốn được bàn tay vuốt ve của Michael nên khi Mỹ bắt chước vuốt ve tấm lưng mượt, Bờm Xờm bỗng co người lại và hai mắt nhắm nghiền say đắm.

Mỹ cũng nhắm nghiền mắt lại khi nó bỗng dí cái mõm đầy nhiệt vào cổ nhột nhạt. Cho đến khi nó lướt nhẹ bờ lưỡi ấm xuống vũng áo nhấp nhô của Mỹ, thì có tiếng vó ngựa dấy loạn từ đỉnh cao chót vót nào đó bỗng dội về ào ạt, thúc bách. Đêm mùa hè ít gió làm người Mỹ mồ hôi lam nham, nhớp nháp. Mỹ bàng hoàng đứng dậy ôm ngực và lùi dần, lùi dần ra khỏi chuồng như một kẻ chưa tỉnh men say. Mỹ bước mất hồn hệt cô gái vừa được nhận nụ hôn sắp lìa trần của người yêu.

5.

Mỹ đi rồi và ông Michael muốn khóc khi nhìn thấy bó hoa nằm rũ rượi dưới dấu chân buồn của con ngựa cái.

Chưa bao giờ ông thấy đời sống vô vị, thiếu thốn một cách khủng khiếp như lúc này. Đời sống của ông hình như chỉ có ý nghĩa trên nụ cười hồn nhiên của Mỹ. Vắng nó, dù chỉ mấy ngày, người ông đủ gầy khô lại.

Bà Donna trái lại bình thản và cho rằng đứa con gái đã thành quỷ nên phải tìm chốn địa ngục dung thân.

Thoạt đầu bà Donna còn ngờ ngợ có lẽ cô gái khó lòng thành quỷ được.

Bà đoán là phải 21 tuổi trở lên. Ở lứa tuổi già dặn hơn (như tuổi chồng bà chẳng hạn) bà ta tin rằng con quỷ mới có cơ may lộng hành nhờ mọc thêm nanh vuốt và cái lưỡi dài đỏ rực làm cháy bỏng, đâm thủng da người. Dưới tuổi vị thành niên như Mỹ, bà Donna cho rằng cùng lắm cô ta chỉ là thứ tiểu quỷ mới he hé chiếc đuôi mới mọc và chiếc sừng ngộ nghĩnh, trơ tráo.

Bây giờ bà Donna lại nghĩ khác. Bà thấy rằng ở tuổi nào người ta cũng có thể biến thành quỷ. Quỷ nhỏ, quỷ lớn, quỷ cái, quỷ đực... cũng là quỷ vì luôn luôn đồng hạng ở chỗ nóng bỏng và tội lỗi (quỷ chứ có phải là nhà tu đâu mà lo nhẫn nại với hãm mình).

Bất giác, bà thở dài nhận ra mình chỉ là một thứ đạo hạnh, một nữ tu hay một á thánh bất đắc dĩ. Bà bỗng muốn những điều trần trụi, gần gũi và có thật dù tên gọi là quỷ sứ hay yêu ma gì cũng được. Bà thấy chữ thần thánh coi bộ trừu tượng và xa vời làm sao đâu!

6.

Ả đàn bà có dáng dấp như đàn ông, say sưa xoa tới xoa lui khoảng lưng tròn thật mịn. Lâu lâu bà nghịch ngợm viết hay vẽ một vài nét vu vơ lên làn da nâu nâu gợi cảm của Mỹ. Mỹ cười rú lên như tiếng cười của loài quỷ lúc động tình, và bỗng lật ngược lại ra điều cố tránh những khiêu khích kỳ dị ấy. Nhưng mỗi lần như thế, ả lại có dịp đắm đuối nhìn thấy một khoảng ngực trần mơn mởn đào tơ. Thích nhất là hai cánh tay tròn lẳng của Mỹ kẹp giữa thế người co lại lúc đó.

- Em có nằm yên để tôi bóp cho không nào. Ả đàn bà ở lứa tuổi cây trái chín muồi cười giả lả, hơi diếm dực.

Mỹ lắc đầu dịu dàng:

- Thôi đủ rồi Sherry. Tại Sherry đè em xuống chứ em đã bảo hết mỏi lưng lâu rồi cơ.

Sherry vụt ôm lấy Mỹ, van nài:

- Thưởng công cho tôi đi! Tôi thèm em quá thể.

Mỹ cúi xuống hôn nhẹ lên má Sherry. Mỹ không còn thấy ả lạ lùng quái dản như lần mới gặp. Càng lúc Mỹ càng thấy ả thật tội nghiệp như một kẻ ngơ ngác đi tìm mình trong chiêm bao. Ả có một trái tim độ lượng. Ả biết bắt chước chúa Giêsu, sẵn sàng cúi xuống rửa chân cho những kẻ thấp hèn. Ả không ném đá kẻ khác. Ả yêu mọi người và yêu nhất là đàn bà con gái bất hạnh. Ả cho họ chỗ ở chỗ ăn.

- Không, hôn môi tôi cơ. Bộ không thấy tôi dễ thương sao chê hoài vậy? Ả nói như đang nửa tỉnh nửa mơ.

Mỹ hơi ngẩn người dù Mỹ dư hiểu Sherry muốn gì. Mỹ giả vờ nghiêm mặt:

- Này Sherry, tôi đã nói tôi chỉ yêu đàn ông thôi mà. Đàn ông tôi cũng yêu nữa. Tôi yêu mỗi người mỗi cách. Yêu chết luôn nên mới phải phiêu dạt đến đây đó chứ.

Tiếng cười của Sherry vang lên thật man rợ và lạ hoắc:

- Bộ đàn ông tốt lành lắm hả? Em không thấy nơi khu nhà từ thiện này có biết bao nhiêu cô gái trẻ dở khóc dở cười vì những bào thai vô thừa nhận hoặc suýt chết vì phá thai trễ. Đàn ông họ bạc bẽo lắm.

- Cũng tùy người chứ.

- Như em biết, tôi lập ra trung tâm này để giúp những cô gái bỏ nhà đi hoang và gặp hoàn cảnh không may. Nói cho vui, nếu tôi chế được chất gì hoặc loại ống nghiệm gì hút được những loại đàn ông có máu bạc bẽo vô đó chắc tôi đã làm rồi.

- Sherry khôn quá ta. Đòi thế giới hết tiệt đàn ông để lúc đó Sherry tha hồ chọn lựa, mời gọi đàn bà con gái cho mìnhh há.

- Tôi hỏi thật em nhé. Có phải lúc đó em mới chịu yêu tôi? Tôi biết quý trọng, biết nâng niu chìu chuộng em đủ mọi cách, còn đàn ông họ chỉ giỏi làm hư người em. Họ chơi hoa rồi bỏ, sao em còn yêu họ được?

Mỹ cười khúc khích:

- Sherry nói chỉ hút những tên gian ác thôi mà. Vậy còn những người hiền lành khác, tội gì em không yêu họ?

- Tôi đã lỡ yêu đàn bà mất rồi, dù họ đôi khi có vẻ tàn nhẫn như em. Có lẽ em và tôi không cùng cảm nhận về một bản nhạc tình yêu. Như thể tôi luôn khước từ đàn ông. Phải nói là đủ loại cả nhé. Chắc là ý trời em ạ.

- Ý trời, Sherry nói hay đấy. Như trời sinh ra thân thể tôi để yêu đàn ông và nên hoặc chỉ nên được đàn ông yêu. Tôi hơi thắc mắc sao mình thuộc típ yêu đàn ông thái quá?

_ Em không chịu được khi phải sống thiếu đàn ông tức là em mang chứng bệnh gọi là "nymphomania", em biết không?

- Nymphomania là cái quái quỷ gì vậy? Mỹ lặp lại và cười ngặc nghoẽo như bị con quỷ sống nào đó thọc lét.

- Đối với văn hoá Á Đông của em, tôi biết bàn về vấn đề này là điều rất cấm kỵ... rất "taboo". Có gì đâu, xấu tốt tùy theo cái nhìn của mình mà thôi. Thời buổi này phải nên có cái nhìn dễ dãi hơn phải không em?

- Lại tính dạy về sinh lý học cho em nữa rồi. Sao lại đem cái gì ra thế này?

Sherry gọi đó là thứ dụng cụ y khoa tối tân. Ả đoan chắc với loại dụng cụ đặc biệt này Mỹ sẽ không cần đến đàn ông mà vẫn tự thỏa mãn được. Thấy Mỹ có vẻ đỏ mặt, Sherry càng già mồm thêm:

- Có gì mà mắc cở. Em thấy chưa? Đã đến lúc nền kỹ thuật tiến hóa của văn minh cường quốc tìm cách giúp vui đàn bà. Rồi thì sẽ có dịp đào thải dần những tên đàn ông cà chớn. Những người như em sẽ không sợ bị lệ thuộc vào họ nữa.

- Sherry sưu tầm kỹ thật. Ở đâu mà đem nhặt ba loại chết người này về? Mỹ cười cười hỏi.

- Thứ này thiếu khối gì ở khu phố đường Bourbon, New Orleans. Đủ cỡ, đủ loại. Hôm trước ghé qua đó, tôi muốn mua về em thử cho vui nhưng giấu đi vì sợ em giận. Bây giờ thấy vui nên mang ra đây.

- Làm như người ta là thú vật không bằng.
- Thú vật hay không thì em cũng muốn đê mê ở cái huyệt G-spot chớ bộ. Này nhé, để tôi bấm thử cho em coi.

Sherry vừa nói vừa ấn nhẹ vào miếng cao su mềm hình ống dài độ gang tay và một đầu hơi cong lên. Ả đàn bà vụt cười sặc sụa theo toàn thân ống rung lên nhè nhẹ.

- Em thấy cái này giống của đàn ông không? Nhưng em không thích thì cứ vụt "của quí" này đi.
- Cứ giỡn hoài à. Em chỉ thích thứ thật. Có lẽ em sẽ lại căn nhà bỏ đi để tìm. Biết đâu ông ấy vừa bị vợ bỏ và em sẽ tìm được.
- Tôi đang giỡn mà thấy em nói chuyện nghiêm trang quá, thận nản.
- Khi không buồn quá Sherry à.
- Buồn là phải. Ngon lành như em mà ông ấy không nuốt, còn để con bé ra ngủ với con ngựa cái thì đúng là mắc bệnh "tịt ngòi" rồi. Em còn về tìm lại làm gì cho rắc rối.
- Em về để tìm lại... tình yêu của em mà Sherry. Dù sao em cũng đã gởi lại những dấu tích cho ông ta trên người con ngựa cái ông ta vốn thương yêu đó. Mà thôi, em cũng sẽ ở đây cho đến lúc Sherry không chịu nổi em nữa.

Sherry cắn nhẹ lên môi Mỹ bất ngờ:

- Phải chi em cứ yêu tôi thì đỡ khổ cả hai.

7.

Trong thời gian rất ngắn làm việc cho Viện nghiên cứu các bệnh lý gia đình thuộc đại học Pittsburgh, tình cờ tôi đã gặp Sherry. Buồn nản chuyện Mỹ bỏ đi. Sherry tạm thời bàn giao chức giám đốc trung tâm của mình. Hiện Sherry là nhà phân tâm sinh lý học có tiếng và rất tích cực trong những hoạt động đòi quyền cho "lesbians".

Thấy tôi khi không trùng tên với cô Mỹ nào đó mà lại tỏ ra thích bà (thích nghe chuyện để có chất liệu thì đúng hơn) nên Sherry tha hồ cởi mở, trút cả một bầu tâm sự. Tôi cố ý giấu tiệt việc viết lách chút đỉnh của mình để Sherry khỏi bận tâm (nếu có). Chắc chắn Sherry sẽ không thích trở thành thứ nhân vật có vẻ đáng thương trong cuộc đời cũng như được hiện thực qua văn chương. Không. Tôi không nghĩ cuộc đời nên buộc những người dám sống, dám bày tỏ thật tình "sự sống" (dĩ nhiên là theo cách sống khác biệt, muốn tách mình ra khỏi khung đời chật hẹp) phải luôn đeo vào người những khối mặc cảm dù nặng dù nhẹ.

Sẵn dịp nói tới thống kê của những cuộc trắc nghiệm về vấn đề phòng the, Sherry lâu lâu vẫn thích chêm vào "tâm tình" của mình:

- Mỹ thấy nè. Sao em cũng tên Mỹ nhỉ. Trong một trăm cặp vợ chồng mà chưa có tới 10% cho rằng cuộc chung đụng làm họ hoàn toàn thỏa mãn. Tất cả đều cho rằng đây là một yếu tố không thể loại bỏ, vậy động tác làm tình, mơn trớn nhau, là quan trọng hay sự đạt tới đỉnh cao của khoái lạc mới đáng

kể? Rất nhiều cặp gặp vấn đề trong ân ái sẵn sàng chia tay nhau, vậy tình yêu chân tình ở cuộc đời này coi như không có, vắng mặt.

Sherry rít một hơi thuốc dài, mắt mơ màng với khói thuốc:

- Giá trị tinh thần chẳng còn là gì cả. Người ta chỉ có ái mà không có ân. Vậy không phải chỉ có điều yêu nhau và sống chân tình với nhau như chúng tôi mới đáng kể sao?

Câu hỏi vẫn còn là câu hỏi. Sherry có ngẩng mặt lên trời hỏi lớn, hay cúi mặt xuống đất để hỏi thầm thì tôi chắc vẫn không tìm được lời giải đáp. Thôi thì Sherry cũng như tôi và các bạn, mỗi người đi trong cuộc đời đều loay hoay tìm kiếm một điều gì đó nếu không phải cho mình thì cũng về chính mình. Cuộc hành trình này chắc vẫn... mây ngàn bất tận!

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH



KHẾ IÊM

thử vẽ phác chân dung một thi sỹ

Thở dồn dập phối pha xưa mắt rối
Gió rêu
Ngày siết nhớ nụ cười đáy hồ tắt
Nắng hú
Khỏa thân người
Nhả thân trôi
Lời xẫm xanh lời
Hoài hủy nói
Khói ngốc nghếch đùa điên môi mưa
Sần sùi thổi
Ngồi man mác rong
Thuốc lá café và thi sỹ.

Sàigòn 1986
KHẾ IÊM



NGUYÊN VĨNH LONG

chân dung kẻ tà đạo

Chớ uổng công đổ muối vào sông
Mong lấp được tấm lòng của biển
Như lắm kẻ vào chùa lạy Phật
Dâng hết lòng thành
Chỉ giữ lại tà tâm.
Giọt nước mắt em
Muôn đời vẫn mặn
Sao hoài công chi tát bể khổ của đời
Có khi giấc mơ nàng Tấm
Là con bống dưới ao bùn
và những hạt cơm rơi...
Nên em hỡi,
hãy cất cao tiếng hát
Ca ngợi con người suốt những cơn đau
Cây trút lá mùa nầy
Là hoa trái mùa sau
Đêm giông bão cho ngày xanh nắng ấm
Hãy cúi nhặt những tấm lòng thương cảm
Trẻ sơ sinh đêm khát sữa khóc gào
Người cha già máu chảy thấm đồng sâu
Tóc mẹ bạc bởi tháng ngày cô quạnh
Sao yếu hèn để cúi đầu cầu cạnh
Một đời vui? Chẳng biết được kiếp sau
Hãy là hạt mưa giữa trời gió lạnh
Rất nhỏ nhoi trên những luống cày
Hay nụ cười trên môi trẻ thơ ngây
Đốm lửa ấm trong trái tim của mẹ
Những dòng sông quê em chiều lặng lẽ

Mà phù sa xanh ngát cuộc đời thường
Trái tim trần cần nhịp đập yêu thương
Mang chi nữa những sắc màu oan nghiệt
Quên đi em,
những lần thua thiệt...

Được sống vì em
và vì tất cả
Tôi có cần chi tìm về bản ngã
Mà đắm chìm bể khổ với tha nhân
Trong thương đau mong thấy được đời gần
Trong sinh tử chân dung ai tà đạo.

NGUYỄN VĨNH LONG



BẰNG VIỆT

ngày đã đứng trưa

Yêu đến nỗi trong lòng run rẩy mãi
Trưa lan xa, bóng nắng đẫm vui buồn
Trưa đang đứng, còn đời mình đang chín
Giọt nắng vàng như mật sáng rưng rưng.
Đã đứng rồi ư? Sao đời ngắn vậy
Nghĩ chưa xong, thời khắc điểm xong rồi
Đã chín rồi ư? Sao đời ngắn vậy
Quay lại nhìn, bao việc vẫn buông xuôi.
Yêu đến nỗi trong lòng run rẩy mãi
Phút thiêng liêng thức tỉnh lại bao điều
Nhìn thấu suốt nhỏ nhoi và vĩ đại
Càng yên lòng rỗi tới đích mình theo.

1991
BẰNG VIỆT
(Trong nước)



KIỆT TẤN

nằm tròn trong đáy mắt

Chiều buồn len lén tâm tư. Mơ hồ nghe lá thu mưa dạt dào tựa những âm xưa thiết tha ngân lên lời xưa... Nàng nằm thừ người trên giường nệm mênh mông, mắt không rời trần nhà trắng toát trên cao. Tiếng hát vẳng nhỏ, tự tình. Đêm đã muộn màng trên thành phố Sài Gòn, tiếng động rì rầm của xe cộ không lọt được vào ngôi biệt thự đường Đoàn Thị Điểm. Nàng cảm thấy rất một mình, nhịp tim đập chậm rãi. *Quạnh hiu về thấm không gian, âm thầm như lấn vào hồn. Buổi chiều chợt nhớ cố nhân. Sương buồn lắng qua hoàng hôn...* Đà lạt. Một thuở dấu yêu nào nàng dạy Anh Văn trường Bùi Thị Xuân, tuổi vừa hơn đôi mươi. Cố nhân đồi thông. Cố nhân thác đổ, cố nhân suối rào. Tất cả đã qua rồi, chỉ mới hai năm mà kỷ niệm dường như mù xa biệt vụt. *Thời gian tựa cánh chim bay, qua dần những tháng cùng ngày. Còn đâu mùa cũ êm vui? Nhớ thương biết bao giờ nguôi...* Vạt nắng buồn, chiều tưởng nhớ, hoàng hôn chập choạng, thanh củi nổ lách tách trong lò sưởi, Đà Lạt tối mau, sương xuống lạnh. Khói thuốc thơm quấn quít. Sao không nói yêu em? Gã con trai cúi xuống, vòng tay ôm, má kề. *Only you...* Hơi thở phà ấm trên vành tai trong ánh nến lù mù. *Only you can make the darkness bright...* Vòng tay ghì siết, gã dám hôn nàng chăng? Môi kề môi không đầy gang tấc. Chỉ có anh và anh thôi. *Only you and you alone can fill my heat with only you...* Vòng tay nới lỏng, gã không dám hôn nàng. Trần nhà trắng toát. Dứt tiếng đàn dương cầm dạo lại, giọng ca chợt vút cao. *Lòng cuồng điên vì nhớ. Ôi đâu người, đâu ân tình cũ? Chờ hoài nhau trong mơ. Nhưng có bao giờ, thấy nhau lần nữa...* Giờ này là mấy giờ ở Paris? Gã đang ngồi trong một hiệu cà phê ở Xóm Học? Gã đang vùi đầu vào những quyển sách tâm lý? Gã đang dạo chơi bên bờ sông Seine văng vẳng tiếng phong cầm trong sáng? *Sous les ponts de Paris, lorsque descend la nuit...* Sông Seine đổ ra biển, sông Đồng Nai cũng đổ ra biển, vậy mà rồi hai đứa mình cách xa nhau. Gã có đang nhớ tới nàng? Gã có thực sự yêu nàng? *Ví dầu tình chẳng yêu đang / Xin đưa thiếp xuống đò ngang thiếp về.* Và nàng đã về bến khác, từ hơn ba tháng nay. Về với một người đàn ông đã đeo duổi nàng từ năm năm qua. Một người đàn ông mưu

mô, quỉ quyệt, kiên nhẫn, tự tin, kiêu ngạo, biết mình muốn gì và làm cách nào để chiếm đoạt. Áp lực rất mạnh từ phía gia đình nàng. Hoặc nàng ưng lấy hắn, hoặc nàng phải từ bỏ dạy học. Cộng thêm nỗi ê chề trong lòng. Trước khi lên đường sang Paris, gã con trai đã cưới một cô gái khác - người con gái đã đính hôn với gã trước khi gặp nàng. Nàng còn cách chọn lựa nào khác hơn không? Nàng thở dài. Lời ca duổi riết. Nàng cầm tạp chí Sáng Tạo dằn trên ngực dở ra. Những câu thơ nhảy múa dưới mắt. *Nhan sắc ơi trong thế giới ba ngàn / Thời khuyết sử có về đây không nhỉ*. Nàng đã đọc cho gã nghe những câu thơ đó, trời Đà Lạt vào mùa hạ, những câu thơ còn vang động trong đầu. *Tôi gọi lại từ trong lòng thế kỷ / Tiếng chiều xưa mất hút với âm thanh / Hàng ô vuông ủ kín cặp môi lành...* Môi gã chụp phủ môi nàng, ánh lửa lò sưởi chập chờn, ánh lửa hang động thời cổ tích. Xôn xao đồi thông. Trong lòng reo vui. Đà Lạt lạnh lẽo trong những tâm hồn đơn chiếc. Đà Lạt nồng ấm trong những bàn tay siết chặt, Đà Lạt bốc cháy trên những thân thể trườn lướt. Nàng thiếp di trong giấc mộng mỹ miều. *Ôi mái tóc những chiều sương lộng gió / Bước chân người xô động giấc chiêm bao / Khép hoàng hôn một thuở dấu yêu nào / Vùng lửa ấm là những lời tình tự*. Nàng đã biết cười, nàng đã biết khóc, nàng đã biết si tình, nàng đã biết đam mê. Nàng đã từng sợ hãi thân thể mình khô cằn, tâm hồn mình nứt nẻ. Giấc ngủ không mơ, đi về không ai đưa đón, thui thủi, tủi thân. Nàng soi nhan sắc mình trong gương. Đôi mắt thẳm sâu sôi bỏng nội tâm, chiếc mũi thanh tú ngự giữa hai gò má cao và trên đôi môi đều dặn, không nhun nhút dục tình. Nàng mơ ước tình yêu thánh thiện, nàng tin một nửa ở định mạng, một nửa ở cá tính mình. Nàng đã ước lượng đúng dắn hay sai lầm cá nhân mình? Nàng bơi lội trong nghi ngờ, do dự. Cho tới lúc nàng khám phá sức đam mê của mình qua sự hiện diện thâm trầm của người con trai đó. *They ask me how I knew my true love was true. I of course reply something here inside cannot be denied... Smoke gets in your eyes...* Bài hát đó trở đi trở lại hoài trong những lần hội ngộ, trong những lần tái ngộ. Đừng hỏi tại sao em yêu anh, hỡi gã ngốc. Em đâu có khôn gì hơn anh đâu. Tình yêu cần sự dẫn chứng? Đừng hỏi tại sao trời mưa, đừng hỏi tại sao trời nắng. Đừng hỏi chúng ta sẽ phụ nhau, đừng hỏi chúng ta sẽ yêu nhau trọn đời. Đừng hỏi sao chúng ta băn khoăn, đừng hỏi sao chúng ta lăng xăng tìm kiếm. *Thôi hãy nói những lời yêu diễm tuyệt / Bến mê nào dỗ mộng chớm bay đi / Bầy én xuân mang nỗi nhớ nhung về / Mây trắng ấy vẫn trời thơ mộng cũ*... Đời sống hàm chứa mọi trạng thái nhưng xã hội không dung tha sự lãng mạn - mặc dầu lãng mạn là hơi thở của tình yêu. Sự lãng mạn khiến cho người ta mất nghiêm chỉnh? Sự lãng mạn làm sụp đổ những dự tính dài hạn? Bởi lẽ đó người ta sợ? Ngày gã lên đường sang Paris, trên phi cảng nàng đứng xa xa mà nhìn, âm thầm tiễn biệt. Tiếng người gọi nhau ơi ới, tiếng động cơ ầm ĩ. Từ chỗ khuất nàng theo dõi chiếc phi cơ cất cánh cho tới lúc mất dạng trong mây mù. Đôi mắt chết đứng, giọt nước mắt lăn tròn trên má. Hết rồi! Nàng thở dài xếp quyển tạp chí dằn lên ngực. Trần nhà trên cao bồng bềnh. *Một mùa*

thu xa vắng như mơ hồ về trong đêm tối. Cố nhân xa rồi có ai về lối xưa. Chờ nhau hoài cố nhân ơi! Sương buồn...

Cộp cộp cộp!

Nàng giật bắn người nhổm dậy, quyển tạp chí rớt xuống mặt nệm.

- Ai đó... Ai đó?

Im lặng. Cộp cộp cộp! Tiếng gõ cửa khe khẽ mà nghe chấn dội trong tai nàng, tim nàng đập thình thịch. Cộp cộp cộp!... Nàng dụ dự. Ai đó? Vào đi.

Trên cửa buồng xuất hiện một người đàn ông mặc áo ngủ xanh thẫm, tay ôm lỉnh kỉnh mấy hộp giấy, nụ cười nở rộng gượng ép:

- À mợ... mợ... À em... em vẫn hãy còn thức đấy à?

Nàng để ý sự thay đổi trong cách xưng hô của chồng mình, từ *mợ* sang *em*. Nàng đáp ngập ngừng:

- Vâng... vâng... Tôi đang đọc sách và nghe nhạc.

Hắn đặt mấy hộp giấy xuống giường:

- Sao em cứ nghe hoài những bài hát buồn thảm đó? Để anh thay băng khác vui hơn, nhé!

Hắn lúi húi thay băng. Từ máy hát tỏa ra một điệu jazz blues rậm rật, tiếng kèn đồng thê thiết như nhạc đệm thoát y vũ. Hắn mở hộp vuông nhỏ lôi ra một bóng đèn màu hồng thay vào bóng đèn trắng ở đầu giường. Cả gian buồng chan hòa màu hồng ấm cúng, nồng nàn. Nàng hết sức ngạc nhiên và hồi hộp trước cử chỉ kỳ lạ của chồng mình. Nàng chưa kịp hỏi thì hắn đã lên tiếng, nụ cười vẫn nở rộng:

- Hôm nay em biết là ngày gì không?

Nàng ngơ ngác, cố moi trong trí nhớ. Hắn tiếp, hơi thở nực nồng mùi Whisky:

- Hôm nay là ngày sinh nhật của em, bộ em quên rồi sao?

Nàng buột miệng kêu khẽ:

- À... à... Anh có nhắc tôi... tôi... *em mới nhớ ra.*

- Đêm nay anh muốn làm lành với em và chúng ta thân mật với nhau hơn.

Trên thân thể nàng còn nhiều vết bầm, mới có, cũ có, nàng không mấy tin tưởng đề nghị của chồng mình, tuy nhiên nàng cũng không dám phản đối.

- Trước hết anh xin mời em một ly rượu mừng em thêm một tuổi.

Hắn mở một hộp khác lôi ra chai champagne cỡ nhỏ và hai cái ly dài cao cẳng. Hắn đưa cho nàng một ly. Nàng do dự cầm lấy, lòng không ngớt hồi hộp. Bốp! Một tiếng nổ khô khan, chút khói bốc lên ở miệng chai. Hắn rót rượu vào hai ly, bọt vun lên lách tách. Hắn nâng ly lên cao:

- Nào! Mời em.

Nàng ngập ngừng. Hắn nắm lấy tay nâng ly rượu kề lên môi nàng. Hắn lặp lại:

- Nào! Mời em. Đây là rượu ngon, không say đâu mà em sợ.

Hắn ực hết ly rượu của mình. Nàng nhấm nháp. Rượu có vị đắng, lăng tăng ở đầu lưỡi. Hắn giục, cười gằn:

- Em uống đi chứ, để anh còn rót thêm.

Nàng tợp một ngụm rồi hai ngụm. Gò má nàng bừng nóng. Hắn ép nàng uống hai ly, còn bao nhiêu là phần hắn. Nàng trở nên dạn dĩ hơn. Chung quanh nàng toàn một màu hồng quyến rũ, điệu blues tiếp tục réo gọi. Hắn dẹp chai ly và hộp giấy đã mở vào một góc buồng. Còn lại trên giường hai hộp gói trong giấy quà cáp xanh đỏ vân vi, buộc dây vàng thắt nơ. Hắn giải thích:

- Tháng trước, trong chuyến công du cho Bộ Ngoại Giao ở Paris, anh có chọn mua cho em hai món quà để mừng em ngày sinh nhật, chắc chắn em sẽ vừa ý.

Nàng ấp úng:

- Cám ơn anh đã nghĩ tới em.

- Ơn nghĩa gì đó em. Anh nghĩ tới vợ anh cũng là một lẽ tự nhiên thôi. Đâu em thử đoán anh mang về cho em quà gì?

Nàng nghĩ ngợi:

- Quà từ Paris chắc là nước hoa, vải vóc, giầy mốt, ví tay hay khăn lụa gì đó, phải không anh?

Hắn lắc đầu:

- Em đoán không ra đâu. Anh muốn dành cho em một sự ngạc nhiên. Vô cùng ngạc nhiên. Em đừng quên anh có trí tưởng tượng rất phong phú.

Làm sao nàng dám quên điều đó. Vì thế nàng không biết nên mừng hay nên sợ. Hắn cầm hộp vàng dẹp, tháo dây mở giấy gói. Bên trong bật màu đỏ chói. Hắn cầm quà căng ra trên đầu ngón tay mình. Một chiếc áo the ngắn màu đỏ kết ren đen. Hắn cười khà khà đắc ý:

- Em mà mặc chiếc áo the đỏ này trông phải hấp dẫn bội phần. Em có đồng ý với anh không?

- Không! Không! Em không mặc thứ đồ quỉ quái này đâu.

Nàng hấp tấp phản đối. Hắn nhìn nàng sòng sọc:

- Bộ em không phải là vợ của anh sao? Em còn thẹn thùng nỗi gì?

- Không! Không! Em nhất định không.

Hắn rít lên, khuôn mặt trở nên dữ dằn:

- Đêm nay anh muốn làm lành với em, em đừng bắt buộc anh phải mạnh tay.

Rồi hắn đổi giọng vuốt ve:

- Nào, ngoan nào. Em hãy trút bỏ chiếc áo lụa kia đi.

Nàng thối lui chần chờ. Hắn gắt giọng:

- Anh đã bảo em ngoan nào. Em thực sự muốn cải lời anh ư??

Nàng từ từ quay lưng lại hắn, bất động. Hắn thúc giục:

- Anh đã bảo em hãy trút bỏ áo!

Nàng run run đưa tay tháo dây buộc trước ngực, chiếc áo lụa tím nhạt rủ xuống dưới chân nàng. Nàng vội vàng đưa tay đặt lên nhũ hoa, tay kia che đậy gò tình. Nàng cúi mặt nhìn xuống sàn nhà, đôi vai gầy run run như một

tội đồ sắp bị hành quyết. Giọt nước mắt bật ra lăn tròn trên má nàng.

Hắn căng chiếc áo the đỏ phất phất như một gã đấu bò rừng, tiến đến gần nàng:

- Em hãy tra tay vào chiếc áo này.

Nàng miễn cưỡng đưa tay ra phía sau. Chiếc áo xỏ vào, nàng vẫn còn thấy trống trải ở bờ mông. Hắn nắm hai vai xoay người nàng lại:

- Còn thiếu một món nữa mới đủ bộ.

Hắn lôi trong hộp ra một chiếc quần lót cũng bằng the đỏ, có đường xẻ ở giữa kết ren đen hai bên, kết thúc bên trên bằng một chiếc nơ đen nhỏ. Hắn căng chiếc quần lót rộng ra, quỳ xuống dưới chân nàng:

- Ngoan nào.

Đến mức này nàng biết không thể lùi được nữa. Nàng bước hết chân này đến chân kia vào, lảo đảo suýt ngã. Hắn kéo chiếc quần lót lên mông nàng, đứng dậy cười đắc thắng:

- Hà... hà... Như vậy có phải dễ thương không.

Hắm nắm tay nàng kéo đến trước chiếc gương lớn trong buồng. Nàng cúi gầm đầu. Hắn đứng phía sau nàng nắm tóc bật kéo cho mặt nàng ngửng lên:

- Kìa! Em hãy ngắm nhìn hình ảnh em trong gương đi. Đẹp đẽ thay! Em hấp dẫn như một cô gái giang hồ.

Nước mắt nàng tuôn ràn rụa trên má. Hắn càng đắc ý:

- Hà... hà... Như một cô gái giang hồ mới vào nghề! Như ả Kiều khi mới lọt vào lầu xanh. Hà... hà...

Hắn lôi nàng tới bên giường, xô nàng ngã lật tênh hênh trên mặt nệm. Hắn ra lệnh:

- *Mợ* hãy nằm lại cho ngay ngắn. Tôi còn món quà cuối cùng cho *mợ*.

Hắn muốn làm gì nàng nữa đây? Nàng thu người co ro ở đầu giường trong tư thế phòng ngự. Lạng ngắt giữa hai đùi.

Hắn lúi húi tháo dây, mở gói hộp vuông dài. Hắn quăng nắp hộp xuống sàn gỗ, từ từ lôi ra khỏi hộp một vật trắng hình thù bất định. Hắn dí vật đó tới sát mặt nàng, rít lên dữ tợn:

- Món quà này nhất định sẽ làm cho mợ vui thích chín tầng mây!

Tiếng kèn đồng rít lên rát màn nhĩ. Hắn ngửa cổ rú cười man dại. Nàng ngó trân trân vật trắng, chợt hiểu, khắp châu thân bật run lẩy bẩy.

Nàng chết điếng.

*

Only you!... Can make all the changes in me. Only you!... you are my destiny... Thùy tì cằm lên vai Thạch, mái tóc tựa lên má chàng. Gã con trai nắm bàn tay nàng áp lên tim mình bóp siết. Ánh nến chập chờn trong gác trọ, sáng lù mù. Hơi thở thơm mùi thuốc lá thổi ấm tai nàng quấn quít. Môi chàng kề cận môi Thùy hơn bao giờ hết. Đêm nay gã dám hái nụ hôn đầu trên môi nàng chăng? Nàng quen Thạch hơn bốn tháng nay, do Hoàng giới thiệu, qua mối nhợ của Lan Anh. Lan Anh chung trọ và dạy cùng trường Bùi Thị Xuân

với nàng tại Đà Lạt. Lan Anh dạy Việt văn, nàng dạy Anh văn. Hồi gạo thi tú tài ở Sài Gòn, Lan Anh được Hoàng kèm thêm môn Pháp văn, thành quen. Lên Đà Lạt học Đại học Sư phạm năm thứ hai - Hoàng ban Pháp văn, Thạch ban triết - cả hai cùng trọ trong một ngôi nhà biệt lập trên một ngọn đồi lộng gió. Hoàng nhỏ người, mắt nâu, để ria mép. Thạch có chiếc cằm lẹm, mũi thẳng, mắt nheo cười quyến rũ. Hồi mới quen nhau, có lần Thùy tò mò hỏi Thạch về chiếc vòng nhẫn chàng đeo ở ngón tay áp út, Thạch thật thà nói mình đã đính hôn với người yêu ở Sài Gòn - đúng hơn là ở Gia Định. Thùy dững dưng "Thế à?". Giờ đây mỗi lần chạm phải chiếc vòng nhẫn đó, nàng cảm thấy nhoi nhói trong tim.

Only you!... When you hold my hand, I understand the magic touch you do, you're my dream comes true, my one and only you... Thạch ghì siết chặt hơn, bàn tay mân mê bờ hông nàng. Thùy muốn nói ra, nhưng rồi vẫn để yên. Bên góc kia gác trọ, Hoàng ôm Lan Anh rù rì trò chuyện. Mọi người gần như nhúc nhích tại chỗ - như mọi bận. Mỗi cuối tuần Hoàng có lệ mang mấy đĩa nhạc cổ điển Tây Phương đến gác trọ của hai nàng để cả bọn cùng nhấm nháp trà thưởng thức, tán chuyện gẫu. Lan Anh và Thạch dần dà làm quen với loại nhạc này. Sau phần nghe nhạc cổ điển, điệu slow được vặn lên để mọi người nhảy với nhau rỉ rả. Trong bốn người, Hoàng nói nhiều nhất. Gã rất mê phong trào *nouveau roman* của Pháp với Alain Robbe Grillet, Michel Butor. Có lần Hoàng đã phủ kín mười trang giấy để mô tả một cái bìa sách và viết cả một thiên truyện ngắn để theo dõi vệt nắng di động trong lớp học. Thạch đọc xong ngửa cổ lên trời than thở "Mày làm tao sốt ruột quá trời!" Ngược lại Hoàng chê Thạch và cả bọn triết gia là một lũ phù thủy ngôn ngữ, chuyên vật lộn với các định nghĩa và lý thuyết không tưởng. Ném các triết gia vào lỗ cống, Hoàng tôn thờ các mẫu anh hùng cách mạng ngoại lai đương thời như Mao Trạch Đông, Fidel Castro, Che Guevara - không có Hồ Chí Minh, không có Staline. Hoàng đội mũ bê-rê xanh đen, phía trước có gắn mề-đai tròn chạm hình *Che*. Hoàng theo dõi sách báo Pháp tường thuật các cuộc xuống đường của sinh viên trong đó mọi buồng phổi đều hô to "Mao! Mao! Mao! Mao Tsé Tung!... Che! Che! Che! Guévara!..." Gã không ngừng mơ ước một cuộc đổi đời, một cuộc thay đổi chế độ, một cuộc cách mạng vô sản cho đất nước.

Bài *Only you* chấm dứt. Mọi người dừng lại tại chỗ chờ đợi. Ánh nến lung linh đồng lõa... Tiếng ca bật lên tiếp tục. *They ask me how I knew my true love was true...* Những bước chân di động trở lại. Tay lại siết tay, má lại kề má, môi lại gần môi. *Then someday you find all who love blind. Smoke gets in your eyes...* Tiếng vĩ cầm ngân lên thiết tha. Cảm thấy hực nóng ở má tựa, Thạch chuyển bên, môi cạ phớt trên môi Thùy, hơi thở sốt quyện mùi thuốc lá tỏa ra trên mặt nàng. Thùy bối rối: "Thạch sẽ hôn mình chăng?" *You must realize, smoke gets in your eyes...* Đôi lúc Thùy muốn xin chuyển trường dạy ở một nơi khác để xa lánh Thạch, nhưng nàng mới vừa nhận nhiệm sở chưa

tròn năm, việc hoán chuyển đâu dễ dàng như vậy. Nàng đành buông xuôi, cố gắng đương cự tình cảm mình đến đâu hay đến đó. Tuy nhiên trong lòng Thùy nảy ra mối mâu thuẫn. nàng sợ phải xa Thạch. Nàng sợ rồi đây khi mùa bãi trường đến, Thạch sẽ trở về với hôn thê chàng và nàng sẽ lại đối đầu với nỗi cô đơn của mình, một thân một bóng. *I am without my love, tears I cannot hide. Smoke gets in you eyes...* Nhiều lần Thùy để ý quan sát tình cảm Thạch đối với mình. Đôi lúc nàng thấy Thạch săn đón mình, chiều chuộng mình từng li từng tí, cố gắng giúp vui nàng hết mức. Những lúc khác nàng thấy Thạch dửng dưng, ngơ ngác, lửng lửng lơ lơ, chân không dính đất. Chẳng những Thạch xa lạ đối với nàng mà chàng còn xa lạ đối với chính mình, xa lạ đối với tất cả mọi người. Thùy nhận diện Thạch qua nhân vật Meursault trong *L'etranger* của Camus. Bứt rời tất cả mọi ràng buộc, chẳng thấy mình dính líu với ai hết, chẳng thấy mình ăn nhập gì với cuộc đời này, Thạch có thể bất thần chấm dứt cuộc đời mình - Thùy lo ngại như vậy. Nhưng nàng không biết làm cách nào để cứu vớt Thạch. Những lúc Thạch đâm đầu vào cơn khủng hoảng "xa lạ", Thùy bồn chồn lo lắng, Thùy ngồi đứng không yên. Tuy nhiên nàng đã là cái gì của Thạch mà nàng phải lo cuống lên như vậy? *I of course reply something here inside cannot be denied...* Thạch lại đổi má, môi lại phớt môi, và nàng lại chờ đợi. Chờ đợi cho tới khi bản *Smoke gets in your eyes* chấm dứt. Nụ hôn không đến.

Đèn trong căn gác được thắp sáng trở lại. Mọi người trở về vị trí cũ quanh chiếc bàn vuông. Trà được châm thêm. Hoàng lên tiếng:

- Đêm nay trời lạnh hơn mọi đêm, nhỉ?

Thạch chọc quê:

- Đêm nào mà mày chẳng than lạnh hơn mọi đêm khác? Chắc mày sinh ra chỉ để sống ở xích đạo.

Lan Anh đưa ý kiến:

- Ôm nhau thì ấm, buông ra thì lạnh, mà đứng hoài thì mỏi cẳng.

Hoàng đề nghị:

- Có lẽ thỉnh thoảng mình cũng nên ôm nhau mà... nằm một tí chăng?

Thùy kêu lên:

- Cái anh này đừng có ỡm ờ!

Hoàng nhại một bản hát:

- Đừng bỏ em một mình! Đừng bỏ em một mình! Trời lạnh quá, trời lạnh quá em đắp mền, em đắp mền!

Mọi người bật cười. Thùy:

- Chả bao giờ Thùy thấy anh Hoàng nghiêm chỉnh cả.

- Nghiêm chỉnh thì buồn chết. Thà chết vì cười còn hơn là chết vì buồn.

Thạch khiêu khích:

- Vậy mà nó cứ nằng nặc đòi làm một cuộc cách mạng vô sản đó các nàng. Có lẽ nó tính làm một cuộc cách mạng không nghiêm chỉnh chăng?

Hoàng trả đũa:

- Còn mầy thì chừng nào cầm súng bắn bừa vào đám đông một cách vô cớ?

Lan Anh xen vào:

- Thôi thôi cho tôi can hai ông. Hai ông cứ cãi nhau về những chuyện trên trời dưới đất gì đâu đó, chúng tôi không hiểu gì hết ráo.

Hoàng nhắm vào Thạch:

- Hiểu làm sao được mà hiểu. Cuộc đời vốn nó phi lý, Sartre đã tuyên bố như vậy.

Thùy xoay câu chuyện:

- Phi lý với chả phi lý. Đó là chuyện muôn đời. Nhưng trước mắt đây, năm học sắp hết rồi, hai anh có dự tính gì chăng?

Hoàng đáp:

- Gần như bị bắt buộc chứ không phải dự tính. Tôi phải trở về Sài Gòn thi mấy cái chứng chỉ Pháp văn lẩm cẩm. Còn mày thì sao hở Thạch?

Thạch đưa mắt về phía Thùy:

- Còn tôi thì phải ở Đà Lạt để thi chứng chỉ Triết, và viết một tiểu luận đề về "Kinh nghiệm hư vô". Ngoài ra tôi vừa được chính phủ Pháp cấp học bổng để sang Paris tu nghiệp niên khóa tới.

- Ồ! Sao anh may mắn thế! Anh tu nghiệp về môn gì vậy? Trường nào?

- Trường Sorbonne. Môn tâm lý học, chuyên về các chứng bệnh tâm lý. Có lẽ tôi sẽ có dịp đi quan sát bệnh nhân tại các bệnh viện tâm lý bên đó.

Hoàng châm chọc:

- Chính mày đã là một con bệnh tâm lý rồi, còn ở đó mà quan sát ai nữa?

Thạch trầm ngâm:

- Ai chẳng là một con bệnh tâm lý, một cách nào đó. Mày bị bệnh cách mạng, tao bị bệnh hư vô, Thùy bị bệnh nhút nhát, Lan Anh bị bệnh yêu đời.

Lan Anh phản đối:

- Ủa, bộ yêu đời cũng là một chứng bệnh nữa sao anh?

- Đối với Freud thì ai cũng bị bệnh hết ráo và bệnh nào cũng phát sinh từ dục tính.

- Sao kỳ vậy? Bộ ổng điên rồi hay sao?

- Điên thì chưa chắc ông ấy điên, nhưng đời sống tính dục của ông ta hồi nhỏ bị xáo trộn dữ dội là cái chắc.

Nói xong Hoàng cười hinh hích lấy làm đắc ý. Thạch đốp chát:

- Hay ổng mơ một cuộc cách mạnh tình dục biết đâu chừng.

- Mày nói không chừng đúng đấy. Theo tao thì lãnh vực nào cũng cần phải được cách mạng hết, ngay cả Thượng Đế cũng cần phải được đảo chánh.

- Dĩ nhiên theo mày thì Chúa đã bị toà án nhân dân kết tội, Chúa đã bị xử bắn trên thánh giá, và trước khi chết Chúa đã hô to "Hoan hô cách mạng!".

Lan Anh đưa hai tay lên trời:

- Tôi lạy hai ông. Hai ông để cho Thượng Đế yên không được sao. Ổng đâu có cản trở hai ông lấy mấy cái chứng chỉ để đi kiếm cơm.

Thạch thở phào, trở lại vấn đề:

- Hai đứa tôi đã cho biết chương trình cứu nước rồi, còn hai nàng thì sao?

Lan Anh lên tiếng trước:

- Lan Anh sẽ trở về quê ở Cần Thơ để nghỉ ngơi, để ăn tôm cá, để thở không khí đồng ruộng và để... yêu đời. Lan Anh xin nhường cái cách mạng lại cho anh Hoàng và nhường đứt cái bứt rứt nội tâm lại cho Thùy. Lan Anh xin được ngủ yên với hương thơm của lá dừa đốt ở sau vườn.

Hoàng góp ý:

- Con nhà Việt văn có khác! Thốt ra lời nào cũng thành thơ.

- Lan Anh đâu cần làm thơ. Đời sống vốn nó đã là thơ rồi.

- Là thơ lục bát, ngũ ngôn hay song thất lục bát đấy, thưa giáo sư Việt văn?

- Anh Hoàng đoán trật lất. Đời sống nằm trong ca dao, từ lâu lắm rồi.

Hoàng dở bê-rê lên:

- Tôi xin dở nón chào thua cô nương. (Quay sang Thùy) - Thế còn Thùy thì dự tính gì? Có định "vạch da cây vịnh bốn câu ba vần" như Lan Anh chăng?

Mọi người hướng mắt về Thùy. Nàng ấp úng:

- Thùy... Thùy ấy à?

Nàng bóc thanh sáp chảy trên thân nến còn hơi ấm mân mê trong lòng bàn tay:

- Thùy... Thùy sẽ về Sài Gòn sống với me Thùy ở đường Đoàn Thị Điểm, con đường yên tĩnh xào xạc lá bàng. Me Thùy góa bụa, cô đơn, hết mực cưng quý Thùy và rất cần sự hiện diện của Thùy. Me Thùy thường nói rủi Thùy có bề gì thì bà chết trước hơn ai hết. Thùy là con một, chắc hai anh cũng đã biết.

Thạch đáp:

- Tôi mới được biết. Xin lỗi Thùy.

- Anh đâu có lỗi gì. Chẳng qua tại Thùy kín tiếng, không thích nói về mình đấy thôi.

Lan Anh bàn góp:

- Thì thỉnh thoảng Thùy cũng nói về mình chút đỉnh chớ. Cứ ôm ấp một mình hoài e có ngày Thùy sẽ nổ tan tành như cây pháo ngún lửa chậm.

Thùy đáp nhỏ, như đủ để riêng mình nghe:

- Có thể lắm.

Lan Anh che miệng ngáp kín đáo. Thạch vén tay áo xem đồng hồ:

- Thôi, đã quá nửa đêm rồi, mình về đi.

Hoàng phản đối:

- Thư thả đã nào. Để tao vặn nge vài bài *nocturnes* nữa rồi hẳng về. Ngày mai là chúa nhật, làm gì mà vội thế?

- Chúa nhật thì chúa nhật, buồn ngủ thì vẫn cứ buồn ngủ. Mày cũng phải để cho các cô đi ngủ sớm để giữ gìn sắc đẹp chớ.

Thạch vừa nói vừa đứng dậy. Cực chẳng đã Hoàng cũng phải đứng lên

theo:

- Thôi chúng tôi về. Chúc hai nàng ngủ ngon nhé.

- Xin tạm biệt hai anh. Hẹn gặp nhau tuần sau.

Rời gác trọ của hai nàng, Thạch nhảy phóc lên chiếc vespa đèo Hoàng sau lưng phóng xuống dốc đồi. Đà Lạt. gió đêm lạnh cắt. Sương xuống lù mù. Hoàng cằn nhằn:

- Cái thằng này mày làm gì như thể nhà bị cháy. Giờ này về nhà lạnh teo. Ở lại ôm các nàng không sướng hơn hay sao?

- Bộ mày trồng cây si Lan Anh rồi hả?

- Đừng có nói nhảm. Giữa tao và Lan Anh chỉ có tình thầy trò.

- Thầy trò khỉ mốc gì! Mày kèm trẻ tư gia hơi kỹ đó nghe. Coi chừng có ngày vác chiếu ra tòa.

- Mày nói mày thì có. Lan Anh không chiếu cố gì đến tao chứ Thùy thì coi bộ có cảm tình đặc biệt với mày rồi đó, mày có đui mới không thấy. Hay mày là ông phổng đá?

Thạch rút cổ vào hai vai:

- Tao đã có hôn thê rồi, mày biết chớ?

Hoàng vịn cái bê-rê sợ bay mất:

- Ôi chao! Sao cái thằng này cù lần hế? Người ta cưới nhau rồi còn ngoại tình, mày mới đính hôn mà nhằm nhò gì. Bộ mày tính giữ tiết trinh của mày cho ngày hợp hôn hả?

- Mày chỉ nói cho phần tao. Có bao giờ mày nghĩ tới chuyện tác hại tao có thể gây ra cho Thùy hay không đã?

Hoàng lặng thinh. Leo dốc đồi, chiếc xe hai bánh chạy chậm lại. Thạch vặn thêm ga. Tiếng xe rú vang dội trong sương mù buốt giá.

*

Người ơi, một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa? Người ơi, đường xa lắm con đường về làng dìu mấy thuyền đò... Thạch cầm ly rượu dâu đỏ nốc cạn. Chai rượu dâu bà chủ nhà biếu đã vơi đi hơn một nửa. Hình ảnh trên vách trước mặt nhoè nhoẹt. *Còn đó tiếng tre êm ru, còn đó bóng đa hẹn hò, còn đó những đêm sao mờ hồn ta mênh mông nghe sáo vi vu...* Thạch lại cầm chai rót cho mình một ly khác. Sao nàng không tới như đã hẹn? Chuyến xe Minh Trung sáu giờ sáng khởi hành từ Sài Gòn không có nàng. Mười hai giờ trưa Thạch tới Đà Lạt một mình. Nàng đã đổi ý, nàng sợ hãi, nàng e sợ cuộc phiêu lưu trước mặt? Nàng thối lui, nàng bỏ chạy. Hay là Thạch đã nói một câu gì đó, làm một cử chỉ gì đó phật ý nàng? Và nàng giận dỗi không tới. Hay nàng chỉ muốn diễu cợt Thạch, nghĩ rằng Thạch muốn lừa dối mình, nàng cho chàng ăn thịt thỏ cho bỏ ghét? Bao nhiêu giả thuyết bao nhiêu câu hỏi quay mòng mòng trong đầu Thạch cộng với hơi men khiến chàng choáng váng. Thạch lại cầm ly rượu đưa lên môi tợp một ngụm, rồi hai ngụm. Hương vị rượu dâu ngọt ngọt khiến say hồi nào không hay.

Căn nhà trọ trống trải quá. Tiếng ca không lấp đầy được không gian. Mà

thời gian thì kéo dài như bất tận trong thất vọng. Hoàng đã về Sài Gòn để thi cử. Thạch về thăm nhà chớp nhoáng rồi trở lên Đà lạt liền để nặn óc viết tiểu luận đề. Sau ngày bãi trường, trên chuyến xe về sài Gòn, Thạch đã hẹn nàng chuyến trở lên và nàng đã ưng Thuận. Lẽ ra Thạch nên trở lên Đà Lạt một mình để yên ổn suy tư và viết. Tuy nhiên nàng đọc sách nhiều nên Thạch nghĩ rằng nàng có thể giúp mình trong việc tra cứu và góp ý kiến. Thạch không có tà ý gì đối với nàng và chàng nghĩ rằng mình thành thật. Thạch tự cho rằng mình có đủ nghị lực và bản lãnh để giỡn đùa với lửa. Giờ đây nàng không tới, Thạch hết sức thất vọng và bắt đầu ngờ vực mình. Ngoài sự thất vọng còn có một tình cảm gì hơi khác, cái gì như thể, như thể.... Chàng đã quyến luyến nàng tới mức có thể nguy hiểm rồi chăng? Không phải chàng muốn giữ tiết trinh với vị hôn thê của mình như Hoàng nói, nhưng chàng không muốn lừa gạt cùng một lúc cả hai người con gái - Nói đúng ra chàng không muốn lừa gạt một ai hết. Có chắc không? Thạch hoang mang. Chàng lại hớp thêm ngụm rượu dâu mong làm giảm bớt cường độ mối mâu thuẫn trong lòng mình. Ly nữa rồi ly nữa. Chai rượu cạn dần và Thạch cũng dần dần gục xuống bàn. Tiếng ca nửa đêm cố gắng lấp đầy căn nhà trọ. *Người ơi, còn nhớ mãi trưa nào, thời nào vàng bướm bên ao. Người ơi, còn nghe mãi tiếng ru êm êm buồn trong ca dao. Còn đó tiếng khung quay tơ, còn đó con diều vật vờ, còn đó...*

"Thạch, dậy đi Thạch!... Thạch, dậy đi!" Tiếng gọi lập lại nhiều lần, bàn tay lắc lắc vai Thạch "Dậy đi... dậy đi..." Thạch ậm ừ trong cổ họng, đầu óc còn choáng váng, nghiêng mặt ngó lên. Một tà áo trắng! Một tà áo trắng cố hữu, một tà áo trắng rất quen thuộc. Ngửng lên chút nữa. Một gương mặt liêu trai, một chiếc mũi thanh tú, một gương mặt rất quen thuộc. "Thùy!... Kìa Thùy, làm sao Thùy lại ở đây? Thùy!..." Thạch buông tiếng kêu nhỏ rồi đứng phắt dậy như lò xo. Thạch lảo đảo ngã nhoài tới trước ôm chầm lấy Thùy, vòng tay ghì siết, môi đặt lên môi nàng hút chặt, bất cưỡng, đắm đuối. Nụ hôn đầu giữa hai người. Và cũng là lời tỏ tình từ lâu không nói ra. Môi Thùy vụng về, thụ động. Buông nàng ra, Thạch nắm hai vai nàng đẩy lui, ngắm nghía nàng hồi lâu để chắc chắn mình không nằm mơ, mình không thấy lầm:

- Thùy! Sao sáng nay Thùy không đến điểm hẹn?

Thùy vuốt lại làm tóc rối:

- Tại Thùy quên bật nút đồng hồ reo. Khi me đánh thức Thùy dậy thì đã hơn bảy giờ sáng. Thùy đành phải chờ lấy chuyến xe sáu giờ chiều, tới Đà Lạt gần nửa đêm, Thùy vội vàng lấy xe taxi đến thẳng đây, sợ anh trông. Anh có giận Thùy không?

Thạch lắc đầu:

- Không. Nhưng làm sao Thùy vào nhà này được?

- Tại anh quên khóa cửa. Thùy bấm chuông, chuông không reo. Thùy gõ cửa mấy hiệp cũng không ai mở. Thấy có ánh sáng bên trong Thùy đánh bạo xô cửa vào. Vào tới đây thì thấy anh nằm gục ở bàn. Bộ anh say rượu hở?

- Anh chỉ hơi ngà ngà thôi. Anh tưởng Thùy không còn muốn gặp anh nữa. Sẵn có chai rượu dâu bà chủ nhà biếu, anh nhấm nháp giải khuây. Chừng giựt mình tỉnh dậy, thấy Thùy xuất hiện như trong truyện liêu trai.

- Thùy cũng đâu có thực. Thùy chỉ là giấc mơ của anh thôi.

- Một giấc mơ đẹp vô cùng. Và anh cũng không muốn tỉnh giấc.

- Thùy cũng như anh.

Thạch lại kéo Thùy sát tới mình, định ghé môi hôn nhưng Thùy đẩy nhẹ chàng ra:

- Anh để cho Thùy lau rửa mặt mũi và thay áo cái đã. Đi đường xa bẩn hết cả người.

Sau khi hướng dẫn Thùy đến phòng tắm, Thạch trở về nằm dài trên giường và bật đèn thân mật ở đầu giường - đèn trần nhà đã tắt. Chàng nghe tiếng nước xối, mường tượng vẩn vơ. *Áo trắng đơn sơ mộng trắng trong / Hôm xưa em đến mắt như lòng / Nở bừng ánh sáng em đi đến / Gót ngọc dồn hương bước tỏa hồng.* Thạch nhắm mắt mộng tưởng, cơn say nhẹ bềnh bồng, cả thân người trôi nổi trong huyễn hoặc, mất trọng lượng, mất kim chỉ Nam, bứt rời khỏi từ trường, bay theo những vì sao lạc bâng quơ... *Còn đó con diều vật vờ, còn đó... Nói bao nhiêu lời thương yêu đến kiếp nào cho vừa. Ôi! Những đêm dài hồn vẫn mơ hoài một kiếp xa xôi...*

Hương thơm mái tóc quen lòa xòa trên mặt, hương lavande, không phải, hương hoa sứ, không phải, hương hoàng lan, không phải, hương dạ lý, phải rồi hương dạ lý. Thạch mở mắt bắt gặp đôi mắt sâu kín nội tâm đang cúi nhìn mình, chàng vòng tay ghì xuống, môi áp môi, người con gái nằm song song bên chàng, luồn tay vào tóc chàng mê sảng, mời đón. *Em đẹp bàn tay ngón ngón thon / Em duyên đôi mà nắng hoe tròn / Em lùa gió biếc vào trong tóc / Thổi lại phòng anh cả núi non...* Thạch tầng mần nút áo, bàn tay mê hoảng sờ soạng. "Đừng anh... đừng..." Một nút áo bật ra, bàn tay mềm chặn các ngón tay hoang dại, một nút áo nữa bật ra "Đừng anh... đừng... Anh hãy tắt đèn đi..." Bóng tối trùm phủ căn phòng, bóng tối xóa nhòa, bóng tối dạn dĩ, tay chân mò mẫm tìm kiếm, thân thể lăn trở, hơi thở thúc bách "Đừng... đừng anh... anh nhớ giữ gìn dùm cho Thùy... Tội nghiệp Thùy..." Xiêm y bốc dở xào xạt. Vật vả, lăn lộn. Thở. Thở. "Đừng... đừng..." Dẫy dụa, trườn rướn. "Ái!" Tiếng kêu thảng thốt bật lên trong bóng tối. Mọi cử động thoắt nhiên dừng lại, đông cứng, hoảng hốt, tần ngần. Rồi tiếng khóc thút thít...

Thạch với tay bật ngọn đèn ở đầu giường. Điều chàng cố dặn mình đừng phạm chàng đã phạm. Cánh mỏng trinh nữ đã vù bay, bay vào bất tận, không bao giờ trở lại nữa. Giỡn với lửa, chàng đã bị lửa táp - hay Thùy đã tự gieo mình vào trong lòng núi lửa? Thạch rời thân thể nàng, cơn sốt điên cứng còn đó. Tiếng kêu thương đã khiến chàng chùn bước, ăn năn. Thùy úp mặt xuống nệm, đôi vai gầy run run, mái tóc dài run run, cả thân mình nàng run rẩy. Thạch vuốt ve lưng nàng, xuôi theo dòng suối mềm giữa hai bờ vai nhỏ. Chàng chưa biết mở lời sao Thùy đã nhổm dậy, chăn quấn ngang ngực, cúi

mặt nhìn chàng, lời chừng muốn ngỏ. *Đôi mắt đó bỗng chập chùng cúi xuống / Những u buồn lời thú tội đam mê / Ta đã nghe trong bóng nắng xuân về / Bờ vai ấy một lần khơi nỗi nhớ.*

-Anh xin lỗi em.

- Không, anh không có lỗi gì hết.

Thùy vói tay tắt ngọn đèn thân mật ở đầu gường. Bóng đêm sụp đổ.

*

Ôi! Những đêm dài hồn vẫn mơ hoài một kiếp xa xôi, buồn sớm đưa chân cuộc đời. Lời Đường Thi nghe vẫn rền trong sương mưa, dù có bao giờ lắng men đợi chờ...

- Anh có cần Thùy tắt nhạc cho anh dễ làm việc hay không?

- Không, Thùy vặn nhạc nhỏ như vậy được rồi. Điều nghịch lý, phải có nhạc đầu óc anh mới tập trung được. Khi làm việc anh cần thức nhiều; uống cà phê nhiều và hút thuốc lá nhiều.

- Trong những thứ anh cần không thấy có Thùy. Sự hiện diện của Thùy chắc là dư thừa phải không anh?

Thạch vói tay bẹo má Thùy - Nàng ngồi thu mình trên giường, lưng tựa vào vách, quyển sách đặt trên hai đầu gối mình co lên.

- Dĩ nhiên sự hiện diện của Thùy rất cần thiết cho anh. Bộ Thùy tính ghen với nhạc, thuốc lá, cà phê hay sao? Và còn gì nữa?

- Thế còn vị hôn...

Thùy dừng lại kịp lúc. Nàng giả vờ đánh rơi quyển sách xuống giường rồi nhặt lên:

- Để Thùy đọc cho anh nghe một đoạn thơ sau này, đầu óc anh cũng cần được giải trí. (Thùy lật tìm trang sách). Này nhé. *Bỗng dưng buồn bã không gian / Mây bay lũng thấp giăng màn âm u / Nai cao gót lẫn trong mù / Xuống rừng nẽo thuộc nghìn thu mới về...*

Thạch rít một hơi thuốc lá, nhả khói uốn éo lên cao.

- Hay quá! Thơ của ai vậy?

- *Thu Rừng* của Huy Cận. Anh quả dốt đặc về văn chương Việt Nam thật.

Thạch gật đầu:

- Anh công nhận. Sự hiểu biết của anh rất khiếm khuyết về mặt này. May mà có Thùy bổ túc cho anh, không thôi anh mù tịt. Anh chỉ biết có Quốc Văn Giáo Khoa Thư và Nguyễn Bính. Đó là nhờ anh chép tay tập thơ *Lỡ Bước Sang Ngang* hồi anh học trung học Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho, lúc anh mới biết yêu.

- Anh biết yêu sớm quá vậy?

Thạch ngẫm nghĩ:

- Không. Để coi nào... Hồi mới vào trung học ở Vĩnh Long anh đã biết thất tình rồi.

- Thật can anh không nổi! Chả biết Thùy là người yêu thứ mấy của anh?

- Anh cũng không biết là thứ mấy, nhưng thiệt ra đâu có nhiều như Thùy

tưởng.

- Bất quá cũng một chục cô thôi chứ gì, phải không anh?

Cả hai cùng mỉm cười. Thùy tiếp:

- Thôi anh tiếp tục làm việc đi. Anh tiếp tục lao đầu vào *Kinh nghiệm hư vô* của anh đi. Tạm thời hãy gát cái kinh nghiệm ái tình của anh sang một bên.

Thạch định nói thêm gì đó thì Thùy đã đưa một ngón tay lên môi mình "Suỵt". Thạch quay lại chúi mũi vào trang giấy đang viết nửa chừng của mình.

Thùy bật đầu ra sau tựa vào tường, mắt mơ màng hồi tưởng. Kể từ lúc trao thân cho Thạch, thời gian dường như không còn ý nghĩa gì đối với nàng nữa. Một năm đã qua, một thế kỷ đã qua, một thoáng chớp đã qua, một mùa xuân đã qua, cây cối đã bao nhiêu lần thay lá? Kỷ niệm muôn màu, màu xanh đỏ tím hồng hay màu trắng muốt? *Đôi lứa thần tiên suốt một ngày / Em ban hạnh phúc chứa đầy tay / Dịu dàng áo trắng trong như suối/ Tỏa phất phơ đôi cánh mộng bay...* Nàng quấn quít bên Thạch, nàng cảm thấy đời mình từ nay tùy thuộc vào hơi thở của Thạch. Thạch còn thở, nàng sống. Thạch hết thở, nàng chết. Nàng đã từng sợ hãi trong bóng tối bao la, giờ đây không gian đã thu nhỏ lại vừa kích thước cho nàng - cho cả nàng và Thạch. Xưa nàng nhút nhát biết bao, nay nàng dạn dĩ bước từng bước chân tin tưởng vào đời, nàng sánh bước cùng Thạch trên các lối mòn đồi thông, trên các tảng đá lớn tròn trong dòng suối nhỏ Đà Lạt. Nàng dắt Thạch dạo chơi khi thấy chàng làm việc quá mức, đầu óc bắt đầu bốc khói. Nàng nấu nướng chút đỉnh, nàng pha cà phê, nàng gọt bút chì, nàng đổ tàn thuốc lá, nàng ghi chép tên sách và số của các trang Thạch cần tham khảo. Nàng góp ý vào việc sắp xếp các tư tưởng cần được khai triển. Nàng giặc quần áo, nàng lau chùi sàn nhà, nàng nhóm lửa lò sưởi, nàng xuống phố mua những món cần thiết, nàng nhắc nhở chàng cạo râu. Nàng thay băng nhạc, nàng chọn lựa những tấu khúc cổ điển, nàng đọc thơ của các thi nhân tiền chiến, nàng kể những giai thoại văn chương. Nàng thì thầm trong bóng đêm, nàng kêu khẽ, nàng năn nỉ, nàng mời gọi, nàng xô ra, nàng bật khóc, nàng tức cười, nàng bứt thở, nàng đòi chết. Nàng ngất ngây nhục cảm, nàng khám phá thân thể mình, nàng xét lại quan niệm tình dục, nàng đổi mới định nghĩa của mình về tình yêu. Nàng quên sự cân nhắc, nàng quên trường sở, nàng quên bài vở, nàng quên lớp học, nàng quên mẹ mình, nàng quên vị hôn thê của Thạch, nàng quên tương lai, nàng quên dĩ vãng, nàng chỉ còn có hiện tại, nàng nâng niu từng khoảnh khắc, nàng cấn lấy thời gian, nàng nuốt lấy mật ngọt, nàng háu ăn, nàng thèm sống, nàng thèm chết, nàng bất tỉnh. Nàng siết chặc Đà Lạt giữa đôi vú thanh tân của mình, nàng khơi nguồn suối Cam Ly ngọt ngào trên đôi môi mình, nàng trồng rừng thông xanh um trên gò Vệ Nữ mình, nàng mở khép hồ Xuân Hương rù quến trên lối ngõ thầm kín của mình. Nàng ngưởng cổ, nàng cúi đầu, nàng nhìn nhận, nàng chối quanh, nàng sung sức, nàng mệt nhoài. Nàng nín thinh, nàng im

lặng, nàng khép môi, nàng nói, nói. Nàng ngụp lặn, nàng vỗ cánh, nàng xoà nở, nàng biến dạng. Nàng siêng năng, nàng lười biếng, nàng bối rối, nàng phân trần, nàng giải thích, nàng đột xuất, nàng chợt biến. *Em nói anh nghe tiếng lẫn lời / Hồn em anh thở ở trong hơi / Nắng thơ dệt sáng trên tà áo / Lá nhỏ mừng vui phất cửa ngoài.*

Bước khẽ cho mùa không trở giấc / Nâng niu cánh mộng kẻo vù bay... Thạch choàng tay ôm vai nàng. Thùy vòng tay ôm hông Thạch. Giờ ra chơi của chàng. Một ngày vật lộn với sách vở, một ngày đấu tranh với chữ nghĩa, một ngày gây lộn với triết gia, một ngày cố lấp hư vô bằng những dòng mực đen. Trò chơi mệt nhoài, bất phân thắng bại. Thùy cầm bút chì lắc leng keng trong ly thủy tinh, điểm giờ ra chơi. Thạch vứt cây bút bi đen lên bàn, đưa hai tay dụi mắt, vươn vai ngáp dài, châm điếu thuốc. Mùi khói thơm khiến Thùy chạnh nhớ căn gác nhỏ của mình. *Tears I cannot hide, smoke gets in your eyes...* Giờ đây Thùy đã có kỷ niệm để khắc ghi, có điệu nhạc để ngân nga, có lời ca để tưởng nhớ, có mùi khói thuốc để ngùi thương. *Hỡi ơi một thoáng dư hương cũ / Bỗng chập chùng xô động tháng ngày.*

Thạch dìu nàng ngồi xuống băng ghế gỗ ven hồ. Mặt ghế và lưng dựa đầy những tên tuổi, ngày tháng và những trái tim chạm khắc. Im lặng. Thạch cúi xuống nhặt hòn sỏi dưới chân ném vào lòng hồ đánh chủm, chìm mất dưới mặt nước khép kín. Thùy lên tiếng:

- Anh vừa ném hòn đá vào hư vô đấy.

Thạch ngó nàng:

- Bộ Thùy muốn chọc quê anh đó phải không?

- Dạ Thùy đâu dám.

Nàng ngẻo đầu lên vai chàng xịt cười. Thạch ngã người trên lưng ghế:

- Một cách nào đó thì đó cũng là một kinh nghiệm của hư vô, như khi người ta lọt vào cõi chết.

- Mà hư vô là gì hở anh? Nếu thực sự lọt vào hư vô thì làm sao còn có kinh nghiệm được nữa.

- Sao Thùy hỏi anh khó vậy?

- Đâu có, tại anh chọn tiểu luận đề khó quá chứ đâu phải lỗi tại Thùy. *Kinh nghiệm hư vô*. Hư vô? Hư vô là gì?

Thùy lập lại câu hỏi khi nãy. Chủm! Thạch ném hòn sỏi khác xuống mặt hồ:

- Anh cũng không biết rõ. Có thể hư vô là một cảm giác trống trơn khiến cho người ta chóng mặt, cảm thấy cô đơn và kinh hoàng. Trước hư vô mọi việc đều trở nên vô ích và vô nghĩa, cũng như cái chết chấm dứt mọi dự phóng của con người.

- Thế bây giờ có Thùy rồi, anh có còn cảm thấy cô đơn và bị hư vô làm cho anh kinh hoàng nữa hết?

- Lại thêm một câu hỏi nữa dễ ợt! Thi hạch miệng mà gặp Thùy là giám khảo thì kể như đi chuyến tàu suốt. Kể cả Sartre và Camus.

Thùy mân mê nút áo trên ngực Thạch:

- Theo Thùy, hư vô là một kinh nghiệm đơn lẻ, còn hiện hữu là một kinh nghiệm xẻ chia, anh có đồng ý không?

Thạch trố mắt nhìn nàng, chép miệng:

- Thôi kể từ ngày mai anh sẽ tình nguyện pha cà phê và chuốt viết chì cho Thùy viết tiểu luận đề thay anh. Chịu không? Thùy nhận lời, anh xin cám ơn trước.

- Anh nổi cáu đấy à?

- Đâu có, anh chỉ muốn thỉnh ý giáo sư.

Im lặng hồi lâu. Thạch cảm thấy mình hơi vô lý. Thùy tiếp nối cuộc đối thoại:

- À mà này! Anh viết về hư vô chứ anh đã có biết cái "Sắc sắc, không không. Có tức thị không, không tức thị có" của nhà Phật hay chăng?

Thạch lắc đầu:

- Ngoài văn chương Việt Nam, triết lý Đông Phương cũng là một khuyết điểm nữa của anh. Có thì giờ chắc thế nào anh cũng sẽ phải tìm hiểu thêm. Tây Phương thiên về phân tích, Đông Phương thiên về tổng hợp, hai nền triết lý này bổ túc cho nhau và sẽ rất cần thiết cho kiến thức và việc giảng huấn của anh sau này. À, nói về việc dạy học Thùy có dự tính gì không?

- Có thì cũng có, mà không thì cũng không. Từ ngày chơi với anh, Thùy tập cho mình quen sống trong hiện tại. Hiện tại Thùy dối me là Thùy lên Đà lạt để chấm thi hai tuần. Thì để hết hai tuần rồi hẵng hay.

Thạch vuốt tóc nàng:

Nhưng khi bãi trường qua, mùa hè hết thì Thùy sẽ làm gì?

- Mùa hè hết... Mùa hè hết... (Thùy ngập ngừng) - Mùa hè hết thì Thùy sẽ thay áo mùa thu, cho hợp với câu *Có mùa thu thay áo ở đầu non / Cho dịu lối em về mai lá rụng...*

- Bộ Thùy tính xuống vọng cổ đó à? Phải biết vậy anh đem theo cây đờn ghi-ta.

- Thùy mà ca chắc cá trong hồ chết ngộp hết.

Nhìn mặt trời chìm khuất sau đồi, Thùy nói:

- Giờ ra chơi đã hết, mình về thôi.

Thùy đứng dậy trước nắm tay Thạch kéo lên. Hoàng hôn ở Đà Lạt xuống rất mau. Trời se lạnh, sương mù rưng rưng trên cao.

Về tới nhà Thùy mở nhạc rồi quay nhóm lửa lò sưởi. Ngọn lửa chớm lên e dè, củi nổ lách tách, ánh sáng dọi lên mặt nàng chập chờn, đầm ấm. Thạch bật ngọn đèn thân mật, nằm dài trên giường, hai bàn tay đan nhau gối sau đầu, mắt ngó lên trần nhà, cố xua đuổi các ý nghĩ lan man ra khỏi đầu óc mình. Nhóm lửa xong Thùy đến ngồi ở mép giường, tay vuốt trán Thạch, mắt nhìn vào mắt. Thạch đưa hai tay ôm cổ Thùy kéo xuống sát mặt mình, môi chụp phủ môi đắm đuối. Nụ hôn kéo dài bất tận. Thạch lật nàng xuống giường đè lên mình chàng, nhũ hoa ấm hỉnh áp trên ngực chàng. Thạch đặt

hai bàn tay lên mông nàng. Thùy thì thầm "Anh tắt đèn đi anh".

Bóng tối tỏa ra khắp căn nhà trọ, đồng lõa, bao dung. Trong ánh sáng lung linh phát ra từ lò sưởi tiếp tục tiếng ca thiết tha của ai đã bỏ quên đâu đó từ một thời đại Hoàng Kim xa lắc. *Người ơi, còn nhớ mãi trưa nào, thời nào vàng bướm bên ao. Người ơi, còn nghe mãi tiếng ru êm êm dường trong ca dao. Còn đó tiếng khung quay tơ, còn đó con diều vật vờ, còn đó... Nói bao nhiêu lời thương yêu đến kiếp nào cho vừa...*

*

Tôi đã chết.

Tôi không còn tương lai, tôi không còn dĩ vãng. Tôi sẽ chết. Tôi phải chết. Tôi vịn thanh cầu nhoài mình ra ngoài sông ngó xuống. Từ đây xuống mặt nước cách bao xa? Dòng nước nơi này sâu mấy thước? Sóng lăn tăn dờn dợn trăng lưỡi liềm. Đêm nay là mồng mấy trong tháng? Trăng sắp tròn hay sẽ càng lúc càng khuyết thêm? Dòng sông này sẽ là dòng sông tuyệt mệnh của tôi? Bên này sông là Sài Gòn, bên kia sông là Khánh Hội. Xe cộ qua lại thưa thớt. Người qua lại vắng vẻ. Có ai biết tôi sắp nhảy xuống dòng phù sa đang vặn xoáy ồ ạt dưới chân cầu? Đâu còn gì níu kéo tôi lại cuộc đời này nữa. Tương lai tôi bế tắc. Dĩ vãng tôi rùng rợn. Mười hai năm địa ngục, mười hai năm máu me, mười hai năm ngộp thở, mười hai năm tôi khiếp sợ chờ đêm đến. Những trận bạo dâm của hắn đã phá vỡ tử cung tôi. Tôi không thể nào có con được nữa. Tôi không còn gì ước vọng ở tương lai. Đêm tân hôn khi khám phá tôi không còn trinh nguyên hắn đã đánh mắng tôi thậm tệ. Tiếp theo đó là những cuộc trả thù kéo dài mười hai năm đằng đẳng. Hắn muốn giết tôi nhưng không muốn tôi chết liền. Hắn muốn tôi quỳ gối van xin hắn tha mạng mỗi đêm. Chính hắn đã giết chết me tôi. Chính hắn đã làm nhà cửa tôi tiêu tan. Biệt thự đường Đoàn Thị Điểm đã lọt vào tay người khác. Nữ trang hồi môn me cho tôi hắn đã bán sạch trơn. Hắn như một con đĩa quỷ quyệt bám lấy mạch máu tôi. Hắn hút máu tôi mười hai năm ròng rã. Tới khi tôi không còn giọt máu nào nữa hắn mới chịu buông tha. Hắn chấp thuận cho tôi ly dị. Giờ đây đời tôi tan nát. Tôi trắng tay. Tôi đã bỏ dạy học từ lâu. Tôi đã mất me, tôi đã mất nghề nghiệp, tôi đã mất nơi nương tựa, tôi không còn dính líu gì đến cuộc đời này nữa. Tôi nghiêng mình ra khỏi thành cầu... "Thùy! Thùy!" Kìa, hình như có ai gọi tên tôi. Tôi quay lại nhìn quanh quất. "Thùy! Thùy!" Chàng đang gọi tên tôi. Tôi cắn răng nghẹn ngào, dòng nước mắt bật ra, cổ họng rạn nứt. Tôi cố gắng cất tiếng gọi thì thầm "Thạch! Thạch!" *Sao tiếng nói bỗng thẹn thùng bỡ ngỡ / Gọi tên người nghe cả nắng vàng phai / Cành mai kia sao đã chất sầu đầy / Mùa lá rụng vẫn buồn như kỷ niệm...*

Tôi bấu chặt lên thành cầu ngửa cổ lên trời hít gió sông thổi mát một hơi thật dài. Rồi một hơi nữa, một hơi nữa. Lòng tôi dịu xuống, lắng yên. Có phải tôi đang đối đầu với cảm giác "xa lạ" trong đó chàng đã lơ lững độ nào ở Đà Lạt? Giờ đây chàng có còm cảm thấy xa lạ với cuộc đời này? Há tôi đã chẳng

từng khuyên chàng hãy quấn vào cổ mình những ràng buộc tầm thường nhất để mà sống. Một nụ cười, một con chó, một kỷ niệm, một hương thơm, một bản nhạc, tại sao không? *Người ơi, một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa?...* Nhớ gì không? Căn gác nhỏ, cà phê, khói thuốc, chiều Đà Lạt sương mù, hoàng hôn xuống lạnh trên mặt hồ, đêm ấm cúng bên bếp lửa, tiếng ca chập chập vương vấn. *Tình Nhị hồ vẫn yêu âm xưa, cung Nguyệt Cầm vẫn thương Cô Tô, nên hồn tôi vẫn nghe trong mơ tiếng đàn đợi chờ mơ hồ, vẫn thương muôn đời nàng Quỳnh Như thuở đó...* Viên sỏi ném xuống lòng hồ gợi nghĩa hư vô. Giờ đây tôi cũng cảm thấy trống trơn, chóng mặt, cô đơn và kinh hoàng như chàng dạo nào. Tôi muốn chạy trốn, tôi muốn biến mất, tôi muốn gieo mình xuống dòng sông, tôi muốn tan rã vào lòng phù sa. Có lần chàng nhắc nhở lời Camus: "Chỉ có mỗi một vấn đề triết học thật sự nghiêm chỉnh: tự tử". Tôi sắp làm một hành động nghiêm chỉnh? Còn cái "sắc sắc không không" tôi đã đánh rơi đâu mất rồi?" "Hư vô là một kinh nghiệm đơn lẽ, hiện hữu là một kinh nghiệm xẻ chia", ai đã nói với chàng câu đó? Vậy mà tôi sắp xuôi tay cho hư vô nuốt chửng, giờ đây. Tôi có tin luân hồi, tôi có tin tiền kiếp? Có tức thị không, không tức thị có. Tôi đang chấp nó, tôi đang chấp không? Khi nghĩ rằng mình đã mất mát hết, mình không còn dự phóng nào, mình không còn mơ ước gì, người ta rơi vào ngõ cụt. *Ôi những đêm dài hồn vẫn mơ hoài một giấc ai mơ, dù đã quên lời hẹn hò. Thời Hoàng Kim xa quá chìm trong phôi pha, chờ đến bao giờ tái sinh cho người?...*

Mười hai năm qua, tôi đã sống hoàn toàn bưng bít. Căn biệt thự tôi ở là một nhà tù. Không một người bạn, không một người thân thích, không một lời hỏi han, không một lời tâm sự, âm thầm chiếc bóng, một mình thơ thẩn vào ra. *Nỗi buồn riêng bao giờ ta dám ngỏ / Dù tàn phai những đóa mộng ban đầu / Vẫn còn đây ngọt ngào yêu dấu cũ / Ta vào đời cùng nỗi nhớ mang theo...* Thỉnh thoảng lắm mới được biết một vài chi tiết về đời sống của chàng - qua Hoàng. Sau tết Mậu Thân chàng tái ngũ. Mùa Hè Đỏ Lửa chàng tử thủ An Lộc. Giờ đơn vị chàng đóng ở Xuân Lộc - gia đình vẫn còn cư ngụ Hàng xanh, Gia Định. Nhiều lần muốn tìm lên nơi đồn quân gặp mặt chàng - để làm gì? Chàng sẽ vui mừng, chàng sẽ bối rối, chàng sẽ thất vọng? Tôi có còn là tôi nữa hay không? Mười hai năm qua tôi đã biến dạng, tôi đã lột xác bao nhiêu lần? Còn lại một chút gì quen thuộc chăng dưới cái tên Thùy? Chàng sẽ nhận ra tôi? Tôi đã tả tơi, tan nát, cũng như quê hương. Cuộc chiến kéo dài gần ba mươi năm, và có triển vọng tiếp tục lâu hơn nữa. Nhiều đêm nghe hỏa tiễn rơi xuống thành phố mà những lo sợ cho chàng. Làm sao chấm dứt cuộc tương tàn cốt nhục, làm sao chấm dứt cảnh máu chảy ruột mềm? *Đời lập từ những đêm hoang sơ. Thanh bình như bóng trưa đơn sơ. Nay đời tan biến trong hư vô, chất đầy từng oán thù, máu xương tơi bời nhiều mùa thu...*

Tôi xuôi tay cúi nhìn dòng nước bạc. Nước vẫn chảy siết vặn xoáy ồ ạt dưới chân cầu. Tôi gọi nhỏ "Thạch! Thạch!..." Mềm ấm, ẩm ướt. Tôi giật mình ngó xuống. Một con chó đến từ lúc nào không biết thè lưỡi liếm tay tôi. Tôi

khựng lại. Con chó thụt lui ngước nhìn tôi, đuôi ve vẩy như nhận được người quen, rên ư ử. Tôi ngồi thụp xuống đưa tay vuốt ve đầu con Mực. Nó tiếp tục liếm tay tôi, rồi tiến tới một bước liếm mặt tôi. Tôi để yên, nước mắt bật ra ràn rụa trên má, tôi khóc nghẹn ngào. Con chó rên ư ử, tín hiệu bất ổn, đuôi ngoẻo sang một bên. Tôi ôm lấy đầu chó hôn như mưa bấc. Đuôi con Mực ve vẩy trở lại, lưỡi mềm ấm liếm những giọt nước mắt lả chả của tôi. Chúng tôi tiếp tục âu yếm vuốt ve nhau như vậy hồi lâu. Tôi càng tủi thân khóc ngất, cổ họng thắt nghẹn buông tiếng kêu ấm ức "Mực!... Mực!... Em Mực!..." Vầng trăng chếch xế, giờ giới nghiêm sắp điểm, còi giới nghiêm sắp hụ. Tôi buông con Mực ra đứng dậy, lòng quyến luyến, hối hận, ăn năn. *Gió đưa trăng thì trăng đưa gió / Khi trăng lặn rồi gió biết đưa ai?*

Tôi bước xuống dốc cầu trở về thành phố, thỉnh thoảng ngó ngoái trông chừng lại. Con Mực lẽo đẽo theo sau, cách một khoảng xa, cúi đầu đánh hơi rồi ngửng lên ngó chừng. Tôi tiếp tục bước đi, nó tiếp tục dõi bước. Gần tới nhà, con Mực đánh dấu ở gốc cây rồi dừng lại luôn, mắt ngó theo, miệng rên ư ử. *Ú u u u... Ú u u u... Ú u u u... Còi giới nghiêm hụ lên inh ỏi. Tôi quẹo góc đường Ngô Tùng Châu. Trong một ngõ hẻm chợt ré lên tiếng khóc oe oe của trẻ sơ sinh phát ra từ một thùng giấy đầu hẻm. Tôi dừng bước lại, tiến vào hẻm, cúi xuống nhìn vào lòng thùng giấy,. Oé... Oé... Oé... Tôi ngồi xuống ôm bọc vải vào lòng cất tiếng dỗ; "Nín, nín, nin đi cưng... Nín, nín đi cưng..."*

Tôi lại bật khóc nghẹn ngào, mùi mẫn.

*

Thành phố Hồ Chí Minh.

Sài Gòn đã đổi tên từ năm năm nay. Ngó đâu cũng thấy một màu xanh ô liu, dép râu, nón cối. Người đàn ông ngước khuôn mặt hốc hác nhìn lên mỗi góc đường. Toàn tên lạ hoắc. Xe cộ không còn ồn ào như trước nữa. cây cối hai bên đường bị lột vỏ trơ thân xơ xác, tiêu điều. Nhà cửa lụp xụp, cổng sắt rỉ sét, cống rãnh ngập rác. Ở mỗi góc đường một sạp cà phẹ chồm hổm. Nhiều khi hai ba sạp trên một đoạn đường ngắn. Bọn đàn ông mặc quần xà lỏn ngồi xúm xít, uống cà phê, nói chuyện bù khú, ít thấy ai cười. Bóng dáng đàn bà hiếm hoi, không điểm trang, màu sắc áo quần buồn thảm. Tạt ngang thăm một nơi thường họp ban đêm khi trước. Chợ Đủi không còn là chợ Đủi, rạp hát không còn là rạp hát, tiệm quán không còn là tiệm quán, trường học không còn là trường học, hoang tàn một cảnh chợ chiều. *Tiêu điều nhân sự đã xong / Sơn hà cũng hoãn côn trùng cũng hư.*

Người đàn ông quẹo ra đường lớn, tiến về hướng bến tàu. Nắng chiếu lóa chóa. *Hực! hực!... Người đàn ông khụy xuống, một quả đấm, một cùi chỏ, một đầu gối tiếp theo, luân lưu, không ngừng, hực! hực! Mày trốn trại hở? Đánh xoay chuyền, hực! hực! Máu ói ra miệng.* Người đàn ông đưa tay che mắt, ngó lên trời nheo nheo. *Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát / Tại vì em mặc áo lụa Hà Đông.* Câu thơ bốc cháy. Nắng thành phố anh đi mà chợt nóng. Hai bên đường phố một vài chỗ chồm hổm sửa chửa và vá lốp xe đạp. Lũ trẻ cởi trần

phơi bụng hứng mát, không đùa giỡn. Một vài chiếc xe Honda rú ga chạy vùn vụt. *Người đàn ông đổ những hòn sỏi trong lon Guigoz ra đếm, mỗi hòn sỏi là một ngày trải qua trong trại cải tạo. Một, hai, ba, bốn... chín mươi tám, chín mươi chín, một trăm, trăm lẻ một...* Bóng người đàn ông ngã sau lưng, ngắn ngủn. Từ hừng sáng đến giờ tính ra đã đi bộ hơn mười cây số. Hai chục không chừng. Ủa! Chỗ này lúc trước có một vườn sứ cùi mọc sau bức tường chắn, sao bây giờ là một tiệm phở? Xương vứt vãi trên nền đất, những con chó ốm nhom chực hờ. Những khối xanh ô liu ngồi chồm hổm trên ghế, khạc nhổ bừa bãi xuống mặt đất, chan húp xì xụp. "Này! Cho thêm tí nước béo cô bé ơi!" *Mặt trời đã lặn mất sau lưng. Thêm một hòn sỏi nữa bỏ vào lon nhôm. Tám trăm chín ba. Hay chín trăm năm chục? Đếm sao nổi. Đã hết lon. Chờ thăm nuôi. Thêm những tép mỡ khô. Cào cào, gián, trùng đất đã bị nuốt trọng.*

Người đàn ông đổi lề đường cho khuất nắng. Nắng không khuất, mình vã mồ hôi, môi mặn đắng. Đứng lại dưới bóng mát của tàn me thở dốc. Sao mau mệt như vầy? Khi xưa hành quân đi bộ ngày ba bốn chục cây số là sự thường. Ngày này qua ngày khác. Lội ruộng nước ngập tới gối, lội đầm nước lên tới ngực. Chát! Chát! Bắn sẻ. Hụp xuống. *Sợi dây ni lông đã đủ dài. Khiêu khích cho thằng trên chòi gát bắn vãi xuống. Đứt dây té vào chảo nước sôi bên dưới. Mọi việc đã xếp đặt chu toàn, chỉ còn chờ chuông nhà thờ đổ buổi sáng.* Gió sông từ bến Bạch Đằng thổi lên mát mẻ. Đoàn xe Molotova từ quân cảng chạy ngược lên bóp còi inh ỏi. Những thùng đạn, những thùng đạn, những thùng đạn, hỏa tiễn, đại bác, quân nhu, quân cụ, bộ đội, những người trai trẻ cầm súng AK lắc lư trên xe. Cuộc chiến có bao giờ ngừng lại trên đất nước này, dù chỉ một phút? Pathet Lào, Căm-Bu-Chia, Khờ Me đỏ. Mặt trận nằm trong ranh giới nào? Mấy triệu người chết, chưa đủ. Tiền đồn cách mạng, phải noi gương cho toàn thế giới bắt chước. *Bong... bong... bong... bomg... Người đàn ông đút đầu vào vòng thắt cổ. Bong... bong... bong... bong...* Một người đàn ông đi xe đạp ngược chiều với Thạch, ngước nhìn, qua hút. Bỗng có tiếng xe đạp ngã trên bờ lề rồi một bàn tay vỗ lên vai Thạch. Giựt mình quay lại. Ria mép mắt nâu. Khựng nhìn đôi ba giây:

- Ơ kìa! Hoàng! Mày đó hả Hoàng?

- Phải, tao đây. Tao đây Thạch!

Hai người đàn ông ôm cứng lấy nhau nghẹn ngào.

- Trời ơi! Trời ơi! Tao tưởng mày chết rồi! Mày còn sống phải không Thạch? Hãy la vào tai tao rằng mày còn sống. Trời ơi! Mày còn sống! Thạch ơi Thạch!

Qua phút giây xúc động, Hoàng hỏi:

- Mày về hồi nào?

- Mới ba ngày nay thôi.

- Sao mày không cho tao hay?

- Biết mày ở đâu mà cho mày hay. Còn mày, sao không đi đi, còn ở lại thành phố này làm gì?

Hoàng lặng thinh. Thạch quan sát:

- Kìa! Còn cái bê-rê "Che Guevara" của mày đâu?

- Tao biết quá rồi, mày đừng hỏi nữa, khổ lắm!

- Mày có phải đi cải tạo không?

- Tao không phải là quân nhân nên chỉ học tập một tuần lễ thôi rồi được trả về.

- Mày còn đi dạy học không?

- Không. Tao nghỉ dạy từ lâu rồi.

- Vậy thì lấy gì mà sống?

- Thì cũng quơ cào mánh mung như mọi người vậy thôi. Gặp thời thế, thế thời phải thế.

Nói xong Hoàng cúi đầu nghĩ ngợi:

- À! Để tao chở mày đến một sạp cà phê quen ngồi nhâm nhi nói chuyện chơi. Tao và mày còn thiếu gì chuyện phải nói với nhau.

Hoàng dựng lại chiếc xe đạp, lên yên. Thạch ngồi chàng hảng phía sau.

- Tao nhớ cái thời tao đèo mày bằng *vespa* ở Đà lạt. Thời đó vui quá hả mày?

- Ờ, thời đó vui thật.

Hoàng đạp ì ạch:

- May mà mày gầy nhom, nếu không chắc tao phải đạp toé khói..

Hồi lâu Thạch hỏi:

- À! Mà mày có tin tức gì của Lan Anh và Thùy không?

- Không mày à.

Xe chạy loanh quanh một hồi, Hoàng tấp vào bờ lề:

- Tới rồi.

Hoàng chỉ một sạp cà phê sinh tố cách đó chừng hai chục thước:

- Mày tới đó ngồi chờ tao. Để tao quanh lại kiếm mua cho mày vài điếu thuốc thơm. Chắc mày thèm lắm rồi phải không?

Hoàng vòng xe lại. Thạch tiến về phía quán sinh tố. Quán trống trơn, ngoại trừ hai người khách ngồi sát lề đường. Con đường tương đối yên tĩnh. Thạch bước sâu vào trong, tìm chỗ mát dưới tàng cây trứng cá. Thạch vừa ngồi xuống thì một đứa nhỏ trai độ chừng sáu bảy tuổi, ăn mặc tươm tất đến lễ phép hỏi:

- Dạ, thưa bác dùng chi?

Thạch khoát tay:

- Bác còn chờ một người bạn. Để chút nữa bác gọi luôn.

Đứa nhỏ dạ một tiếng nhỏ, lui bước. Thạch nhìn quanh quẩn rồi ngó lên tàng cây trứng cá, tay rờ cằm. Lởm chởm. Râu mọc mau. Sự phiền muộn? Thạch gõ mười đầu ngón tay lách cách trên mặt bàn. Nắng chiếu xuyên qua tàn cây trứng cá, mặt đất trong quán in những vết vàng lỗ chỗ. *Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ / Quán thu phong đứng rũ tà huy / Phong trần đến cả sơn khê / Tang thương đến cả hoa kia cỏ này*! Thạch nói thầm "Cái thằng này đi đâu

lâu quá! Nãy giờ có hơn mười lăm phút. Không biết nó..."

- Dạ thưa ông dùng chi?

Thạch giựt mình ngó lên. Người đàn bà, có lẽ là chủ quán, ra đứng cạnh bên Thạch hồi nào không hay. Người đàn bà mở to mắt, thối lui mấy bước. Thạch cũng vụt đứng dậy chết sững:

- Kìa, Thùy!... Thùy!...

Người đàn bà cũng lắp bắp:

_ Thạch!... Thạch!... Anh Thạch!...

Hai giọt nước mắt lớn bật ra lăn tròn trên đôi má hóp của nàng rớt xuống mặt đất.

*

Người ơi, một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa? Người ơi, đường xa lắm con đường về làng dìu mấy thuyền đò. Còn đó tiếng tre êm ru, còn đó bóng đa hẹn hò...

Thùy vòng tay ôm cổ Thạch:

- Anh thấy không, cái băng nhạc hồi ở Đà Lạt Thùy còn giữ cho tới bây giờ. Anh còn nhớ chăng?

Thạch ghì nàng vào lòng:

- Hồi ở trong trại anh mất ngủ liên miên. Anh vẫn thường ru anh bằng những bản *Hương xưa, Hoài cảm, Only you* và *Smoke get in your eyes.* Anh chợp mắt được chừng một hai tiếng đồng hồ. Đỡ lắm, Thùy biết không?

Cơn mưa hậm hực trong những khối mây đen tích lũy từ ban chiều vụt trút xuống ồn ào trên mái ngói. Cơn mưa đưa tiễn hoàng hôn nóng sốt để đi vào đêm tối mát mẻ. Thùy hỏi:

- Anh làm sao đến đây được?

- Hồi chập choạng tối Hoàng ghé rủ anh đi chơi. Còn Thùy?

- Hôm nay Thùy gởi thằng Quý ở nhà người bạn và đóng cửa quán từ ban chiều.

- Thằng Quý là con em?

Thùy hôn phớt lên má Thạch:

- Chuyện này dài dòng lắm. Anh thay quần áo ra lên gường nằm đi rồi Thùy sẽ kể cho anh nghe.

Thạch trút bỏ quần áo. Thùy cũng làm theo. Thạch bước tới ôm Thùy và cởi nốt những xiêm y thân mật trên người nàng. Thạch tìm lại được thân thể người con gái chập chờn bên ánh lửa thời nào, Đà Lạt, mùa ân ái ban đầu. Chàng đẩy Thùy lùi ra sau một bước, đê mê ngắm nghía. Nàng hỏi:

- Thùy có gầy lắm không anh?

- Không, Thùy đầy đặn hơn thời con gái. Ngực và mông Thùy tròn trịa hơn lúc trước.

- Thôi mình lên giường nằm đi anh. Mưa xuống Thùy lạnh.

Hai thân thể ban sơ nằm song song bên nhau. Thạch vuốt tóc nàng, môi sưởi ấm má nàng rồi lần mò tìm đến đôi môi nàng hút nhụy. Sau giây phút

đầu bỡ ngỡ, Thùy luồn tay vào tóc chàng ghì siết. Bàn tay chàng chờn vờn ở cổ, từ từ di động xuống úp chụp lên nhủ hoa nàng mân mê. Thùy rùng mình. *Còn đó... Nói bao nhiêu lời thương yêu đến kiếp nào cho vừa. Ôi! Những đêm dài buồn vẫm mơ hoài một kiếp xa xôi buồn sớm đưa chân cuộc đời. Lời Đường Thi nghe vẫn rền trong sương mưa, dù có bao giờ lắng men đợi chờ...* Cơn mưa tối rào rào trên mái ngói càng lúc càng dữ dội. Lằm chớp xé trời, cơn sét thịnh nộ đánh xuống thành phố, ánh chớp loang loáng trên khe cửa sổ. Tay Thạch ôm ấp bờ hông nàng, đôi môi chuyển dần xuống cổ... "Anh! Anh!..." Bàn tay âu yếm trên làn da mịn màng, sờ soạng tìm xuống gò tình... "Đừng anh! Thùy sợ..." Thạch thắc mắc, nhưng bàn tay không trở xuống nữa. Môi chàng từ từ dời xuống tham lam mật ngọt... "Ô... ô... ô..." Làn điện xẹt trong không gian, giọng gầm gừ vẳng nhỏ "Ô... ô... ô... Anh... Anh..." *Đời lập từ những đêm hoang sơ. Thanh bình như bóng trưa đơn sơ. Nay đời tan biến trong hư vô, chết đầy từng mồ oán thù, máu xương tơi bời nhiều mùa thu... Người ơi, chiều nao có nắng vàng hiền hòa sưởi ấm nơi nơi? Người ơi...* Môi chàng trượt xuống thung lũng. Leo lên ngọn đồi bên kia đánh thức nhục cảm "Anh... Anh... Ô..." Thân thể trườn lướt trên thịt da nàng, dò dẫm, tìm lối... "Anh... Anh... Anh đừng ở trên mình Thùy lâu... Thùy sợ..." Nhung, mềm, trơn mượt, ấm áp...

Cơn mưa trút xuống thành phố từ từ dịu xuống, những hạt nước lớn nhỏ lại dần thành những giọt mưa lắc rắc.

Thạch nhả khói thuốc lên đỉnh mùng:

- Sao bỗng nhiên Thùy sợ như vậy? Thùy khác xa thời Đà Lạt.

Thạch vuốt ve bờ vai nàng. Thùy nghẹn tiếng:

- Anh biết, sau những lần bạo dâm của chồng Thùy, Thùy còn bụng dạ nào nữa. Anh đã học tâm lý chắc anh hiểu chứ? Với anh Thùy đã hết sức cố gắng, nhưng có những điều vượt quá sức mình... Anh hiểu chứ?

Thạch ghì siết nàng, lòng vô cùng thương xót. Thùy thút thít:

_ Anh biết không, đâu phải hắn chỉ bạo dâm Thùy mà thôi. Hắn còn bắt Thùy khỏa thân cho hắn chụp hình Thùy ở mọi tư thế. Chính những tấm hình này đã giết chết me Thùy... Anh hiểu không? Hắn tống tiền Thùy, hắn tống tiền me Thùy. Hắn lấy tiền đánh bạc và bao các cô vũ nữ. Hắn làm cho sự nghiệp Thùy tan nát, hắn làm cho tài sản Thùy tiêu tan... Anh hiểu không? Me Thùy đã chết rồi!...

Thùy bật khóc ngất ngất. Lòng Thạch quặn thắt, chàng cúi xuống hôn lên mái tóc bất hạnh:

- Anh hiểu. Anh hiểu lắm. Anh hiểu hơn ai hết... Thùy đừng khóc nữa... Nín... nín mất!

Thùy giở gối nằm lấy chiếc khăn tay trắng sịt mũi. Nàng tức tưởi:

- Anh biết không, hắn đã phá hoại đời sống đàn bà của Thùy, hắn làm cho Thùy không thể có con được nữa... Anh biết không... Thùy muốn chết cho rồi... Anh biết không?

Thạch nhỏm dậy gỡ chiếc khăn tay chậm những giọt nước mắt đau thương:

- Nín... nín mất! Anh biết... Anh biết lắm. Thùy đừng có khóc nữa, Thùy càng khóc anh càng mang nặng thêm mặc cảm tội lỗi. Chính anh đã làm tan nát đời Thùy. Chính anh đã cướp mất đời con gái của Thùy. Chính anh...

- Không! Không! Anh không có tội lỗi gì hết. Những gì đã xảy ra ở Đà lạt là do Thùy ưng thuận. Anh đã cho Thùy hai tuần lễ hạnh phúc vẹn toàn. Thùy không hối tiếc gì hết. Anh đừng buộc tội anh. Anh phải hạnh phúc như Thùy khi nhớ lại hai tuần lễ đằm thắm ấy.

Thùy từ từ dịu cơn khóc, nhưng còn hít nhẹ tủi thân. Thạch châm cho mình điếu thuốc khác:

- Thùy nói Thùy không thể có con, chớ thằng Quý là con ai?

- Là con Thùy. Anh ngạc nhiên lắm hở?

- Dĩ nhiên.

Thùy sịt mũi, lấy lại bình tỉnh:

- Quý là đứa con nuôi của Thùy, nhưng Thùy giấu nó. Nó vẫn tin Thùy là mẹ ruột của nó, còn bố nó thì đã chết ở trận đánh An Lộc. Chính Quý là sợi dây ràng buộc Thùy vào cuộc sống này. Còn người đã cứu Thùy thoát chết là một con chó Mực.

- Một con chó Mực?

- Phải! Một đêm Thùy vô cùng tuyệt vọng định nhảy xuống Sài Gòn tự tử thì chợt có tiếng anh gọi tên Thùy, rồi kế đó là con chó mực đến liếm tay và liếm mặt mũi Thùy.

Thạch sửng sốt:

- Anh gọi tên Thùy?

- Phải. Anh gọi tên Thùy từ trong tiềm thức của Thùy, từ trong trí tưởng của Thùy. Còn con Mực là một sinh vật cụ thể, nó níu lấy tay Thùy giữ lại, lưỡi nó mềm ấm. Đến giờ ban đêm thỉnh thoảng Thùy vẫn trở lại đến chờ ở cầu Khánh Hội, nhưng con mực không bao giờ trở lại nữa. Không bao giờ!... Có lẽ nó là hiện thân của một vị Bồ tát không biết chừng, chỉ giáng xuống cứu Thùy một lần rồi thôi. Thôi đối với Thùy, dĩ nhiên. Trên đường tự tử hụt trở về nhà Thùy nhặt được Quý ai bỏ rơi ở đầu hẻm, và nó trở thành nguồn sống của Thùy từ đấy.

Thùy đã nín khóc, hít một hơi thở dài vào lồng ngực:

- Thế còn anh? Cái *Kinh nghiệm hư vô* của anh đến đâu rồi? Anh có còn cảm thấy cô đơn, hốt hoảng và muốn tử hủy hết?

Thạch nhả một hơi thuốc lá khoanh tròn bay lên nóc mùng:

- Trong trại cải tạo đã có lần anh mưu toan cái chết của mình rất kỹ. Nhưng khi đút cổ vào vòng dây và nghe chuông nhà thờ đổ, anh chợt nghĩ tội nghiệp cho Loan biết chừng nào! Loan là đứa con gái út của anh. Chỉ giản dị như vậy thôi, mà màu nhiệm biết mấy! Sau lần đó anh liệng bỏ vòng dây oan nghiệt và tất cả những lon *Giugoz* đựng sỏi của mình. Anh tập cho mình chấp

nhận hiện tại y như Thùy thời đó ở Đà Lạt.

- Anh thấy không, mình đi vòng vo Tam Quốc rồi cũng trở lại khởi điểm. Anh có thấy mình khôn hơn được chút nào chăng?

- Nữa, Thùy lại hỏi anh một câu dễ ợt nữa! Bộ không có chuyện gì vui để làm khác hơn sao?

Thùy mỉm cười:

- Có chứ anh.

Thùy nhỏm dậy cúi xuống cạ môi mình lên môi Thạch, lưỡi ướm thử đầu lưỡi. Nàng thì thào bên tai Thạch:

- Anh làm tình với Thùy đi! Thùy hết sợ rồi...

Thùy vói tay tắt ngọn đèn ở đầu giường, như thuở nào nàng và Thạch sắp làm tình với nhau bên ánh lửa chập chờn của lò sưởi. *Người ơi, chiều nao có nắng vàng hiền hòa sưởi ấm nơi nơi? Người ơi, chiều nao có thu về cho tôi nhặt lá thu rơi? Tình có ghi lên đôi môi, sầu có phai nhòa cuộc đời. Người có thương yêu loài người và yên vui sống cuộc sống vui? Đời êm như tiếng hát của lứa đôi... Đời êm như tiếng hát của lứa đôi...*

*

Tôi kiểm lại hành lý của con tôi. Này áo ấm, này khăn lông, này thực phẩm khô, này cá chà bông, này bánh mặn nhà binh, này những viên đường cục, này bi đông nước ngọt, này những viên thuốc trị ói. Tôi có quên thứ gì không? À còn dầu cù là và thuốc trị tiêu chảy nữa. Như vậy đủ chưa? Tôi nhét vào túi đeo lưng thêm đòn bánh tét vừa hâm nóng. Xem nào, còn thiếu gì nữa? Đôi giày, không. Tăm xỉa răng, không. Vài tấm ảnh, không. Đôi vớ, à đôi vớ. Đèn bấm, phải rồi đèn bấm nhỏ. Con dao tay, không.

Cuối cùng chàng đã nhận lời. Chàng nhận lời dắt con tôi theo. Trước đó chàng nhất quyết con đường vượt biên rất nguy hiểm, chính chàng cũng không dám dắt vợ và đứa con nào theo. Chàng nói nếu may mắn tới bờ và định cư, chàng sẽ xin đoàn tụ gia đình sau. Tôi hết sức năn nỉ chàng mang đứa con tôi theo. Nó là nguồn sống duy nhất của tôi, nhưng ở lại đây nó không có một tương lai nào cả. Vượt biên, may ra. Dù biết rằng nhiều người đã bỏ mạng trong lòng đại dương, nhưng tôi tin tưởng ở Đức Quan Thế Âm Bồ tát. Bồ Tát đã một lần cứu tôi thoát chết. Cả tháng nay tôi tập bơi cho con tôi ráo riết. Tôi biết tôi sẽ không có mặt ở đó để bế nó lên như bảy năm trước đây. Tôi ngó đồng hồ trên vách. Còn hơn một giờ nữa. Trời đã tối. Tôi bước ra cửa ngó chừng rồi trở vào. Rồi bước lộn trở ra, hé cửa nhìn. Tối om. Trở vào, vặn nhạc, tắt nhạc, gặm mấy đầu ngón tay, ngó lên đồng hồ. Kim không nhúc nhích. Bên kia vách có ai ho húng hắng. Trẻ con ré khóc, tiếng quát nạt. Bước trở ra cửa hé nhìn. Một chiếc xe hai bánh vụt qua, mất hút. Mùi xăng khét nghẹt. Mở túi đeo lưng ra kiểm lại. Có chắc không quên món gì không? Thằng bé còn nhỏ quá. Rán tới bờ nghe con. Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát. Có tiếng phanh xe rét rét ngoài đường. Chàng đã tới. Nắm tay con, xách túi đeo lưng mở cửa chạy ra. Chiếc xe rú lên chạy mất.

Chàng đã bỏ rơi con tôi? Đành vậy sao? Tôi thỉu nảo mở cửa dắt con trở vào nhà. Ngó lên đồng hồ. Còn hơn bốn mươi lăm phút nữa mà. Sao gấp gáp quá vậy? Tích tắc, tích tắc, tích tắc...

"Con có đói bụng không?" Đứa nhỏ lắc đầu. "Con có lạnh không?" Đứa nhỏ lắc đầu. "Tới nơi con nhớ biên thư về liền cho me nghe con." Đứa nhỏ gật đầu. Vuốt tóc "Con đừng sợ nghe con, bề gì cũng còn có bác... Lên ghe, nhớ ngồi yên nghe con, đừng có lắc lư, ghe chở nhiều người, nguy hiểm". Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Kiểm lại tượng Phật nhỏ xíu bằng ngà đeo vòng ở cổ con mình. A Di Đà Phật, xin Trời Phật hộ độ con tôi. Có tiếng xe phanh thắng ở đầu đường. Chỗ này cua quẹo, xe nào tới đây cũng đều giảm bớt tốc lực. Vội vã chạy ra. xe không ngừng lại. Thất vọng trở vào, liếc nhìn đồng hồ. Còn hai mươi lăm phút nữa. Ngồi xuống ghế. Đứng dậy. Cắn móng tay. "Ái!". Đà lạt. Tiếng kêu thương ở Đà lạt đêm nào, mười mấy năm trước đây. Ôm đứa nhỏ vào lòng. Không! Đừng khóc. Khóc làm nó sợ hãi. Đứa nhỏ linh cảm điều bất thường, ôm chầm lấy mặt tôi. Hai mẹ con hôn lên má nhau rối rít. Có tiếng chó sủa. Mực! Mực! Phải rồi em Mực đã trở lại. Chạy ra mở cửa ngó. Tối om. Bóng đêm dày đặc. Khép cửa lại trở vào ngồi thừ trên ghế. Trời hỡi!

Thành phố dường như đã chịu phép - chịu đựng luật pháp của những người chủ mới - nín lặng. Còn tôi, tôi không chấp nhận. Nhưng liệu tôi có thể làm được gì để cứu vãn? Và còn biết bao người lính nữa. Họ đã tự sát. Cái chết không phải là một giải pháp, không bao giờ là một giải pháp. Nhưng còn cái sống? Cái sống cận kề, cái sống nóng hổi, cái sống mỗi ngày. Tôi biết sống chăng? Những câu hỏi vô ích trong khoảnh khắc này. Tôi sống. Tôi rán sống cho hết ngày hôm nay. Dĩ vãng tôi đã từng có chàng, tương lai tôi sẽ chỉ còn là kỷ niệm? Không! Không! Tôi phải tiếp tục sống, sống và chấp nhận những gì đời sống đưa đến, vùi dập, nâng niu. Tôi phải... Có tiếng ai đập nhẹ ở cửa. Tôi vội vàng hé mở. Chàng! Cuối cùng chàng đã đến. Chàng ôm chầm lấy tôi. "Xong chưa? Sẵn sàng hết chưa?" Chàng hỏi qua hai cơn thở sốt. Tôi xô chàng ra. "Sẵn sàng hết rồi. Chờ anh ngất ngư luôn!" Tôi đẩy đứa nhỏ vào lòng chàng, tay kia trao túi đeo lưng. "Anh chăm sóc nó. Nó là niềm hy vọng cuối cùng của Thùy". Tôi hôn vội vã lên má chàng "Anh đi bình an. Nhớ viết cho Thùy mấy chữ..." Người đàn ông kéo đứa nhỏ ra đường đẩy vào băng sau chiếc xe *traction* đen nghẹt cứng. Chàng sấn vô, chen chỗ ngồi. Cánh cửa đen đóng sập, bàn tay vẫy. Xe rú lên, vọt mất ở cuối đường.

Tôi đứng lại một mình lặng lẽ bên đường, chết cứng. Đi hết rồi! Trong thành phố này tôi còn lại ai? Tôi bụm mặt. Không, tôi không còn đủ sức để khóc. Tôi thối lui ngồi phịch xuống chiếc ghế thấp kê dưới lùm cây trứng cá. Thần kinh, tay chưn mỏi nhừ... *Chiều buồn len lén tâm tư. Mơ hồ nghe lá thu mưa. Dạt dào tựa những âm xưa thiết tha ngân lên lời xưa...* Tôi cầu mong cho chàng và con tôi tấp được vào một hòn đảo nào đó bình yên. Tôi chỉ mong có vậy. Trước mặt tôi chỉ có vậy, chàng và con tôi tới bến bình yên. Chàng đã

dìu dắt tôi qua một đoạn đường đời ấm cúng, âu yếm, thân mật. Xin cảm ơn chàng. Gặp lại chàng tôi vẫn thiết tha như thuở ban đầu. Chàng nói: "Thùy đã cho quá mức của Thùy". Trong tôi vẫn còn tiềm ẩn nhiều yêu thương. Tôi muốn cho hết, và cho nhiều hơn nữa.

Gió thổi mạnh, tàng cây trứng cá gieo rắt những giọt mưa đêm còn đọng lại trên cành lá. Ngày chàng trở lại tôi chưng hửng, chàng chưng hửng. Tôi những tưởng mình đã chết héo khô từ kiếp nào rồi. Chàng đã đánh thức dậy trong tôi những cảm giác ban đầu. Tôi hồi sinh. Tôi vỗ cánh. Chắc chàng không thể nào tưởng tượng nổi cảm giác đó, cho dù chàng có đọc hết bao nhiêu quyển sách tâm lý đi nữa. Tôi đã gọt bút chì, bình phẩm, nhắc nhở, gợi ý cho chàng. Chàng đã rời tôi đi Paris. Và bây giờ một lần nữa chàng lại xa tôi. Vĩnh viễn? *Lòng cuồng điên vì nhớ. Ôi đâu người, đâu ân tình cũ? Chờ hoài nhau trong mơ nhưng có bao giờ thấy nhau lần nữa?*

Hết rồi! Tôi có cảm tưởng tất cả đã hết rồi. Nhưng tôi còn sống sờ sờ đây mà, làm sao hết được? Mực! Mực! em yêu dấu! Em đâu mất rồi? Hai tay ôm lấy mặt, tôi cố gắng tưởng tượng. Lông nhung mượt, miệng rên ư ử, đuôi vẫy mừng, mắt nhìn thiết tha, lưỡi mềm ấm. Bao nhiêu năm qua tôi đã trở lại dốc cầu đó để mong gặp lại em, như tình nhân ngóng đợi một tình nhân. Tôi trở lại với cảm giác *xa lạ* không còn nữa. Tôi trở lại với cảm giác *hư vô* không còn nữa. Tôi đã biết thương, tôi đã biết yêu, tôi đã biết thiết tha với đời sống. Tôi nghe chàng gọi tên tôi "Thùy! Thùy!", tôi giật mình bật khóc. Rồi em tới liếm những giọt nước mắt của tôi, và tôi đã tỉnh ngộ từ đó. Giờ đây chàng đã ra đi, chỉ còn lại mình tôi, với không gian trống rỗng trước mắt, với tháng năm dài bất tận. *Thời gian tựa cánh chim bay, qua dần những tháng cùng ngày. Còn đâu mùa cũ êm vui? Nhớ thương biết bao giờ nguôi...*

Trời lại sa mưa nhỏ lắc rắc. tôi tưởng tượng cảnh biển động. "Ave Maria. Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Con thành khẩn nguyện cầu, xin tế độ cho đoàn người vượt biển. Cho dù xác thân con tội lỗi, linh hồn con vẫn còn trinh nguyên. A Di Đà Phật. Ave Maria". Cơn gió hắt lên tàng cây trứng cá, nước rơi lộp độp. Tôi vòng nắm cổ tay mình. *Làm gì đây để giải khuây? Nắm tay mới biết mình gầy hơn xưa...* Một chiếc xe hai bánh vụt qua, mùi khói khét nghẹt. Ánh sáng chạy mất, đêm tối bít bùng. Giờ này con tôi đã tới đâu, và chàng đã tới đâu rồi? Cuộc vượt biển sẽ yên lành? Tôi thở dài đứng dậy, hé cửa bước vào nhà, xác thân mệt mỏi, lòng trĩu nặng ê chề...

Tôi trở về cửa cài then gác xép
Giường chiếu mênh mông sầu khép đôi tay
Đếm tuổi thời gian dưới bóng đèn gầy
Soi cô độc nằm tròn trong đáy mắt.

KIỆT TẤN

Trong bài này lời nhạc mượn của Cung Tiến, thơ mượn của ca dao, Cung Oán, Huy Cận, Tạ Ty, Nguyên Sa, Tô Thùy Yên và Thụy Khanh.



TRẦN MỘNG TÚ

tăm cá bóng chim

Người đi - rung nhánh ngọc lan
Vầng trăng đứng đợi xóa tan đêm hè
Cánh chim vỡ thức cơn mê
Tôi u ơ gọi Người về với tôi
Đóa trăng xanh nở ngậm ngùi
Vang vang thiên cổ dụ mời thanh xuân
Người đi - nhánh cỏ bâng khuâng
Tôi ôm nguyệt quế ngỡ vòng gai khô
Như sông ngơ ngác tìm bờ
Đăm đăm tăm cá hững hờ bóng chim
Người đi - gió lộng trong tim
Thổi tôi trăm mảnh đuổi tìm bắt nhau
Chao ôi! mây rối đêm thâu
Xoay nghiêng mặt gối vẫn nhàu bóng trăng

8-92
TRẦN MỘNG TÚ



THẾ DŨNG

viết sau khi xem phim "vincent và theo"

Gay gắt chói mùa đam mê kiệt sức?
Điện trường hoa diên vĩ phóng thần quang!
Quạ đen khiếp rú xanh trời linh giác...
Quằn quại xưa ai khóc lúa chưa vàng?

Ai rượu căng, vú mềm nương tóc xõa?
Mưa đêm lên mắt phượng khỏa thân buồn!
Giấy buốt lạnh nến màu đầy uẩn sắc?
Mặt giang hồ mưa như chém như đâm!

Khát vọng sống bỗng nhiên ghì cò súng!
Non xanh kia tự sát lúc đương thì
Vẽ bằng cả siêu linh và rốt cuộc:
Vinh quang... mà đói rách vẫn lưu ly!

Mùa máu nghẹn! - Theo thành hóa dại!
Không phát điên thì cũng chẳng ra người...
Hà Lan bắn pháo hoa màu Van Gogh!
Dẫu muộn màn. Dù vậy... vẫn hơn không!

Trôi dạt quá! - Thế kỷ này sắp hết...
Đó la bùn hay máu hả Vincent?
Như lá nõn, như suối khuya, như lửa ngọn...
Van Gogh cười tan hết tuyết mùa đông!

Thế cũng đủ? - Còn một tai cũng đã!
Mấy mặt người đấu giá nổi trăm năm?
Chúa không mất, khi ta còn linh ngã,
Cô đơn đi khai quật cõi âm thầm...

Chúa không mất, khi ta còn siêu thức...
Viên giác nhìn... minh triết cuộc trầm luân!
Như nước lũ, sóng lừng, như nham thạch!
Van Gogh từng trò chuyện với phương Đông?

Berlin,
Nhân kỷ niệm 100 năm ngày mất của danh họa Van Gogh

THẾ DŨNG



JORGE LUIS BORGES
NGUYỄN THỊ KHOA PHƯƠNG *chuyển ngữ*

kẻ xâm nhập

Người ta cho rằng câu chuyện này đầu tiên là do.Eduardo kể (tuy không có lý lắm). Eduardo là người em trong hai anh em trai họ Nilsens. Hắn kể lại câu chuyện khi đang canh xác anh mình là Cristián, chết trong giấc ngủ vào thập niên chín mươi* ở quận Morón. Có người nghe một người khác nữa kể lại câu chuyện vào một đêm lê thê mờ ảo qua chén trà maté, rồi truyền lại cho Santiago Dabove, người đã thuật lại cho tôi sau này. Vài năm sau tại Turdera, nơi câu chuyện xảy ra, tôi được nghe câu chuyện một lần nữa, đầy đủ chi tiết hơn, rất sát với nội dung Santiago kể, chỉ khác nhau ở vài chi tiết nhỏ. Tôi muốn dựng lại câu chuyện vì thấy ở trong đó, nếu tôi không nhầm, một phản ảnh bi đát tuy ngắn gọn cái đặc tính của những người đàn ông gai góc vùng biên giới Buenos Aires vào những năm cuối thế kỷ*. Tôi hy vọng mình viết thẳng được vào vấn đề nhưng cũng thấy trước thế nào rồi mình cũng để cho ngòi bút lôi cuốn thêm thắt hay nhấn mạnh hơn một vài chi tiết.

Ở vùng Turdera, nơi họ sinh sống, người ta gọi họ là hai anh em Nilsens. Vị mục sư của vùng kể với tôi rằng người mục sư đời trước có thấy trong nhà hai anh em này một cuốn thánh kinh cũ rách, bìa màu sậm, chữ đen - một điều đáng ngạc nhiên. Vị này thoáng đọc được trên những tờ giấy trắng phần sau cuốn sách những chữ viết tay ghi tên và ngày tháng. Đó là cuốn sách duy nhất trong nhà - cuốn sách lưu động ghi lại những sự việc xảy ra của anh họ Nilsens - đã biến mất, như mọi thứ trên đời một ngày kia rồi cũng sẽ tan biến.

Căn nhà cũ kỹ, mục nát xây bằng gạch đã vữa hồ ra không còn đứng vững nữa; đi qua chiếc cổng hình vòng cung ta có thể thấy một cái sân lót gạch đỏ, tiếp đến là một cái sân nữa lót bằng đất đúc cứng. Dù sao cũng ít ai đặt chân đến đó; anh em nhà Nilsens chỉ dành chỗ ấy cho riêng họ. Họ ngủ trên những chiếc giường nhỏ trong những căn phòng hầu như không có cái gì khác ngoài cái giường. Sự tiêu xài hoang phí của họ dồn cả vào việc mua và nuôi ngựa, áo quần cưỡi ngựa có viền bạc, đoản dao, ăn mặc sang trọng vào tối Chúa nhật, xài tiền thả cửa rồi vướng vào các vụ ẩu đả quanh bàn rượu. Tôi được nghe kể họ cao lớn, tóc dài, màu đỏ hung, gốc Á Căn Đình, có trộn lẫn dòng máu Đan Mạch hay Ái Nhĩ Lan, những xứ mà họ chưa bao giờ biết đến. Dân

trong vùng gờm mặt hai anh em tóc đỏ này; hình như một trong hai người ít nhất đã giết một người làm công của mình. Có lần họ đã sát cánh đánh nhau với cảnh sát. Người ta còn kể rằng người em ẩu đả với Juan Iberra và trận đó hắn đánh khá chiến; vài người biết chuyện cho rằng việc đó nói lên một điều gì khác nữa. Anh em nhà Nilsens làm nghề buôn súc vật, đánh xe ngựa, ăn trộm ngựa và thỉnh thoảng là những tay đánh bạc chuyên nghiệp. Họ nổi tiếng bủn xỉn trừ khi uống rượu vào hay đánh bạc hăng tiết lên. Không ai biết thân nhân họ là ai hay họ từ đâu đến. Họ có một cỗ xe và vài ba con bò.

Dáng dấp và khổ người của họ khác với dân dao búa tai tiếng của vùng Costa Brava. Điều này và có lẽ còn nhiều điều sâu kín khác chúng ta không được rõ, giải thích sự gắn bó mật thiết giữa hai anh em. Gây gỗ với một trong hai người tức là gây gỗ với hai kẻ thù cùng một lúc vậy.

Anh em Nilsens thích rượu chè, tán tỉnh phụ nữ nhưng mãi đến lúc đó sự đùa giỡn tình ái của họ chỉ giới hạn ở những hành lang tối tăm hay các nhà thổ. Mãi đến khi Cristián mang Juliana Burgos về sống với hắn thì người ta bàn tán không biết bao nhiêu là chuyện. Đồng ý rằng mang cô nàng này về hắn có được một người phục dịch, nhưng đồng thời hắn cũng phung phí tiền bạc mua cho cô nhiều thứ nữ trang quái gỡ nhất rồi đem phô trương cô ở các hộp đêm. Ở những hộp đêm tổ chức tại những khu nhà cho thuê này, các điệu nhảy khêu gợi bị cấm đoán nghiêm nhặt. Vào thời đó, những cặp trai gái phải nhảy cách nhau đến cả gang tay. Juliana da ngăm đen, mắt liếc nhìn mọi người, người ta chỉ cần nhìn cô một tí là cô sẽ nhoẻn miệng cười. Ở vùng đất nghèo nàn này, nơi sự đói khổ và đối xử hờ hững làm tiều tụy người phụ nữ, nhưng Juliana thì trông không đến nỗi tệ lắm.

Lúc đầu Eduardo đi chơi chung với họ. Nhưng sau đó hắn có việc phải lên phía Bắc tới vùng Arrecifes, khi về mang theo một cô gái nhặt được đâu đó trên đường đi. Nhưng chỉ vài ngày sau hắn tống khứ cô đi ngay. Hắn trở nên cau có, uống rượu một mình ở cái quán rượu góc đường và không nói năng gì với ai cả. Hắn đã yêu người đàn bà của Cristián. Hàng xóm, có lẽ đã biết mọi chuyện trước cả hắn, khoái chí mong ngóng sự hiềm thù sắp bùng nổ giữa hai anh em.

Một buổi tối đã khuya, từ quán rượu về, Eduardo nhìn thấy ngựa của Cristián, con ngựa nâu loại lớn đã được thắng cương sẵn sàng ở cột. Trong sân anh hắn đã ăn mặc chỉnh tề cho ngày Chúa nhật. Người đàn bà chạy ra chạy vào phụ dịch trà maté. Cristián bảo Eduardo, "Anh đến nhà Fariás đây, đang có tiệc ở đấy. Juliana ở nhà với mày, nếu mày muốn nó, cứ xài".

Giọng hắn nửa như ra lịnh, nửa thân mật. Eduardo đứng đấy nhìn hắn chằm chặp, không biết phải làm gì. Cristián đứng dậy, chào tạm biệt - với em hắn, chứ không phải với Juliana, người đối với hắn không khác gì một món đồ - rồi leo lên ngựa, thúc nhẹ vào mông con vật, phi chậm rãi.

Từ đêm đó trở đi họ thay phiên nhau sử dụng Juliana. Không ai biết được chi tiết sự chia xẻ kỳ lạ này. Bởi nó xúc phạm đến đạo đức mà dân vùng Costa

Brava tin tưởng. Giải pháp được hai anh em tiến hành tốt đẹp vài tuần lễ nhưng rồi không kéo dài lâu hơn được nữa. Khi hai anh em nói chuyện với nhau họ không hề đề cập đến tên Juliana, cũng không cho gọi nàng tham dự, nhưng họ cứ tìm kiếm lý do để bất hòa với nhau. Họ cãi nhau về chuyện bán da thú nhưng thật ra gây nhau về chuyện khác. Cristián hay to tiếng trong lúc Eduardo thường giữ im lặng. Họ trở nên canh chừng lẫn nhau mà không biết. Trong cái vùng nhiễu nhương này, không ai dám công nhận với ai - ngay cả với chính mình - rằng một người đàn bà có thể gây ra cho đàn ông một cái gì vượt hơn cả sự ham muốn xác thịt và chiếm hữu, người ta chỉ nói là hai anh em đang yêu. Điều này dẫu sao cũng làm cho cả hai xấu hổ.

Một buổi chiều ở công trường Lomas, Eduardo tình cờ gặp Juan Iberra. Hắn chúc mừng Eduardo đã chiếm được người đẹp. Tôi nghĩ rằng lúc đó Eduardo đã nhào vào cho Juan một trận. Không ai được quyền chế giễu Cristián trước mặt hắn.

Người đàn bà phục vụ những đòi hỏi của hai người đàn ông với sự phục tùng của một con thú, nhưng nàng không giấu được sự ưa chuộng hơn của mình dành cho người em, người đã tỏ ra không ngại chuyện chia xẻ nàng với người anh.

Một bữa kia hai anh em bảo Juliana đem ghế ra sân cho họ ngồi và yêu cầu nàng lánh mặt đi một lúc vì họ có chuyện cần nói với nhau. Nàng nằm ngủ một lát vì nghĩ rằng họ sẽ bàn chuyện lâu, nhưng chỉ một lúc sau họ đã thức nàng dậy. Họ bảo nàng bỏ hết đồ đạc của nàng vào túi, kể cả xâu chuỗi hạt thủy tinh và cái thánh giá bé tí mẹ nàng để lại cho nàng. Họ đẩy nàng vào cỗ xe bò không một lời giải thích rồi bắt đầu một chuyến đi dài, mệt nhọc và im lặng. Trời mưa, con đường lầy lội, mãi gần đến sáng họ mới tới gần được Morón. Họ bán nàng cho bà chủ một nhà thổ. Giá cả xong, Cristián cho tiền vào túi, sau đó chia cho em hắn.

Trở về Turdera, hai anh em lâu nay vướng vào cái lưới tình quái gỡ kia (lại là chuyện xảy ra đều đặn hàng ngày) mong gắng gỗ trở lại đời sống cũ với đám đàn ông. Họ lại chơi bài, đấu gà, uống rượu tối thứ bảy. Có lẽ thỉnh thoảng họ cũng cảm thấy rằng họ đã được thoát nạn, nhưng rồi lại để mình thường xuyên bị lôi cuốn vào rất nhiều buổi vắng nhà, nhiều không đếm xuể - mạnh ai nấy đi. Được chưa đầy một năm, cậu em bảo hắn có chuyện cần xuống phố. Cristián lập tức đi thẳng tới Morón; hắn nhận ra con ngựa đốm của Eduardo ở chỗ cột ngựa của nhà thổ. Cristian bước vào; rõ ràng cậu em đang ngồi đợi đến phiên mình. Người ta kể Cristián đã bảo em hắn: "Nếu cứ tiếp tục như vầy, ngựa chúng ta sẽ kiệt sức. Tốt hơn nên đem con nhỏ trở lại nhà".

Cristián nói chuyện với bà chủ điếm, lôi một nắm tiền trong thắt lưng ra trả rồi đưa cô gái đi. Juliana cỡi ngựa chung với Cristián. Eduardo vì không muốn thấy họ với nhau, thúc ngựa bỏ chạy trước.

Họ trở lại đời sống cũ. Giải pháp của họ thất bại vì họ đã lừa gạt nhau. Vị thần Cain** đang lộng hành, nhưng họ lại rất thương nhau - có ai biết được họ đã cùng trải qua bao nhiêu nguy hiểm khó khăn! - họ bèn trút những ghen tức của họ lên người khác, lên người lạ, chó mèo, lên Juliana, người đã đặt một cái chắn ngang giữa hai anh em họ.

Sắp hết tháng ba mà chưa có dấu hiệu trời ấm hơn. Một chiều Chúa nhật (Chúa nhật người ta đi ngủ sớm) Eduardo từ quán rượu góc đường trở về đã thấy Cristián cột sẵn cổ xe bò. Cristián bảo em: "Nhanh lên, mình phải đi giao da thú cho Pardo. Anh đã cho hết lên xe rồi; nên lợi dụng không khí tốt lành của buổi tối".

Tôi nghĩ rằng nhà kho của Pardo rất xa, ở phía Nam. Họ theo lối mòn dành cho xe bò sau đó chuyển qua con đường phụ. Đêm xuống vùng quê tưởng như càng lúc càng dày rộng.

Họ đi dọc theo những lùm sậy mọc cao; Cristián quăng điếu xì gà mới châm lửa rồi nói giọng đều đều: "Ta bắt tay vào việc đi, lát nữa lũ diều hâu sẽ tới đây thanh toán. Hồi chiều anh đã giết con nhỏ rồi. Để nó ở đây với các nữ trang của nó, nó sẽ không gây thêm nguy hại gì cho chúng ta nữa".

Họ quàng vai nhau, gần muốn khóc. Lúc này một mối ràng buộc mới nối họ với nhau - người đàn bà họ đã giết một cách tàn nhẫn, và cái nhu cầu quên cô ta đi của cả hai người.

JORGE LUIS BORGES

** Thập niên 1890*
*** Cain là con trai của Adam đã vì ghen tức giết em trai mình*





NGUYỄN MẠNH TRINH

gõ ở bên kia ngực trái

gõ gần cận gõ cách xa
tay lông măng mọc chẳng thà hư không
mớm nhau con két con nhồng
thuở lột lưỡi rủ nhau hôn tồng ngồng
gõ vồng ngực gõ gót chân
trong chỗ kín thấy lột trần bớt son
tim rướm cong chỗ mỏi mòn
kéo cưa lừa xẻ chập chờn vòng quay
gõ chiều hôm gõ rạng ngày
bếp hỏa táng khói tro bay mịt mù
mùi tóc xõa đĩa dầu lu
câu nam ai vẳng tình thù lả lơi
gõ tâm thất gõ miệng lời
thịt hoang trống gợn nửa vời sân si
tàn phai cửa mắt ôm ghì
bấc sương cũ bước chân đi bến ngoài.

Tháng 9, 1992.
NGUYỄN MẠNH TRINH



BÙI VĨNH PHÚC

tô thùy yên: thơ, như một vinh dự lầm than của kiếp người*

Biểu dương - hãy biểu dương cùng tận
Vinh dự lầm than của kiếp người
Hy hữu một lần trên trái đất
Và rồi tất cả sẽ nguôi ngoai.
TTY

Tô Thùy Yên là một giọng thơ đặc thù, có một, và vô cùng u hiển của nền thi ca Việt Nam trong dòng văn học miền Nam kể từ *Sáng Tạo*.

Từ cuối thập niên năm mươi cho đến thời điểm bị cắt đứt 1975, dòng thi ca miền Nam Việt Nam không phải là không thấy nổi bật lên những khuôn mặt khôi ngô của thơ, những tiếng nói mới lạ của tình cảm, của cảm xúc, của trí tuệ; không phải là nó không thấy rạo rực lên trong chính thân xác và tâm hồn mình cái thiết tha và sự sống của thời đại. Mà không phải chỉ ở Việt Nam, nơi các luồng ý thức hệ trái chiều đã dùng làm địa bàn để thử nghiệm những con toán suy tư của mình, nơi những con sóng của các triều nước lý trí, dâng lên từ phương Tây và từ châu Mỹ, thỉnh thoảng hắt lên trên mặt đất này những lượng nước cuối mùa từ cái dòng trào của nó, con người nói chung, ở Việt Nam cũng như ở khắp nơi trên thế giới, nơi ánh sáng của văn minh nhân loại vẫn còn có cơ hội soi rọi đến, trong những thập niên 50, 60 và 70, đều đã tìm thấy cho mình một hơi thở mới, một tiếng nói mới, một cái nhìn mới về đời sống. Hơi thở ấy đẩy người ta đi vào cuộc sống mỗi ngày với một thái độ dấn thân và tha thiết hơn. Cái nhìn ấy đem vào nhãn giới con người những gì đã trượt ra khỏi tầm nhìn của nó ở những thế hệ trước, vì lý do này hay lý do khác. Và tiếng nói mới mà con người tìm được trong thời đại này đã giúp cho nó tìm xuống những chiều sâu mới của chính tâm hồn mình, dẫn nó đi qua những bậc đá trắng và lạnh của ngôi đền thâm u, kỳ bí, có khi in đậm hình bóng rêu rong của kinh hoàng, khủng khiếp, nhưng cũng có khi ứ đầy và chói sáng ánh mặt trời khiết bạch. Ngôi đền này chính là trái tim con người. Trái tim ấy bóp và đập, bóp và đập, nhưng trong từng giây phút, qua chính những nhịp bóp và đập ấy, nó để nở vào đời sống muôn vàn đóa hoa bí nhiệm làm nên cuộc đời của mỗi con người. Và làm nên cuộc sống của nhân loại.

Nhà thơ là người nhìn vào được trái tim của những đóa hoa bí nhiệm ấy.

Thơ, chẳng phải chỉ là những cửa ngõ để nhìn vào trái tim, mà thường khi, nó chính là trái tim. Nó là ngôi đền thâm u kia. Và nó cũng chính là những đóa hoa bí nhiệm của đời sống.

Tô Thùy Yên là một nhà thơ Việt Nam lớn lên trong cái bối cảnh tinh thần ấy của con người thế kỷ. Ông đã nhận chịu và đã kế thừa cái gia sản chung của nhân loại trong suy nghĩ và trong tiếng nói của mình. Nhưng trong tiến trình sống và phát triển, trong khi học hỏi và chia sẻ những kinh nghiệm chung của nhân loại, ông còn có được những kinh nghiệm riêng của chính mình. Những kinh nghiệm riêng này của Tô Thùy Yên là những kinh nghiệm của một con người nói riêng, mang cá tính độc nhất như bất cứ một con người nào trên thế gian; đồng thời, chúng còn là những kinh nghiệm của một nhà thơ, và của một nhà thơ Việt Nam, trong bối cảnh lịch sử Việt Nam lồng vào khung cảnh lịch sử của thế giới trong một giai đoạn nhất định của lịch sử con người. Bởi thế, những kinh nghiệm ấy trở nên hết sức đặc thù đến nỗi chúng gần như được chọn lựa để trao ban.

Sự trao ban ấy thật là kinh khủng. Bởi lẽ, kẻ nhận chịu sự trao ban ấy sẽ phải sống những kinh nghiệm của hắn. Sống không, chưa đủ. Phải viết lên, phải nói ra, phải tàn rụng đi vì những đau khổ và phải tái sinh để tiếp tục sống những đau khổ ấy. Và chứng minh rằng đau khổ xác định và *bừng hóa* những giá trị con người.

Tô Thùy Yên là kẻ được chọn. Cũng là kẻ được trao ban. Và như một con người Việt Nam, ông đã sống vượt lên và vượt qua, trong một nghĩa nào đó, những kinh nghiệm, những cảm xúc và những suy tư của con người thời đại nói chung. Những giọt nước của trí tuệ và cảm xúc, hắt lên phần đất Việt Nam, nơi những con sóng dâng lên từ Tây Phương và Âu Mỹ kia, ông có tiếp nhận. Ông kinh nghiệm được cái sức sống và hơi mát trong sự tiếp nhận ấy. Nhưng cuộc đời của một con người Việt Nam, đặc biệt của một nhà thơ Việt Nam, như Tô Thùy Yên, đã đẩy ông chạm mặt với sự đau khổ và cô đơn ngay trong tình yêu, chạm mặt với chiến tranh, với cái chết, với cái bao la rờn rợn mang mang của vũ trụ đang đè lên kiếp sống mỏng manh, heo hắt, chỉ chợt loé tàn của kiếp người. Cái siêu hình ấy chụp bắt lấy nhà thơ và đẩy hắn trở về đối mặt với chính nó trong cõi con người. Ở đó, hắn lớn lên. Hắn trở thành lớn lao. Nhưng khốn khổ.

Ta lớn lao và ta cô đơn

PHONG CÁCH CỦA TÔ THÙY YÊN QUA NGÔN NGỮ VÀ HÌNH ẢNH

Để hiểu được thế giới thơ của Tô Thùy Yên, có lẽ, trước hết, ta phải nói về cái tính chất độc đáo và kỳ lạ, ẩn chứa sôi sục như chỉ muốn lớn lên, tràn ra, trào ra, thoát ra nơi những hình ảnh và cảm xúc của Tô Thùy Yên. Đây là một thú ngôn ngữ đầy chất u hiển. Nó sáng, nó cháy, nó lập lòe như lân tinh

trong những đêm tối quỷ ma nào đó của trần gian, hay trong những mộ dịa âm u nào đó nơi những vùng nước sâu, ngầm ngầm, thủy tận. Nó hô hấp và nó triển sinh trong cô đơn và đau khổ. Nó lập lòe và thấp thoáng trong cõi siêu hình. Nó nghi ngút như những đợt khói mỏng manh bay dài suốt cõi thời gian trắng vô âm. Và nó hiển lộng giữa chúng ta, rạo rực, như một mùa hè. *Mùa hè cọ xát điên kim loại.*

Tại sao lại có một thứ ngôn ngữ kỳ lạ đến như thế?

Để trả lời cho câu hỏi này, ta phải nói qua một chút về đặc tính của ngôn ngữ con người. Ngôn ngữ của con người, trên căn bản, là một hệ thống ký hiệu được dùng với mục đích chính là để trao truyền và gởi đến nhau những lượng thông tin nào đó, giúp cho con người giao tiếp, tồn tại và phát triển. Theo Roman Jakobson, hai thao tác chính trong sự nói năng của con người là *chọn lựa* và *kết hợp*. Thao tác chọn lựa căn cứ trên một khả năng của ngôn ngữ: các đơn vị ngôn ngữ có thể được dùng thay thế cho nhau nhờ vào tính chất giống nhau hay tương đương, tương đồng của chúng. Còn thao tác kết hợp thì lại dựa trên một khả năng khác của ngôn ngữ con người: các yếu tố ngôn ngữ có thể đặt bên cạnh nhau nhờ vào mối quan hệ gần gũi hoặc giáp cận giữa chúng. Tùy vào những ngữ cảnh khác nhau, sự kết hợp sẽ trở nên biến hóa không ngừng để cho câu nói hay lời phát biểu được trở nên thích hợp với hoàn cảnh của lời nói và của những con người tham dự vào hoạt động nói năng.

Để làm rõ tính chất của thao tác chọn lựa, ta có thể lấy ví dụ sau đây để phân tích. Trong câu nói bình thường *Tôi đi đây* thì từ *đi* có một loạt các yếu tố tương đương của nó như *lên đường, vù, dọt, chuồn, chẩu, tếch, de, tẩu, thăng*... Mỗi từ tương đương này mang trong nó một giá trị biểu cảm khác biệt. Mặc dù chúng chia sẻ với nhau một điểm chung là ý *ra đi*, những yếu tố này khác nhau ở những khía cạnh như: trang trọng/không trang trọng, thân mật/không thân mật, nghịch ngợm/không nghịch ngợm, tiếng lóng/không phải tiếng lóng... Ta có thể thay thế được yếu tố này với yếu tố kia, nhưng, như một con người lớn lên trong một khung cảnh văn hóa nhất định, chúng ta sử dụng thao tác chọn lựa này một cách rất nhuần nhuyễn và gần như nó chỉ xuất hiện ở tầng tiềm thức hay hạ ý thức của ta. Khi nói năng bằng ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta không phải chăm chăm lo lắng trong cách chọn lựa, sử dụng những từ, những yếu tố giống nhau trong những sinh hoạt bình thường. Ta lái chiếc xe ngôn ngữ một cách thoải mái mà không cần phải chăm chăm nắm chặt lấy "ghi đông" (tay lái), không cần phải lúc nào cũng sẵn sàng bóp thắng, hoặc phải để ý đến bàn đạp, đến sự thăng bằng của chiếc xe.

Trước khi ta chọn lựa để nói *đi* (hay nói *vù, chuồn, thăng, dọt*...), trong đầu ta nằm tản mạn và im lìm những con chữ, những con ý niệm tương cận, như ta vừa thử liệt kê ở trên. Nhưng khi ngôn ngữ đến lúc cần phải được nói ra, một từ thức dậy sẽ lôi cuốn theo nó một loạt những từ khác. Những con chữ,

những con ý niệm bây giờ lăng xăng chạy nhảy, đòi được cất lên tiếng nói. Cái đầu, trung tâm ban phát lệnh lên đường của tư tưởng và chữ nghĩa, lúc ấy, sẽ làm nhiệm vụ chọn lựa. Rất nhanh và tích tắc. Như là sự chọn lựa không hề từng xảy ra.

Nhưng ngoài công việc chọn lựa trên, ta còn phải thực hiện công việc kết hợp. Chính những hoàn cảnh nói năng (ngữ cảnh) sẽ bắt ta làm công việc này. Thưa chuyện với các bậc trưởng thượng, phụ mẫu để xin phép ra đi, ta sẽ nói đại khái, "Thưa bác (thưa bố, thưa mẹ), mai con xin phép *lên đường*". Chắc không ai lại nói, "Thưa bác, mai con xin phép *thăng (chẩu, chuồn, dọt, tếch, tẩu, de, vù...*)". Cũng không ai nghiêm trang nói, "Thưa bác, mai con xin phép *lên đường* (và xin được chú thích cẩn thận với bác là *lên đường* ở đây có nghĩa trang trọng, kính cẩn, không thân mật lắm mà cũng không thời đại, không nghịch ngợm, không *slang* không *hip*... Xin bác lưu ý là cách dùng chữ *lên đường* của cháu ở đây là cẩn thận và đúng trong vị trí của cháu để thưa chuyện với bác, vân vân và vân vân...)". Tất cả mọi người tham dự vào những hoạt động nói năng, tùy theo ngữ cảnh (context), sẽ hiểu được ý tứ của nhau. Không ai lại phải làm cái công việc phân giải và chú thích lằng nhằng như thế.

Hai người bạn già đầy chất nho phong chúc nhau lên đường bình an có thể nói, "Chúc bác *thượng lộ* bình an". Dù *thượng lộ* có những yếu tố tương đương, ở những mức độ khác nhau của chúng, với *vù, chẩu, de, tẩu, thăng, chuồn, dọt, tếch*..., một nhà nho nghiêm cẩn, tiễn bạn, chẳng thể nào lại có thể nói, "Chúc bác *de* (hay *vù, chẩu, thăng, chuồn, dọt, tếch...)* bình an". Chính sự kết hợp của các từ ngữ trong một câu văn làm cho ta hiểu được ngữ cảnh, cái không khí bao trùm nó. Và ngược lại, cái ngữ cảnh, cái không khí bao trùm hành động nói năng lại qui định sự chọn lựa và kết hợp các từ đứng bên nhau. Trong thí dụ ở đoạn trên, các từ *thưa, bác* và *con* qui định sự chọn lựa và kết hợp của từ *lên đường* (một từ thích hợp trong ngữ cảnh) trong chuỗi *ngữ lưu* của câu nói này. Một người thạo ăn nói hay một độc giả thạo đọc văn có thể tiến lui thoải mái với kinh nghiệm giao tiếp và đọc sách của mình. Ngôn ngữ là một hệ thống dùng âm thanh như những ký hiệu để giao tiếp. Muốn cho hệ thống này hoạt động hữu hiệu, những âm thanh phải có ý nghĩa. Nhưng âm thanh, tự chúng, khốn nỗi, lại chẳng có ý nghĩa gì. Tình trạng này đã được con người khắc phục một cách hết sức độc đáo bằng cách sử dụng hai thao tác chọn lựa và kết hợp mà ta đã thử xét ở trên, sau khi đã, một cách chấp định, gán ghép ý nghĩa cho những từ trong các hệ thống ngôn ngữ mà nó có. Con người, như Jakobson nhìn ra, trong cái chiến thắng vẻ vang và kỳ diệu của nó, đã dùng âm thanh để cấp phát ý nghĩa ngay cho chính âm thanh. Đây là một sự khắc phục hết sức kỳ diệu của con người, (1)

Từ chiến thắng này của con người nói chung, ta trở lại với Tô Thùy Yên. Để thấy rằng người thi sĩ này đã tìm đến sự vinh thắng qua những tác phẩm của mình, hình như, bằng một con đường ngược lại.

*

Nói rằng Tô Thùy Yên đã làm cho thơ của ông trở nên độc đáo bằng cách sử dụng một con đường ngược lại với con đường đưa đến sự chiến thắng của nhân loại nói chung trong việc sử dụng ngôn ngữ để bày tỏ những tình ý của mình, thoạt tiên, nghe ra có vẻ hồ đồ và nghịch lý. Là một nhà thơ lớn, ông hẳn phải hiểu rõ giá trị của ngôn ngữ và cách sử dụng nó. Dĩ nhiên, ông hiểu là ông sẽ phải kế thừa cái di sản về khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người nói chung, cái di sản phần lớn đã giúp cho con người sau khi đứng thẳng dậy như một *homo erectus*, trở nên một *homo sapiens*, từ đó, giúp nó chinh phục trái đất. Cái di sản này được để lại trong chữ nghĩa và trong cái cách để sử dụng nó.

Tô Thùy Yên đã trân trọng và hãnh diện nhận lãnh cái di sản đó nơi nhân loại, nói chung, và nơi tổ tiên của chúng ta, nói riêng. Ông nhận, ông kế thừa, và ông đi thêm một bước mới. Những thi sĩ có tài của thế giới cũng đã đi theo con đường đó. Họ nhận lãnh và họ đóng góp. Vậy, cái đóng góp của Tô Thùy Yên, cái đóng góp mà tôi cho rằng đã đi ngược lại với con đường dẫn đến chiến thắng của con người trong việc khắc phục và làm chủ ngôn ngữ, đó là gì?

Câu trả lời của tôi là: một trong những đặc sắc của ngôn ngữ thơ Tô Thùy Yên, và là điểm nổi bật nhất, tạo nên phong cách một nhà thơ lớn nơi ông, chính là cách ông sử dụng hai thao tác chọn lựa và kết hợp của chữ nghĩa. Sự chọn lựa và kết hợp này của Tô Thùy Yên không những làm cho chữ nghĩa, lời thơ của thi sĩ trở nên đặc biệt, kỳ lạ và kỳ diệu, tách thoát khỏi ngôn ngữ thơ - tức là một thứ ngôn ngữ đã được nghiền ngẫm, nung cất, ngâm tẩm, hong phơi - của những nhà thơ trước và sau ông, mà còn làm cho nó trở nên lấp lánh đầy hình ảnh. Những hình ảnh kỳ lạ, bất ngờ và đầy tính sáng tạo.

Nói như thế không có nghĩa là bảo thơ Tô Thùy Yên không có tư tưởng mà chỉ có sự sắp xếp, sự kết hợp khác lạ của một số từ ngữ. Thật ra thơ Tô Thùy Yên cũng đầy chất tư tưởng. Ta sẽ xét đến những điều ấy ở những đoạn sau của bài tiểu luận này. Nhưng, điều mà tôi muốn nói, trước hết, ở đây, vì tính chất bao trùm và vì ảnh hưởng mãnh liệt của nó lên toàn bộ sự nghiệp thi ca của Tô Thùy Yên, khiến nó là cái chỉ có một, và khiến nó mở ra một cửa ngõ mới cho thi ca nói chung, là phong cách chọn lựa từ, ngữ nơi ông, và từ sự chọn lựa đó, Tô Thùy Yên kết hợp chúng lại với nhau theo một phong cách của riêng ông. Và trong sự nhận xét của tôi, cả hai sự chọn lựa và kết hợp này của Tô Thùy Yên đều rất khác với chúng ta, là những người bình thường nói chung, đồng thời, cũng rất khác với những nhà thơ Việt Nam trước và sau ông. Từ phong cách đó, thơ Tô Thùy Yên chứa đầy những hình ảnh và ngôn ngữ mới lạ, cấp cho chúng ta một cái nhìn mới mẻ, bất ngờ và hết sức phong phú về đời sống, về ngoại giới, về vũ trụ, về nhân sinh, và về nội giới của chính con người nhà thơ.

*

Khuôn mặt em thì để khóc. Khóc đi em (Phương)

Khi khuôn mặt không là để được nhìn ngắm, chiêm ngưỡng, khi nó được sử dụng như một đồ vật, một dụng cụ, để làm một cái gì đó, có tính cách thực tiễn, ích lợi, như chiếc búa dùng để đóng đinh, cái súng dùng để bắn, cái áo mưa dùng để mặc khi trời mưa, cái ô dùng để che đầu... thì không phải chỉ khuôn mặt của một người con gái tên Phương trong bài thơ bị bóp méo và bị vặn tách ra khỏi cái toàn thể hữu cơ bình thường và đáng trân trọng là nhân dáng nơi một con người, nói chung, nơi một người con gái, nói riêng, mà cả nhân loại bị tổn thương, bị xúc phạm từ một sự đau khổ, xót xa riêng biệt của thân phận một con người tên Phương.

Khuôn mặt là một danh từ, nhưng nó là một từ nằm trong một phạm trù khác biệt hẳn với những danh từ như *búa, kìm, đục, phễu, súng, áo, quần, chìa khóa, nhà, cửa, bàn, ghế*... Những từ như vừa kể có thể được dùng cho một mục đích cụ thể nào đó, như chìa khóa (dùng) để mở cửa, ghế để ngồi... Khi nói "khuôn mặt em thì để khóc", nhà thơ đã cố tình chọn lựa một sự kết hợp sai vềmặt ngữnghĩa và ngữ pháp để diễn tả sự xót xa, đau khổ của mình trước đối tượng đáng thương xót được diễn tả là người con gái. Ngoài ra, còn có sự cay đắng và chia sẻ ở đây. Cay đắng với những hoàn cảnh đời và chia sẻ sự khổ đau với những con người yếu đuối, khốn cùng, khốn khổ.

Trong Việt ngữ, những mệnh đề như *ghế để ngồi, nhà để ở*, v.v... được dùng như những câu đơn hoàn chỉnh. *Để*, ở đây, được dùng như một động từ [như *is (used)* trong *The chair is (used) to sit on] (2). Ngồi* được dùng như một cụm từ , một ngữ (phrase) để chỉ cách thế mà con người sử dụng cái ghế. [*To sit on* có thể được xem như một *infinitive phrase*, dùng như một trạng từ (adverbial phrase), để chỉ cái cách dùng chiếc ghế]. Bởi thế, chưa xét đến mặt nghịch lý của phạm trù danh từ được sử dụng mà ta đã thử phân tích, ngữ pháp Việt bình thường chỉ khuyến khích ta nói, *Khuôn mặt em để khóc* (không cần động từ *thì* chen vào). Khi Tô Thùy Yên thốt lên: "Khuôn mặt em *thì* để khóc. Khóc đi em." ta thấy ngay được sự nhấn mạnh đến nét nghịch lý của đời sống, đến sự cay đắng, xót xa, đau khổ của Tô Thùy Yên dành cho người con gái, đến sự bất lực và chảy máu của chính thi sĩ, đến cái thân phận khốn khổ chung của con người.

Bài "Phương" mở đầu bằng *Khuôn mặt em thì để khóc. Khóc đi em* và kết bằng những câu đau khổ và thiết tha này: *Có thể nào em lành bệnh, lấy chồng và hạnh phúc không em? Có thể nào guồng máy xưởng cưa ngừng lại? Anh mời em ngày đám cưới anh đến dự cùng chồng và cháu bé, về sau kết nghĩa sui gia, đau khổ nhân lên. Cuộc đời, cuộc đời, bis, bis. Khóc đi em.*

Đó là cách nói của nhà thơ. Cách nói nghịch lý ấy đưa đến phong cách Tô Thùy Yên. Và nói đến phong cách, là nói đến các kiểu lựa chọn, kết hợp và giá trị biểu cảm của các kiểu lựa chọn và kết hợp ấy. Về mặt văn học, phong cách là một cấu trúc hữu cơ của tất cả các kiểu lựa chọn từ ngữ tiêu biểu, có một giá trị đặc thù, giúp cho ta nhận diện một thể loại, một tác phẩm hay

một tác giả. Chúng ta không thể lộn được thơ Tô Thùy Yên với thơ của bất cứ một người nào khác.

Trong bài *Em Nhỏ, Làm Chi Chim Biển Bắc*, Tô Thùy Yên viết:

Cửa thần phù dựng trường sơn sóng
Mỗi ngọn xô chìm một giấc mơ

Trong câu đầu, ý của ta thấy được là một cửa biển (cửa biển của tâm hồn, của đời sống, của cuộc lữ này?) dựng sóng cao ngất như ngọn (dãy) trường sơn. Nhưng khi chọn kết hợp *dựng trường sơn sóng* thay cho *dựng sóng trường sơn*, Tô Thùy Yên cho đẩy vào nhãn trường của người đọc một cận ảnh của trường sơn làm bằng sóng nước trập trùng, trùm lấp lấy chúng ta và xô chìm đi những giấc mơ bé nhỏ và thiểu não nhưng hết sức thiết tha của con người. Còn cách nào nói được hơn thế?

Trường sơn, một danh từ được dùng như tính từ, đứng trước và chỉ định một danh từ khác, ở đây là *sóng*, là một lối nói đặc biệt, không Việt Nam (3). Chính vì ý thức được tính cách không mấy quen thuộc và không mòn nhẵn ấy (chứ không phải vì tinh thần ngoại lai) của một loại ngữ phápgiống như ngữ phápcủa tiếng Hán hay Âu Mỹ này mà Tô Thùy Yên đã đưa nó vào thế giới thơ của mình và tạo nên được những tác dụng thẩm mỹ rõ rệt. Cách dùng này có thể được tìm thấy khá nhiều trong thơ ông. Ta có thể kể:

Những người thuở trước như là mộng
Diễm tuyệt dung nhan *thảo mộc sầu*
(Và Rồi Tất Cả Sẽ Nguôi Ngoai)

Lờn rờn bóng lá *đong đưa nắng*
Thảm thiết dây leo *quấn quít cây*
(Tưởng Tượng Ta Về Nơi Bản Trạch)

Trường Sa! Trường Sa đảo chuếnh choáng
Thăm thẳm sầu vây *trắng bốn bề*
(Trường Sa Hành)

Mặt trời chiều rã **rưng rưng biển**
Vầng khói chim đen **thảng thốt quần**
(Trường Sa Hành)

Tung ra khắp bãi thời gian rộng
Lượn lượn ưu tư *khốc liệt rền*
(Mòn Gót Chân Sương Nắng Tháng Năm)

Trời cao mỏi mắt, chòm mây bạc
Thăm thẳm trưa, *thời gian chết xanh*
(Vườn Hạ)

Nằm đây phủ sáng **hằng hà sao**
Nghe thủy triều lui **bậc bậc sầu**
Nghe tiếng mõ chùa khô khốc khóc
U minh ngày tháng *bóng lao đao*
(Vườn Hạ)

Một trong những biện pháp làm cho thơ Tô Thùy Yên nổi bật lên, và làm cho hình ảnh thơ ông dính mãi vào tâm trí chúng ta như một ám ảnh đeo đuổi đời đời, là cung cách sử dụng tính từ (hay danh từ dùng làm tính từ) và trạng từ của ông. Cách sử dụng những tính từ và trạng từ này, trong lời nói, trong cách suy nghĩ hằng ngày, người ta không thể chấp nhận [vì nói như thế cũng như nói "Thưa bác, con *thăng*" (hay *de, chuồn, tẩu...*)]. Nhưng Tô Thùy Yên đã chọn lựa và kết hợp chúng lại với nhau một cách tài tình, sắc nét và mạnh mẽ. Ta thử xét các câu sau:

Biển Bắc tuyệt mù con nhạn lạc
Thời gian **mất trí** *trắng* **vô âm**
(Mòn Gót Chân...)

Đò **nghẹn** *đoàn quân xa tiếp viện*
Mưa lâu trời **mốc** *buồn* **hôi** *xưa*
(Qua Sông)

Hừng đông **hùng vĩ** *và* **thanh thản**
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say
Ta dậy khi gà **truyền nhiễm gáy**
Chân mây rách đỏ vết thương dài
(Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ)

Dòng sông **u hiển** *trôi vô lượng*
Dòng sông **hiền triết** *chảy vô tâm*
Mà ta ngưỡng vọng như sư phụ
Mà ta thân thiết tựa tri âm
(Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ)

Còn lại chăng chút u hoài **mốc**
Pha cùng rượu uống đến say thua
(Hề, Ta...)

San hô mọc tủa thêm cành nhánh
Những nỗi niềm kia cũng **mãn khai**
Thời gian kết đá **mốc u tịch**

Ta lấy làm bia tưởng niệm Người
(Trường Sa Hành)

Những thí dụ vừa kể chỉ là một số những biện pháp mà Tô Thùy Yên đã sử dụng để bật sáng ngôn ngữ của mình và ban cho cái ngôn ngữ ấy một chất sáng lung linh lấp lánh của một loại lân tinh trong những búi cỏ của ngôn ngữ trần gian. Tuy nhiên, một hiện tượng đều khắp, tỏa rộng trên diện tích đất đai của tư tưởng và ngôn ngữ thơ Tô Thùy Yên, chính là phương pháp chọn lựa, sử dụng và kết hợp những hình ảnh, những tư tưởng và những ý niệm thường không nằm cạnh nhau trong những quan hệ ngữ nghĩa và ngữ pháp của đời thường. Tô Thùy Yên ban phép hôn phối và chúc lành cho chúng. Từ đó, những cặp uyên ương của chữ nghĩa và tư tưởng này, tưởng là không bao giờ được gần gũi nhau, đã dong buồm ra khơi. Những cánh buồm kỳ diệu ấy, từ đó, cứ lấp lánh, rạo rực mãi trong đáy lòng ta như những cánh chim muốn cất tiếng hát lên trời. Hãy thử nhìn lại những cánh buồm và những tiếng chim kỳ ảo lạ lùng kia:

Em đắp mặt anh mười ngón tay nhánh huệ
...Khuôn mặt ủ ê em bật trận mưa dầm
(Vie Posthume)

Ra đi như một bình minh lạ
... Ra đi như một âm thanh sáng
... Bình minh như một làn da phỏng
Ta dạo men bờ sóng tuyệt mù
Cảm phục bồi hồi biển nhẫn nại
Bắt đầu mãi mãi lượn thiên thu
(Và Rồi Tất Cả Sẽ Nguôi Ngoai)

Nên ta phó mặc cho trời đất
Trời đất vô ngôn lại bất nhân
Nên ta lẳng lặng đi đi khuất
Trong lãng quên xanh hút thời gian
(Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ)

Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm một tối vui
Trăng sáng in hồn ta vết phỏng
Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi
(Vô Đề)

Tưởng tượng ta về nơi bản trạch

Gió đưa nhớ rải khắp trần gian
...
Tưởng tượng ta về nơi bản trạch
Đóa hoa buông cánh khi tàn hương
Tiếng rụng tuyệt âm rền tịch mịch
Dòng sông tới biển, nức tuôn, tuôn
...
Mùa hè cọ xát điên kim loại
Con quạ kêu vang giữa quãng không
(Tưởng Tượng Ta Về Nơi Bản Trạch)

Mặt bạn mặt ta còn trắng cả
Như mặt trời chiều mới tạnh mưa
(Anh Hùng Tận)

Trái đất tròn như con số không, trái đất muôn năm. Anh đứng lên như tiếng chửi thề.
(Phương)

Chỉ có thế. Trời câm, đất nín
Đời im lìm đóng váng xanh xao
(Vô Đề)

Đêm lụa là, anh trở giấc, cây nến thức khuya đã bị gọt mòn, còn nghe tiếng ru
(Lễ Tấn Phong Tình Yêu)

Và thêm một đoạn thơ trong bài thơ bất hủ sau. Đoạn này, với những cách dùng từ, ngữ và những hình ảnh, suy tưởng được nối kết với nhau một cách kỳ lạ, độc đáo và đầy phong cách, đã thổi đến người đọc cái phong vị u buồn và cảm hoài của thời đại, mang đầy tính bi tráng của lịch sử Việt Nam:

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa
Con đường đáo nhậm xa như nhớ
Chiều mập mờ, xiêu lạc dáng cò
Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Mặt bơ phờ dính gió bao la
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét
Chuyện tình cờ nhúm ấm cây mưa
Vang lên những địa danh huyền hoặc
Mỗi địa danh nồng một xót xa

Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời nước sát
Hồn chừng hiu hắt nỗi không tên
Tiếp tế khó - đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mươi viên
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sình mặt nát lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh
Cồn xa cây vướng sáng mơ màng
...
(Qua Sông)

Ngoài ra, Tô Thùy yên còn hay dùng những từ có âm đôi giống nhau tạo nên một nhịp điệu có sầu vây ngất ngất trùng trùng, có không gian tầng tầng, giọt giọt ,tịch tịch và dật dờ bám víu, quyện chặt vào nhau. Những âm đôi này còn tạo nên tác dụng thúc hối và loang xa. Có lúc, địa lý và không gian ngôn ngữ như bị nhúng vào một môi trường lỏng khiến cho tất cả các động tác đều trở nên chậm và quay vòng theo lực cuộn tròn của môi trường này. Có khi, các động tác như được phóng đẩy vào một khoảng không bát ngát ngang hoặc đứng dựng thẳng, khiến ngôn ngữ trở nên những cánh quạt đẩy mạnh động tác ra chiều ngang, lên chiều cao, hoặc xoáy tung ra bốn phía. Chúng ta hãy *nghe* thử những câu này:

Nghe thủy triều lui bậc bậc sầu
(Vườn Hạ)
Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
(Trường Sa Hành)
Lượn lượn ưu tư khốc liệt rền
(Mòn Gót Chân Sương...)
Phía phía rừng tràm xanh mịt mịt
(Anh Hùng Tận)
Tàu chuối xác xơ reo ngất ngất
... Dòng sông tới biển nức tuôn, tuôn
(Tưởng Tượng Ta Về...)

Tiếng tàn tàn rụng suốt mênh mông
... Tiếng võng đưa đưa tịch mịch mùi
... Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực

... Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa
... Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòà
... Còn lại chăng cây đàn lở tróc
Gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa
(Hề, Ta Trở Lại...)

Tần số của những âm đôi này xuất hiện khá nhiều trong các bài thơ của Tô Thùy Yên. Chúng tạo nên một bầu khí quyển mỏi mỏi, buồn buồn, chậm chậm cho thơ ông. Nhưng cũng có những lúc chúng tạo cho hơi thơ một cảm xúc bát ngát mênh mang hay có độ dày hoặc xếp lớp. Những từ đôi như thế có thể kể thêm trong những cụm từ sau: *mưa bay phới phới, đi đi khuất, làm miết miết, nấm tủa tầng tầng, hòn đá lia bay bay, dọc dọc thây câm cứng...*

Một điều chót cũng cần để ý ở đây về ngôn ngữ thơ của Tô Thùy Yên là cách dùng từ và lối nói miền Nam của tác giả. Nhiều người cho rằng thơ Tô Thùy Yên rất Bắc Kỳ, và rằng Tô Thùy Yên là thi sĩ còn... "Bắc Kỳ" hơn cả Bắc Kỳ. Điều đó đúng ở một cách đánh giá nào đó, ở một cách nhìn phong thái nào đó. Dù sao, trước Tô Thùy Yên, và sau ông rất lâu cho tới khi ra ngoài nước, trong dòng thi ca hiện đại của miền Nam Việt Nam, hình như chưa có nhà thơ nào đưa cái chất giọng và lối nói miền Nam vào thi ca như Tô Thùy Yên. Hãy thử xét một số đoạn:

Ví dầu *ngươi bắn rụng ta*
... **Ví dầu** *ngươi gục vì bom đạn bất dung*
(Chiều Trên Phá Tam Giang)

Xét vì trái tim là khí giới
Các anh các chị các em ơi
Chúng tôi đoạt lại nào hơi thở
Nào mặt trời tơ của một ngày
Đoạt lại nào vòng hoa chiến thắng
Chúng tôi còn sống còn **cung tay**
(Tuyên Ngôn)

Chú em *hãy hát, hát thật lớn*
Những điệu vui, bất kể điệu nào
(Trường Sa Hành)

Ơi những con đường đến tự đâu
Một lần gặp gỡ ngã tư nào
Rồi trong vô hạn **chia lìa miết**
Có cuốn theo mình bụi của nhau
(Em Nhỏ, Làm Chi...)

Con đường đi mỏi mà không tận
Lượn sóng trên ghềnh nhọn rách tơi
Ai **thở dài chi** *cho não nuột*
Cơn mưa hư tưởng mơ màng rơi
(Tưởng Tượng Ta Về...)

Nhiều khi ta ngước lên ngơ ngẩn
Nghe tiếng chim quen **bay trớt qua**
Bóng thoáng như bàn tay dịu mát
Lau nhanh hơi mỏi mặt mày ta
(Và Rồi Tất Cả Sẽ Nguôi Ngoai)

Đây ngã ba sông làng sát nước
Xuồng ba lá **đậu kế** *chân bàn*
...
Thiệt tình *tên bạn ta không nhớ*
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi, *ta uống cho say đã*
Nào có ra gì một cái tên
(Anh Hùng Tận)

Cỏ cây sống chết **há ta thán**
Em khóc **hoài chi** *lẽ diệt sinh*
Thảng như *con ngựa già vô dụng*
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình
(Góa Phụ)

Bài *Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cổ* là bài thơ chứa đựng nhiều ngôn ngữ, giọng điệu và tâm tình miền Nam nhất. Người ta có thể *nghe ra* điều đó ở những cách dùng chữ như: *Trống trải hồn ta cơn gió rã, tiếng tàn tàn rụng suốt mênh mông, trời đất bào thai cựa cựa nhanh, mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực, con chim chèo bẻo hót lanh chanh, tiếng võng đưa đưa tịch mịch mùi, điệu hát ầu ơ hoa cỏ lịm, nước mây buồn bã chợt quên trôi, ví dầu ta ngủ không còn dậy, ắt hẳn lòng ta cũng dửng dưng, gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa, pha cùng rượu uống đến say thua, vầng trăng ta thấy thời thơ ấu, mọc lại cho ta thuở xế tàn, các việc vô công làm miết miết, quên tiệt,*(ở đây thì rất Bắc Kỳ) *đời ta như nấm mai...*

Như vậy, qua những gì chúng ta đã thử phân tích, Tô Thùy Yên đã tạo nên một phong cách đặc thù qua cách sử dụng, chọn lựa và kết hợp, ngôn ngữ của ông. Sự sử dụng ngôn ngữ này tạo nên những hình ảnh đặc biệt, như một vết phỏng cứ còn ray rứt mãi trong lòng ta.

Phong cách là lối nói, lối viết, lối diễn tả, lối sáng tạo có một nét đặc thù

nào đó, có một tần số lặp đi lặp lại nào đó, có một giá trị lịch sử và thời đại nào đó; và đặc biệt, nó là sở hữu của những người có tài trong một khung cảnh lịch sử hay thời đại nhất định.

Khi trên quê hương Quảng Bình, năm 1948, Phạm Duy viết:

... *Bình minh khi* sương rơi mờ trên rẫy
Thấp thoáng bóng người trên đồi
Tát nước với giọt mồ hôi
Chiều rơi thoi thóp *trên vài luống khoai*
Hiu hắt *tiếng bà mẹ* cười
Vui vì nồi cơm ngô đầy
... *Làng tôi luôn luôn vươn vài đám khói*
Những mái tranh buồn nhớ người
Xơ xác điêu tàn vì ai?
Nửa đêm thanh vắng không một bóng trai
Có tiếng o nghèo thở dài
Vỗ về trẻ thơ bùi ngùi...
(Quê Nghèo)

và ở những không gian khác, những thời gian khác, những hoàn cảnh khác, ông viết những câu như:

... *Chiều ơi!* Áo chàm về quảy lúa trên vai
In hình vào sườn núi chơi vơi, ơi chiều.
... *Chiều ơi!* Lúc chiều về mọc ánh trăng tơ
Cho ngày mùa bài hát nên thơ, ơi chiều.
... *Chiều ơi!* Mái nhà sàn thở khói âm u
Cô nường về để suối tương tư, *ơi chiều...*
(Nương Chiều)

hay,

Đời lạnh lùng trôi theo dòng nước mắt
Với bao tiếng tơ khóc thương đời
Vì cuộc tình đã chết một đêm nao
Lúc trăng hãy còn thơ ấu...
(Tiếng Đàn Tôi)

ta thấy được rằng, qua cách chọn lựa, kết hợp chữ nghĩa và hình ảnh của ông, trong một khung cảnh lịch sử nhất định, ta nhìn ra và xót xa với một quê hương Việt Nam nghèo, buồn, đau khổ, gầy yếu, ở một mặt này, nhưng lại hết sức đáng yêu, đáng quí, cao khiết, thơ mộng, đẹp đẽ và êm đềm như một bài thơ, như một giấc mơ thơm ngát hương chiều, ở một mặt khác. Và ta cũng thấy tình yêu đẹp và buồn như một cánh hoa đầm đìa những giọt nước mắt,

rơi rụng khi tình hãy còn ấu thơ, khi trăng hãy còn vàng mộng. Cái phong cách sáng tạo ấy, ta còn thấy mãi nơi Phạm Duy những năm sau này.

Còn Mai Thảo, ông đã viết những bài thơ bốn câu sau:

Ngồi tượng hình riêng một góc quầy
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? Một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy
(Một Mình)

Trà đựng trong bình trí nhớ câm
Rót nghiêng từng ngụm nỗi đau thầm
Hòa chung cùng ngụm đau trời đất
Là mỗi ngày ta mỗi điểm tâm
(Điểm Tâm)

Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch tịch tiếng mưa thầm
Chợt đâu vẳng tiếng gà lai kiếp
Báo vẫn đêm dầy ở cõi âm
(Trừ Tịch)

Đọc, và soi chiếu những ý thơ, những tứ thơ, những hình ảnh, những tâm trạng, những chữ nghĩa, và sự chọn lựa, kết hợp những hình ảnh, chữ nghĩa ấy của Mai Thảo vào toàn bộ tập thơ của ông, ta thấy nổi bật lên một phong cách rất Mai Thảo, tịch tịch, thầm thầm, nhưng hết sức sắc buốt và sâu lắng như đời sống của ông hiện tại.

Nói qua về phong cách của một vài nhà thơ Việt Nam như thế để trở lại với Tô Thùy Yên. Tô Thùy Yên là một nhà thơ có một phong cách lớn, đậm và sắc nét. Phong cách ấy hiện rõ đến nỗi ta không thể lầm được tiếng nói và những cảm xúc của ông cùng với cái thế giới riêng tư, nội tâm và ngoại hình, mà ông đã tạo dựng nên qua thi ca của chính mình. Thơ ông, trong những lúc nói về *Tình Yêu, Đau Khổ và Cô Đơn*, hay khi nói về *Thiên Nhiên*, nói về *Thời Gian*, về những ám ảnh *Siêu Hình*, lúc nào cũng giống như một tấm thân thể quá khổ cuồn cuộn và sâu đậm chảy trong nó những dòng máu miệt mài khát khao đòi vươn với về những khát vọng của chính trời đất và của con người. Dòng máu ấy, cả khi réo sôi hay lúc quằn quại thở, đều mang trong mình một chất lân tinh kỳ lạ khiến nó tỏa sáng âm thầm hay ngây ngất mỗi lúc nó di chuyển luân lưu. Đó là chất thơ của Tô Thùy Yên.

Sau đây, ta sẽ phân tích thơ Tô Thùy Yên qua bốn chủ đề :

- Tình Yêu. Đau Khổ. Cô Đơn
- Thiên Nhiên

- Thời Gian
- Ám Ảnh Siêu Hình.

Sau đó, chúng ta sẽ xét riêng bốn bài thơ *Quí Xướng Thi (Hề, Ta Trở Lại Gian Nhà Cỏ), Trường Sa Hành, Tháng Chạp Buồn* và *Cám Ơn Hoa Đã Vì Ta Nở* (bài thơ không có đề tựa, tên do tôi đặt) để thử tìm hiểu những chặng đường lớn trong hành trình thi ca của Tô Thùy Yên. Đi vào được hành trình này, ta sẽ có thể tìm ra được vũ trụ quan và nhân sinh quan của nhà thơ, từ đó, ta thấy được cái nhìn của ông vào đời sống, vào vũ trụ, vào vạn vật, vào cuộc nhân sinh chung quanh và vào thân phận của chính mình.

BÙI VĨNH PHÚC
Irvine, sơ thu 1992.

Số sau: "Thi Ảnh Và Ngôn Ngữ Của Tô Thùy Yên Trong *Trường Sa Hành*"

(*) Số báo này chỉ đăng một trích đoạn của toàn bài *Tô Thùy Yên: Thơ, Như Một Vinh Dự Lầm Than Của Kiếp Người*. Toàn bài tiểu luận phê bình này sẽ được in trong tập sách *Trên Những Đường Gió Tới*, tiểu luận, phê bình và lý luận văn học của tác giả.

(1)Phần trình bày về hai thao tác *chọn lựa* và *kết hợp* trong ngôn ngữ này được dựa theo quan điểm của Roman Jakobson trong *Essais de Linguistique Générale*, Paris 1963; và trong *Questions de Poétique*, Paris 1973, của cùng tác giả.

(2) Người ta cũng có thể cho rằng trong câu *ghế để ngồi*, động từ *là (thì)* được hiểu ngầm. Ở cấu trúc ngầm (underlying structure), không phải cấu trúc trên bề mặt (surface structure), câu này được hiểu "Ghế *là (thì)* để ngồi". Trong tiếng Việt, những loại câu như thế này, và một số loại câu khác, động từ *thì, là* (to be) thường được bỏ đi. Chẳng hạn, người ta có thể nói với nhau, *Em ngoan lắm!*, chứ hiếm có người nói *Em thì ngoan lắm!* hay *Em là ngoan lắm!* Nhưng trong một số trường hợp, chẳng hạn trong những câu nói âu yếm (baby talk), người ta vẫn có thể bẹo má nhau mà nói rằng, *Em là hư lắm! Anh bẹo mũi chết bây giờ!*

(3)Thật ra, ở dưới mạch ngầm, trong câu tiếng Việt *Cửa thần phù dựng trường sơn sóng, trường sơn* đứng sau danh từ *sóng* và thay cho cả một cụm từ, một ngữ (Phrase). *Ngữ* ấy có thể là *cao ngất như dãy trường sơn* hoặc *trùng điệp như dãy trường sơn*. Nói theo kiểu của Tô Thùy Yên tức là đã áp dụng hai ba luật biến hóa ngữ pháp (transformational rules) trong đầu trước khi câu nói được nói ra.



NGUYỄN HOÀNG NAM

nguyễn tất nhiên, nhắc lại

1.
người đẹp của thi ca
ngọ nguậy sốt ruột trên ghế phòng đợi tiệm làm móng tay
dán mắt vào những hàng chữ li ti
ngấu nghiến hết mấy trang rao vặt báo Người Việt
đuôi mắt lỡ thấy kế bên
nguyên trang cáo phó chình ình
làm hư mẹ nó một ngày cuối tuần nắng đẹp

2.
nguyễn du chẳng hiểu thiên tai
con ghệ chẳng hiểu thiên tài
thì thôi.

3.
"có còn hơn không
"có còn hơn không

"vì tôi là linh mục
"phổ lời tình nhân gian
"thành câu thơ buồn bã
"nên hạnh phúc đâu còn
"nên người tình duy nhất
"vừa thiêu hủy lầu chuông!

"cửa chùa tuy rộng mở
"tà đạo khó nương thân
"anh đành xưng quỷ sứ
"lãnh đủ ngọn dao trần!

"đặt tên con là Vĩnh Niên
"vì đời bố ngắn ngủi
"đặt tên con là Vi Diệu
"vì đời bố là kích thích phẫn nộ liên miên

"buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
"chịu đựng đời không biết thở than!

"buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
"thương đời như thể bỉ khinh thôi!

"sao thiên thu không là lãng quên
"nên tình xưa còn cháy âm thầm
"tôi đứng như căn nhà nám lửa
"và những người thân trốn chạy vội vàng!

"nói năng chi cũng thừa
"nói năng chi cũng thừa

4.
mưa nước bọt nhễu ngập đầu thi sĩ
lết ê chề cho cùng kiếp tài hoa
tự phơi ba sườn trên thánh giá
cho cuộc người, chẳng đáng nửa câu thơ!

ôi huyết lệ đổi vài hàng văn học sử
từ mới biết làm thơ huyệt lạnh đã sẵn chờ!

5.
nắng hạ đỏ hoe nhìn thiên tài nằm chết
ngoài phố vẫn dập dìu kên kên cá mập

6.
chưa bao giờ phải tiếp quá nhiều người như vậy
dã lỡ thắt cà vạt nằm trong quan tài
làm sao trốn đi nhậu

nhưng có kẻ
ngoài lý do thủ phạm
vẫn rất tiếc không đến được

thơ đang bận giết những thằng còn sống!

NGUYỄN HOÀNG NAM



NGUYỄN HUY THIỆP

con đường văn học

Khi tôi nhận rằng văn học là một thế giới hoang tưởng của người viết thì không có nghĩa là tôi hạ thấp giá trị văn học. Tôi chỉ vạch ra khía cạnh vô bổ, vô nghĩa của văn học mà thôi. Tôi cũng cảnh tỉnh để người viết dè chừng khả năng bị tha hóa về mặt tinh thần, đạo đức khi cầm bút viết.

Văn học có khả năng thôi miên. Thôi miên bạn đọc, nó còn thôi miên chính người viết. Những bi kịch đầy rẫy trong cuộc đời, các nhà văn chứng minh điều ấy. Tôi không muốn dẫn chứng bởi vì không phải ai cũng thông cảm được.

Khi phân tích về bản chất con người, Nitsơ rất có lý khi chỉ ra rằng cái khuynh hướng lười biếng, rụt rè, sợ sệt đã ngự trị tất cả. Chỉ có ít nhiều nhà văn thành công mới dám đương nhiên công nhận rằng bản thân họ cũng hèn hạ, nhăng nhố, đôi khi bợm bãi. Họ công nhận điều ấy không phải để cầu xin sự cảm thông của người đời. Những nhà văn ấy có lòng tự trọng và sự lịch lãm sẵn có, dám đứng ra trả giá cho những đam mê của mình, quá hiểu rằng con người làm sao có thể cảm thông cho nhau được? Ai cũng là người khác. Mỗi người là một hiện hữu, một vật thể, một linh hồn, một bản ngã, một duy nhất không lặp lại. Việc công nhận những khuyết tật của mình chỉ là một hình thức tự phê phán, tự trục độc, một lối phân thân u sầu nhằm cảm nhận hết nỗi nhục nhã mà nhà văn phải trải qua, phải chịu đựng, đã thấy được.

Tôi có đọc ở đâu đó một giai thoại về Tú Xương. Chuyện rằng Tú Xương làm thơ, nhiều người quí mến, trong số ấy có Phan Bội Châu. Cụ Phan đến chơi, rủ Tú Xương lên Yên Thế gặp Hoàng Hoa Thám. Tú Xương nhận lời. Hai người đi đến Bắc Giang thì Tú Xương nghĩ lại, bỏ ra về. Sau đấy, hình như Phan Bội Châu không bao giờ gặp Tú Xương nữa. Chuyến đi Bắc Giang là chuyến đi xa nhất trong cuộc đời nhà thơ tuyệt vời của đất Nam Định. Sau này Tú Xương có làm bài thơ *Sông Lấp* phần nào nghĩ đến nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu:

"Sông kia rày đã nên đồng...
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò..."

Giai thoại trên thực hư không biết nhưng thấp thoáng ở đấy bản tính con người nghệ sĩ Tú Xương. Ông hiện ra trước mắt tôi vừa đáng yêu, vừa thê thảm, vừa đau đớn lại vừa hài hước. Rõ ràng ở đây, với bản tính lười biếng, rụt rè, sợ sệt, sâu trong thâm tâm Tú Xương đã nhận ra nguy cơ vô vọng, vô nghĩa, nguy cơ thất bại trong cách cảm nhận và hành động của cụ Phan. Sau này chính Phan Bội Châu cho rằng cuộc đời của mình là "100% thất bại".

Tôi không tin Tú Xương coi mọi "hành động cách mạng" sẽ chẳng có ý nghĩa gì so với một cuộc đời ả đào, nhưng biết chắc chắn Tú Xương yêu nước theo cách khác của riêng ông, nó cô đơn, cá nhân, âm thầm, thê lương, sang trọng và dũng lược. Cụ Phan là nhân vật anh hùng của đám đông, của số nhiều. Ngọn cờ lý tưởng của cụ giương lên hình như không có chỗ đứng chân cho ai phóng đãng lại nhiều ràng buộc. Tú Xương rụt rè tránh sang bên cạnh, ngơ ngác nhìn, ánh mắt thành kính, băn khoăn tự hỏi không hiểu mình xử sự như vậy có đúng lẽ đời hay không? Dĩ nhiên sau đó, với thói vô tâm nông nổi thường trực, Tú Xương sẽ quên phắt chuyện ấy như bao nhiêu chuyện khác.

Tôi rất sợ cách quan niệm thô sơ về nhân cách nhà văn, đánh đồng nhân cách với đạo đức và "phép nước". Ta không thể coi nhân cách Tú Xương tầm thường được dù ông nói thẳng:

"Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lăng nhăng nó quấy ta..."

Dĩ nhiên không ai cho rằng bản tính lười biếng, rụt rè, sợ sệt là hay ho ở con người. Tuy nhiên những bản tính ngược lại với nó như hăng hái, phiêu lưu, cố gắng biểu hiện điều gì đó thật ra cũng đáng ghê tởm, càng ghê tởm hơn khi nó được ngụy trang bằng một vài lý tưởng mù mờ.

Trong văn học, thế giới hoang tưởng nhà văn dựng nên có thể như thực, giống thực, khác thực, siêu thực v.v... chẳng ai giống ai, mỗi người một cách nhưng tựu trung có lẽ không ra ngoài cái mà Gớt gọi là "nghệ thuật trình diễn kịch". Điều ấy thực khó chịu nhưng biết làm sao. Ở đây cần hiểu "nghệ thuật trình diễn kịch", bao gồm toàn bộ: cả tác phẩm, cả tác giả lẫn hoàn cảnh thời đại tạo nên những thứ ấy.

Ta biết rằng thiên nhiên và tạo hóa cũng có một thứ "nghệ thuật trình diễn kịch", điều mà ta vẫn gọi là "hiện thực" thứ hiện thực dai dẳng, xen cả có lý lẫn vô lý, nhìn chung là tàn nhẫn vô thủy vô chung. Vậy ta nên quan niệm về hiện thực ra sao trong cái thế giới hoang tưởng mà nhà văn dựng nên, "sáng tác"? Tôi cho rằng cái "nghệ thuật trình diễn kịch" có vẻ như sự mô phỏng lại thiên nhiên và tạo hóa để người ta chịu nổi, "chơi được". Thứ "nghệ thuật trình diễn kịch" của thiên nhiên và tạo hóa có phạm vi rộng lớn quá, với mục đích vô vọng quá, người ta không tải hết, không sao chơi được, không kham nổi, buộc phải chịu thua. Ở đây, về mặt nào đấy, ta có thể ví văn học với nghệ thuật chơi cây cảnh, với nghệ thuật "bôn sai", một kiểu chơi "thế" nào đấy nhằm nhại lại thiên nhiên và tạo hóa. Song, so sánh như thế chỉ là một mặt nào đấy của hình thức mà thôi, nó không có ý nghĩa gì lớn. Văn học thực sự phức tạp hơn nhiều, nhất là khi nó đụng đến những vấn đề của thượng tầng kiến trúc.

Cũng cần lưu ý thêm bản thân nhà văn cũng buộc phải tham gia trình diễn vở kịch của thời đại mình.

Tìm hiểu văn học sử, chúng ta thấy đa số nhà văn đều mang nỗi đau đời. Nét ưu tư hiện rõ trên đôi mắt và gương mặt các nhà văn là dấu vết của những

trận đòn mà số phận giáng lên họ. Cảm nhận cái đau của thứ "nghệ thuật trình diễn kịch" mà thiên nhiên và tạo hóa bịa đặt nên, nhà văn có ý định điều chỉnh gì đó cho vừa tầm "chơi" của con người chăng? Tôi không biết. Nhà văn viết bởi một sự định hướng mù mờ nào đó từ tâm thức và đạt được nó khi đã thỏa mãn tinh thần. Văn học cũng có vẻ na ná như một cuộc chơi tinh thần, một sự tiến tới độ cực khoái tinh thần. Tuy nhiên, nó cũng có vẻ như một bài học luân lý, một bài học nhận thức nào đó.

Thế nào là thứ văn học có giá trị?

Xét về điều này, có lẽ cần phải gác "văn bản" sang một bên mà ta hãy tìm thẳng tới tác giả, sau đó hình dung, "tưởng tượng" về hắn qua thấu kính "văn bản". Có câu nói vui rằng: "Các cô gái tốt thì tìm đọc những cuốn sách hay, còn các bậc thánh nữ thì tìm cách ngủ với tác giả của nó". Ta hãy theo dấu chân của các bậc thánh nữ và nghiền ngẫm theo cách của ta.

Lê Quý Đôn cho rằng: *"... Văn học không phải là trò chơi, là câu chuyện phiếm. Muốn văn hay phải hiểu biết và từng trải nhiều. Văn chương chữ nghĩa không phải là lời nói suông. Trong bụng không có vạn quyển sách, trong mắt không có núi sông kỳ lạ của thiên hạ thì không thể làm văn được".* Trong lời nói ấy của Lê Quý Đôn, mặc nhiên nhà văn đã được đặt vào địa vị "trí thức", thậm chí phải là người trí thức nhất trong cộng đồng.

Sự hiểu biết thấu các lẽ đời là yêu cầu số một của các nhà văn. Anh ta buộc phải học hành tử tế và tìm cách trang bị cho mình càng nhiều tri thức càng tốt. Trong các tri thức ấy thì việc làm chủ ngôn ngữ, việc nắm bắt chắc ngôn từ là yếu tố hàng đầu. Không phải tự dưng mà các nhà văn lớn đều khuyên chúng ta biết học ở tục ngữ, ca dao, dân ca bởi đấy thực sự là kho tàng kinh nghiệm đời sống và kinh nghiệm tu từ.

Cũng phải nói thêm hình như cách học hành của nhà văn cũng từa tựa cách đào tạo các nhà chính trị. Tôi không dám coi các nhà chính trị là các nhà văn không thành đạt hoặc các nhà văn là các nhà chính trị không thành đạt. Tôi chỉ lưu ý rằng các nhà chính trị và các nhà văn đều đã luyện tập chung một kiểu tư duy, một thứ vũ khí. Điều ấy gây hiểu lầm và bất lợi cho nhà văn vô cùng. Cần thấy rằng thứ văn hóa tinh thần do nhà văn gây ra khác với thứ văn hóa vật chất do nhà chính trị gây ra. Xét kỹ, công việc nhà văn chỉ có lợi cho nhà chính trị mà thôi. Đây là tôi muốn nói tới những nhà chính trị thực sự. Nó góp phần thúc đẩy lịch sử và sự tiến bộ trí tuệ, điều ấy nhà chính trị không dùng quyền lực tạo ra hoặc dùng tiền mua được. Văn chương cũng là người. Văn chương quân tử, cũng như người quân tử là thứ mà Vân Trung Tử cho rằng *chỉ mời được nhưng không dụ được, bỏ được, nhưng không khinh được*. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà văn xuất sắc đều có chung đặc điểm là họ nhạy cảm khủng khiếp với sự nhục mạ nhân phẩm. Đấy cũng là một phẩm chất thánh nhân. Về các thánh nhân, đoạn sau sẽ đề cập đến.

Trở lại giai đoạn về Tú Xương và Phan Bội Châu, tôi ngờ rằng trong cuộc đời các nhà văn, ở một khúc quanh nào đó đều có một "cụ Phan" đứng lấp

ló, rủ rê theo một "lý tưởng cộng đồng" mà ở đấy người ta đánh nhau thật chứ không chú ý nhiều lắm đến việc trau dồi văn chương chữ nghĩa. Ai ai cũng là người khác. Nhà văn cần hiểu rõ điều ấy để tỉnh ngộ. Văn chương khác với chính trị. Nó cứu đời theo cách riêng của nó.

Tôi rất ngạc nhiên khi các nhà nghiên cứu phê bình văn học tìm hiểu về các nhà văn lớn đều coi việc họ tự mâu thuẫn kinh khủng là việc lạ lùng. Điều này có lẽ phi lý vì các nhà nghiên cứu phê bình văn học thâm tâm đều muốn mỗi nhà văn là một "mặt bằng", là một con vật không cựa quậy để họ dễ thọc dao. Nếu ta coi các nhà văn là những con nhộng hoàn toàn không có vỏ bọc, không có áo giáp che chắn thì ta mới thông cảm được hết việc tự mâu thuẫn trong họ, thì ta mới thông cảm tình cảnh đáng thương trong việc họ buộc phải tự mâu thuẫn ấy. Thiên nhiên đã phú cho nhà văn khả năng nhạy cảm, nhạy cảm quá mức, đôi khi quá quắt thì thiên nhiên cũng tước của hắn mọi sức đề kháng rồi.

Khi Nitsơ phân tích về bản chất con người, ông đã thực sự dũng cảm, thực bác ái khi chỉ cho chúng ta rằng thực chất tình trạng sống của chúng ta vẫn là súc vật, chỉ là súc vật. Chỉ khi nào chúng ta cảm nhận hết sự nhục nhã và đau đớn trước tình trạng súc vật ấy, chúng ta mới có cơ may vươn lên thành người. Công việc của nhà văn phần nào giống công việc của các bậc thánh tức là sản xuất ra những người cao thượng và những tình cảm cao thượng. Đấy là lý tưởng cao cả của người cầm bút. Văn học giá trị là thứ văn học có khả năng sản xuất ra những người cao thượng, những tình cảm cao thượng. Tóm lại nó là văn hóa. Một mặt khác, văn học còn là thước đo trí tuệ, trình độ học vấn của giới trí thức trong thời đại đó. Một tác phẩm văn học gây nên một sự "khó hiểu" nào đó không có nghĩa là không giải thích được mà là "chưa giải thích được". Ta hãy nhớ rằng khi Anbe Anhxtanh đưa ra lý thuyết tương đối thì hầu như chẳng ai hiểu cả. Điều ấy cũng đã từng xảy ra với "hình học phi Ơ-clit" của Lôbasépxki. Trong văn học người ta cũng từng rẻ rúng Xtăngđan và Anbe Camuy. Trong thời đại chúng ta, ở Việt Nam, người ta đã từng đánh giá thấp Vũ Trọng Phụng.

Tôi không nghĩ rằng mục đích sống của các nhà văn là tiến tới thành bậc thánh nhân. Đa số đều ưa một khuôn mẫu trưởng giả mang tinh thần philistanh. Đấy là một môi trường hết sức an toàn, không phải cố gắng gì lớn, chẳng phải "chuẩn bị" gì, chẳng phải tốn công "tổ chức"... Điều thiện bao giờ cũng phải được chuẩn bị và tổ chức công phu. Đây cũng là một điều cay đắng trong thời đại văn minh hiện đại. Chỉ có điều ác mới hồn nhiên và dễ dàng "như thò tay vào túi lấy đồ vật".

Luôn luôn có những trở ngại trong việc hóa thánh mà trong đó nhà văn là một sức ì, môi trường xã hội dung tục cũng lại là một sức ì khác. Câu nói nổi tiếng được nhiều người thích thú: "Những gì của con người đều không xa lạ gì với tôi" xét cho kỹ cũng cực kỳ ghê tởm. Đấy cũng là một lối nói biện minh nhằm tránh sự lố bịch, một thứ dầu nhờn bôi trơn cho trò chơi xấu.

Cô đơn, cô đơn, cô đơn hơn nữa - đấy là lối mòn bậc thánh nhân. Họ tách mình ra đeo đuổi lý tưởng vô vọng của họ, không màng đến sự thông cảm hay không thông cảm. Bao giờ họ cũng tiến về phía trước.

Hình như một đặc điểm dễ nhận thấy nhất ở bậc thánh nhân là tính ưa nhàn. Khả năng thu mình, hạn chế biểu hiện của họ trái ngược với "tinh thần hăng say" của kẻ phàm tục. "Nhàn" - ở đây chứa ẩn một nỗi đau đời sâu sắc và ở đâu cũng nén thầm một tiếng thở dài về sự vô nghĩa của vòng luân thế. Thời gian chẳng thương ai cả, đấy là chân lý.

Lối mòn cô đơn của bậc thánh nhân có phần hào hứng của một lối sống giang hồ. *Giang hồ sót lại mình tôi* - câu thơ của Nguyễn Bính xưa cay cú với bạn văn đương thời đã thoát hiểm về được môi trường an toàn trong cảnh sống trưởng giả và tinh thần philistanh chăng?

Không biết. Nhưng giang hồ cũng là một ước mơ thầm kín của biết bao người viết. Họ ghê tởm thứ trật tự cổ truyền, khao khát tự do, dầu biết rằng trước sau cũng chẳng thể nào thoát khỏi "thiên la địa võng".

Tôi vẫn nghĩ rằng ngay cả các thiên thần hiền minh nhất cũng không tự mình lột xác hóa thánh được, nếu không bị buộc phải rơi vào cái bẫy của một trật tự thế giới nào đó (hoặc là tinh thần hoặc là vật chất). Rất có thể chính Giêsu Crix đã dở khóc dở cười bởi Người "tự giác" bị đẩy lên ngôi chúa. Các tông đồ của Người đã luận bàn xong vị trí ngôi chúa.

Đám đông vẫn thắng cá nhân bởi sự an toàn của đám đông cần thiết hơn vạn lần sự tiến bộ của một trí tuệ. Đấy là bi kịch chung của các "cá nhân trí thức".

Nhà văn là gì? Chẳng là gì cả. Nó chỉ là một linh hồn bé nhỏ đầy lỗi lầm và luôn tìm cách sám hối vượt khỏi những lỗi lầm ấy. Nó là con vật nhạy cảm hết sức đáng thương với các thói xấu của cả bầy đoàn. Nó viết không phải vì nó, nó viết để cả bầy đoàn rút ra từ đấy một lợi ích công cộng, một lợi ích văn hóa.

Chúng ta đã quá "tự tin", vô thần khi coi nhẹ mặt tâm linh trong đời sống con người. Điều ấy thực khủng khiếp: ô trọc và vô văn hóa sẽ ngự trị khắp nơi.

Tự thâm tâm tôi vẫn nghĩ là có các bậc thánh nhân. Trong những con người bình thường cũng có những tình cảm thánh nhân. Hình như nhà văn chỉ có thể khẳng định được mình khi anh trở nên chí thánh? Còn những trang viết, nó có ý nghĩa gì đâu.

Xác chết của các nhà văn đã chất thành núi trên thế gian này. Người ta vẫn bới tìm ở đấy những mẩu vụn của con người, về con người.

Văn học có nhiều con đường, nhiều con đường dẫn tới văn học. Tất cả vẫn còn đang đi trên đường.

Hà Nội 1992
NGUYỄN HUY THIỆP
(Trong nước)



TYMOTEUSZ KARPOWICZ
DIỄM CHÂU dịch

bài học im lặng

Hễ khi nào một con bướm
tình cờ gập đôi cánh
quá mạnh -
thời có tiếng kêu: làm ơn im lặng!

Ngay khi một chiếc lông
của một con chim hoảng hốt
xô phải một tia nắng -
thời có tiếng kêu: làm ơn im lặng!

Như thế đó con voi học được cách
bước đi không tiếng động
trên cái trống,
và con người trên trái đất.

Cây cối trên những cánh đồng
mọc lên câm nín
như tóc
dựng đứng trong kinh hoàng.

TYMOTEUSZ KARPOWICZ

* TYMOTEUSZ KARPOWICZ, nhà thơ Ba-lan hiện đại, từng giảng dạy Ngôn ngữ và Văn chương Ba-lan tại Đại học Illinois (1978). Bản dịch Diễm Châu, để tặng các tòa soạn Hợp Lưu và Trăm Con.

PAUL CELAN
DIỄM CHÂU dịch

tẩu khúc của cái chết (todesfuge)

Sữa đen của hừng đông chúng ta uống buổi tối
chúng ta uống buổi trưa và buổi sáng chúng ta uống ban đêm
chúng ta uống chúng ta uống
chúng ta đào một cái huyệt ở trên không nằm rộng rãi
Một người ở trong nhà hắn chơi với rắn hắn viết
hắn viết khi đêm đen buông xuống nước Đức mái tóc của người vàng óng Margarete
hắn viết điều đó và bước ra cửa những vì sao rực sáng hắn huýt lũ chó ngao
hắn huýt đám người Do thái của hắn ra và khiến đào một cái huyệt dưới đất
bây giờ hắn ra lệnh cho chúng ta khiêu vũ

Sữa đen của hừng đông chúng ta uống mi ban đêm
chúng ta uống mi buổi trưa và buổi sáng chúng ta uống mi buổi tối
chúng ta uống chúng ta uống
Một người ở trong nhà hắn chơi với rắn hắn viết
hắn viết khi đêm đen buông xuống nước Đức mái tóc của người vàng óng Margarete
Mái tóc của người màu tro Sulamith chúng ta đào một cái huyệt ở trên không nằm rộng rãi
Hắn kêu hãy đào sâu hơn nữa lũ bay hãy đàn ca lũ bay
hắn rút cây sắt từ thắt lưng vung lên đôi mắt hắn xanh
sâu thêm nữa những cán mai lũ bay chơi đi chơi đi để khiêu vũ lũ bay

Sữa đen của hừng đông chúng ta uống mi ban đêm
chúng ta uống mi buổi trưa và buổi sáng chúng ta uống mi buổi tối
chúng ta uống chúng ta uống
một người ở trong nhà mái tóc của người vàng óng Margarete
Mái tóc của người màu tro Sulamith hắn chơi với rắn

Hắn kêu hãy chơi nhè nhẹ cái chết cái chết là một chủ nhân ông
đến từ nước Đức
hắn kêu hãy siết những cung đàn đen tối hơn rồi các người sẽ
lên không như khói
rồi các người sẽ có một cái huyệt ở hốc mây nằm rộng rãi

Sữa đen của hừng đông chúng ta uống mi ban đêm
chúng ta uống mi buổi trưa cái chết là một chủ nhân ông đến từ nước Đức
chúng ta uống mi buổi tối và buổi sáng chúng ta uống chúng ta uống
cái chết là một chủ nhân ông đến từ nước Đức con mắt hắn xanh
cái chết sẽ đánh trúng người bằng một viên đạn chì thật chính xác
sẽ đánh trúng người
một người ở trong nhà mái tóc của người vàng óng Margarete
hắn phóng lũ chó ngao rượt đuổi chúng ta hắn tặng chúng ta
một cái huyệt ở trên không
hắn chơi với rắn và mơ tưởng cái chết là một chủ nhân ông
đến từ nước Đức

mái tóc của người vàng óng Margarete
mái tóc của người màu tro Sulamith

PAUL CELAN
DIỄM CHÂU dịch

*PAUL CELAN, bút hiệu của Paul Ancel, là một trong những thi sĩ lẫy lừng nhất của thế kỷ 20, tác giả chín tập thơ. Ông sinh ngày 23-11-1920 tại Czernowitz thuộc Rumani, song thân người Do thái (bị Đức quốc xã bắn chết), viết tiếng Đức, công dân Pháp, quyên sinh trên sông Seine ở Paris vào cuối tháng tư 1970.

Bản dịch do Diễm Châu thực hiện từ nguyên tác tiếng Đức và các bản Pháp, Anh để tặng Phương Sinh & Đỗ Kh. và một vài nhà thơ không tiện nêu tên ở Sàigòn.

Chung vui

Nhận được thiệp hồng báo tin anh chị Trương Vũ làm lễ thành hôn cho Thứ nữ là cô

TRƯƠNG LINH ĐÀI

đẹp duyên cùng cậu

NGUYỄN NGỌC HÙNG

HỢP LƯU chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.



LÊ THỨ

viết, nghĩ, và đọc trong một tình huống...

Là người đọc (*), đôi khi tôi cũng mơ một lúc nào đó, một thời nào đó, mình được cái diễm phúc đọc no đủ, thỏa thuê những sáng tác văn học sáng, trong, thanh thoát, đẹp tươi, chẳng chút vướng mắc những điều phiền lụy, đắng cay của cuộc sống hôm qua và hôm nay. Tức là tránh được những vấn đề làm đau đầu, đau ngực. Thanh bình, thật sự thanh bình. Bay bổng, thật sự bay bổng. Chỉ còn có hay và đẹp. Và biết đâu, nhờ đó mà khả năng cảm thụ thẩm mỹ của tôi cũng được rèn tập và nâng lên. Trong điều kiện của cuộc sống hằng ngày không lấy gì làm lý tưởng, qua phản ứng của vô thức, đã không ít lần tôi chỉ muốn đến gần tranh "thơ ngây" của Rousseau thay vì tuyệt phẩm Guernica hoặc một số khá lớn sáng tác rừng rực sắc màu và sức hút mang tính tố cáo thực tại xã hội của những họa sĩ Mỹ La-tinh. Hay thích mấy bài thơ tình của Pablo Neruda thay vì những tiếng thơ thế sự của một Neruda viết về cõi trọ trần gian... (Có người sẽ cười, chắc gì anh kẻ được một đường ngăn giữa hai câu thơ, thì cũng xin cúi đầu nhận là mình mơ hão mà thôi).

Tôi không hề dám bàn đến chuyện nghệ thuật vị nghệ thuật hay vị nhân sinh, hoặc trường phái sáng tác văn học gì gì ở đây cả. Mà cũng không dám thống trách sự chèn lấn thô ráp, đầy góc cạnh của cuộc đời dung tục lên trên việc thưởng ngoạn cái đẹp. Những việc lớn lao này hoặc đã được những đầu óc trổi vượt bàn quá đủ, hoặc sẽ còn được bàn tới muôn đời — vì trộm nghĩ, khi cán cân thực tại vẫn còn quá nghiêng về những điều bất ưng, "lộn mửa" của cuộc sống nhiều biến động và tục lụy này, thì ngay cả cái tâm con người — vốn được tin là hướng thượng — có bị lôi tuột xuống chỗ bùn lầy cũng là việc dễ hiểu. Do đó, tôi có trèo đèo thêm lời thêm tiếng vào các vấn đề to lớn kia e rằng càng vô ích. Tôi chỉ muốn nói lên nỗi dằn xé, đôi khi đến kinh người, sự phiền não làm mệt nhoài, kiệt sức nơi một người đọc trót sinh ra làm kiếp con người, lại là kiếp người Việt Nam trong nửa sau thế kỷ 20 này. Người ta có thói quen ca ngợi "nỗi đau sinh nở" người cầm viết phải trải qua, cho một tác phẩm chào đời, tôi lại thấy cái đau "đi biển mồ côi một mình" khi người đọc cố nuốt cho trôi một tác phẩm lắm khi cũng không phải là nhỏ. Nhất là, khi, tôi có cảm tưởng, 99.9% người đọc không bao giờ phản ứng lại bằng chữ viết, hay lên tiếng nói với người cầm bút về những điều họ viết ra.

Cứ thử đọc lại nhiều bài ký, truyện ngắn, viết từ trong nước lẫn ngoài nước gần đây - một số đã đăng tải trên các số Hợp Lưu - thì thấy. Chúng là những vết cứa trên tim gan người đọc. Thế rồi, người đọc cần mẫn và thường có ít chọn lựa, vẫn cần đọc, tìm đọc và tiếp tục bị dằng xé về những hình ảnh của một thứ quê hương vừa gắn bó lại vừa xa xôi. Đọc như tìm kiếm cuộc đời, hoặc tội nghiệp hơn nữa, như bám riết lấy cuộc đời. Tin hay không, đồng tình hay không, ở một chừng mực nào đó, người đọc đã không nhất thiết chối bỏ được cái cửa sổ cuộc đời do người viết mở ra. Và, cảnh quan, nhìn qua những cánh cửa sổ kia, thường vẫn làm lòng người đọc đau đớn, xót xa.

Biết làm sao hơn, khi ta đang sống "không phải trong thời bình". Một nhà văn gần như cả đời gắn liền với dòng sinh mệnh xã hội Việt Nam đã phải nói như vậy. Theo ngôn ngữ hiện đại, anh là một người cầm bút "dấn thân". Thế nhưng, cái trói buộc đời-văn hình như có tuổi thọ rất cao. Một bài thơ Đường tự đời nảo đời nao, qua bao chắt lọc — tôi đoán, dĩ nhiên là mỹ học có dự phần — còn được trân trọng giữa chúng ta, và làm chúng ta xúc động, lắm lúc cũng là vì những hạt bụi đời còn bám riết trong tứ thơ... Đôi khi cũng chỉ lại là chuyện đói cơm, thiếu áo. Chừng như nét quyến rũ của nỗi đau nhân thế vẫn bàng bạc trong thơ văn, khi bức tranh đời vẫn là sự pha trộn sướng khổ, thiện ác. Khi mà quỷ vẫn còn ở với người.

Tức là, dù thích dù không, xưa nay vẫn có vấn đề dấu ấn của người viết tài hoa trên cuộc đời, và tác động của cuộc đời trên nhiều người cầm viết. Nói cho cùng, có chạy lên núi để quay lưng lại với cuộc đời cũng chẳng qua là do tác động của cuộc đời mà thôi. Nếu không là cuộc đời bây giờ thì cũng là cuộc đời còn chôn dấu trong lòng, hoặc đã hiện ra trong tiên cảm...

Nhìn lại, trong giai đoạn lịch sử cận đại và hiện đại của dân tộc ta, đã có bao nhiêu thế hệ người cầm viết ở Việt Nam, bất kể lập trường, phe nhóm, đã lao vào cuộc sống: họ đã lên đường, đã xuống đường, đã nhập cuộc, đã bỏ cuộc, đã dấn thân, đã vong thân trong và bên cạnh dòng sống dân tộc. Cùng với các xáo động lịch sử, cùng với các thành phần dân tộc khác, người cầm viết Việt Nam đã tham dự cuộc sống bằng cách thế của họ. Và do đó, sinh hoạt của giới cầm viết — nếu ta có thể nói là có một giới cầm viết — cũng đa dạng, nhiêu khê, như cộng đồng dân tộc nói chung. Bằng không, không khí sinh hoạt văn học đã không lắm điều nhiều việc như nó vẫn là. Có rất ít những người đã thành danh trên văn đàn mà thân tâm không lấm bụi trần.

Và vì bị cuốn hút vào luồng dông bão của lịch sử, giờ đây, ở giai đoạn dân tộc ta phải nhìn ngắm lại chính mình, không ít người cầm bút lại hồ hởi đưa văn, đưa đời của nhau ra mà mổ, mà xẻ, mà truy tầm chân tơ kẻ tóc. Mà kiểm điểm số tháng số ngày anh đã đứng đâu, chị đã viết gì, và muôn ngàn câu hỏi tại sao. Để rồi, qua các cuộc khai quật ấy, đôi khi một số di cảo của một nhà thơ tăm tiếng - và tai tiếng - cũng đủ làm cho không ít người đọc thấy lòng chùng lại, xót xa vì tiếng nói đau thương cuối đời sao mà xé ruột. Lại cũng là trăn trở về những gì đã viết, hoặc không viết, những gì phải viết, được viết và

không nên viết,... Ôi, cái chủ nghĩa lý lịch trong nghiệp văn bút kể ra cũng khủng khiếp không thua loại lý lịch mà một nhà văn của chúng ta (xem Thế Giang, Mật vụ Đông Đức Stasi.., *TK21* 8-92) đã ước gì — như Vua Trần ngày xưa — dân tộc mình sẽ ném quách cái đống hồ sơ cũ vào lò lửa, để xoa tay mà cười vui với nhau rằng quá khứ kia là không hề có thật. Mà hướng về phía trước...

Tôi đã dùng chữ "người cầm viết" một cách lỏng lẽo, không có định nghĩa chính xác, một phần vì không dễ định nghĩa cái danh xưng chung chung này, đàng khác, hình như trong sinh hoạt viết lách của ta, một người cầm viết (!), nhất là khi đã thành danh, thường viết và bàn về nhiều thứ. Đây cũng lại là một thực tế làm cho việc thẩm định phần đóng góp có giá trị thẩm mỹ và chức năng, trách nhiệm xã hội của một người cầm viết thêm phức tạp. Trong thực tế, không hiếm khi vai trò của giá trị thẩm mỹ bị đưa xuống hạng hai. Đấy, tuy là một sự kiện đáng tiếc, cũng là điều dễ hiểu.

Vì không trốn chạy được. Người cầm viết đã phải đối mặt với cuộc đời, và tìm cho mình một cách ứng xử. Ở đây, quyền khước từ trách nhiệm xã hội cũng là một cách thế chọn lựa. Có người khác coi đó là trách nhiệm phải làm cho tròn. Có khi còn ghê hơn nữa: thiên chức. Khác biệt về tư duy, phong cách, lập trường,... thì vô vàn. Người đọc vừa thấy ngoạn mục, vừa chóng mặt. Nhưng không ai lại đi đòi một sự nhất loạt, sự đơn điệu. Chỉ những kẻ có quyền tuyệt đối hoặc tự cho là mình có quyền tuyệt đối mới trịch thượng và xuẩn đến độ đòi hỏi như thế. Người đọc, khổ thay, chưa bao giờ coi mình là người có quyền.

Tôi có nói tới nhận xét là đa phần người đọc giữ im lặng. Đó là tai hại lớn. Tai hại cho họ là phần ít, cho người cầm viết là phần nhiều. Chỉ cần một chút ơ hờ, người cầm viết sẽ giống như đang nhảy vào cái giếng không đáy. Người cẩn trọng nghĩ tới đã thấy sợ. Có người nhảy mở mắt, có người nhắm mắt, có người bị xô xuống. Trong lúc đó, bên cạnh vốn sống và tri thức đã tích lũy, với phương tiện truyền thông hiện đại, người đọc có đủ mọi cơ hội để tiếp thu một cách bình đẳng với người viết các thông tin và tín hiệu về cuộc sống. Và vì là người đọc, không phải nhảy xuống giếng, thường họ khá tỉnh táo. Số người tận dụng được ưu thế này tuy chắc chưa nhiều lắm, nhưng khá đông trong số họ còn trẻ, do đó người cầm viết sẽ còn gặp họ lâu dài hơn.

Điều này càng đặt ra những đòi hỏi cao hơn nữa về tri thức, sự mẫn cảm, tấm lòng và sự khiêm tốn ở người cầm viết. Nhất là những người chấp nhận một quan hệ xã hội nào đó ở những gì họ viết ra. Ít ra, người viết cũng biết tự trọng và trọng người đọc. Mặc dù rằng, như một số người từng cảnh giác, người viết cần ý thức khả năng tác động hết sức giới hạn của tác phẩm họ lên cuộc sống, nhất là trong cuộc đương đầu với các vấn đề gai góc của xã hội, giả dụ như chính trị.

*

Sự mở khép một giai đoạn lịch sử sôi động, đầy sự biến, của một dân tộc

thường lưu lại những dấu ấn lớn trong văn học của dân tộc ấy. Dân tộc ta cũng không ra ngoài thông lệ. Điều đáng nói là bước ra cuộc chiến tranh đẫm máu vừa qua, chừng như dân tộc ta đã không có đủ trí và tâm để hàn gắn lại các đổ vỡ của mình. Đây là một điều rất đáng buồn và cũng đáng xấu hổ. Trong tiến trình đi lên làm con người, có lẽ nơi một cái *gene* nào đó trong chúng ta đã từng ghi nhận được các ký hiệu về phản xạ cuả một con thú biết cúi xuống liếm chính vết thương mình, để làm dịu nỗi đau, để hàn gắn lại cái đổ vỡ thân xác, ngay cả khi con thú chưa hề ý thức được niềm đau tâm linh của nó. Chỉ có những con thú cùng đường, khi mà linh cảm của sự hủy diệt mạnh hơn ý thức sống mới lao vào hành động tự hoại cuồng điên. Tôi không tin dân tộc ta ở trong cái tình huống khắc nghiệt đến như vậy. Trừ phi, chúng ta vẫn kiên trì tạo ra tình thế dẫn tới tình trạng ấy.

Tôi không ám chỉ riêng ai, một việc làm sẽ phủ định chính dòng suy nghĩ khiến tôi viết bài này. Đồng thời, tôi thấy mọi người, và mỗi người chúng ta đều có cái yêu cầu tự giải phóng ra khỏi những uẩn khúc của một thời đã qua, một lần tắm gội trên dòng sông Hằng của tâm linh, xoá sạch những gì cần bôi xoá, nhất là những rào dậu, chông gai ngăn cản sự làm lành các vết thương, làm êm ái hơn những xúc cảm, và làm lớn lên niềm ao ước cho hạnh phúc của nhau. Thường khi, sự kềm chế nhỏ hẹp nhìn thấy quanh ta không phải do tinh thần trách nhiệm đáng quý của người cầm bút mà ra, chúng là cương tỏa, trói buộc, cấm đoán thật vô nghĩa.

Có thể, cương tỏa kia chỉ là "những vòng phấn" do một ngoại lực áp đặt, mà cũng có thể là những ngộ nhận, mặc cảm, những hiềm thù, nghi kỵ hoặc đố kỵ mà ta đã tự trói mình, trói nhau. Thói thường, kẻ ngoại thù là dễ thấy dễ nhận ra, dễ cho ta chỉa mũi dùi phản kháng về nó. Còn khi kẻ áp chế lại chính là tự thân ta thì lại khó khăn hơn. Không vượt qua được các vướng víu ấy, người ta sẽ tạo ra cho chính mình những tình huống dở khóc dở cười.

*

Vừa rồi, cuối tháng 6-92 tại Montréal (Canada) đã xảy ra vụ lộn xộn chung quanh (ngoài rià ?) cuộc triển lãm tranh và sách đánh dấu 35 năm cầm cọ và cầm bút của Võ Đình. Nhiều báo, kể cả Hợp Lưu đã đăng các chi tiết quanh vụ này. Nhìn lại, đây là một xáo động có vẻ chỉ liên quan gần gũi tới một số, dù có thể là đông, những người có tham dự vào sinh hoạt báo chí, văn học, nghệ thuật trong cộng đồng người Việt ở Bắc Mỹ. Tức là, trong cách nhìn thông thường, nội vụ tương đối thu hẹp trong một vài giới, mà do thực tế sinh hoạt, gần như mọi người có dính dáng nếu không quen cũng có biết đến/về nhau. Những cái vòng quen biết, giá mà trên đời này chỉ có những lúc vui anh vui em, cơm lành canh ngọt, phút vui quanh chén rượu, chung trà, người ngoài nhìn vào chỉ thấy đó là những "thân hữu".

Còn có thứ danh xưng khác, cũng hay được dùng để chỉ những người này: làng văn, hoặc/và làng báo. Những tên riêng mà chung, không viết hoa. Một sự chỉ định hàm ý thanh nhã, có một phong vị văn hoá, và chắc cũng hàm

chứa thâm tình. Sự kiện nhiều văn nghệ sĩ từ nhiều nơi tề tựu về Montréal để góp vui với nhà văn-hoạ sĩ Võ Đình có thể xem là một biểu trưng của tinh thần tốt đẹp ấy.

Tôi không cố ý phân chia ranh giới trong sinh hoạt chung của cộng đồng — một việc làm rất là không nên. Tôi chỉ cố gắng đặt tầm cỡ vụ này vào vị trí tương xứng của nó.

Nhiều người đã viết, đã lên tiếng về nội vụ (1). Tôi là người đọc, cũng có theo dõi, vậy thôi. Tình cờ, đọc bài Nhận Định của Trung tâm Văn Bút Việt Nam/Ontario, ký tên: Trà Lũ Trần Trung Lương, Chủ Tịch (*TK21* 8-82), tôi đâm ra có vài nghĩ ngợi.

Cá nhân tôi, không có liên hệ hay cảm nghĩ riêng, thế này hoặc thế khác, về tổ chức PEN quốc tế, và các Hội quốc gia hoặc không quốc gia của *Club* này. Trong sinh hoạt nghề nghiệp có lẽ nhiều người trong chúng ta cũng quen với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế hoặc quốc gia. Và xem đó là việc bình thường, việc riêng của mỗi người, một số người.

Bản nhận định nhằm đặt vấn đề về lập trường của Ban chấp hành đương nhiệm của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Qua bản Thông cáo ngày 6-7-1992, VBVNHN lên tiếng "cực lực phản đối mọi thế lực cưỡng bức tự do sinh hoạt, tự do phát biểu tư tưởng của giới cầm bút Việt Nam tại hải ngoại". Dựa vào điều lệ riêng, của tổ chức "những người cầm bút có lập trường Quốc Gia Dân Tộc", ông Chủ tịch Trung tâm, Trần Trung Lương, đã lên tiếng và đặt vấn đề với VBVNHN. Đây là chuyện trong nhà của một hội đoàn, tức là việc riêng. Và người ngoài cuộc không nên và không cần động đến. Ngay cả khi chuyện được bàn cãi công khai trên báo chí, người đọc nếu thấy vấn đề bổ ích, có giá trị thì đọc để mở mang kiến thức, thấy ngộ nghĩnh thì cười hoặc nhăn mặt, còn nếu thấy vô vị, hoặc quàng xiêng thì bỏ qua. Hay tiếc rẻ cho vài trang giấy mình phải bỏ tiền mua.

Thế nhưng, bản nhận định đã đi xa hơn các vấn đề riêng của Văn Bút, nó mang theo những nhận định rất rộng, rất bao trùm liên quan đến người viết ở hải ngoại nói chung, tức là có cớ để người đọc lưu tâm:

"Một người cầm bút ở hải ngoại, dù nhìn từ **bất kỳ góc cạnh nào** (tôi nhấn mạnh - LT), thì căn bản ông ta vẫn là một người tị nạn cộng sản, bỏ cộng sản mà đi. Nếu không thì đã chẳng có quốc gia tự do nào đón nhận ông ta, đã chẳng có mảnh đất nào dung nạp để ông ta thoải mái viết văn làm báo. Cho nên khi chối bỏ xuất xứ tị nạn cộng sản, thì đã là kẻ phản bội lại chính mình."

Hình như tác giả bản nhận định muốn khẳng định một thứ vị trí và trách nhiệm nào đó cho người cầm viết ở hải ngoại, bất kỳ người đó là ai, dựa trên "căn bản": "ông ta vẫn là người tị nạn cộng sản". Tôi nói hình như vì không thấy tác giả khai triển cho rõ ý một người cầm bút tị nạn cộng sản là phải làm gì và ra sao, ngoài sự kiện ông ta nhờ cái danh hiệu đó mà được một "quốc gia tự do đón nhận", "dung nạp", và đặc biệt là được "thoải mái viết văn, làm báo". Người đọc vẫn không nhìn thấy một điều gì khả dĩ nói lên cái ý thức tự

thân làm nên thái độ, trách nhiệm, và phẩm chất của một người cầm viết "bỏ cộng sản mà đi". Trong khi đó, thực tế cho ta thấy không ít những người cầm viết tâm huyết ở hải ngoại, không cần khoác cho mình thứ nhãn hiệu nào cả, đã nói lên nỗi đau đớn ê chề của dân tộc, nỗi lầm than của đồng bào, và những ước vọng chân thành cho một quê hương hoà bình, ấm no, hạnh phúc. Còn có không ít người cầm viết sẵn sàng có những hành động cụ thể để làm một điều gì đó lợi ích cho quê hương, xứ sở.

Sau cái mớ chữ hổ lốn mà thực chất lại rỗng không về lý lẽ, người đọc chưa kịp biết mô tê, ất giáp gì về cái chuẩn mực mà VB Ontario muốn đặt ra cho người cầm viết, thì đùng một cái, trong cùng một đoạn văn, ta lại thấy lòi ra một thứ tội thật lạ lùng, mà cũng không kém ghê gớm: "Cho nên khi **chối bỏ xuất xứ tị nạn cộng sản** (LT nhấn mạnh), thì đã là kẻ phản bội lại chính mình". Nói nghe như đùa, nhưng thoắt cái, người ta đã biến những ý niệm mơ hồ, bất định mà tự thân người rao giảng không làm rõ nghĩa, và chủ quan mỗi người đều có thể hiểu khác nhau, thành dây trói quàng ngay vào cổ người mình không ưa, và nó trở thành một thứ cáo buộc nghe rất nặng nề. Chủ tịch của tổ chức quy tụ một số người cầm bút viết văn mà còn làm được việc như thế, trách gì với cái dân trí nông thôn miền Bắc của thập niên 50, các ông Mao nhiều Mao ít lại chẳng cổ súy được một đám người cùng khốn làm ra một vụ đấu tố "cường hào địa chủ" ra trò ?.

Ngay cả mỹ từ "tự do" cũng mau chóng trở thành trơ trẽn, khi liền tức thì theo đó, ông Trà Lũ công kích một sự chọn lựa, một thái độ của những người cầm viết ông không đồng tình. Điều đáng buồn là ở cách thế lập luận của ông: như một kẻ chỉ điểm văn nghệ, ông "tiết lộ" hoạ sĩ Khánh Trường đã từng triển lãm ở một nơi mà ông Trà Lũ xếp loại là "CS". Vậy mà tôi vẫn tưởng người cầm viết Trà Lũ trân quý cái "tự do", hoặc rẻ mạt đi nữa cũng là sự "thoải mái" của người cầm viết lắm. Hoặc ông cũng tin rằng cái thứ tự do bên trong lằn phấn của ông vạch ra "còn tự do gấp ngàn lần hơn" ở nơi khác? Đó là tôi giả dụ Khánh Trường thật sự đã triển lãm tại Nhà Việt Nam (Paris).

Và, thêm vào trò chơi cáo buộc ấy, những người viết bản nhận định kia lại vận dụng tới danh nghĩa của đám đông: "đông đảo quần chúng", của "đồng bào từ nhiều phiá", và "tiếng nói của đám đông". Thú thật, tôi cứ ngỡ, đã là một người "tị nạn cộng sản", cầm bút hay cầm kềm, búa cũng thế, ai lại chẳng ngán lắm rồi các thứ ngoa ngôn, mạo nhận những danh xưng lớn lao để áp đặt lối lập luận, suy diễn riêng, lắm lúc đến là què quặt, kỳ cục của một nhóm người.

Chuyện tranh cãi, dù nẩy lửa, về các vấn đề chính trị là quyền, đôi khi rất cần thiết, của người cầm viết. Thế nhưng, xin các ông đừng dùng ngoa ngôn, mỹ từ một cách hồ đồ, rỗng tuếch, để làm những việc chỉ điểm văn nghệ nhỏ nhoi, để rêu rao những ý niệm nửa vời, nói không ra lời, rồi lại nhân danh cái tập thể đông đảo chung quanh làm cho nhốn nháo thêm. Cách hô hoán lạc lõng này chỉ làm phiền hà người đọc một cách vô ích. Nó càng làm cho một

lớp người đọc chán ngán cái sinh hoạt chữ nghĩa của người Việt mình ở hải ngoại. Nói ông Trà Lũ đừng buồn, nếu cứ tiếp diễn cái kiểu nhận định của ông, rồi đây càng thêm lắm người thấy giao lưu văn hoá là cần thiết. Ít ra cũng là để mở rộng vùng trời suy tưởng, tìm kiếm một cái gì có giá trị hơn, đáng lưu tâm hơn, cho cuộc sống.

Những lúc mà người cầm bút — vốn nhiều chữ, lắm ý — bắt đầu nói năng quờ quạng, ấp úng, vu vơ là lúc người đọc cũng băn khoăn. Vì họ nhìn thấy có một sự thiếu tôn trọng nào đó ở phiá người cầm viết. Hoặc người viết thiếu tự trọng, hoặc thiếu tôn trọng người đọc, hoặc cả hai. Xin đơn cử thêm cách nói sau đây của ông Nguyễn Hữu Nghĩa, cũng về "vụ" Montréal: "... Điều đáng lưu ý là nhân dịp này, một số khá đông những người cầm bút có lập trường chính trị **không rõ rệt** (LT nhấn mạnh) đã từ California và Toronto tụ về,..." Thiết tưởng, chỉ những kẻ có lập trường thế này hoặc thế khác mới là đáng quan tâm, còn với kẻ có lập trường "không rõ rệt" thì việc gì mọi người phải nhọc công ? Tôi đành phải nặn óc xem tại sao ông Nghĩa lại phải lên tiếng một cách lờ mờ như thế. Ít ra tôi cũng có vài cách để giải thích kiểu nói lập lờ này: hoặc ông Nghĩa không dám chắc mình đang nói gì nhưng vẫn cứ nói, hoặc ông cố tình "tự kiểm duyệt" đi hai chữ "chống cộng" đàng sau chữ lập trường, khiến cho câu văn của ông cũng thiếu đi cái lập trường chính trị rõ rệt. Giả thiết thứ hai có vẻ ngộ nghĩnh hơn.

Nó ngộ nghĩnh bởi vì có người sẽ tự hỏi tại sao ông Nghĩa lại tránh cái từ quen thuộc, một thời ăn khách, này ? Câu trả lời "hợp thời trang" có thể là: "Đổi mới tư duy" cho hợp với thời bước vào thế kỷ 21. Vì sẽ rất buồn cười nếu ông Nghĩa vẫn tiếp tục đánh nhau với cái xác chết mà chính ông đã nhiều lần kéo chuông báo tử: chủ nghĩa Cộng sản, điều kiện sinh tồn của "chủ nghĩa" chống cộng.

Đến đây tôi lại càng thấy tội nghiệp ông Trà Lũ, vì ông đã phải đứng tên cho một văn bản kỳ cục như bản nhận định của VB/Ontario: Tại sao khi đặt vấn đề trách nhiệm của người cầm viết các vị lại phải bê cái mớ lập luận cũ mèm từng bị dùng và không có hiệu quả, trong vụ hô hào chống du lịch Việt Nam ? Tôi cho rằng đó là một sự bế tắc, sự dậm chân tại chỗ của một khuynh hướng tư duy. Đó là nói cho có vẻ nghiêm trọng, cho có chút "nội dung chính trị" tương xứng với các danh nghĩa lớn cuả các vị. Còn nói nôm na, đó là bí đề tài nên đâm ra nói càn.

*

Vụ rắc rối ở Montréal được mệnh danh là vụ "động đất", nhà văn Nguyễn Mộng Giác thì gọi đó là "động đậy". Tôi rất khoái chữ động đậy này. Tôi sẽ nói rõ thêm lý do tôi "kết" cái chữ ông Nguyễn Mộng Giác dùng. Nhưng trước hết, xin trích cả câu ông Giác nói cho nó đàng hoàng, chính xác, tôn trọng ý người khác:

Hỏi: Thế vụ Montréal không phải động đất hay sao ?

Đáp: Động đất cái gì ? "Động đậy" cho người ta khỏi quên thế thôi. (*Văn*

Học, 8-92)

Hoá ra, từ cái chữ làng văn (không viết hoa) đã nói tới ở trên, đã sản sinh ra trong tâm thức một số người một thứ nếp sống làng xã riêng, chật hẹp, tù đọng, nhàm chán đến độ thi thoảng họ thấy hoảng sợ bị đời quên lãng ? Đây là một bệnh chứng xã hội kêu đòi những nhà nghiên cứu phải quan tâm.

Tôi không dám đùa dai. Xin dẫn ra đây một trường hợp bệnh chứng khác.

Trong bài bút ký viết về một làng quê miền Bắc Việt Nam hiện nay, nhà văn Tạ Duy Anh - bạn đồng Khoá 4 trường viết văn Nguyễn Du với Thao Trường, Chu Lai, Lê Thị Mây, và Bảo Ninh - có nhắc tới cái tình trạng người làng tíu tít vì chơi đề:

"Từ ngày có đề, đời sống "tinh thần" của làng nhộn nhịp hẳn, những mối giao tiếp tăng lên, phá vỡ cái u tịch, trầm uất của cảnh sống quá ư đơn điệu.

"Tôi giật mình khi nhận ra điều đó. Nếu xét ở khía cạnh đạo đức thì sự phấn kích trên có cái gì đó rất đồi bại, như một cơn giẫy chết của văn hoá. Nhưng xét ở khiá cạnh khác thì sự thể quá lắm chỉ đến nực cười, song rõ ràng nó đã thỏa mãn một nhu cầu nào đó. Phải chăng đấy là sự thích ứng của căn bệnh nguy hiểm nhằm chống một căn bệnh dai dẳng là sự tăm tối. Nó giống chất ma tuý tinh thần lấp vào khoảng thiếu vắng đạo đức, kỷ cương, thiếu vắng niềm tin và hy vọng. Trong cơn vùng vẫy thoát khỏi một thế giới tù túng, người ta sẵn sàng bám vào mọi phương tiện và đề chính là một trong những phương tiện đó. Chỉ cần trăm bạc (rẻ hơn nhiều lần tấm vé xem phim bãi) mà người ta có đủ cả: được vui, được tụ hội, được động não và thêm vào đó được hy vọng, mặc dù thật thảm hại." (Tạ Duy Anh, "Về thăm quê", *Văn Nghệ* số 28)

Tạ Duy Anh viết về quê ông, Làng Trại, sát nách Hà Nội. Nhưng, sao nghe nó quen thuộc với hoàn cảnh nhiều nơi, nhiều làng, mà trong đó sự tù hãm của trí tuệ con người vẫn còn xảy ra hàng ngày. Nếu không bị cuốn vào bàn tán, mơ ước, mất ăn, mất ngủ vì đề thì có lẽ người ta lại phải xoay ra một niềm phấn kích nào đó, để cho cuộc sống tù túng có được chút "vui".

Cũng nói về làng xã, nhà văn Nguyễn Khắc Trường đã viết: "Thế mới biết, ngay một làng nhỏ như cái mắt muỗi, người ta cũng không khuyến khích xuất dương, không thích mở cửa ra ngoài." (*Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma*, NXB Hội nhà văn, Hanoi, 1991)

LÊ THỨ (Hoa Kỳ - 8-92)

(*) Mặc dù rằng thỉnh thoảng, do có những điều muốn viết và cần viết, tôi có ghi suy nghĩ của mình lên trang giấy và gửi đăng báo, tôi vẫn tự coi mình là một người đọc hơn là một người cầm viết. Bài này được viết từ góc nhìn của một người đọc như thế. Dĩ nhiên, không vì lẽ đó tôi dám coi nhẹ trách nhiệm về những gì mình sẽ viết ra, cũng như, tôi không hề chọn thái độ đứng ngoài để thấy mình vô can.

(1) xem Thế Kỷ 21, số 40, 8-1992. các bài ở trang 80, 81, 82; xem Hợp Lưu, "ngày... tháng...", Kim Thi.



BILLY CHILDISH
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch

kera

tôi ra ướt quần lót
nằm trên giường
nghĩ tới một con bé
tôi đã gặp chỉ một lần
trong 15 phút

tôi siết chặt thằng
nhỏ và
đời sống vọt
ra

bầy mèo mửa ói
dưới chân
giường
và tôi nếm vị
chè miêu
trong cổ họng
mình

tôi bước
xuống giường
đi đái và
ỉa
nhận cái cú đấm
của trời lạnh

tôi dọn xuống tầng dưới
trong lúc các nước trên thế giới
bị nạn đói và sụp đổ

BILLY CHILDISH

BC là một nhà thơ trẻ người Anh Cát Lợi, xuất thân từ giai cấp lao động. Dùng ngôn ngữ hàng ngày để làm thơ, thơ BC chính là cuộc đời anh, tuyệt vọng và bình thường, thản nhiên và thẳng thốt.



THƯỜNG QUÁN

vong tán

Lũ gió đuổi đằng sau cây bưng mặt tối
Bồng nắng sớm bối lá xoay trở trên thân đắp vết cắt sẫm màu.

Không gian đêm vừa dọn mình mưa từng kêu hồi tắm dội
Nắng yếu trên một vạt hông rồi một bắp chân lướt đi mau.

Cỏ gập hoang dại tiếng nước cong bứt ràn vỡ
(Hay gió đang đánh lừa cho một ngoái nhìn?). Đằng sau

Mây trắng căn phòng trống lá cửa dường chưa hẳn khép
Dưới chân núi hoang một con tàu sắt bãi biển vùi nông.

Lũ gió từng cháy rơm rạ rủ rê ngã xuống dưới mây khối ngã dạng,
khép lại, trầy sướt
Thở hoen rỉ ga trạm những ngực sườn đỏ sắt bần bật qua cơn, lạnh
rừng
Nước một ngày trống tạnh đứng dậy thở hắt không biết
Vì sao tan vào nắng nhuộm không cả bóng bãi mất lại đi, đi không
dừng chân.

6-92
THƯỜNG QUÁN



THẬP LANG

sự tích ba cái làng

Chữ nghĩa văn chương
Không bằng cái xương con cá ngạnh.
Te te, lái lái
Không bằng cái d. anh học trò.
(Phong dao)

1.
Làng Vạn

Làng Vạn là một xóm của những người làm nghề đánh cá, nơi đây ngày xưa là một làng chài lưới, nếu gọi cho đúng nghĩa, phải gọi xóm chài. Nhưng theo dân địa phương, người ta gọi những xóm thuộc làng đánh cá này là làng Vạn. Vạn đây là vạn nghề. Vì chỉ có đánh cá thôi chưa đủ sống, phải làm đủ nghề, như làm nước mắm, làm mắm tôm, làm muối và buôn bán, hầm bà làng như thế nên gọi là xóm vạn nghề. Để ngắn gọn, dễ gọi, người ta gọi là xóm Vạn, hay làng Vạn.

Làng vạn nằm trên khúc sông hiu quạnh, khúc sông hiu quạnh nằm trên dòng sông Cả chảy từ Ngàn Tươi xuống Chế Bấn. Hai địa danh lịch sử của miền Trung. Ngàn Tươi gắn liền với núi Vũ Quang, nơi chiến khu của Phan Đình Phùng chống Pháp. Chế Bấn, cửa sông chảy ra biển, ở đây nàng Mỵ A vợ vua Chiêm Thành quấn mền nhảy xuống sông tự tử, để khỏi bị ông vua nhà Lê, Việt Nam thắng trận làm nhục.

Chế là vùng đất buôn bán sầm uất của Hà Tĩnh, nơi đây ngày xưa tập hợp những trai thanh gái lịch của vùng này, nên trong ca dao của đất nước có câu.

Thuyền về đậu bến mà chơi
Thuyền xuôi chợ Chế cho tôi về cùng.

Dòng sông Cả chảy từ Trường Sơn, xẻ mảnh đất Nghệ Tĩnh ra làm hai, nơi ít của người đông, đất chật chội. Nhưng lạ thay, đến khúc sông hiu quạnh, cũng giống như các khúc sông khác, cũng lở, cũng bồi, cũng hai mé sông đầy cỏ gai, thế mà trên khúc sông này không có một chiếc thuyền chài đánh cá, hai bên bờ không lấy một túp lều tranh và một ngọn khói lam chiều trổ lên khi hoàng hôn buông xuống, trừ những thuyền bè buôn bán lướt nhanh trên

đoạn sông như cấm kỵ này. Do đó người ta mới gọi là khúc sông hiu quạnh.

Thuở nhỏ, lúc còn đi học, tôi đi qua khúc sông hiu quạnh này nhiều lần, lần nào tôi cũng phải đi vào buổi sáng sớm hay buổi chiều. Buổi đứng bóng (trưa) theo chị tôi bảo, đó là lúc ma ngày hay xuất hiện nhất. Ban đêm bóng tối thì dĩ nhiên. Trên bờ khúc sông hiu quạnh đó có một bãi cát thật rộng mà người ta gọi là làng Vạn.

Lúc tôi lớn lên thì làng Vạn đã không còn một bóng người, đó chỉ là nơi đồng không mông quạnh. Nhưng ngày xưa nghe ba tôi nói, nơi đây đã có một thời là một cái làng sầm uất nhất trong vùng. Làng Vạn lúc này chỉ còn là một bãi cát, có lẽ chưa tới một trăm năm như thi sĩ Tố Như tiên liệu, nhưng đã có những cuộc bể dâu trên bãi cát nơi đây.

Giữa bãi cát có hai ngôi mộ vô chủ như mộ Đạm Tiên. Giữa hai ngôi mộ có một ngôi miếu nhỏ, nhang nến lạnh tanh. Chứng tỏ năm thì mười họa mới có một người từ tâm qua lại, thắp lên cho kẻ quá cố, cô đơn một nén nhang.

Một lần đi qua bãi cát làng Vạn ba tôi nhân tiện kể cho tôi nghe về lai lịch của cái làng bên bờ khúc sông hiu quạnh này.

Ngày xưa, có lẽ cũng đã khá lâu, nơi đây nguyên thủy vẫn hiu quạnh như thế này. Tuy nhiên dù là lúc hoang sơ vẫn có những người chài lưới và những người sống thong thả trên dòng sông. Họ đánh cá, họ nhìn hoàng hôn đến, họ đón một cánh chim bay qua lưng chừng trời. Họ nhìn con nước lên xuống. Họ chờ đợi một tiếng hò văng vẳng từ xa vọng về. Nơi đây lúc đó tuyệt đối không có một cái gì gọi là cạnh tranh bất chính, kèn cựa gian dối của xã hội loài người.

Rồi một hôm, có một cặp vợ chồng làm nghề tiều phu đến làm một chiếc lều trên bãi cát bên bờ sông hiu quạnh. Cái nghịch lý bắt đầu từ đấy, ông tiều phu thì làn nghề đốn củi trên rừng sao lại về dựng lều bắt cá trên dòng sông? Tuy nhiên, vì có cái nghịch lý ban đầu nên mới có câu chuyện sự tích làng Vạn để ba tôi kể cho tôi và nay tôi kể lại cho độc giả về câu chuyện làng Vạn này.

Mỗi người mỗi nghề và không phải ai cũng có thể làm bất cứ nghề gì mình muốn. Cụ Phan Khôi, trong chuyện *Ông Năm Chuột* đã mượn lời nhân vật Năm Chuột nói: "Tôi không nói chuyện văn chương với ông, cũng như ông không dạy nghề thợ bạc cho tôi..." Ở đây cũng thế, mỗi người một nghề, và nghề nào cũng có những đặc tính và lĩnh vực riêng của nó. Nghề đốn củi nó mộc mạc như rễ cây cổ thụ, nó đơn sơ như cành cây khô, nó thẳng băng như cây dao phát rừng. Còn nghề đánh cá nó đã tiến lên một bậc văn minh của xã hội loài người, như từ nguyên thủy, con người tiến từ kinh tế hái trái đến nền kinh tế nông nghiệp, ngư nghiệp phải trải qua hàng vạn năm. Do đó nghề bắt cá phải dùng đến trí khôn nhiều hơn là bắp tay như bác tiều phu.

Tuy nhiên, con người thuở nào cũng có người ngay kẻ gian, người tốt bụng cũng nhiều và đám người ti tiện cũng không thiếu. Nhất là nơi miền quê hoang dã, dù sao người tốt lành còn nhiều hơn kẻ xấu bụng. Cho nên khi hai

vợ chồng bác tiều phu về dựng lều bắt cá thì những nhà đánh cá chuyên môn tìm đến chỉ vẽ.

Một bác chài lưới nói với người chồng, nghề đánh cá không giống nghề đốn củi, con cá nó sống dưới nước, nó có xã hội riêng của loài cá, muốn bắt ta phải nhập vào thế giới sinh sống của nó, mới biết được đường đi lối về của con cá dưới dòng sông nước chảy. Người đánh cá phải là một nhà thiên văn, biết thời tiết nắng mưa, mùa cá đi ra biển, mùa cá trở về sông và con nước dòng sông lên xuống mỗi ngày, mỗi hai mươi bốn giờ của quả đất xoay chuyển.

Vợ chồng bác tiều phu là những người sáng dạ và có tài bắt chước, nên chẳng bao lâu học được những mánh khóe bắt cá mà các ngư ông chân chính truyền cho.

Rồi một năm trời làm cơn lụt. Cơn lụt làm cho dân gian trong vùng trở nên đói khổ, và chính những người nghèo đói đó phải tìm về dòng sông nơi đây để kiếm ăn. Do đó hai vợ chồng lão tiều phu ngày xưa bây giờ đã trở thành một ngư ông, tụ tập được một số người làm thành cái xóm Vạn trên bãi cát này.

Con người ta vẫn thế, lên ngai vàng rồi quên mất con đường chiến đấu đưa đến ngai vàng và quên những ai đưa mình bước lên ngai vàng. Khi bãi cát trở nên một xóm làng sầm uất, lão tiều phu cho người đóng thuyền bè, đổ xuống dòng sông bắt cá. Tự nhiên hắn làm chủ nhân ông cả một dòng sông. Buổi sáng hắn dắt vợ lang thang trên bãi cát, như một triết gia, buổi chiều hắn đón những thuyền bè của ngư ông trở về, chia hai lợi tức trong ngày của mỗi ngư ông làm quần quật trên dòng sông từ sáng đến chập tối. Và, tự nhiên hắn trở nên giàu có. Lúc này hắn vênh vang tự bảo: *"Chữ nghĩa văn chương không bằng cái xương cá ngạnh"*.

Nhưng con người sinh ra chỉ lừa đảo được con người, vạn vật và vũ trụ có những quy luật mà sự lừa đảo của con người không qua khỏi những quy luật đó. Ngày xưa người ta đánh cá để mưu sinh, ngày nay hắn bắt những ngư phủ đánh cá để làm giàu, thương mãi. Ngày xưa người ta bắt một con cá thì dòng sông sinh thêm mười con cá, ngày nay vì nhu cầu thương mãi, bắt mười con cá không sinh thêm được một con, nên cá dưới sông biến mất. Do đó cảnh người hành người mỗi lúc mỗi thêm trầm trọng và tội tình. Những người khốn khổ ngày xưa tập hợp về sinh sống nơi bãi cát này để mưu sinh, một lần nữa họ phải bỏ ra đi vì cái nhu cầu đòi hỏi cấp bách của bao tử.

Đám ngư phủ ra đi, còn lại hai vợ chồng tiều phu ngày nào, sự giàu sang của lão tiều cũng tan rữa ra như cái hang con dã tràng trên bãi cát dòng sông.

Rồi những ngày mùa đông đến, gió lạnh tìm về, người tiều phu cô độc đem chài lưới ra dòng sông bắt cá, nhưng lặn lội cả ngày không được một con cá nhỏ. Trời sinh đẻ ra cá, lòng tham chỉ giết được cá, không sinh đẻ ra được con cá nào.

Đã hơn một tuần, người chồng ngày nào cũng ôm cái lưới rách về, không

kiếm nổi một con cá nhỏ cho hai vợ chồng cầm hơi. Lúc này hắn muốn trở về rừng đốn củi, nhưng mọi sự đã quá trễ. Ngọn gió bấc thổi về giết hắn và vợ hắn đang đói rét thâm tím cả người chờ hắn trở về từ dòng sông với tấm lưới rách.

Lúc này hắn mới nghĩ *"te te lái lái không bằng d. anh học trò"*.

Một ngày mùa đông, người ta phát giác cả hai vợ chồng ngày xưa làm nghề đốn củi nằm chết đói trên bãi cát của dòng sông. Những người ngư phủ chân chính động lòng, góp tay chôn cất hai vợ chồng tiều phu trên bãi cát làm thành hai nấm mồ nằm song song bên nhau.

Về sau, một gã lái trâu đi qua bãi cát, hắn biết được câu chuyện của gã tiều phu tham lam. Hắn nghĩ, đã có lần nghe nói, con người sống dại trên thế gian thì thác về âm phủ lại khôn ngoan, do đó gã lái trâu lập cái miếu để cầu lợi trong con đường buôn bán.

Từ đó người ta đặt cho khúc sông này là khúc sông hiu quạnh. Và cho đến nay, những con cá dưới dòng sông vẫn chưa trở về với những bác ngư phủ chân chính.

2.
Làng đại học

Làng đại học thì ai cũng biết, nó nằm trên con đường xa lộ Thủ Đức, người ta lập nên làng đại học Thủ Đức để ưu đãi những nhà trí thức miền Nam dưới các chế độ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Nhưng các nhà trí thức khoa bảng miền Nam có được ưu đãi hay không đó là chuyện khác. Và chính là chuyện khác đó mới sinh ra câu chuyện tôi sắp kể sau đây.

Số là ngày còn đi học, tôi có một người bạn tên Phan Lệ Ân. Hắn đang học cấp hai tại miền Bắc, nhân vụ Quỳnh Lưu nổi dậy, hắn và một nhóm người bỏ trốn miền Bắc sang Lào và tới được miền Nam. Ở đây Lệ Ân tứ cố vô thân, nên đối diện với cái nghèo. Hắn học năm được năm không nên cứ lận đận với chiếc tú tài đôi mãi. Trong thời gian này hắn may mắn được một bà giàu có ở trong làng đại học Thủ Đức nhận làm em nuôi. Hắn mừng lắm, nhưng khi vào làm em bà giàu có mới biết, bà ta nhận hắn làm em vì cần một tay chia bài cho các bà nhà giàu trong làng đại học. Hắn nói, ngày chưa bước chân vào đây, tưởng làng đại học là làng của những kẻ chữ nghĩa, không ngờ nơi đây gồm những bà sồn sồn giàu có không biết chữ hay chỉ biết đọc biết viết, thời thế và chiến tranh kích họ lên làm giàu, để cả ngày sát phạt nhau bằng những con bài đen đỏ trên chiếu bạc.

Trong những ngày đầu, thấy hắn lưỡng lự làm cái công việc chia bài, bà chị nuôi bắt đầu lý luận với hắn, bà nói: Học làm gì cho lắm, đời tao chưa bao giờ cắp sách và đến ngồi vào ghế nhà trường lấy một ngày, thế mà nay tao làm chủ đến năm căn nhà trong nơi mà thiên hạ gọi là làng đại học. Bà chị mở cặp kiếng già, hạ thấp khuôn mặt có lẽ ngày xưa cũng thuộc về loại gái xinh xắn lắm, bà nhìn thẳng vào mặt thằng em nuôi khờ dại mà bảo: "Ta hỏi

mày, mấy thằng mà mày gọi là ông thầy của mày có ai mua nổi căn nhà trên làng đại học được chưa? Chữ nghĩa và khoa bảng mà làm gì em, Trời cho là nhất. Canh bạc mà trời không cho, ù đến nơi rồi cũng phải bỏ, đừng nói chi đến cuộc đời. Em học đến thế đủ rồi, tập làm bài chia bài, rồi một ngày trời ghé mắt lại, em làm giàu như chị trên chiếu bạc mấy hồi."

Hắn theo bà chị một thời gian, phải bỏ bà chị trở về làm thằng học trò nghèo. Cái triết lý của bà chị nuôi dưỡng như hắn không tiêu hóa nổi, nhưng lại là nhân sinh quan của những kẻ giàu có trong cái làng mang tên của những kẻ khoa bảng Miền nam Việt Nam lúc bấy giờ. Làng đại học.

3.
Làng văn chương

Làng văn chương là thối thân của biến cố năm 1975 của miền Nam Việt Nam. Cái thối thân của biến cố đó nó đẻ ra nhiều cái nghịch lý, trong đó có cả mặt chữ nghĩa văn chương.

Ở miền cực Bắc của nước Hoa Kỳ, một người sau năm 1985, có sáng kiến lập nên một làng văn chương. Sau biến động 1975, con người đang hoang mang, ai cũng muốn tìm về một cái gì êm ấm và rất dân tộc, để giữ cho linh hồn mình trong cái rất dân tộc đó, cái mà người ta muốn tìm chính là văn chương. Người bạn trẻ đó có cái sáng kiến rất hay hợp với ý muốn của mọi người, ít ra trong giai đoạn này. Nhưng rất tiếc, y là người thiếu chữ nghĩa. Tuy nhiên không sao, thiếu chữ nghĩa người khác có chữ nghĩa sẽ cho. Sợ thiếu tư cách thôi, tư cách không ai cho ai được. Thiếu chữ nghĩa ai có chữ nghĩa cũng có thể cho được. Chữ nghĩa là kho chung của thiên hạ, cho nhau là hợp với lòng trời.

Cũng vì nghĩ thế, nên những người lắm chữ nghĩa san sẻ cho nhau, nên làng văn chương của anh chàng trẻ tuổi một ngày một sầm uất như cái làng Vạn trên khúc sông hiu quạnh ở vùng Trung Việt năm nào.

Con người dù cổ kim vẫn thế, chữ nghĩa vây quanh mình, dù là của thiên hạ vẫn tưởng là của mình. Nhưng thực tế không phải vậy. Đồng bạc rơi ra, kẻ khác nhặt lên, bỏ vào túi là của họ, còn chữ nghĩa rơi ra, kẻ khác nhặt lên chưa hẳn là của kẻ đã nhặt lên. Chữ nghĩa luôn luôn lựa người làm chủ nó. Tự Đức giết Cao Bá Quát, nhưng ông chẳng lấy được chữ nghĩa nào của họ Cao. Và chữ nghĩa vẫn theo ông Cao Bá Quát sau "một nhát gươm đưa, đ. mẹ đời".

Nhưng rồi cũng như lão tiều phu đốn củi về sông bắt cá, chữ nghĩa của kẻ khác, chưa phải của mình đã muốn làm chủ cả dòng sông chữ nghĩa. Như lão tiều phu chưa biết cách bắt cá đã đòi làm chủ cả dòng sông.

Cũng vì thế mà cái làng văn chương tự nhiên nó thiếu chữ nghĩa như làng đại học để cho bà chị không biết chữ làm chủ cả mấy căn biệt thự.

Nghĩ lại cho cùng, cũng tại chúng ta cả. Từ thuở ban đầu chúng ta đã đặt họ vào cái chỗ không phải chỗ của họ, nên mới sinh ra điều nghịch lý. Cái

điều dễ dãi và nhân nghĩa của con người cũng thường đưa đến những cái nghịch lý và nhiêu khê nói trên. Lão tiều phu đốn củi trên rừng không thể về dòng sông bắt cá, bà mù chữ có của không thể làm chủ năm căn biệt thự trong một làng đại học, và kẻ thiếu chữ không thể làm chủ cái làng văn chương.

Ngày xưa ông Tú Xương đã la lên, văn chương đâu phải là đơn thuốc. Nhưng viết đơn thuốc còn phải biết qui luật của nó. Đằng này không biết một mảy may qui luật nào, thì lại tệ hại hơn cả đơn thuốc và hạ cấp văn chương trong thời đại chúng ta một cách quá thể.

Hãy trả họ về cho đúng cái phận của họ. Có thế cái nghịch lý mới chấm dứt trong xã hội nhố nhăng. Cái điều mà nhà văn Nguyễn Mộng Giác gọi là bệnh hoang tưởng, không phải hoàn toàn tự họ, tự cái xã hội chúng ta một phần.

Chúng ta ai cũng hiểu rằng, có những hạng người nói dối, lâu ngày, không ai tin vào điều nói dối của họ, nhưng chính họ lại tin vào điều họ nói dối. Đây cũng là một biến chứng của căn bệnh hoang tưởng. Sự kiện này nó đảo nghịch với câu nói trong thánh kinh của Do Thái Giáo: *"Có lời chép rằng, đức tin cứu rỗi con người"*. Trong trường hợp này, đức tin chẳng cứu rỗi được ai, và cũng chẳng cứu rỗi được chính họ nữa.

THẬP LANG
15.8.1992.



VŨ ĐÌNH MINH

hội lim

Tôi trót biết đời riêng em trắc trở
Nên hội này xem hát chẳng vô tư
Nón thúng quai thao em thẹn thùng che má
Hát đắm say cho đứt ruột gan người
Hát như thể cuộc đời toàn nhàn hạ
Chỉ để yêu, để nhớ, để thương thôi
Xin gió lạnh đừng lật nghiêng vành nón
Kẻo tôi nhìn thấy nước mắt em rơi...

1988
VŨ ĐÌNH MINH
(Trong nước)



KHÁNH TRƯỜNG

những cảnh giới khác trong mười khúc thiền ca của phạm duy



Người nhạc sĩ có mái tóc bạc trắng, đôi mắt sáng, tiếng cười sảng khoái, phong thái trẻ trung. Những lúc chuyện vãn, ông thường đùa: *nhìn xem, tớ bảy mươi nhăm bó rồi đấy*. Câu nói hàm chứa sự lạc quan hiếm thấy, nó chứng tỏ một sức sống vẫn còn sung mãn, rất sung mãn. Điều này giải thích tại sao cho đến nay, dẫu đã cống hiến cho đời hàng nghìn lời ca, dẫu tên tuổi đã gắn liền với nền âm nhạc Việt Nam đương đại, nguồn cảm hứng trong ông vẫn cuồn cuộn. Thỉnh thoảng, năm ba tháng, một năm, công chúng lại kinh ngạc thấy ông ném ra một loạt sáng tác mới. Mới, hiểu theo nghĩa tròn đầy nhất. Từ âm hưởng, giai điệu đến ngôn ngữ tuy vẫn mang dấu ấn của ông, nhưng mỗi đợt ca khúc là một chặng đường, một cột mốc, nó làm thành cái chuỗi dài biến sinh vô cùng phong phú trong tư duy một tài năng.

Chuỗi biến sinh đó, hôm nay, lại được nối thêm mươi đoạn ngắn. Ngắn, mà chất lọc. Ngắn, mà cô đọng. Ngắn, mà khai mở. Ông nói, *có lẽ đây là loạt ca khúc cuối, từ nay tôi sẽ "gác kiếm"*. Và cười, *cũng vừa, phải không?* "Có lẽ", hai chữ này không hàm ý xác quyết. "Có lẽ", đối với một nghệ sĩ như Phạm Duy, nó chỉ mang ý nghĩa giản dị một trạm dừng chân, để hàm dưỡng. Chắn chắn trong tương lai, sẽ lại có những lên đường mới. Tuổi tác và thời gian đôi khi không còn là trở lực ở một số người. Phạm Duy là một trong số những người ít oi đó.

Rất tiếc tôi không phải người am tường âm nhạc. Nói cách khác, khả năng thưởng thức âm nhạc của tôi dưới mức trung bình rất xa. Cho nên nghe nhạc, với tôi, chỉ hoàn toàn bằng cảm tính. Một bài hát hay, theo chủ quan, là một

bài hát làm tôi rung động, đồng thời mở ra những cánh cửa khác, dẫn tôi vào những miền xứ nào đó, có thể vui, có thể buồn, có thể rơi xuống tận cùng khổ đau, có thể vượt lên chóp đỉnh hài mãng... Cảm tưởng đầu tiên có được khi nghe hết mười ca khúc qua giọng hát Thái Hiền và kỹ thuật hòa âm tài hoa của Duy Cường là một cảm tưởng đầy lạc quan. Tuy nhiên, nếu dùng hai chữ *Thiền Ca* để định danh cho loạt ca khúc này, thì theo vài anh chị, có lẽ chưa đúng nghĩa lắm. Nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc và nhà thơ Phạm Việt Cường đề nghị một tên khác: *Sinh Ca*. Tôi, muốn sử dụng hai chữ *Lạc Ca*. Lạc, được hiểu như là *an lạc, tự tại.*

Nhưng xét cho cùng, dù *Thiền Ca, Sinh Ca, hay Lạc Ca*... cũng chỉ là một cách để gọi. Không quan trọng. Điều trọng nằm ở chỗ khác. Cái chỗ, qua mười ca khúc này, Phạm Duy đã phơi trải rất rõ cùng chúng ta sự biến chuyển của nội tâm ông ở mỗi gian đoạn sáng tác. Từ *Kháng Chiến Ca, Tình Ca, Du Ca, Tục Ca, Đạo Ca, Hoà Bình ca... đến Ngục Ca, Hoàng Cầm Ca, Bầy Chim Bỏ Xứ*... chúng ta đã "khóc cười" với Phạm Duy trong mọi trạng huống của triền phược, của chấp nê thường tình giữa lòng đời. Mãi đến *Thiền Ca* (tôi tạm gọi như thế, trước khi nhạc sĩ chính thức định danh), Phạm Duy chợt trở lại cái điều ông từng lờ mờ cảm nhận vào những năm mười tám hai mươi, như ông tâm sự: "Ngay từ lúc sáng tác *Bên Cầu Biên Giới*, tôi đã bắt đầu băn khoăn về sự vô nghĩa của những "biên giới": "Biên giới" trong lòng mỗi con người. "Biên giới" ngoài cuộc đời. "Biên giới" đến từ mọi chủ nghĩa, mọi giáo điều, mọi chính kiến, mọi tập quán... "Biên giới", chính cái này là nguyên nhân phát sinh chiến tranh, hận thù, giết tróc, truy bức, cho dân tộc chúng ta, nói riêng, cho loài người, nói chung". Điều ông băn khoăn, cảm nhận vào lúc xuân xanh, cho đến nay, đã trên nửa thế kỷ, mới đủ chín, để hóa thân thành nghệ thuật. Có muộn quá chăng? Không, chẳng bao giờ muộn. Tiến trình tư duy của một con người còn tùy thuộc ở tâm cơ và điều kiện ngoại tại. Tài năng thiên phú của ông, sức sống sung mãn vỡ bờ của ông, sự thành công liên tục và dài hơi của ông... Tất cả như những lực đẩy mãnh liệt, không cho phép ông có thì giờ ngoảnh lại, nhìn con đường mình đã đi qua và băn khoăn về nó. Chỉ đến đoạn chót cuộc đời, ông mới trực nhận một cách minh triết nhất cái lẽ sống vô thường mà tất cả chúng ta - con người - phải gánh trên đôi vai gầy yếu của mình. Từ trực nhận đó, ông trở lại làm "đứa trẻ thơ", nhìn cuộc đời bằng đôi mắt trong veo. Đôi mắt của chân như, tuệ giác.

Những năm còn trẻ, mười chín hai mươi, tôi cũng có tìm đọc một số sách về Thiền học, nhưng phải thú thật, kiến thức của tôi về lãnh vực này không hơn gì kiến thức ân nhạc. Lỏm bỏm. Chắp vá. Nông cạn. Tuy nhiên như vừa nói, bằng cảm tính, tôi hình như đã... "bắt" được một số tín hiệu phát đi từ những dòng nhạc phơi phới kia. Những tín hiệu ít nhiều tác động đến nội giới tôi. Chúng ta hãy thử nghe vài *khúc* trong mười *Khúc "Thiền Ca"* Phạm Duy sắp gởi đến chúng ta:

Tôi nằm võng

Võng đưa, võng đưa.
Tôi nằm võng
Võng đưa, võng đưa.

Ha! Trần gian lạc thú
Ha! Tiên cảnh phiêu du
Cõi tử, cõi sinh
Cõi tình, cõi hận
Núi đợi, vực chờ
Niềm vui, nỗi khổ...

Tôi nằm võng
Võng đưa, võng đưa
Tôi nằm võng
Võng đưa, võng đưa.
Tôi nằm đó
Nằm im mọi chỗ.
(*Khúc* số 2)

Khúc hát mở ra một cách nhìn rất "đạt đạo". *Tôi nằm võng, võng đưa, võng đưa...* Tôi đang "lắc lư" trong cuộc đời, cuộc đời thì động, cuộc đời với muôn nghìn trầm luân, *cõi tử, cõi sinh, cõi tình, cõi hận. Núi đợi vực chờ, niềm vui, nỗi khổ.* Nhưng *tôi nằm đó, nằm im mọi chỗ.* Cuộc đời động, mặc, tôi không động, tôi tĩnh, tôi *im*. Tôi vẫn sống trong đời, mà tôi đã "ra khỏi" đời. Vượt thoát, an nhiên. Đến và đi, mất và còn, khổ đau và hạnh phúc. Hai mặt âm dương làm nên biến sinh, hai phần đối kháng của qui luật biện chứng. Nhưng hai mà vẫn là một. Phật giáo, Duy vật sử quan, Lão giáo đã được đẩy đến chóp đỉnh. Có lẽ lần đầu tiên, những phạm trù rắc rối của triết học, của tôn giáo được khai giải và thăng hoa một cách vừa giản dị, vừa đẹp đẽ như thế, bằng đôi cánh của âm nhạc.

Và *khúc* thứ 6:
Trong chiều lên
Có loài người và cây cỏ
Hát êm
Ta tìm em
Và gặp em.

Ta lôi em về
Ta kéo em đi
Nâng em lên trời
Đem xuống âm ty
Chôn em trong lòng
Xong lấy em ra.

Trong chiều lên...
Có loài người và cây cỏ
Hát êm
Ta tìm em
Và Gặp em

Ta chưa ôm em
Thì mất em.

Hình như tôi đã "gặp" ở đâu đó hình ảnh này. Phải chăng *khúc* hát được gợi hứng từ mười bức tranh chăn trâu (Thập Mục Ngưu Đồ) nổi tiếng trong Thiền Tông? Ở đây, triết lý Thiền Tông được "trần tục" hóa bằng "ta" và "em" một cách vừa lãng mạn, vừa sinh động. Có lẽ, một phần nhờ giai điệu của bài hát. Đoạn đầu êm đềm, phơi trải tạo cảm giác một đất trời tạo vật mênh mông. Đoạn giữa bỗng bùng vỡ, dồn dập, gấp gáp: trong cõi đất trời tạo vật mênh mông đó, con người tìm nhau, đến với nhau, vồ vập, yêu thương, thù hận, xâu xé nhau... một cách vô lý và vô nghĩa cùng cực. Cuối cùng đi vào đoạn ba, trở lại sự êm đềm, thư giản, hòa điệu. *Ta chưa ôm em, thì mất em*. Mất mà không mất. Sắc tức thị không... Con người đã hòa nhập vào cuộc biến sinh, chấp nhận cuộc biến sinh với một tâm thân an lạc, bình yên. *Khúc* hát chấm dứt, nhưng dư vị vẫn còn lãng đãng, đọng hoài trong cân não người nghe.

Ngoài hai *khúc* tôi vừa đơn cử, một *khúc* nữa, thứ 10, tôi cũng rất thích. Tôi thích, có lẽ một phần nào bởi cách nhìn về "nhân quả" của Phạm Duy, theo tôi, rất gần gủi với những trái tim nghệ sĩ. Nếu soi rọi "vấn đề" bằng đôi mắt nghiêm nghị của các nhà nghiên cứu, thì những gì tôi nghĩ, về *khúc* hát này, hình như không được... đứng đắn. Tuy nhiên, biết làm thế nào bây giờ, nếu lúc nào, ở đâu, con người vẫn cứ phải đóng mãi vai trò của những bậc "trí nhân"? Nghệ thuật vốn không phải là những bài giảng về triết lý và đạo đức. Nghệ thuật lại càng không phải là ngọn đèn sáng nhằm đưa chúng ta - tất cả chúng ta - đến một nơi chốn nào đó vẫn thường được mệnh danh "thiên đường". Thiên đường và địa ngục. Sa Tăng và Bồ Tát, lại vẫn là hai phạm trù, hai mặt sấp ngửa của ngôn ngữ, của "tư duy tiền định" dung tục. Phạm Duy hồn nhiên:

Tròn như viên đạn đồng đen
Đã khô vết máu
Quên miền chiến tranh

Tròn như trái đất yên lành
Muôn loài như một
Cõi sinh vẹn toàn

Tròn anh tim trẻ miên man
Trái tim trăm tuổi
Mới hoàn cơ duyên

Tròn em tung tóe cánh tiên
Chim không mỏi cánh
Triền miên phận mình

Tròn như lời hứa chung tình
hưa tròn nhân quả
Tái sinh còn nhiều

Bỏ hết những điều tôi vừa trình bày bên trên, về lẽ thiện điều ác, về thiên đường địa ngục, về Sa Tăng Bồ Tát... Qua *khúc* hát này, chúng ta lại có cơ hội "nhìn thấy" một Phạm Duy rất... Phạm Duy. Một Phạm Duy mãi mãi, không bao giờ ức chế nổi sức sống dũng mãnh của mình, cũng như không giấu được sự tinh nghịch mà suốt đời ông vẫn thủy chung với nó. Nhờ thủy chung với nó, ông cứ "trẻ mãi không già", ở phong cách sống và trong suy nghĩ. *Tròn như lời hứa chung tình, chưa tròn nhân quả, tái sinh còn nhiều*. Dưới cái nhìn... nghiêm nghị: trong đạo Phật, con đường giải thoát là nỗ lực tu tập để mong thoát khỏi vòng triền phược luân hồi. Nhưng với Phạm Duy, ngược lại, không có gì... chán bằng "được" giải thoát! Theo ông, "tái sinh" mới là... chân lý. *Tái sinh chứ. Đời đẹp thế này, "đi luôn" sao đành?* Đùa giỡn với âm nhạc, như ông đã "đùa" gần hai phần ba thế kỷ nay. Đùa giỡn với triết lý, với tôn giáo, như ông đang "đùa", với *khúc* hát này, phải chăng, cũng là cách chọn lựa để đến gần với "đạo", theo "cách" của Phạm Duy? Sắc tức thị không. Hữu tức thị vô... Vòng "luân hồi" quay, quay, quay. Không khởi nguồn, không chấm dứt, không vô thủy, chẳng vô chung. Không "quỷ", cũng chẳng "thần". Quỷ và thần chỉ cách nhau một sát na. Quỷ và thần chỉ là *một*.

Hôm qua, đọc lại *Nam Hoa Kinh* gặp đoạn dưới đây. Không hiểu sao tôi có cảm tưởng những điều Trang Tử nói lại gần lắm với mười *khúc "Thiền Ca"* này: "Phù Đạo hữu tình hữu tín, vô vi vô hình, khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến. Tự bản tự căn vị hữu thiên địa tự cổ dĩ cố tồn, thần quỹ thần đế, sinh thiên sinh địa. Tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao, tại lục cực chi hạ nhi bất vi thâm. Tiên thiên địa sinh nhi bất vi cửu, trường ư thượng cổ nhi bất vi lão" (*Đạo thì có tình, có tính, vô vi, vô hình; có thể trao cho mà không thể thụ lãnh; có thể hiểu được mà không thể thấy được. Đạo thì tự bản tự căn. Hồi chưa có Trời Đất, Đạo đã có rồi. Đạo sinh ra quỷ, sinh ra Đế; sinh ra Trời, sinh ra Đất. Ở trước Thái cực mà chẳng gọi là cao; ở dưới lục cực mà không gọi là sâu; sinh ra trước Trời Đất, mà chẳng gọi là lâu; dài hơn thượng cổ mà chẳng gọi là già). (Nam Hoa Kinh*, Trang Tử, thiên *Đại Tông Sư*. Bản dịch Thu Giang Nguyễn Duy Cần. Khai Trí xuất bản).

*

Trở lại điều tôi đã nói từ đầu: tôi không sành âm nhạc. Nghe nhạc, chỉ qua cảm tính, cho nên có thể những điều tôi "cảm thấy" sau khi nghe mười ca khúc trong loạt *Thiền Ca* Phạm Duy vừa hoàn tất, đã không đúng như ý tác giả hay cách hiểu của những nhà phê bình chuyên môn. Nhưng có hề gì, âm nhạc, cũng như mọi loại hình nghệ thuật khác, làm ra là để mọi người cùng thưởng ngoạn. Nếu Phạm Duy đã mở cho tôi một cánh cửa, dù cánh cửa đó có thể ông không dụng tâm mở, thì điều ấy càng chứng tỏ: nghệ thuật - âm nhạc, thơ ca, văn chương, hội họa... - nói chung, có khả năng của đôi đũa thần, tùy tâm cơ, nó khai mở cho chúng ta bao nhiêu cảnh giới.

KHÁNH TRƯỜNG



HOÀNG VŨ THUẬT

mỗi ngày

Đi qua mỗi ngày ròng rã
Hai phía dòng sông này
Nắng vội vàng lên, chiều về chầm chậm
Hết mùa trăng lại sao bay
Mỗi ngày gần, gần như thế
Tan trong cây dòng nhựa nguyên lành
Mỗi ngày xa, xa như thế
Một kề biển biếc, một non xanh
Một ngày vui, một ngày thương tổn
Đẩy lên hai nửa con người
Hạnh phúc và nước mắt
Hai nhịp thủy triều khôn nguôi
Trong vòng quay mỗi ngày tiềm ẩn
Nào ai tách được làm đôi
Hai ta rồi cũng vậy
Lênh đênh cho tận cuối đời.

7-91
HOÀNG VŨ THUẬT



THỤY KHUÊ *thực hiện*

đặng tiến, một quê hương hai tâm sự



Đặng Tiến sinh ngày 30, 3, 1940 tại huyện Hòa Vang tỉnh Quảng Nam. Hiện dạy trung và đại học tại Pháp. Viết phê bình và nghiên cứu văn học trên nhiều tạp chí ở Sài Gòn trước 75.

Tác phẩm đã in: Vũ Trụ Thơ *(1972)*

Sau 75, tiếp tục viết phê bình, tiểu luận, nghị luận chính trị, văn học, tạp luận, làm thơ trên các báo Quê Mẹ. Đoàn Kết (bộ cũ), Thông Luận, Diễn Đàn, Hợp Lưu. Bút hiệu khác: Nam Chi và Tuyết Chi. Có thể chia hoạt động văn học của Đặng Tiến làm ba thời kỳ:

Thời kỳ I: Từ 60 đến 75: Viết phê bình ở miền Nam, chủ yếu là những bài Hoàng Trúc Ly: Nụ Cười Và Đôi Mắt Sáng *(Tân Văn 64)* Hạnh Phúc Trong Tác Phẩm Nhất Linh *(Văn 65). Một số bài biên khảo về thi học trên báo Văn và tác phẩm:* Vũ Trụ Thơ *(Phê bình thơ, Giao Điểm xuất bản 1972) viết về các tác giả Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng.*

Thời kỳ II: Từ 75 đến 80: Giai đoạn hồ hởi: Tin tưởng ở đất nước thống nhất, thanh bình. Đặng Tiến viết về các tác giả miền Bắc, hoặc miền Nam tập kết, trên Quê Mẹ, Khoa Học Xã Hội và Đoàn Kết (bộ cũ), chủ yếu những bài: Lối Kể Chuyện Của Phan Tứ *(Quê Mẹ, 75)*, Phong Cách Đặng Thai Mai *(Khoa Học Xã Hội)*, Đất Nước, Mùa Xuân Và Thơ Tố Hữu *(Xuân Đoàn Kết 1980).*

Thời kỳ III: Từ 80 đến 90: Đặng Tiến giữ khoảng cách với chính quyền Cộng Sản, xác định đường lối qua bài Thương Nhớ Hoài Thanh *(Đoàn Kết bộ cũ 1980). Tiếp tục viết phê bình về các tác giả hải ngoại và trong nước: Cao Tần, Thanh Nam, Nguyễn Bá Trạc, Võ Phiến, Nguyễn Hồi Thủ, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Vũ Ngọc Phan, Quang Dũng, Thế Lữ, Phạm Duy, Nguyễn Mộng Giác...*

*

Dàn trải trên ba mươi năm, đặc tính bất biến trong văn phong và tư tưởng Đặng Tiến là thay đổi *và* thành thật *với chính mình.*

Ở thời kỳ thứ nhất, độc giả bắt gặp một Đặng Tiến già dặn (ông bắt đầu viết rất trẻ, khoảng 20 tuổi). Lối phê bình thời kỳ đầu mang tính cách hàn lâm, triết lý, tràn ngập suy tư, u hoài, thao thức về những vấn đề chính yếu của con người: hạnh phúc, cõi sống, sự chết, chiến tranh, sự phân hóa và tan rữa của con người trong chiến tranh. Hoặc tìm lại văn chương cổ điển (Vũ Trụ Thơ), khám phá những khía cạnh chưa khai thác trong thơ Nguyễn Du, bà Huyện Thanh Quan, Tản Đà; soi những lăng kính mới vào hồn thơ Đinh Hùng, Hàn Mặc Tử.

Sang giai đoạn thứ hai, chiến tranh chấm dứt, hòa bình và thống nhất đất nước, hoài vọng được thực hiện. Đặng Tiến hồ hởi: văn phong tươi trẻ, giản dị, bình dân, đầy tin tưởng vào xã hội chủ nghĩa (Bài viết về Phan Tứ) hoặc bác học, lý luận chắc, sắc và sáng (viết về Đặng Thai Mai); đôi khi mang màu sắc thời sự, lạc quan đến độ chủ quan (viết về Tố Hữu).

Thời kỳ thứ ba: Năm năm sau biến cố 75, trước thảm cảnh thuyền nhân, và tình trạng thoái hóacủadân tộc, những tin tưởng ban đầu không còn sôi động nữa, Đặng Tiến hoài nghi những giá trị ông hằng tin tưởng, quay trở về với cái hoang mang ray rứt trước. Những bài phê bình trong giai đoạn này mang tâm thức của một Đặng Tiến cô đơn, lưu đày. Văn phong giản dị, hiện thực hơn giai đoạn đầu, cận nhân tình hơn. Nhưng mối u hoài, niềm xao động càng cuồn cuộn, sâu sắc hơn, nhiều khi đến độ mỉa mai, cay đắng.

Những ngộ nhận của hai bên đưa nhà phê bình đến những chán nản: chán nản thân phận quê hương, chán nản hận thù, mê chấp; chán nản sự ngụy trang, lừa bịp của chế độ, chán nản sự hẹp hòi, thiển cận trong con người.

*

Tuy viết nhiều thể loại, Đặng Tiến vẫn là một nhà phê bình: sâu về kiến thức, sắc về nhận thức, dùng chữ một cách tài hoa và bay bướm mà vẫn chính xác, ông viết ít nhưng viết cẩn trọng và cô đọng. Khi phê bình thường đúc kết ngành ngọn trong sự phân tích về ngữ học cũng như trong bối cảnh, tâm cảnh. Hầu như không có chữ thừa. Ở mỗi tác giả, ông bắt được cái thần *của họ và trút phần tâm sự của mình, do đó những bài bình bút của ông, ngoài giá trị nhận định biên khảo, còn có giá trị sáng tác. Phê bình của Đặng Tiến nhiều bình, ít phê, mà khi phê thì thường nương tay với bạn bè. Tác phẩm của Đặng Tiến, trong lãnh vực nào, cũng có những nét tương phản: vừa chuẩn xác vừa tài hoa, vừa hài hòa vừa dứt điểm, vừa chấm vừa phá, và sau cùng trên hết là đắm say và cay đắng: say vị đời và đắng vị người. Say sự mình và đắm sự người.*

(Trích Đặng Tiến, Một Quê Hương, Hai Tâm Sự, *chưa in)*

*

Lâu rồi anh không nhận trả lời phỏng vấn trên báo. Hôm nay anh nhận lời,

vì sao?

Thường thường, người ta chỉ nên phỏng vấn những nhân vật có thẩm quyền về một địa hạt chuyên môn nào đó - và không phải là trường hợp tôi, nên tôi từ chối. Nhưng khi có những vấn đề cụ thể, tôi cũng trả lời như về chuyện Bouderel, Dương Thu Hương... Nay nhận lời vì tạp chí Hợp Lưu nhiều lần yêu cầu, tôi thì chủ trương giao lưu văn hóa, không trả lời là không lô-gic. Nhưng trả lời cũng ngại. Hơn nữa mình có báo để viết, muốn nói điều gì thì cứ viết ra thành bài, dễ trung thực hơn. Rào đón cũng dễ hơn.

Có nhiều điều muốn hỏi anh, ví dụ bắt đầu bằng câu này: có người cho rằng anh và Trịnh Công Sơn phải "xin lỗi" công chúng về những sự "lầm đường lạc lối" của mình. Anh tính sao?

Vấn đề đặt ra nhảm nhí. Không những đối với tôi, cá nhân tôi vốn không nghĩa lý gì, mà với ai cũng vậy. Đây là nguyên tắc. Tôi không bao giờ nghĩ rằng mình - hay bất cứ ai - lầm đường lạc lối. Mà dù, ngày nào đó, có thấy mình lầm đường, cũng không nhận nguyên tắc phải xin lỗi - trừ phi mình tự ý, tự nguyện. Buộc kẻ khác xin lỗi là đưa đến bạo lực tra vấn, theo lối Inquisition thời Trung Cổ, hay lối phê bình kiểm thảo của Cộng sản. Camus là một nhà văn dấn thân, nhưng trước thái độ dấn thân quá khích của nhiều người, có nói: "Thời buổi này e buộc Racine phải xin lỗi vì đã viết kịch Bérénice thay vì đấu tranh bảo vệ chiếu dụ Nantes" (Edit de Nantes bảo vệ đạo Tin Lành. Khoảng năm 1957, sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, Phan Khôi bị bắt giam, và trên những trang giấy kiểm thảo, ông đã viết liên miên, từ trang này đến trang khác, chỉ một câu ca dao quê ông:

Con mèo con chó có lông
Bụi tre có đốt nồi đồng có quai

Nói cho có chuyện cho vui vậy thôi, chớ những kẻ đã muốn tôi xin lỗi, thì sẽ không hiểu Phan Khôi nói cái gì. Mỗi người, trong một thời điểm nhất định, phải có những chọn lựa nhất định, theo lý luận, tình cảm và tiềm thức của mình. Nếu làm lại được cuộc đời, e cũng làm như trước mà thôi. Nếu vẽ ra được đời sống thiên đường thì nó cũng hao hao cảnh trần thế. Giá dụ Trịnh Công Sơn mà làm lại được, một lần nữa, những tác phẩm anh đã sáng tác, thì tôi mừng khúm, cho Sơn, cho anh em chúng tôi, và sẽ "xin lỗi" quí vị nhường chiếu trên chiếu dưới cho quí vị, còn chúng tôi xin phép đi chơi chỗ khác. Chỗ ấy, Sơn sẽ không cần hát cho chúng tôi nghe: biết lòng bạn có tiếng hát là đủ, là đời chúng tôi thành tiếng hát. Tiếng hát mà Văn Cao đã nghe *"Chiều nay vang lừng trên sóng"* và *"Tiếng hát nằm trên tay như giọt nước"* mà Hoàng Cầm đã *"uống với mùa Xuân"*, tiếng hát ấy chưa bao giờ có thật, mà cuộc đời của chúng tôi, cuộc đời chưa bao giờ có thật. Nếu có một lời "xin lỗi" duy nhất mà tôi có thể thay Sơn và thay anh Văn gởi đến cuộc đời này là: chúng tôi xin lỗi đã sống thành thật hết mình cho một một cuộc đời chưa bao giờ có thật. Tôi xin nhắc lại một câu thơ của Aragon mà Ferrat đã phổ nhạc, mà tôi

đã dịch để kết luận bài viết về Mùa Biển Động của Nguyễn Mộng Giác: *Sống là một thôn làng / Tôi lỡ mộng lầm mơ.*

Vivre est un village
où j'ai mal rêvé

Chúng ta là những kẻ đã sống nhầm một giấc mơ...

Nếu chia sự nghiệp văn học của anh làm ba giai đoạn. Giai đoạn I từ 60 đến 75. Giai đoạn II từ 75 đến 80. Và giai đoạn III từ 80 đến nay. Anh có đồng ý không?

Tôi nhớ Tố Hữu có lần đòi chặt khúc sự nghiệp Phạm Duy: bỏ khúc đầu, bỏ khúc đuôi, lấy khúc giữa... Ý nói chỉ giữ lại nhạc kháng chiến. Tôi lại nhớ đến lời hát trẻ con miền quê nghèo, khi chơi rồng rắn:

Cho tôi xin chút lửa - lửa tắt
Cho tôi xin nước mắt - nước mắt chua
Cho tôi xin khúc đầu - đầu cứng
Cho tôi xin khúc giữa - giữa xương
Cho tôi xin khúc đuôi - đuôi mềm, bắt được thì ăn...

Câu hát thật chua cay. Sao trẻ em nước mình từ ấu thơ đã phải hát những lời cay đắng như vậy? Trở lại hoàn cảnh tôi: tôi là một người viết phê bình tài tử, không có một "sự nghiệp" nào cả. Bạn nào thích văn tôi, muốn tìm lại một bài nào để đọc lại, cũng khó. Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo... Ai muốn phân chia thành ba giai đoạn thì tôi cũng hiểu: giai đoạn đầu đất nước bị phân chia - tôi chỉ viết cho một nửa đất nước, một xã hội đô thị sống theo kinh tế thị trường. Sau 1975, đất nước thống nhất hòa bình, hứng khởi. Từ 1980 có những vấn đề mới là tự do dân chủ, phát triển kinh tế, những bài viết của tôi đều xoay quanh cuộc đấu tranh cho dân chủ. Tác phẩm tôi phản ánh những khúc quanh lớn của lịch sử, là việc tự nhiên, vì bản thân tôi, từ tấm bé, đã thiết tha với xã hội và đất nước. Những bài thơ đầu tay của tôi không phải là thơ tình, mà là thơ chính trị, ví dụ bài này làm hồi mười sáu tuổi, để ca ngợi hiến pháp 1956 của... Ngô Đình Diệm:

Hăm sáu thánh mười, lịch sử tạc ghi
Ngày độc lập trong tràng cười vỡ lỡ
Của xích đứt và ngai vàng sụp đổ
Và lao tù tan nát dưới chân đi
Hăm sáu tháng mười lịch sử tạc ghi
Ngày bất diệt hoa cộng hòa mới nở
Gái độc lập hẹn hò trai dân chủ
Và công bằng, bác ái siết tay nhau

Lời lẽ ngây thơ nhảm nhí nhưng thành thật diễn tả những ước mơ của tuổi trẻ lúc đó - cho đến bây giờ vẫn viễn vông. Không cứ gì trẻ con mới thơ ngây, nhà thơ Vũ Hoàng Chương, lúc đó đã phong trần, cũng viết *Lá Phiếu Trưng*

Cầu Một Hiển Linh. Bài thơ đăng trên báo Mùa Lúa Mới khoảng 1956, nếu tôi không nhắc lại thì không ai biết, không ai nhớ, kể cả công an Hà Nội và... Võ Phiến là người cộng tác mật thiết với Mùa Lúa Mới.

Về ước mơ thống nhất đất nước, tôi có diễn tả trong một vở kịch thơ, viết lúc 16 tuổi, tên là *Hận Thiên Thu* đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong, cũng khoảng 1956. Phải, thời đó, tôi có gởi bài đăng VNTP. Võ Phiến cũng vậy. Lê Đình Điểu, bên báo Thế Kỷ 21, chắc còn nhớ, vì có lần, khoảng 1962 y có hỏi tôi "cái kịch thơ ký một tên Tiến có phải là của ông?". Chuyện kể hai người lính Nam Bắc thời Trịnh Nguyễn phân tranh, bị thương nặng bên bờ sông Gianh; một người chết, người kia cởi áo bào đắp lên thi thể. Vở kịch xây dựng trên đối thoại giữa hai người lính. Bây giờ là chuyện hòa giải, thời đó là phản chiến. Thầy dạy Việt văn tôi là Hồ Huyến đọc được, có khuyên tôi thận trọng, vì "cái thème đưa ra nguy hiểm". Cùng tuổi đó, tôi có bài thơ đăng trên tuần báo Nắng Sớm, mượn hình ảnh ván cờ tướng, hay cờ người để nói lên hoàn cảnh đất nước bị chia đôi.

... Bao giờ cho tượng qua sông
Bao giờ cho sĩ thoát vòng lợi danh?
Tướng nhìn nhau như em, anh
Cho người đánh cuộc thôi giành ngựa xe?
Tốt sang cho có đường về
Cỏ non con ngựa đừng e pháo đầu?

Bài này, về sau, tôi cho đăng lại trên báo sinh viên Đắc Lộ số 1 (1961), ký tên Tang Điền, cùng với thơ Lê Đình Điểu, ký tên Y Dịch:

Em đã bao giờ thương nhớ chưa
Ai đưa em đi chiều thu mưa
Ai tiễn em sang mùa lá rụng
Hay chưa bao giờ ai đón đưa?

Kỳ rồi, Điểu sang Pháp có tìm đến thăm tôi, và tôi đọc mấy câu này, y chối, nhất định không phải của y.

Tôi kể lể dài dòng để chứng minh rằng máu chính trị có sẵn trong người tôi. Tôi hồi nhỏ học trường Tây, chưa bao giờ học chính trị hay công dân giáo dục, nhưng luôn luôn bị ám ảnh về đất nước, về chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ dân tộc. Những rung động văn chương, nghệ thuật của tôi, khi đưa đến sáng tạo, thường bắt nguồn từ tình cảm đất nước, đó là một giới hạn, không hẳn là điều hay, nhưng tự nhiên như vậy, muốn khác đi cũng không được.

Trở lại câu hỏi về việc phân đoạn tác phẩm của tôi: dù có phân chia kiểu gì đi nữa, thì vẫn còn mẫu số chung, là những ưu tư cho đất nước, biến chuyển theo từng giai đoạn lịch sử. Những bài phê bình đầu tiên của tôi về *Thư Nhà* của Võ Phiến, *Thềm Hoang* của Nhật Tiến, cách đây đã ba mươi năm, bây giờ nếu cần viết lại tôi cũng sẽ viết đại khái như vậy thôi. Các anh ấy có thể làm chứng cho tôi cái điều này.

Còn nếu cần cắt bỏ, thì muốn cắt bài nào cũng được, tôi không thiết tha. Thậm chí có vài nhà xuất bản trong và ngoài nước ngỏ ý muốn in lại các bài tôi, tôi cũng lười trả lời. Và việc chối bỏ những bài viết của mình tự nó vô nghĩa, chỉ những chế độ độc tài mới đòi hỏi điều đó. Nguyễn Tuân, thời chống Pháp, có "đòi đốt cháy trong lòng mình những phong cảnh cũ, đuổi khỏi lòng mình tất cả cố nhân". Tôi hỏi anh ấy: vậy cố nhân đã đi sạch hết chưa? Anh cười: "Cao hứng thì nói thế thôi, chứ đuổi thế quái nào được chúng nó". Dường như tôi cũng hơi cao hứng nên dài dòng, trái với thông lệ.

Thế nào là văn học hải ngoại *(tiếng mà mọi người thường dùng)? Một số bài viết trên các báo Diễn Đàn, Diễn Đàn Người Việt, Đất Mới v.v... thì nên gọi là văn học gì?*

Hải ngoại bao hàm cái nghĩa một bộ phận đất nước, dân tộc đưa ra ngoài hải phận, hay nói theo hình ảnh của Xuân Diệu: khúc ruột của đất nước đưa ra ngàn dặm; giống như chữ Outre mer của Pháp hay Overseas của Anh. Nước Pháp có những Lãnh Phận và Quận Hạt Hải Ngoại, gọi là TOM DOM, vẫn thuộc lãnh thổ quốc gia, nhưng ở biển xa. Khi dùng chữ người Việt hải ngoại, văn chương hải ngoại là thừa nhận sự gắn bó đó. Những bài tôi viết, cho Diễn Đàn, Thông Luận ở Pháp hay các báo khác ở Châu Mỹ đều viết cho độc giả trong và ngoài nước, ngay bây giờ và mai sau. Độc giả lý tưởng trong óc tôi là người đọc trong nước, cỡ tuổi tôi: tôi biết sở thích, tân tình họ. Tôi biết họ đợi chờ ở tôi cái gì. Còn người đọc nước ngoài, nhất là ở Hoa Kỳ, tôi không rõ lắm.

Trong một bài phỏng vấn trên báo Văn Học, Võ Phiến có đề cập đến vấn đề này: văn chương muốn gọi là Việt Nam, phải có hai điều kiện: một là phản ánh xã hội Việt Nam, hai là có tác dụng đến xã hội ấy. Nếu chỉ dựa trên chuyển ngữ không thôi thì không đủ: văn chương tiếng Anh ở Mỹ thì là văn chương Mỹ, ở Úc thì là văn chương Úc. Võ Phiến nói quá một chút, để chúng ta phải suy nghĩ, phải từ tốn, hay thực tế. Không nên gọi văn chương hải ngoại, dù hay ngất trời là "chính thống". Huống hồ là chỉ mới sắp sửa hay.

Cũng cần nói thêm rằng các báo Diễn Đàn ở Pháp, Đất Mới ở Canada là cơ quan tranh đấu cho dân chủ, nặng phần chính trị, kinh tế, nhẹ phần văn học, nhất là sáng tác. Nên không thể nói đó là "văn học hải ngoại". Còn các tác phẩm văn nghệ in ở Mỹ, thì gọi là cái gì thì tùy quí vị, tôi không dám lạm bàn.

Anh nghĩ sao về câu nói của anh Nhật Tiến: Tương lai văn học Việt Nam nằm trong tay những người viết trẻ! Trẻ trong nước chứ không phải ở trong tay những người viết trẻ ở hải ngoại?

Nếu Nhật Tiến có nói vậy thì là một nhận định thực tế. Không cứ gì văn

học. Thể thao cũng vậy thôi, ở xã hội nào thì tương lai cũng thuộc về thế hệ thanh thiếu niên. Văn chương hải ngoại đặt vấn đề trầm trọng hơn: người viết trẻ ít hơn, và độc giả trẻ lại ít, và càng ngày càng ít đi: đó lại là một thực tế đòi hỏi từ tốn và ưu tư.

Cứ tạm gọi sách vở, báo chí ở Mỹ là văn chương hải ngoại, như thuật ngữ nhiều người thường dùng, dường như tôi là một trong những người đầu tiên dùng nó khi nhiều người còn dùng chữ lưu vong. Nền văn nghệ này do những người lớn tuổi gầy dựng, từ tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật* và *Thư Gởi Bạn* của Võ Phiến, thơ Cao Tần, nhạc Phạm Duy, nhằm bảo vệ sinh hoạt văn chương của cộng đồng di tản, dần dần mang nhiều tham vọng hơn, đó là phần tích cực. Phần tiêu cực là nó kéo dài kỷ niệm của một nền văn học mà Võ Piến gọi là "bất hạnh" của các đô thị miền Nam trước 1975. Hay thâm trầm hơn nữa, nó là hoài niệm của một chế độ chính trị đã quá cố, nó là cái bài vị linh thiêng trên bàn thờ gia tiên, động đến nó là phạm thượng, phạm húy, Tây gọi là sacrilège. Võ Đình nói về hội họa trên Văn Học, Trần Vũ nói về văn chương trên Hợp Lưu, có nói gì đâu, chỉ mới là *hương gió lướt đi* là đã bị chửi bới tùm lum. Do đó, là người ngoại đạo, tôi rất ngại đề cập đến địa hạt lễ bái linh thiêng này.

Hoàn cảnh những người viết trẻ ở hải ngoại rất đáng lo: họ viết cho ai đọc? Họ chơi với ai? Nuôi dưỡng nguồn sáng tác bằng cái gì? Giữa chế độ hương đảng và thị tộc trọng lão, trọng tước, với nhiều cấm kỵ, họ xuất hiện như những thiên tài hoặc thiên tai. Tôi quá lời chăng, có lẽ cần hỏi lại Nhật Tiến hay Thế Uyên. Các anh ấy sành chuyện "con tem" hay "mề đay" hơn tôi.

Trong lá thư tòa soạn in trên Văn Học số 74, tháng 6, 1992 mà Nguyễn Mộng Giác vừa trở lại làm chủ bút, có xác định lại lập trường của tờ Văn Học như sau:

"Vì là diễn đàn của người Việt hải ngoại nên văn học phải đặt ưu tiên những vấn đề của đồng bào hải ngoại, đó là căn cước, là yếu tính, và nền văn học này có đóng góp được gì cho sinh hoạt văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung, thì phần đóng góp cũng phải từ chỗ đứng đó..."

Trên thực tế, một số tờ báo như Văn Học, Thế Kỷ 21 v.v... đặt ưu tiên: văn học hải ngoại trước, trong nước sau. Một số khác, như Hợp Lưu, Giao Điểm, Trăm Con v.v... chủ trương giao lưu văn hóa.

Anh nghĩ sao về hai lập trường này?

Hai chủ trương, bề ngoài có khác nhau, nhưng không nhất thiết phải đối lập, hoặc loại trừ nhau. Báo Văn Học do Nguyễn Mộng Giác mới nắm lại, vừa ra được một số, tương lai không biết sẽ ra sao; Thế Kỷ 21 kỳ rồi có đăng truyện Nguyễn Huy Thiệp, không biết có "chủ", có "trương" được cái gì không. Các ông Khánh Trường, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải bên Hợp

Lưu vẫn ký tên thường xuyên trên hai báo kia.

Cả hai chủ trương, trên căn bản, đều có lý: văn học thì phải có bản sắc, và văn học thì cũng phải hợp lưu. Mỗi người cầm bút chọn cho mình một cách nói, từ đó trở thành một vị trí để đối thoại, để bổ sung, thậm chí để trả giá, để tiến bộ. Nên hiểu như thế để giữ hòa khí và hợp tác.

Riêng Nguyễn Mộng Giác cũng có hoàn cảnh riêng. Anh ấy là kẻ ôn hòa, mực thước, dũng cảm ở thời điểm này, dè dặt ở giai đoạn kia, tất cả tác phẩm của anh chứng minh điều đó! Anh là người đầu tiên giới thiệu văn chương phản kháng, người tố cáo tình trạng ghetto, tình cảnh văn chương hải ngoại khựng lại, ra mặt phản đối việc cấm phổ biến tác phẩm đã in trong nước; với Nhật Tiến, anh ấy là một trong những ngọn đuốc soi đường cho việc giao lưu văn hóa, bây giờ là ngọn đuốc đoạn hậu. Trong một chuyến đi dài, có lúc đi trước, có lúc đi sau. Nguyễn mộng Giác đã khẳng định được bản sắc của mình, nếu có hô hào, thì cũng là để tạo bản sắc, giữ bản sắc cho kẻ khác. Cái phần việc bạc bẽo đó ta cũng phải biết đến và trân trọng. Hải ngoại trước, trong nước sau cũng không sao, với điều kiện đừng nhầm văn học với ăn cỗ. Tôi không nghĩ rằng anh cấm cản giao lưu, mà có cấm cũng không được. Một nhánh sông, lúc nào đó, rồi cũng hợp lưu vào dòng sông lớn. Định mệnh của những dòng sông là đổ về biển cả để chung thủy với chính mình.

Những nhà văn, nhà trí thức, nhà tư tưởng Tây Phương thường hay "xuống đường" (hiểu theo nghĩa engagé) như Gide, Sartre... để cùng chống lại những áp bức, bạo lực, hoặc cho ý kiến về những vấn đề chính của dân tộc họ hoặc của nhân loại. Nhà văn Việt Nam hầu như không có, hoặc hiếm có chuyện đó, tại sao?

Vì chúng ta không có truyền thống xuống đường như Âu Tây. Trí thức Pháp có truyền thống dấn thân từ lâu, từ Voltaire, Rousseau, Zola, đến Sartre, Aragon. Nhưng ở Việt Nam, vào những thời điểm nhất định, trí thức cũng đã dấn thân, như phong trào Văn Thân, Đông Du, Duy Tân thời Pháp, đáng kể là cách mạng tháng tám. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã ghi công văn nhân, nghệ sĩ. Tại miền Nam năm 1963 người hy sinh tính mạng để đấu tranh cho dân chủ là Nhất Linh; bài thơ chống độc tài hay nhất là Lửa Từ Bi của Vũ Hoàng Chương. Hiện nay, chiến sĩ kiên cường nhất của tự do dân chủ là Dương Thu Hương.

Nhưng mặt khác, vai trò của trí thức vẫn là thứ yếu. Chúng ta có học thức mà không có trí thức, vì trí tuệ không sản xuất được tư tưởng. Hỏi lại: ai viết bản Hiến Pháp 1956 (bằng tiếng Pháp) cho ông Diệm? Ai viết Hiến Chương Vũng Tàu cho Nguyễn Khánh? Ai làm thơ ca tụng Hồ Chí Minh? Nói chung, trí thức Việt Nam chưa đóng được vai trò chủ đạo trong xã hội, và cũng chỉ phản kháng yếu ớt.

Anh có "xuống đường" không?

Tôi xin lặp lại câu nói đã trích dẫn của Camus "Thời buổi này e Racine phải xin lỗi vì sáng tác kịch Bérénice thay vì đấu tranh bảo vệ sắc lệnh Nantes", bảo vệ tự do và tín ngưỡng. Nhưng trước đó, Camus cũng đã nói: "Tôi không thể sống ngoài nghệ thuật của tôi, nhưng không đặt nghệ thuật ấy lên trên những giá trị khác". Vấn đề đã cũ mèm nay được thời sự hóa, cụ thể qua cuộc tranh luận về bản tự bạch của Dương Thu Hương. Nhất Linh một đời làm chính trị, sống cho chính trị, chết vì chính trị, nhưng không dấn thân với tư cách nhà văn. Lần xuống đường duy nhất, với hàng trăm ngàn đồng bào, Nhất Linh, nằm trong quan tài để đấu tranh cho dân chủ.

Tóm lại, dấn thân hay không là tùy tâm tình và tâm tính từng người; còn xuống đường hay không là tùy trường hợp, thậm chí chữ trinh kia cũng còn ba bảy đường. Vấn đề cụ thể là đừng cản trở kẻ khác, đừng phá thối, đừng xuyên tạc, chụp mũ những người khác thái độ. Tôi là nhà văn xuống đường, sẵn sàng xuống đường để bảo vệ cái quyền không xuống đường của kẻ khác.

Có người trách: những người viết phê bình không để ý đến các tác phẩmở ngoài nước mà chỉ chú ý đến trong nước. Có sự "thiên vị" đó hay không?

Không làm gì có sự thiên vị đó. Báo Văn Học của Nguyễn Mộng Giác kỳ rồi cũng nói vậy. Không đúng đâu. Nói chung tại Việt Nam, xưa nay, ngành phê bình vẫn khập khểnh, trong hay ngoài nước gì cũng vậy thôi. Trong nước, những tác phẩm được đề cập đến nhiều, thường là "có vấn đề"; một tác phẩm hay chưa chắc được đánh giá đúng mức. Ở hải ngoại các tác phẩm quan trọng vẫn được lưu ý, phê bình, giới thiệu.

Cứ lấy tôi làm ví dụ. Mới đây thôi, báo Thế Kỷ 21 của bạn hiền Đỗ Ngọc Yến, do bạn hiền Lê Đình Điểu chủ nhiệm, số tháng tư đã có bài xỉ vả tôi vì cái tội "sau ngày 30 tháng 4, 1975 đã viết bài ca ngợi chế độ phản dân tộc trên Sài Gòn Giải Phóng. Những bài viết này đã...". Trí nhớ tôi rất tồi. Tôi không nhớ rằng đã viết một bài nào, một câu nào, một chữ nào trên SGGP, tôi chỉ nhớ rõ là tháng 7, 1986 Nguyễn Quang Sáng có nhờ tôi viết và tôi đã từ chối quyết liệt. Tôi chưa hề viết một câu nào, trên bất cứ một tờ báo nào in trong nước. Thậm chí có lần Nguyên Ngọc, lúc đó làm Tổng biên tập báo Văn Nghệ yêu cầu tôi viết giúp, tôi cũng làm lơ, sau này ân hận, vì đã lỡ một dịp góp công vào việc đấu tranh cho dân chủ. Trước đây, Hoàng Trinh, thời làm viện trưởng Viện Văn Học, y nhiều lần nhờ tôi viết bài cho Tạp Chí Văn Học, tôi từ chối mà không ân hận. Nguyên Ngọc chỉ nhờ một lần, mà tôi ân hận mãi. Nhớ lại thời đó: tôi không lường được tầm quan trọng của mặt trận văn nghệ trong nước, vả lại tôi còn bực mình Nguyên Ngọc vì một bài anh viết mười năm trước về Huyền Kiêu. Nếu bây giờ tôi có một lời xin lỗi, thì tôi xin lỗi Nguyên Ngọc là đã hờ hững với anh và vô trách nhiệm đối với "Đất Nước Đứng Lên" thời đó. Còn các báo nước ngoài, nếu đấu tranh cho dân chủ và

hòa hợp dân tộc, khi nhờ tôi viết, thì tôi sẽ cố viết; tôi không đặt văn chương trong nước cao hơn văn nghệ nước ngoài, bên trọng bên khinh. Kể lể sự tình là để nêu lên điều đó, chứ không phải là để nói về mình. Tôi rất ngại trả lời phỏng vấn, vì phải nói về mình. Mới đây thôi, hai bạn Đỗ Ngọc Yến và Lê Đình Điểu sang Pháp chơi có lặn lội thăm tôi, tôi vẫn không nói gì về việc tôi làm, vì vậy mới có sai lầm về tôi trên Thế Kỷ 21, mà tôi cũng không cải chính. Vậy lỗi có phần về tôi. Nhưng không lẽ quí vị in bài chửi tôi rồi buộc tôi phải... xin lỗi? Làm vậy eo ép tôi quá.

Quan hệ giữa văn chương trong và ngoài nước phải êm đẹp, xây dựng trên sự tương kính và tương trợ. Nhiều người chưa thấy rõ vấn đề này và hành sử không chính đáng, gây chia rẽ. Bản thân tôi xưa nay đấu tranh không ngừng cho sự giao lưu tích cực giữa trong và ngoài nước và ủng hộ văn chương ngoài nước, mà tôi biết rõ hơn anh em trong nước. Vì vậy mà Văn Cao xuất bản tập thơ *Lá*, Huy Cận xuất bản *Hạt Lại Gieo, Chim Làm Ra Gió*, yêu cầu tôi viết, tôi chỉ mới chuẩn bị viết... từ mấy năm nay; còn Phạm Duy, Võ Phiến, Thế Uyên... ra sách là tôi có bài ngay. Khi Nguyên Hồng mất, cả nước đau đớn, Văn Cao buồn lắm, viết thư bảo tôi phải viết về tập tiểu thuyết trường thiên *Cửa Biển*, tôi vẫn chưa viết. Nguyễn Mộng Giác mới ra *Mùa Biển Động* là tôi viết ngay. Đời tôi có người bạn vong niên thân quí là Tế Hanh, mà tôi chưa viết được một dòng về anh. Thậm chí tôi chưa viết bài nào về Trịnh Công Sơn.

Tôi là người viết văn nước ngoài nên gắn bó với văn chương ngoài nước.

Nói chung là như vậy. Tôi có cái may mắn lớn lao là được nhiều anh em văn nghệ trong nước đọc và khuyến khích, nên mong mỏi làm cái cầu giữa trong và ngoài. Nhưng thân phận cây cầu là phải ngửa lưng cho kẻ khác dẫm lên mà đi.

Xin cảm ơn anh Đặng Tiến.

THỤY KHUÊ *thực hiện*



PHẠM VIỆT CƯỜNG thực hiện

trò chuyện với một người ấm-ức



Cuộc nói chuyện này được ghi lại trong không khí thân mật tại một căn phòng nhỏ ở Orange County, Hoa Kỳ, nơi tập trung nhiều người Việt nhất hải ngoại.

Căn buồng nhỏ kê một cái giường đơn, trên bàn viết có cây đèn cũ kỹ, dàn computer với Laser Jet Printer, Radio Cassette hiệu Hitachi. Một kệ sách nhỏ, hai chiếc ghế. Mì gói và hai lọ muối tiêu nơi kệ sách. Bia, thuốc lá, quần áo, giấy, báo, bút, gạt tàn... Ngổn ngang nhưng không bừa bãi. Hai bức sơn dầu trên tường (Nguyễn Trọng Khôi, Thái Lãng vẽ).

Đó là nơi cư ngụ của nhà văn Vũ Huy Quang, người đầu tiên nhắc đến các hiện tượng văn học phản kháng trong nước, với nhãn quan khác lạ - như về Nguyễn Huy Thiệp, từ cuối 89, ("Đọc Vàng Lửa..." đăng trên tạp chí Văn Học); đối đáp với lập luận nghi ngờ về Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, (tạp chí Thế Kỷ 21); điểm Bao Giờ Cho Đến Tháng Mười - một phim bị biểu tình chống đối ở Los Angeles, và bác bẻ luận cứ cứu trợ là tiếp tay cho CS (báo Giao Điểm, "Đoàn Kết khó hay Chia Rẽ khó?"); nêu ra cách nhìn mới về Cấm Vận (tập san Hợp Lưu).

Ông cũng là một trong những người đầu tiên lên tiếng về vụ bắt giữ Dương Thu Hương (Kháng Thư) và bày tỏ sự quan tâm đến các tác giả nổi bật khác trong giai đoạn Đổi Mới trong nước (Nhật Tuấn, Trần Mạnh Hảo, Lưu Quang Vũ, Đặng Nhật Minh...). Cũng vậy, ông trân trọng những tác phẩm và bài viết giá trị của Đoàn Nhật Tấn, Xuân Vũ, Phan Thị Trọng Tuyến, Đỗ Kh., Phạm Văn Hải, Nhật Tiến... ở hải ngoại.

Là tác giả của 6 quyển sách đã xuất bản ở Mỹ, Vũ Huy Quang đã dùng

nhiều bút pháp khác nhau qua các thể tài thơ, truyện ngắn, nghị luận... Tuy thế, với những nhận xét sắc bén, đột ngột, các bạn hữu văn nghệ vẫn cho rằng có lẽ cái "style" xuất sắc nhất của ông được nhìn thấy rõ rệt nhất qua những cuộc trò chuyện, thảo luận, như người đọc có thể nhận thấy qua bài phỏng vấn sau đây, ghi lại những ý tưởng xoay vần như của một người dễ nóng nẩy một cách lạ lùng.

Trước 75, Vũ Huy Quang đã là quân nhân trong quân lực Miền Nam. Cho đến buổi nói chuyện này, sau lưng ông vẫn còn nặng trĩu 11 năm quân ngũ.

*

Cuốn sách gần đây nhất anh đọc là cuốn nào?
Diet For A New America.

Phim cuối cùng anh xem?
Quên rồi.

Bản nhạc cuối cùng anh chú ý?
Xin đừng nói chuyện kiểu với ca sĩ. Được rồi. Bản *My Way* do Gypsy King chơi.

Bài viết nào anh thích nhất gần đây?
Bài Phỏng Vấn Ralph Nader, đăng trên Playboy. [Số tháng 7-92, chú thích của người viết]

Truyện ngắn tiếng Việt nào mới nhất... anh thích?
Tiếc thay, lại là truyện dịch. Truyện Khuynh Thành, của Tam Mao, người Đài Loan. Tôi không nhớ đăng báo nào... Tôi... Hỏi cái gì khác đi.

Được rồi. Vậy thì anh nghĩ sao về lời cáo buộc Khánh Trường là Cộng Sản?
Không Chứng cớ hiển nhiên nào. *No Evidence.* Tiếc thay, KT cứ để tâm đôi co. Người ta ghét, vì Hợp Lưu được lòng số đông. Những người gọi là chống Cộng cực đoan xưa nay chỉ cưỡng lại lòng dân thôi.

Tại người ta cứ nhắc, phải đối đáp chứ?
Hãy bảo tôi ai chửi anh, và chửi gì, tôi sẽ biết anh là người thế nào! Với tôi, Khánh Trường là người đầu tiên thực sự biết Chống chế độ hữu hiệu nhất. 17 năm nay, trước sau, những người vỗ ngực Chống cộng đã chỉ toa rập theo ý của chế độ. Sao vậy? Họ chỉ sợ ta đoàn kết, thích ta chửi nhau. Đấy là một chế độ bưng bít trí thức, văn nghệ sĩ... người khao khát viết, người khao khát đọc... Nhóm Hợp Lưu mang ra được chút ít ý tưởng từ trong nước để làm Diễn Đàn, thật là đáng quý.

Còn vụ Montréal... thì sao?

Tôi thấy có sự đoàn kết giữa văn nghệ sĩ: Một mình KT bị bọn cực đoan chống, hầu hết văn nghệ sĩ tẩy chay không dự xem tranh nữa. Tôi thấy có sự tiếm danh của ông Trà Lũ, khi dùng chữ dân chúng. Chỉ vài y sĩ, vài nhà báo với thái độ du đãng, mà gọi đó là dân chúng. Thật giống chữ quần chúng của CS khi muốn buộc tội ai. Tôi thấy điều quan trọng hơn, là trò chụp mũ CS ngày càng là trò bỉ ổi, không lừa bịp được ai. Dẫu sao, tôi hi vọng vụ Montréal là sự lẩm cẩm chót ở hải ngoại. Thời cuộc biến đổi nhanh lắm mà. Hừ, người ta đòi khai trừ (!) Nhật Tiến khi ông ta du lịch về Việt Nam. Nay thì... muốn về VN, phải mua vé trước!

Bài của ông Trang Châu viết sáng sủa đấy chứ?

Lải nhải mãi về chi tiết đi đứng của các ông bà văn nghệ, phí giấy. Có ai quan tâm? Bọn văn nghệ tụ-tập tưởng mình ghê gớm lắm sao? Nhưng ông TC viết dài, cốt chỉ tỏ mình ở giữa- can ngăn hai "phe". Thế mới buồn cười. Chống báo Trăm Con vì nghe đâu báo ấy đăng bài viết về lá cờ. Ông ấy không thể bỏ lá cờ được: Vì "đã trao tận tay cho cô nhi quả phụ". Diễu thật. Mặt khác, ông ta *rất Văn Bút* khi tỏ thái độ không chịu sự áp lực với "văn nghệ sĩ".

Xin anh nói cho rõ hơn... Vụ lá cờ rất quan trọng, dễ gây phản ứng...

Xin nói về cá nhân tôi. Tôi đổ xương máu dưới lá cờ ấy [Vũ Huy Quang đã đi Bình Long, An Lộc, Dakto, Daksut... - chú thích của người viết]. Tôi bị thương ở đèo Lại Văn Chu. Tôi quý lá cờ ấy lắm. Nó thuộc về quãng đời hoa niên của tôi - dẫu đã nhọc nhằn quá lắm. Nhưng càng về sau, "Lá Cờ ấy có phục vụ cho Dân Tộc không?" Câu hỏi ấy càng đậm khi đọc lại lịch sử... "Lá Cờ ấy có phục vụ Dân Tộc không?", rất nhiều lần tôi hỏi tôi như thế.

Anh nói cho rõ hơn nữa giùm...

(*bực dọc*)Thì Hồi Ký Đỗ Mậu đấy. Bảo Đại đấy. Neil Sheehan đấy...

(*với tay lấy sách trên kệ*)Sự Lừa Dối Hào Nhoáng đây! Tạm dịch cho nhanh nhé: "Giết Việt Cộng không nương tay, cũng không ngần ngừ gì khi bắt những người Việt về phe nước Mỹ đến chỗ chết nếu cần để hoàn-tất cho mục tiêu người Mỹ ở Việt Nam". Trận chiến mà người Mỹ điều-hành ấy, có mục tiêu Dân Tộc không? Trang 43, xin ghi lại làm chứng đi. (*Vann had no moral about killing Vietnamese Communists and those who fought for them, nor was he troubled by the facts that he would be getting VIetnamese who sided with the United States killed to achieved American aims in Vietnam.*) [Ghi lại của người viết]. Lịch sử sang trang, nay thì người phía "bên kia", Dương Thu Hương khi Chống Mỹ cứu nước rồi thì cũng hối hận và nổi giận như tôi vậy. Bà ta tưởng giải phóng dân tộc khỏi bọn mắt xanh mũi lõ, nào ngờ, thay thế bởi bọn thống trị mũi tẹt da vàng. Bọn này kinh khủng, tàn nhẫn đến nỗi bà ta gọi là Bọn Cường Hào Mới.

Lá cờ là tình cảm của người ta. Bỏ đi tất nhiên phải chịu sự chống đối chứ? Bao nhiêu người đã chết dưới lá cờ này...

Cờ Đỏ, với cuộc giải phóng Dân Tộc là chính nghĩa Lừa. Cờ Vàng bảo vệ Dân Tộc cũng do Đế Quốc chia vùng áp đặt, cũng Bịp. Chết oan mà không bỏ đi, lòng dân đâu có ưa?

Ông Trang Châu đòi giữ lá cờ. Lá cờ ấy có tiêu biểu cho chính nghĩa không? Như vậy thích Cờ hay thích Người? Cờ quan trọng hay Người quan trọng? Các người chết oan trong cuộc chiến vừa qua, phải rửa nhục cho họ, sao chỉ biết Chống Cộng tức là Ôm Nghiến lấy lá cờ? Những người tôn thờ lá cờ, thực ra tôn thờ chính họ, với quá khứ vàng son của họ.

Thế sao không đấu tranh bỏ Cờ Đỏ trước đi? "Quan nhất thời, dân vạn đại", anh có thể ghét Diệm, Thiệu Kỳ... là việc của anh. Nhưng lá cờ vàng ba sọc đỏ có tội tình gì mà anh đòi bỏ?

Lá cờ ấy có phải biểu trưng cho một dân tộc không? Có phải biểu tượng cho một Quốc Gia không? Có phải Tượng trưng cho một Chính Nghĩa?

Hay chỉ biểu tượng cho một Chế Độ?

Quốc Cộng phân tranh, Dân Tộc chưa Thống Nhất. Nên chưa có Biểu Tượng chung cho Dân tộc.

Hai miền Nam Bắc... chưa phải là chung cho một Quốc Gia.

Chúng ta đã chống với một kẻ thù điên đảo. Cho đến bây giờ vẫn thế. Không ai tin người Chống Cộng cực đoan nữa. Chữ Chống Cộng cực đoan đồng hóa với sự Đê tiện rồi. Người ta đòi chế độ giải thể, tức là bỏ Cờ Đỏ trước. Cả một sự vô vọng bao lâu nay.

Cho nên, Cờ Vàng bỏ trước. Bỏ đây là bỏ cái tinh thần. Cờ Đỏ bỏ sau. Người trong nước người ta kỳ vọng người hải ngoại. Kỳ vọng cái gì? Có phải kỳ vọng chúng ta gửi tiền cho họ tiêu đâu? Họ đâu có hèn đến thế? Kỳ vọng là kỳ vọng tinh thần cấp tiến của ta. Bỏ lá Cờ Vàng ta được tất. Bởi muốn bỏ lá Cờ Đỏ còn trong tay chế độ, phải được người trong nước, phải, chính những người chiến đấu dưới lá cờ ấy- đòi bỏ. Muốn như vậy, phải nhìn xa hơn: Người trong nước bất mãn chế độ, họ cũng lúng túng chưa tìm ra đường đi nếu chỉ có hai phe như hiện nay. Chả lẽ giương lá cờ Vàng cho họ theo? Lá Cờ ấy họ coi là ô nhục, nên mới "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào". Họ không theo ai, chúng ta không theo ai. Tất cả, chỉ không muốn đổ nát thêm nữa, không muốn ê chề thêm nữa. Tôi đã nói ở trên là trận chiến vừa rồi đổ xương máu của quá nhiều người bị lừa bịp. Tất cả sự điêu linh mà chúng ta đều là nạn nhân. Nửa thế kỷ bắn giết, có bên nào có chính nghĩa Dân Tộc đích thực đâu.

Nhưng đã có lá cờ mới đâu?

Để chào à? Tạm thời, ở đâu chào cờ nước ấy. Cờ là biểu tượng. Mỹ cũng

còn có đề nghị đổi Quốc ca. Ở Mỹ Tối Cao Pháp Viện xử trắng án người đốt cờ Mỹ. Gào thét rầm rĩ, đòi vẽ lá cờ mới làm gì vội, khi tinh thần Dân tộc chưa được nổi dậy giữa người Việt với nhau. Tinh thần Dân tộc đang hồi phục trên khắp thế giới. Phạm vi tôn giáo cũng vậy. Cuộc chiến nào đang xảy ra quanh ta, cuộc đòi tách rời, đòi tự trị... nào cũng là trở về với Dân tộc. Thiên Chúa Giáo cũng phải cải cách để cho người nước nào cầu kinh bằng ngôn ngữ nước ấy. Chỉ còn người Chống Cộng cắn cấu nhau, nhất định duy trì chiến đấu kiểu chiến tranh Lạnh...

Những chiến sĩ đã bỏ mình là những cái chết anh hùng, sao quên họ được?
Anh hùng? Bất cứ cái chết nào do trận chiến vừa qua đưa lại đều là nạn nhân. Chúng ta có cái tật nhìn lộn ngược. Tướng thì thế, lính chết là chết oan ở miền Nam chứ? Với miền Bắc, các tử sĩ ấy, dựng cổ họ dậy, họ có vượt Trường Sơn nữa không? Tiểu Thuyết Vô Đề đấy. Hồi ký Vua, Quan, Tướng, Thủ Tướng đấy... Bảo tôi và các đồng đội cũ của tôi về trở lại chiến đấu dưới lá cờ ấy lần nữa? Xin lỗi! Một lần dại là đủ rồi. Nguyên soái chỉ thích làm người lính-hào-hoa mới đành lòng giở trò kiếm hiệp rẻ tiền *Vô Kỵ-Triệu Minh* trước hàng vạn xác đồng đội...

Trở lại chuyện các bài viết về vụ Montréal...
Ồ. Còn bảo chống sự áp bức văn nghệ sĩ, xem ra không dính gì đến chính trị, càng không thật bụng. Yêu quý văn nghệ sĩ gớm nhỉ. Nhưng phải là phe nào kia. Đúng không? Ngụy Ngữ, Trịnh Công Sơn... có là văn nghệ sĩ không? Những người ấy đến Bắc Mỹ, ở Canada, các nhà-báo-Chống-Cộng đối với họ ra sao? "Văn Bút" có lên tiếng chống không? Như thế chính là bảo vệ "văn nghệ sĩ" theo ranh giới Quốc Cộng. Thật lỗi thời. Rõ là lúng túng Chính Trị, chứ nào có lên tiếng nổi về áp lực với văn nghệ? Yêu dĩ vãng, yêu mình. Ai chơi với mình thì bênh. Phe nhóm chứ có yêu nước yêu non quái gì. Tuần nào cũng toe toét cười chụp ảnh...
Cái lối lập luận lòng vòng từ 17, 18 năm nay... về chiến tuyến, quả thật, lộn mửa. Độc giả cười vào mũi là phải.

Anh nghĩ văn nghệ hải ngoại có đang gặp bế tắc không? Thiếu gì sách tái bản...?
Chính trị bế tắc, văn nghệ phải bế tắc. Cái không khí văn nghệ ô nhiễm này đang giết chúng ta dần mòn... Chúng ta có tác phẩm nào Lớn không? Không! Còn sách tái bản, tác giả viết như mưa? Xách dép cho Lê Văn Trương! Nhưng nay còn ai nhớ Lê Văn Trương không? Hay là Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường... mới vẫn còn trong lòng người?
Nhìn ra Thế Giới thật nhục. Thế Giới tiến nhanh quá.
(*bồn chồn*)Khi mà còn nhìn sự việc theo nhãn quan Ta-Địch... thì không bao giờ khá được. Tác phẩm được lôi ra mổ xẻ nhiều nhất trong 12 tháng qua

là *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tác phẩm được tự động in lại trong hai năm trở lại đây, là *Những Thiên Đường Mù*. Một quyển này thôi, tận mắt tôi thấy có đến 7 nhà xuất bản tự động in lại. Nhưng tác giả, đang ở trong nước không viết được nữa. Mũi nhọn nhất đã bị ém rồi. Thế là bế tắc.

Nói thế hóa ra anh đồng hóa Dương Thu Hương với mức độ tiến bộ của văn nghệ trong và ngoài nước sao?

Đúng. Tác phẩm của bà ta phản ảnh rõ nhất về xu thế chính trị ngay trong lòng chế độ. Vụ Bùi Duy Tâm, bà ta là nạn nhân đáng thương của sự đê tiện dưới mọi hình thái. Nhưng cho tới bây giờ, bà ta vẫn được chú ý. Đảng không cho báo chí nhắc đến tên DTH nữa. Kiểm điểm hiện tượng văn học cũng không. Nhưng quần chúng vẫn không quên bà ta. Nên báo "Giáo Dục Và Thời Đại" phải dùng ông Trường Giang giả nhân giả nghĩa với bà ta. Đểu thật. Dân trong nước không chú ý đến báo chí lẫn sáng tác nữa, phẩm lượng sút kém. Dân ở đây cũng vậy, họ mặc xác các ông bà nhà văn Đoàn tụ hay không Đoàn tụ ra mắt sách và bán văn hóa phẩm ở đây. Sinh hoạt văn nghệ nào cũng từng ấy bộ mặt. Tại sao? Người viết có đếm xỉa gì tới nguyện vọng, băn khoăn của người đọc? Chả phải người Việt nào cũng thao thức về Du lịch, Cấm vận và sự thành tâm thiện chí của chế độ hay sao?

Anh cho biết thế... Còn về phần anh? Cũng là người cầm bút, sao không khai thông... mà trông chờ DTH?

Ai được lắng nghe hơn DTH? Nguyễn Khắc Viện à? Trần Đức Thảo à? Hai ông này chỉ đòi sửa triết lý chủ nghĩa xã hội của Đệ Tam. DTH đòi dẹp đi. Một lần nói chuyện của DTH mạnh hơn ngàn lời lý luận của Lữ Phương. Bởi vì đúng lòng người. Tôi không nói ngoa đâu: báo *Người Việt* ở đây đăng đấy. DTH nói chuyện mà đi trễ là hết chỗ. Ở đây ra mắt sách có được một phần ngàn như thế không? DTH đã ảnh hưởng tới hàng triệu độc giả là những Bộ đội, Công An... Phải là người có vị thế ra tuyến lửa như DTH mới nói được chứ? Tiếc thay, trong nước thì có sách lược để nhận chìm DTH vào quên lãng. Ngoài nước thì vì ngây thơ, có khi vì ghen tị... Cũng có khi vì nửa thế-kỷ in ấn ý-niệm Quốc Cộng trong tâm-thần mỗi người... không sao xóa bỏ ngay được.

(*ngẫm nghĩ*)Còn khai thông, đâu việc của một người? Độc giả khai thông. Các ông chủ báo khai thông. Không phải tôi. Vả lại...

(*nổi giận*)Thiếu gì ý kiến của tôi bị bẻ quẹo đi? Với các nhà văn chung quanh, họ nghĩ là tôi chống họ. Thực ra tôi chống với không khí sinh hoạt Ghetto u ám ở đây. Buồn tẻ và vô duyên. Đủ tính chất của vờ vịt, ảm đạm, đần độn... trộn lại. Họ thích vợ con họ, nhúm bạn của họ... mà gọi đó là làm văn nghệ không làm chính trị... làm thơ Tây thơ Mỹ với cái quê hương như thế. Chủ báo thích đăng truyện giải trí là nhiều... họ dặn "đừng viết chính trị".

Cho nên độc giả đi đàng độc giả, "nhà văn" đi đàng "nhà văn", với những sinh hoạt văn nghệ bù khú, cưu mang, đầy tính quan-hôn-tang-tế... (Chữ nhà văn, xin cho trong ngoặc kép). Rửng mỡ. Nhà "báo" nhân danh Quốc gia chống Cộng ra báo chửi nhau vồ quảng cáo, nhà "văn" ôm quá khứ túm năm tụm ba... Ta-Địch.

Xin anh nói rõ hơn... Bế tắc làm sao, khi tháng nào cũng có ra mắt sách báo, cũng có tác phẩm mới?

Xem nào. Từ trước đến giờ ở hải ngoại, chúng ta có, mang máng thôi - 347 tờ báo thì phải? 347 tờ ấy, thực ra là 1 tờ. Tờ nào cũng bèn bẹt, 17 năm loan tin Việt Cộng dẫy chết vô căn cứ. Nay Hợp Lưu mới là tờ thứ hai.

Sách? Chóng mặt thật. Nhưng đề tài là gì? Họ viết gì? Hồi ký đi tù kể chuyện thương đau cá nhân? Hay là rên rỉ dĩ vãng, thường là mang tính anh hùng cá nhân, oán trời trách đất...

Người ta ở lại với CS khổ như thế không kể ra sao được?

Khổ lắm, biết rồi, nói mãi. Tôi mà không nhanh chân, tôi cũng ít ra 10 năm cải tạo. Tôi may mắn hơn anh em H.O. và tôi kính trọng sự chịu đựng của họ. Nhưng họ may mắn hơn nhiều người.

May mắn hơn là sao?

Có ông Trung tá Pháo Binh đoàn tụ qua đây, kể chuyện thế này... Ông ta ra tù cải tạo, phải đạp xe đạp thồ than hàng ngày 20 cây số nuôi vợ con. Trước nhà ông ta là nhà ông Trung tá Điện Biên ngồi vá xe cũng nuôi vợ con. Sáng nào hai ông cũng chào nhau. Khi ông này có giấy Đoàn tụ đi Mỹ, ông kia mừng cho và bảo: "Anh còn có ngày thoát ra. Tôi thì không biết khi nào."

Vấn đề là ông Pháo Binh bùi ngùi kể rồi bảo tôi: "Ông có quen nhà văn nào thử viết lại truyện này cho thật sâu sắc thử coi...?" Không biết nói thế, vì qua đây, thấy báo chí hải ngoại Chống Cộng điên cuồng, ông ấy có ý mỉa mai hay không.

Về nhà, tôi nghĩ mãi... Rồi thấy là ông Điện Biên còn may hơn hàng triệu người không vá xe được, may hơn cô nhi quả phụ, mò cua bắt ốc, vẫn hơn các thiếu nữ sa chân mất nhân phẩm, các thiếu nhi thất học thành du đãng ở một xã hội như trong nước ... Đối với tôi, những người xấu số ấy là đại diện đáng thương nhất của xã hội Việt Nam. Hồi ký chỉ biết nói chuyện mình thôi. Một ông nhà văn H.O. đưa thơ tiếng Mỹ cho bạn văn xem, khoe sẽ viết thật dài về quãng thời điểm mà cái nhìn văn-đoàn của ông ta chứng kiến tận trước Génève. (*cười*)Tôi sợ quá, chả lẽ lại phải đọc nữa, dài đến thế... không biết độc giả học được gì? Tôi muốn Ngất đi... khi nghe ông ta nói thế.

Đó là chuyện cả thế hệ đã trải qua, phải nói ra chứ?

Cho mình hả? Hay cho người? Đi tù ai bảo là sướng? Cuốn "Thép Đen"

và cuốn "Sống và Chết ở Thượng Hải" làm tôi quá thấy quá sợ cảnh tù. Hướng về tương lai mới là điều người ta trông chờ ở các nhà trí thức, các nhà văn. Dương Thu Hương không chịu viết Những Thiên Đường Mù tập hai, dù đã thành công đến thế. Chỉ vì bà ta muốn tìm đường hướng đấu tranh cụ thể: "Chúng ta đồng kiểm chứng cuộc đấu tranh này." Tiếc quá, bà ta bị im tiếng mất rồi... Tôi nói ở đây có giống thế, thì Ai nghe thấy? Ai tin? Người trong nước mới là chính...

Còn chuyện Hòa Hợp Hòa Giải anh thấy sao? Có xóa bỏ hết oán thù dễ dàng đâu?

Tôi không bảo bỏ oán thù. Chỉ xin nén nó xuống để nhìn việc đau đớn, cấp bách hơn. Hòa Hợp Hòa Giải... không phải Đảng cho... Lòng Dân bắt phải làm Thật.

Nhưng liệu có mắc mưu CS, như nhiều người vẫn lo ngại không?

Nhà cầm quyền trong nước hô hào Hoà Hợp...? Được. Chúng ta quá đồng ý. Nhưng phải làm Thật. Cộng Sản có cái quái gì mà sợ? Hoa Hồng Đỏ? Hồ Chí Minh sống dậy qua đây, nhân chứng sống của Cải Cách Ruộng Đất còn đấy chứ đã chết hết cả đâu. Sẽ nói chuyện cho rõ trắng đen.

Nghĩa là sao?

Đất nước là của chung. Của mọi giai cấp. Lại càng không là của riêng của Đảng.

Làm sao biết đâu thật giả? CS nó ghê lắm mà?

Mâu thuẫn nhỉ. Vừa bảo CS dẫy chết, vừa nghĩ CS nó ghê lắm... Thật ra bây giờ, đưa con nít trong nước nó cũng khinh Đảng. Người trong nước, trực diện với Đảng, sẽ kiểm chứng cho chúng ta... như Phan Đình Diệu, Đoàn Viết Hoạt, Dương Thu Hương...

Lỡ người ta cứ bảo DTH là cò mồi thì sao?

Cò mồi cũng được. Đoàn Viết Hoạt cò mồi cũng được. Phan Đình Diệu cò mồi cũng được. Họ nói ra có đúng không, mới là điều trả lời của lương tâm mỗi người. Dương Thu Hương, bà ta viết có thật không? Cán bộ Chính vẽ ra trong NTĐM có đúng không? Những người H.O. đã trả lời cho tôi, nếu cứ bảo tôi không sống với CS tôi không biết gì về cán bộ Cộng Sản đểu cáng đến thế nào. Mình không biết thì người khác thấy... Cả triệu người thấy.

Nhưng bà ta đâu có chịu hạ thấp nhân cách mình? Ai cũng biết điều ấy mà? Vu cáo, nghi ngờ, cấn cấu... chỉ vì chính trị thôi.

Về sinh hoạt văn nghệ hải ngoại gần đây, anh thấy có gì khởi sắc không?

Xám xịt. Phù phiếm, nhạt nhẽo, vu vơ. Khi những tinh thần của Đỗ Kh.,

Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Vũ Quỳnh Hương, Trần Thị Kim Lan, Chân Phương, Ngu Yên... thành hình một diễn đàn chính, lúc ấy mới khác hẳn chăng... Hiện giờ, rất nhiều ông bà viết văn Chống Cộng làm Quà. Nói chung, họ chỉ tưởng mình là nhất. Sự thật, là đại đa số - nếu không biết hô hào Chống Cộng - không viết nổi điều gì khác. Sáng tác thiếu máu. Chỉ bởi chính trị bế tắc.

Phần anh thì sao?

Rất nhiều chủ báo muốn tôi sáng tác. Tôi từ chối. Chính trị người ta lúng túng, cứ quay ra đòi truyện ngắn, truyện dài... Tôi viết nghị luận mãi... viết đấu lý ấy mà... thì các bạn-văn chê là đọc không hiểu... (*cười*). Thì nói chuyện Quốc Cộng và lá Cờ vậy.

Bổn phận anh là phải nói cho họ hiểu chứ, nếu không thì là lỗi của người viết...

Được. Có thế này thôi. Bỏ Chống Cộng cực đoan (cực đoan)đi, chế độ sợ chúng ta hơn. Đối thoại đi, đừng chửi bới, chúng ta thắng hơn. Không những bỏ cờ Đỏ, mà bỏ cờ Vàng đi, mới hợp lòng dân hơn.

Nghĩa là sao?

"Tôi" cầm súng ở miền Nam, tôi không chịu là người Quốc dơ bẩn, người Quốc tay sai. "Anh" ở miền Bắc, anh không chịu "Yêu nước không, không đủ. Mà phải yêu Tổ Quốc Xã Hội Chủ Nghĩa". Càng không là tay sai cho bọn chết đi gặp Mác-Lê nin, chứ không gặp Tổ Tiên. Những người ấy, vô-cùng-là-nhiều. Tất cả chúng ta là nạn nhân. Trịnh Công Sơn cũng là nạn nhân của thời cuộc. "Ngọn đèn Mátcơva đời đời vẫn sáng" có khác gì những người ầm ĩ "vinh danh anh hùng Trần Văn Bé Tư"...?

Hãy thương tất cả, bỏ Ai là Quốc, Ai là Cộng đi. Những người tù tội, chết trên biển, chết vì vượt Trường Sơn, chết vì bảo vệ Miền Nam... đều là nạn nhân thời cuộc cả.

Trận chiến Quốc Cộng, miền Nam thua rồi. Chúng ta chưa thua. Miền Bắc thắng rồi, người Bắc cay đắng lắm. Hãy dẹp bỏ Quốc Cộng đi, thay bằng đấu tranh mới. Đấu tranh Thật-Giả, đấu tranh Dân Tộc và phi Dân Tộc. Cuộc đấu tranh này vĩ đại, toàn thể người Việt thắng lớn đến nơi.

Thương tiếc Nguyễn Tất Nhiên hãy cũng sót cho Phùng Gia Lộc. Tội cho Lê Văn Vũ Bắc Tiến cô đơn hãy ái ngại cho Hoàng Công Khanh cô lập. Yêu mến Phạm Duy hãy cay đắng cho Văn Cao... Thích mãi Kiều Chinh, hãy thấy tài của Lê Vân...

Anh nói thế, thì không còn kẻ thù nào sao?

Những kẻ cực đoan. Bọn tham quyền cố vị. (*cáu*) Độc giả hãy nổi giận với kẻ Phỉ Báng, vu khống người!... Nhân danh chữ Chống Cộng (cực đoan) đã

thiu thối! Hãy thấy sự nham hiểm của kẻ đòi tiếc cho văn tài DTH đã không viết chuyện tình mà đi viết Tham Luận... như ông Trường Giang ở trong nước - thật là nước mắt cá sấu. Các ông giáo sư như Trần Nhâm của Đảng... bào chữa là trì trệ đất nước chỉ bởi cách mạng còn ấu trĩ! Yêu Đảng gớm nhỉ! Dù sao tôi hân hạnh nếu nhậu với ông Trang Châu, chứ không thể ngồi với ông Trường Giang được... dù ông ấy có cho phép... Người hải ngoại rất tốt bụng, một khi họ nhìn thấy đường đi. Ai cũng thao thức về đất nước cả. Kể cả báo Làng Văn. Tụi cực đoan nhất định tôn thờ Hồ Chí Minh thì không.

Theo anh, thì hải ngoại có thể làm được gì cụ thể?

Hải ngoại MUỐN gì? Là câu hỏi quan trọng mà mỗi người phải tự trả lời. Muốn Trả Thù, hay muốn Xây Dựng đất nước? Nhưng không thể lấy chửi bới cốt hả dạ được. Chỉ tự hạ thấp nhân phẩm mình thôi. Vả lại, đi tìm tự do, ở đây có tự do, nhưng tự do cá nhân bị giới hạn khi liên đới xã hội. Không Phỉ Báng được. Ngoài ra thích thương nhớ dĩ vãng, thích danh hão thì cứ tiếp tục làm như văn nghệ hũ nút đã làm bấy lâu. Hãy ra thêm 300 Văn Bút, hội Ái Hữu, Hội Đoàn... nữa. Còn hướng về đất nước, về dân tộc... thì ai mà chả hiểu là phải nghĩ ngược lại. Dẹp Cờ Vàng, những người từ bỏ Cờ Đỏ sẽ đến với chúng ta. Giữ Cờ Vàng, bế tắc không biết đến bao giờ. Thụy Khuê và Dương Thu Hương chả lẽ cứ hỏi nhau "Chị chạy sang Cờ tôi hay tôi chạy sang Cờ chị?" mãi sao? Lá Cờ hai phe cũ kỹ ấy, Cờ nào cũng dở như Hạch!

Dám bỏ chữ Chống Cộng một cách cuồng tín đã thiu, văn nghệ có công lớn, đi tiên phong trong việc dựng lại nước.

Anh qui hết mọi chuyện chỉ vào hai chữ Chống Cộng vậy sao?

Chúng ta, miền Nam, đã chống với một kẻ thù điên đảo, một cuộc chiến tranh bất đắc dĩ. Các cường quốc giật dây không hề chống nhau trực diện - Kissinger đi săn gấu với Breznev, Nixon ăn vịt Bắc Kinh với Mao giữa lúc chiến tranh Lạnh của thế giới, chiến tranh nóng giữa người Việt với nhau...

Người đã cầm súng đối đầu ta chính là đồng bào ta, họ bị chiêu bài giải phóng đất nước lồng với giải phóng dân tộc, lồng với giải phóng giai cấp. Gọi những người ấy là Cộng sản là sai lầm. Càng Chống Cộng, kiểu mù quáng kia, càng điên đảo, vì chống cái gì không thật. Chế độ trong nước hiện nay, chỉ muốn hải ngoại như vậy mãi, rất có lợi cho họ. Chống Cộng cuồng tín đã đồng nghĩa với vô hiệu nghiệm, là tay sai, là gia đình trị, là tham quyền, là tham nhũng, là chạy trốn, là điên cuồng... Hồi ký đủ loại chả chứng minh điều đó là gì?

Cho đến bây giờ, Chống Cộng cực đoan vẫn đồng nghĩa với dựa vào thế lực ngoại bang. Càng Chống, càng bế tắc, vì không được lòng dân. Càng biết mở ra đường đi mới, là đường đi của Thật-Giả, của Dân tộc chống với phi Dân tộc... toàn dân càng thắng.

Thời điểm này, văn nghệ sĩ, trí thức... phải là đột-phá-khẩu, khai thông

cho một Thành Phần Thứ Ba. Thành phần này là thành phần người Dân Tộc, đông đảo vô cùng.

Nay Chế độ sợ nhất là trận tuyến tư tưởng bị kềm hãm được hải ngoại tiếp tay, phát động mặt trận mới - trong đó người trong nước là chính, chúng ta nên nhớ điều đó.

Ai mà tiếp tay họ được là làm một việc vĩ đại không kém.

Anh mong ước điều gì cho tương lai?

(*ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi cười*)

Three Stooges đóng phim về Hitler và Goering, Goebbels. Bao giờ ba khuôn mặt chứng nhân ghi dấu một thời của Việt Nam cũng được đưa lên phim như vậy, cho cả nước cười bò về tài đóng kịch của họ, lúc ấy, khi người ta quên đau thương, Việt Nam sẽ là cường quốc. Tôi thề như vậy.

Ba khuôn mặt nào của Việt Nam có thể so sánh được với bộ ba độc tài Quốc Xã Đức mà thành bộ ba Curly, Larry và Moe trong loạt phim diễu Three Stooges vậy?

Là Hồ Chí Minh, đạo mạo mà láo liên, mặt dài có râu. Là Ngô Đình Diệm lủn chủn, tròn trĩnh tự đắc. Là Nguyễn Cao Kỳ, ngớ ngẩn hay làm oai, có ria. Tôi không nghĩ xấu về họ. Nhưng bản chất họ là như thế, đối với đồng bào. Cho nên, chỉ có những trận cười Nyuk, Nyuk, Nyuk... mới xóa được đau đớn bấy lâu.

Dân tộc Việt khoan thứ nhanh lắm, cả đối với kẻ đã phục vụ cho thế lực quốc tế, vô tình hay cố ý. Khi khoan thứ rồi, có nghĩa là giải quyết xong mọi u ám lịch sử một cách hả hê rồi, thì... Chả thành cường quốc là gì?

Vài câu hỏi chót. Có vẻ khó trả lời vắn tắt... Anh nghĩ sao về Hồ Chí Minh? Ông ta có phải là người yêu nước không?

Hồ Chí Minh là người của Đệ Tam. Cốt lõi của Đệ Tam là giải phóng giai cấp, tiến đến Thế Giới Đại Đồng. Cùng giai cấp bênh nhau, coi là anh em, xóa bỏ ranh giới Quốc Gia. Thành trì là Nga Sô. Vậy người trong một nước có thể là kẻ thù của nhau, người khác nước là anh em với nhau. Nên mới có các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Xóa Dân tộc, mang xương máu Dân tộc làm tiền đồn Xã hội chủ nghĩa... Sao gọi là yêu nước thương nòi được?

Anh nghĩ Đảng Cộng Sản VN có công thống nhất đất nước như họ tự nhận không?

Có tội! Không có Đảng, thống nhất đất nước nhanh hơn. Ít xương máu hơn. Có tiền đồn Xã hội chủ nghĩa mới có tiền đồn Thế Giới Tự do. Mới giết nhau lâu và nhiều đến thế.

Trên kia anh có nhắc đến Thành Phần Thứ Ba. Họ là ai vậy? Có giống như

những người mà ta thường nghe nói đến hồi trước 75 không?

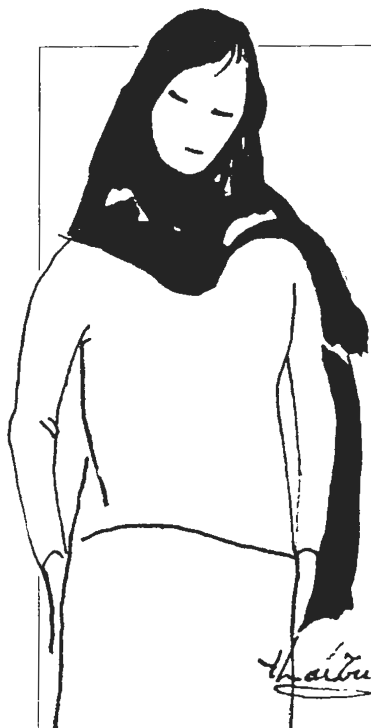
Cần phải định nghĩa lại Thành Phần Thứ Ba này! Họ là những người dân tộc không chấp nhận ranh giới Quốc Cộng. Hai thành phần đầu, Quốc Cộng - là từ Chiến Tranh Lạnh mà ra. Chiến Tranh Lạnh chết rồi. Con đẻ của Chiến Tranh Lạnh (Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm...) chết rồi. Nay chỉ còn bọn cháu đích-tôn của hai bên. Kệ họ thờ cúng dĩ vãng, cấu xé nhau... Thành Phần Thứ Ba là Những người xem phim Hề gồm những bộ mặt ở trên đóng mà cười phá lên... Những người ấy, tương lai của dân tộc Việt, đi thẳng về phía trước.

Hỏi thật là anh có dám để ghi lại đăng nguyên con trên báo không? Người ta sẽ ghét anh lắm đó! Những phát biểu đầy cảm tính của anh sẽ gây bực mình...

Người trả lời không có lỗi. Người hỏi mới có lỗi. Ai bảo dồn tôi vào chân tường? Quý vị có dám đăng không? Bộ Kiểm-duyệt Việt Nam Cộng Hòa có ở đây hả? Liêm sỉ mất ráo rồi! Còn cảm tính à? Lý trí đấy. Người ta bực mình à? Nhỡ tôi bị số người này bực mình, nhưng được số người khác đông hơn tán thành...

Thì Sao?

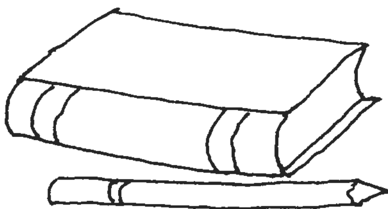
PHẠM VIỆT CƯỜNG thực hiện, 9-92.





KIM THI *phụ trách*

ngày... tháng...



Ngày 22 tháng 7, 1992

Chúng ta hẳn chưa quên, khi "Mùa Biển Động tập I vừa chào đời, tác giả của nó lập tức bị đưa ra pháp trường, tùng xẻo. Sau này ông được biết, tất cả những đao phủ từng múa dao khua thớt đều... chưa đọc một dòng cuốn sách của ông! Mãi đến lúc bộ trường thiên hoàn tất, các đao phủ này mới... nghe nói đã chọn sai đối tượng (nghe nói, vì cho đến nay - tháng 7, 1992 - đa số vẫn tiếp tục... chưa đọc, dù chỉ một dòng!). "Cũng tốt thôi, thà đánh nhầm hơn bỏ sót", thế rồi lờ đi, coi như chưa từng có sự cố gì xảy ra trên cõi đời này. Vài anh khác, liêm sĩ hơn chút xíu, cười trừ: "Tớ có đọc đâu, chúng bảo cuốn sách ấy thiên Cộng, hạ nhục quân lực Việt Nam Cộng Hòa, thì đánh. Hóa ra không đúng à? Sorry vậy".

Trường hợp trên nào phải duy nhất. Mười bảy năm nay, nó phổ biến đến độ đã trở thành một biểu hiện "bình thường", thậm chí có người còn đồng hóa nó với... cá tính dân tộc, kèm theo một cái lắc đầu buồn bã: "đây là thời của những kẻ giết người"! Thời của những kẻ giết người, một cách nói. Nhưng phần nào cũng vẽ được cái thực trạng lạ lùng của sinh hoạt cộng đồng hải ngoại.

Phải chăng do tâm thức đánh mất quê hương, từ đó mất luôn cả mọi niềm tin, con người trở nên đa nghi, độc ác, nhìn đâu cũng thấy kẻ thù? Quả vậy, người Việt Nam ngoài nước, trong bối cảnh hiện tại, hình như hoàn toàn không còn tin tưởng bất cứ điều gì, kể cả chính bản thân họ. Đã vậy, lại còn hết sức mâu thuẩn. Sống, chỉ thích túm tụm vào nhau, dù mang quốc tịch ngoại quốc nhưng vẫn nhất định... xa lánh người ngoại quốc. Một người Việt nào đó, không phân biệt phái tính, khi lấy chồng hoặc vợ bản xứ, là ít nhiều gì cũng phải chịu đựng những cái nhìn kỳ thị của đồng hương!

Nghi ngờ nhau, tàn ác với nhau, mà lại cứ muốn sống cạnh nhau, bảo vệ nhau. Mâu thuẩn này nếu chỉ nhìn hiện tượng, sẽ rất khó giải thích. Nhưng

nếu xét sâu, chúng ta có thể tạm cho rằng đó là hệ quả tất yếu phát sinh từ tâm trạng bơ vơ, lạc lõng, bứt xúc, cô đơn và sợ hãi trước đời sống. Đến một lúc nào đó tâm trạng này biến thành một thứ gông cùm, muốn thoát ra, không thoát được, thể xác và tâm hồn dần dà trở nên mất quân bình, thường trực cùng quẩn, thế là quay về tự hành hạ chính mình hoặc những kẻ thân thiết nhất của mình, dưới các biến thái tâm sinh lý phức tạp như phóng đãng, bê tha, buông thả, trắc nết, hung tợn, điên cuồng, thù hận, tráo trở, thô bạo.... Hiện tượng xót xa này có lẽ chỉ tồn tại ở những cộng đồng lưu vong đã bị đứt lìa hẳn với tổ quốc về mặt địa dư cũng như tư tưởng. Các chủng tộc khác nào có vậy. Đối với các sắc dân ấy, cộng đồng của họ là một phần quê hương nối dài ra ngoài tổ quốc. Họ liên lạc, trao đổi, quan hệ mật thiết với Đất Mẹ. Sách báo, những sinh hoạt văn hóa đều lấy Đất Mẹ làm gốc, và những thành tựu của họ, trên nhiều bình diện, Đất Mẹ đều được chia phần. Nhìn người rồi nghĩ đến ta, trừ phi có một trái tim bằng đá, bình thường, làm sao không khỏi cảm thấy buốt nhức!

Cho nên mỗi người Việt Nam trong bối cảnh hiện tại, nếu không sáng suốt, không đại lượng, không vượt qua những nỗi sợ hãi vô hình đang chồng chéo trong tim óc, thì rồi mãi mãi chúng ta vẫn thế, nghĩa là mãi mãi chỉ là những kẻ tự cắt thịt lột da chính mình.

Trừ cái bọn đã đánh mất lương tri, có người Việt Nam nào không ước mơ nơi chôn nhau cắt rốn của mình được tắm trong bầu khí Tự Do, Dân Chủ và Phú Cường? Để thực hiện ước mơ đó, hẳn nhiên không thể chỉ có một độc đạo. Bằng nhiều đường, nhiều cách, tùy tâm cơ trình độ và điều kiện, mỗi cá nhân, mỗi đoàn thể, mỗi phe phái tự chọn cho mình phương cách hành động thích hợp. Mười bảy năm kể từ ba mươi tháng tư 1975, đất nước đã thống nhất, Bắc Nam đã một nhà. Trong bối cảnh đó, viễn tượng một tương lai Việt Nam có quyền ngẩn cao đầu bước tới là một viễn tượng gần như tất nhiên. Thế mà cho đến nay, gần hai thập niên sắp qua đi, hình ảnh cái giống dân có chiều sâu lịch sử trên bốn nghìn năm như chúng ta thường tự hào vẫn là cái hình ảnh lầm lũi, rách nát, tả tơi dưới mắt nhìn của thế giới! Một dân tộc sắp bảy mươi triệu người, một dân tộc, về mặt chiến đấu giữ nước, chưa hề thất bại trước bất cứ ngoại xâm nào, một dân tộc mà đức cầm cù chịu đựng vẫn được xem là truyền thống, thế nhưng lại không có khả năng kiến tạo. Điều này hẳn hết sức vô lý. Nguyên nhân, ai cũng biết: người Cộng Sản tuy có công dành được độc lập cho Việt Nam, nhưng trên bình diện xây dựng, họ đã thất bại. Lý do xa: chủ nghĩa Cộng Sản sau 70 năm làm chủ gần nửa trái đất, ngày nay, chính những "tín đồ" trung kiên nhất cũng đành phải thú nhận: đó là một chủ nghĩa viễn mơ, hoang tưởng. Lý do gần: Cuộc phân tranh Quốc/Cộng kéo dài hơn một phần ba thế kỷ trên quê hương là căn nguyên của vô số đổ vỡ về vật chất lẫn tinh thần cho ít nhất vài ba thế hệ. Đến nỗi, chỉ cách nhau một dòng sông nhỏ, mà đôi khi Nam Bắc vẫn không thể nào hiểu được nhau. Đến nỗi, dù chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, mà trên thực tế

chúng ta vẫn chưa thoát được sức ép của hận thù còn đè nặng trên vai hai miền. Đất nước đã lầm than do chọn lựa sai lầm một hướng đi. Đất nước còn lầm than hơn do di chứng của cuộc xung đột ý thức hệ dai dẳng. Ngày nay, ai cũng biết, không thể tái diễn chiến tranh bạo lực, và ai cũng biết, chủ nghĩa cộng sản trên thế giới hoặc đã cáo chung ở một số quốc gia, hoặc đang tìm cách lột xác dần dần ở vài ba quốc gia còn lại khác. Đó là diễn trình tất yếu mà lịch sử nhân loại sẽ phải đi qua.

Ý thức được điều đó, một số người đang cố gắng - bằng khả năng khiêm tốn của mình - kết hợp với mọi lực lượng tiến bộ, không phân biệt quá khứ chính trị, không phân biệt vị trí địa dư, cùng hướng đến mục tiêu góp phần kiến tạo lại quê hương. Nhưng thật buồn cười và buồn bã khi có người nghĩ rằng cái thiểu số sáng suốt và có lòng này đang tiếp sức, đang phà thêm sinh khí cho một chế độ. Nói cách khác, theo họ, chọn lưa con đường ôn hòa ấy là thỏa hiệp với chế độ. Làm sao họ không thể hiểu được cái điều giản dị: những lực lượng tiến bộ hiện nay bên trong đất nước chính là tiếng nói đại biểu của đám đông, của quần chúng, của dân tộc. Chọn thế đứng bên cạnh những lực lượng tiến bộ kia, cũng có nghĩa đang chọn thế đứng trong lòng dân tộc, cái thế đứng đối nghịch hẳn với mọi quyền lực làm trì trệ bước tiến của dân tộc. Tóm lại, hãy tách dân tộc ra khỏi chế độ. Chừng nào biết tách dân tộc ra khỏi chế độ, chừng đó cây cọ của chúng ta, ngoài bút của chúng ta, những thành tựu thuộc các lãnh vực chuyên môn của chúng ta sẽ có môi trường ứng dụng, mà tâm, lòng chúng ta sẽ không còn băn khoăn, bứt rứt.

Ngày 5 tháng 8, 1992

Chỉ cách vài hôm trước, Anh Yên, chủ nhiệm báo *Độc Lập*, vừa từ Đức sang chơi, cùng Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, và hắn ngồi với tôi đến già nửa đêm, trong ngôi nhà này. Vẫn khuôn mặt tái, đôi mắt dại, giọng nói vấp váp, bàn tay phải luôn vòng ra sau ót gải gải. Vẫn bộ quần áo nhàu nát, đôi giày bẩn, một tờ giấy gấp tư thò ra ngoài miệng túi sơ mi. Vẫn những câu nói không đầu không đuôi, bắt nguồn từ ám ảnh tối tăm nào đó trong cái đầu đã nửa tỉnh nửa điên. Hắn, "thần đồng" thơ ca của một thời. Hắn, tác giả của nhiều bài thơ được nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành ca khúc, không một người Việt Nam nào không từng nghe, từng hát. Hắn, cái gã trung niên những năm gần đây, trong mắt nhìn mọi người, là hình ảnh của một kẻ đã đánh mất sự tỉnh táo vốn có ở một người bình thường. Hắn, bảy giờ tối hôm qua, một bạn văn gọi lại khi tôi đi vắng, nhắn: hắn đã chết.

Đã chết? Sáng nay, trên nhật báo *Người Việt*, đưa tin:

Chiếc xe Toyota cũ màu xanh xơ xác đậu chéo sát bờ tường bãi đậu xe bên mặt chùa Việt Nam xa xa dưới chân ngôi tượng lớn Phật Bà Quan Âm.

Nguyễn Tất Nhiên nằm dài trên băng sau xe dưới ánh nắng về chiều miền Nam Cali. Các cảnh sát viên và nhân viên điều tra đứng quanh xe, chụp ảnh,

quan sát, chuẩn bị khiêng xác người thi sĩ tuyệt mệnh lên chiếc xe đẩy với tấm vải trùm trọn người, chuyển sang chiếc xe nhà xác trắng toát hiệu Crown Victoris số IRTL 330 với một tài xế dáng người to lớn vĩ đại, sẽ chuyển thi hài về Trung Tâm Giảo Nghiệm Coroner Office tại khu Civic Center ở thị xã Santa Anna cách sáu dặm.

Khi xác thi sĩ đã chuyển đi rồi, chỉ còn trơ trọi chiếc xe cũ kỹ, còn lại một đống quần áo trên băng sau, với một chiếc bọc lớn, và ở ghế trước một bao thuốc Malboro, một băng cát-xét và một tập Anh Ngữ "English 900", mấy tờ văn thư hành chánh có dòng chữ lớn "Notice of Action", một tờ giấy chứng nhận có share phòng đã cũ, và một nệm ghế rách đôi.

Tay lái xe đã long mất phần plastic bọc quanh. Toàn xe một mùi thuốc lá đậm đà hắt ra. Đó là những gì còn sót lại vài giờ sau khi thi sĩ vĩnh viễn ra đi trong đời sống, và rời khỏi chiếc xe thân yêu, nơi ông sống cả ngày lẫn đêm trong non nửa năm cuối cùng của đời mình.

Tin từ khu giảo nghiệm cho hay sẽ hoàn giao thi hài thi sĩ cho thân nhân trong ngày thứ tư, 5, tháng Tám. Và theo gia đình, nhà quàn Peek Family ở góc đường Bolsa & Beach sẽ đảm nhận tẩm liệm và quàng xác thi sĩ để thân hữu thăm viếng trong ngày thứ sáu, 7, tháng Tám từ chín giờ sáng đến chín giờ tối, để chín giờ sáng thứ bảy, 8, tháng Tám 1992 sẽ bắt đầu lễ cầu siêu và hỏa táng.

Thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên tên thật Nguyễn Hoàng Hải, 40 tuổi, một người không nơi ngụ cư chính thức và là một tên tuổi thi ca quen thuộc hơn hai thập niên qua từ loạt thơ tình do Phạm Duy phổ nhạc thời 1970 - 1971 ở Sài Gòn, đã vĩnh viễn ra đi vào lúc xế chiều thứ hai mùng 3 tháng Tám, 1992...,

Như thế, hắn đã chết. Đã chết thật.

Đã chết thật, cái kẻ vài năm trở lại đây, nhất là những tháng cuối cùng trước khi biến cố xẩy ra, gần như rơi hẳn vào trạng thái mất trí. Hắn mất trí, điều đó ai cũng biết. Và ai cũng biết, cái điều kỳ lạ vẫn thường khiến bằng hữu không ngớt kinh ngạc: những bài thơ hắn làm gần đây, mang tên *Minh Khúc*, hình như là những bài thơ hay nhất trong sự nghiệp thi ca của hắn. Hay và tỉnh táo. Sự tỉnh táo chỉ bừng sáng khi chạm đến ngôn ngữ của vần điệu. Sự tỉnh táo làm đau quặn ruột gan người thưởng ngoạn:

Buồn ơi tôi bỏ tôi chìm đắm
Trong tiếng làm thinh của ghế bàn

Đã chết thật, khi từ Trung Tâm Giảo Nghiệm đưa ra kết quả: Nạn nhân qua đời vì dùng thuốc quá liều lượng. Dùng thuốc quá liều lượng! Một cách nói. Hầu hết anh em văn nghệ quen biết hắn đều ngầm hiểu: chính hắn đã chọn cho mình con đường về với tịch lặng.

Đã chết thật, để chiếc sofa kia, sát cạnh chỗ ngồi này, sẽ chẳng bao giờ nữa có hắn nằm co quắp, một mình. Hắn thường đến vào những lúc rất khuya. Rất khuya, một hai giờ sáng, trời bên ngoài mù đục trong sương. Từ một nơi nào đó, giọng hắn vấp váp qua đường điện thoại: "Tao... lạnh... Đói nữa... Mày cho tao về ngủ được không...?" Câu hỏi thật ra không cần thiết.

"Cái chùa" này chẳng phải lần đầu tiên hắn đến. Bật đèn, mở cửa, đốt thuốc ngồi chờ. Mười lăm phút, nửa giờ sau tiếng xe hục hặc bên ngoài. Hắn co ro bước vào. Vẫn nụ cười dại dại, vẫn đôi mắt nhìn xoáy ngây ngô, vẫn bộ quần áo nhàu nát, vẫn bàn tay phải vòng sau ót gải gải, và vẫn tờ giấy gấp tư thò ra ngoài túi áo sơ mi. "Lạnh thấy mẹ..." Hắn lặp lại. "Biết rồi, vào bếp kiếm cái gì ăn đi, bia trong tủ lạnh, muốn uống, uống một mình. Mẹ, ông đang ngủ ngon..." Và ném cho hắn một cái gối, một tấm chăn. Hắn khệnh khạng vào lấy lon bia, bật nắp, uống một hơi dài, xong rút tờ giấy trong túi, chìa ra: "Thơ đây... Minh Khúc ba... Còn mấy chữ tao chưa vừa ý. Đọc đi, tao sửa sau.... " Cầm tờ giấy, đọc, và nhìn hắn, băn khoăn: hắn điên thật hay điên giả? Những dòng thơ hoàn hảo thế này, những dòng thơ không cho phép sai trật một chữ, những dòng thơ với nét bút rõ ràng từng mẫu tự, những dòng thơ sửa đi sửa lại kỳ bao giờ không thể sửa được mới thôi. Hắn điên thật hay điên giả? "Làm bao giờ?". "Cả tuần nay". "Để tao đăng, đừng gởi báo khác". Cười, với tay ra sau ót gải gải: "Đăng thì đăng, trả tiền đây". "Dĩ nhiên". Và trả. Hắn là đứa làm thơ duy nhất đòi nhuận bút. Hắn cũng là đứa làm thơ duy nhất được trả nhuận bút. Vui vẻ trả. Tình nguyện trả. Đôi khi không có thơ vẫn trả... "Thôi, tao đi ngủ. Muốn uống nữa cứ tiếp tục, ngồi với mày... chết sướng hơn..." Nhiều đêm như thế, giật mình trở ra, thấy hắn vẫn âm thầm ở sofa. Trên mặt bàn, những vỏ lon sắp lớp. Cũng nhiều đêm như thế, trời chưa rựng sáng, thức dậy, hắn đã ra đi từ lúc nào. Vẫn trên mặt bàn, những vỏ lon rỗng...

Đã chết thật. Nghĩa là hắn không còn nữa, để chẳng bao giờ, một hai giờ sáng bị hắn dựng dậy, ngồi chờ... "Mẹ, tao lạnh...", với cánh tay vòng ra sau ót, gải gải.

Hắn không còn nữa. Nhiên ơi, mày không còn nữa...

Buồn ơi tôi bỏ tôi chìm đắm
Trong tiếng làm thinh của ghế bàn...

Lần đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận được cái lạnh lẽo không cùng của lũ ghế bàn vô tri giác... Ôi, cái "tiếng làm thinh" đứt ruột.

*

Từ cái chết của Nguyễn Tất Nhiên, bỗng nghĩ đến sợi dây liên đới giữa những người viết chữ tại hải ngoại. Và không khỏi cảm thấy chua xót.

Chúng ta, hình như hầu hết chúng ta, ngoại trừ một thiểu số khá giả dùng văn chương như một thứ son phấn điểm trang, đều có một mức sống dưới trung bình rất xa, và cùng chịu chung những bất hạnh, thua thiệt nếu so với những con người bình thường khác. Vậy mà chúng ta lại không thể thương yêu được nhau. Trên những trang báo hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, những lời ưu ái dành cho nhau nào có bao nhiêu! Ngược lại, phỉ báng nhau, hạ nhục nhau, bôi tro trát trấu vào nhau thì đã quá nhiều. Tôi tự hỏi mãi: tại sao như thế? Tại sao khốn nạn đến như thế? Trò hề bẩn thỉu này còn tồn tại đến bao giờ?

Cái chết của Nguyễn Tất Nhiên chợt bừng sáng trong tôi một điều đã nhiều năm nay tôi lờ mờ cảm thấy, nhưng chưa thể định nổi hình thù: Chỉ có thơ ca, văn chương, nghệ thuật đích thực mới cứu rỗi được con người, mới hủy diệt được những vọng động sân hận trong mỗi chúng ta. Ngoài ra, tất cả đều giả, nhà văn giả, nhà báo giả, thi sĩ giả, nhạc sĩ giả, họa sĩ giả... Đã giả, làm sao có được một tấm lòng đủ rộng, để dung chứa người, bao bọc đời?

Ngày 15 tháng 8, 1992

Bạn tôi, một người lơ mơ nhất, trong số những người... kinh niên dị ứng với cuộc đời. Sống trên đất nước này 17 năm, vẫn không nơi cư trú nhất định. Phương tiện di chuyển: một khối sắt méo mó gọi là... xe, lẽ ra đã vào nghĩa địa từ... năm năm trước! Công ăn việc làm: thường, một hai tháng, lâu hơn, nửa năm, là tự động nghỉ, hoặc tìm cớ quậy cho người ta đuổi. Và chỉ thích duy nhất một nghề: gác dan ở các công trường đang xây cất. Khi đêm xuống, thợ thầy về hết, anh tới, dấu đâu đó trong người một chai rượu. Để suốt đêm, giữa vôi gạch gỗ sắt ngổn ngang, anh lòng vòng qua lại, hoặc chui vào một xó góc nào đó, ngồi, rót rượu ra cái nắp đậy, thù tạc với chính cái bóng của mình. Vừa uống vừa suy gẫm chuyện đời. Hoặc vừa uống vừa đọc sách. Có khi, vừa uống vừa viết. Tôi quên giới thiệu: đối với độc giả Việt Nam, anh là tác giả của năm cuốn sách, thuộc đủ thể loại, dịch thuật, biên khảo, truyện ngắn... Nói giản dị: anh là một nhà văn. Nhà văn, hiểu theo cái nghĩa đứng đắn nhất. Nếu sống trong chế độ đệ nhị cộng hòa tại miền Nam, chắc chắn anh sẽ được kết nạp vào Văn Bút, vì theo nội qui thuở đó, để trở thành hội viên, mỗi tác giả phải có ba tác phẩm đã xuất bản. Anh dư hai cuốn. Nghĩa là dư điều kiện. Hiện tại, nếu muốn, anh có thể nộp đơn ứng cử chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, rất nhiều phần hy vọng trúng cử. Phàm, cái chức này ít ai chịu hy sinh gánh vác. Cho nên các ông chuẩn chủ tịch thường phải tranh cử theo thể thức độc diễn. Nghĩa là ứng cử viên có cái may mắn của tổng thống Nguyễn văn Thiệu xưa kia, 94 phẩy 6 phần trăm hội viên không cần biết ứng cử viên là thiên tài kiệt xuất hay vô tướng bất tài, vẫn cứ tín nhiệm như thường. Nhiều anh em khuyên anh nên hy sinh một lần. Dù sao tước vị "Chủ Tịch Văn Bút" phần nào cũng nở mày nở mặt hơn nhiều so với chức gác dan. Rất tiếc, anh lắc đầu. Không ai hiểu tại sao. Người ta chỉ có thể kết luận một cách dễ dãi: anh ta là kẻ thù của danh vọng!

Tháng trước, anh lại vừa xin được một chân gác dan mới. Công trường đang xây cất khá rộng, mỗi đêm không phải chỉ có một mình anh "quản lý". Nghĩa là tại nơi làm mới, anh có thêm hai đồng nghiệp, gốc Mỹ trắng. Kinh tế Mỹ suy thoái, nạn thất nghiệp đang là mối đe dọa cho mọi công dân. Việc những người Mỹ làm gác dan, cũng chuyện bình thường. Chỉ có điều anh bạn của tôi hơi ngạc nhiên: một trong hai đồng nghiệp kia, hỏi ra, chẳng phải thuộc thành phần nghèo khó, mất job. Hỏi tiếp, anh được biết ông ta từng là

cựu quân nhân cấp tá trong chiến tranh Việt Nam. Hiện nay ngoài tiền hưu trí, ông ta còn có những lợi nhuận vững chắc từ các phần hùn ở các công ty ông từng đầu tư. Anh bạn tôi rất vui, vì chỉ qua buổi gặp gỡ đầu tiên, anh phát hiện người bạn đồng nghiệp cũng thủ trong người một... chai rượu. Đồng bệnh tương lân. Cả hai rất tâm đắc. Đêm, vì thế trở nên ngắn. Tuy nhiên, thành phần xuất thân của ông cựu quân nhân vẫn ít nhiều khiến anh thắc mắc. Không đừng được, một lần anh hỏi: “Tại sao anh đi làm cái nghề này?” . “Tôi mất ngủ kinh niên. Phải có một công việc gì đó để làm cho qua đêm. Vả, hình ảnh bừa bộn ngổn ngang ở các công trường nó gợi cho tôi một cảm giác hoang tàn, đổ vỡ, rất hợp với tâm trạng tôi, hai mươi năm nay”. “Anh có thể giải thích thêm được không?”. “Tôi về Mỹ năm 1972. Một năm sau giải ngũ. Lẽ ra tôi đã có một đời sống êm ấm. Nhưng không, vợ chồng tôi ly dị. Rồi đứa con lớn bị ung thư, qua đời. Đứa kế tiếp đụng xe, tàn tật. Đứa tiếp nữa hiện nay đang nằm bệnh viện vì sưng màn óc. Tôi có cảm tưởng tất cả những tai ương kia không phải ngẫu nhiên mà có. Nó phải bắt nguồn từ một nguyên nhân nào. Nguyên nhân nào? Sau thời gian ly dị, tôi buồn, thường đi du lịch khắp thế giới, ngoài những nước phương Tây, tôi cũng đến các quốc gia Á Châu như Trung Hoa, Đại hàn, Nhật, Thái Lan, Singapore, Ấn độ... Và tôi được biết đa số những quốc gia này đạo Phật chiếm ưu thế. Tôi có tìm hiểu về Phật Giáo, làm quen với cái mà tôn giáo này gọi là luân hồi. Luân hồi? Phải chăng nó đang tác dụng trên cuộc đời tôi?”. “Nghĩa là trong dĩ vãng anh từng làm một hành động nào đó không phải?”. “Chiến tranh mà, có người lính nào trong chiến tranh không cần súng, không bắn giết? Tuy nhiên, có lẽ cái sự việc kia là nguyên nhân...”. “Sự việc gì?”. “Năm 1969 tôi làm trung đội trưởng, đơn vị tôi đóng ở Sa Huỳnh, một quận lỵ nhỏ thuộc miền Trung Việt Nam. Hồi đó tôi mang cấp bực trung úy. Trong một lần hành quân, đơn vị tôi tiến vào một làng quê sau trận oanh kích. Làng rất nhỏ, chỉ vài mươi nóc gia, tất cả đều bị thiêu rụi trong lửa. Dân làng kẻ chết, người bị thương hoặc xiêu dạt thất tán. Ngôi làng biến thành tử địa, hoàn toàn không sinh khí. Trong lúc lục soát, tôi moi ra từ đụn rơm một em bé trạc mười tuổi, bị thương ở chân trái do mảnh bom. Em bé sau đó được mang về nhà thương tỉnh. Tôi đến thăm thường xuyên, cho đến lúc em bình phục. Hỏi ra, em mồ côi, cha mẹ anh chị em đã vùi thây đâu đó trong trận mưa bom. Tôi nhận em làm con nuôi. Têm em là Tư. Ban đầu em rất sợ tôi, có lẽ do ấn tượng trận oanh kích vẫn khắc đậm trong đầu. Nhưng lâu dần, quen, và thấy tôi yêu thương thật tình, em trở nên gần gủi, thân thiết, coi tôi như cha ruột. Bản chất của trẻ con là thế, không bao giờ chúng giữ lâu những ấn tượng xấu. Do đó chúng dễ dàng tha thứ. Những lần hành quân, vừa về đến cổng doanh trại, đã thấy Tư chạy ra, nhảy tót lên đeo vào cổ tôi, líu lo ngọng ngịu: daddy, daddy... Đối với một người lính xa gia đình dài ngày, hành động đó vẫn thường khiến tôi cảm động đến rơi nước mắt. Tôi dự định, khi về nước, sẽ mang em theo và hợp thức hóa tình cha con về mặt pháp lý. Tôi hy vọng sẽ tạo được

cho em một tương lai tốt đẹp. Nhưng biến cố xảy ra sau đó đã không cho phép tôi thực hiện ý định, đồng thời hậu quả còn di chứng đến ngày hôm nay. Một lần hành quân khác, trở về, từ ngay cổng trại tôi đã thấy Tư đứng giữa sân, nhưng thay vì chạy đến tôi như mọi lần, Tư vẫn đứng nguyên tại chỗ, hai tay dang ra, mà nước mắt chảy dài xuống má. Tôi gọi: Tư, lại đây. Em không lại. Em vẫn đứng chôn chân trên nền đất khô. Bỗng em gào lên: daddy... Tôi ngạc nhiên, định lao tới thì một người lính đã vội hét: Trung úy, con bé mang mìn đầy mình kia kìa. Tôi sững lại, nhìn. Quả thật, bằng con mắt của một người lính chuyên nghiệp, tôi dễ dàng phát hiện chung quang bụng Tư nổi cộm những thỏi mìn TNT khi em vén cao hai vạt áo. Lập tức, cũng bằng phản xạ của một người lính chuyên nghiệp, tôi hét đồng đội tản ra, nằm sát xuống mặt đất rồi nâng nhanh mũi súng về phía Tư, siết cò. Một tiếng nổ long óc bùng lên. Những thỏi mìn, trong tích tắc, xé tan Tư ra thành trăm nghìn mảnh thịt vụn, văng tung tóe khắp sân. Sau này qua điều tra chúng tôi được biết, địch đã cài người vào trại qua một bà bếp, buộc vào tấm thân gầy yếu vô tội kia những thỏi chất dẻo giết người. Họ hy vọng khi Tư chạy đến ôm tôi, giữa vòng tròn trung đội, ở một nơi ẩn nấp nào đó có kẻ sẽ bấm khóa, và trung đội của tôi sẽ bị tiêu diệt! Hy sinh một đứa bé để đổi lấy trên dưới 25 "thằng Mỹ", đối với họ, cái giá đó phải được xem là quá rẻ! Riêng tôi, biến cố đã khắc vào trái tim căm hờm của mình một ấn tượng chẳng thể nào quên. Từ đó tôi trở nên một kẻ khác, lạnh lùng, tàn bạo, thọc lưỡi lê, châm lửa và siết cò không chút ghê tay. Khi người ta lợi dụng tình thương để mong cướp đoạt sinh mạng của đồng loại thì người ta phải trả một giá đắt, thật đắt. Đó là lập luận của tôi thuở ấy. Lập luận này vẫn còn bám trong đầu tôi mãi những năm sau khi giải ngũ. Nhất là khi nghe tin nước Mỹ thua trận. Tôi điên cuồng, tôi ước ao mình có đủ quyền lực, để sang bằng cái vùng đất thối tha kia, để giết sạch không chừa một ai cái lũ người khốn kiếp nọ. Chỉ cho đến khi các tai ương dồn dập đến với gia đình, và những điều học hỏi được trong các chuyến du lịch, tôi mới dần dần thấy ra: oán thù, càng buộc, càng chặt. Những kẻ dùng Tư làm phương tiện giết người, và Tư, và tôi, chẳng qua cũng chỉ là nạn nhân của một trò chơi tàn bạo mang tên chiến tranh. Ngày nay, sau bao nhiêu năm, với tư cách một người lính từng chiến đấu trên đất nước của anh, tôi có thể thẳng thắn để nói với anh một điều: không thể nào tiếp tục nuôi mãi thù hận. Đó là con dao hai lưỡi, nó giết chết kẻ thù ta, đã đành, còn giết luôn cả ta nữa. Vả, anh là một nhà văn, tôi tin anh đủ bén nhạy để nhận thấy một điều nữa: bọn người lớn chúng ta là những tội đồ, không xứng đáng được cứu rỗi dưới chân tượng đài uy nghị là tâm hồn của trẻ em. Khi Tư vén hai vạt áo lên, tôi tin, em hiểu hậu quả nào sẽ đến với em. Đó là hành động hy sinh chỉ có được từ các vị thánh. Ngày đó, tôi chưa đủ khả năng hiểu cái thông điệp em muốn gởi đến cho chúng tôi, tôi và kẻ thù của tôi, rằng, người lớn nhân danh mọi chủ nghĩa, mọi giáo điều, mọi lý tưởng cao đẹp để phân chia chiến tuyến, để giết tróc hủy diệt, và họ nghĩ những hành động đó nhằm mưu cầu hạnh phúc

cho con người trong một thế giới tốt đẹp nào đó của tương lai, mà Tư, thế hệ của Tư, sẽ thừa hưởng. Họ đã lầm. Trẻ em không cần chủ nghĩa, trẻ em kinh sợ giết tróc, trẻ em ghê tởm chiến tranh. Những cái đó của người lớn, những cái đó là tham vọng cuồng ngông của người lớn. Phải chăng cái chết của em gián tiếp nói với chúng tôi: người lớn sẽ không bao giờ đạt đến ước mơ cao đẹp kia, nếu còn xây dựng ước mơ đó trên nền móng của hận thù, giết tróc. Từ lúc hiểu ra cái thông điệp ấy qua cái chết của Tư, dù đã muộn màng, tôi vẫn mong sẽ có dịp làm một cái gì. Đó là lý do, tháng sau, tôi sẽ trở lại Việt Nam. Và sẽ chuộc lại tất cả mọi tội lỗi xưa - cho tôi, cho những người đã có thời tôi xem là kẻ thù không đội trời chung - bằng cách, sẽ cùng với nhiều đồng ngũ lúc trước, bảo trợ chính quyền Việt Nam một số tiền, dùng làm cơ sở vật chất xây dựng trường học, bệnh xá, những cơ sở phục vụ công cộng, ngay tại vùng đất chúng tôi đã đóng quân. Rất tiếc, Tư chết tan xác, không có một nấm mồ để tôi có cơ hội thắp cho em nén hương."

Câu chuyện vừa kể không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng. Người bạn viết văn của tôi đang nắm trong tay một số bằng chứng, cụ thể, kể cả hình ảnh em bé tên Tư. Anh hứa, sẽ viết lại câu chuyện này thành một truyện dài, và sẽ dành cho độc giả *Hợp Lưu*.

Mong thay, tất cả những câu chuyện của mỗi chúng ta - mỗi người Việt Nam chúng ta - sẽ được kết luận "có hậu" như thế. Người ta thường chê những câu chuyện có cấu trúc tương tự là... nhà quê, là cải lương. Nhưng... nhưng, đất nước Việt Nam, so với thế giới, cũng chỉ là một bà nhà quê mê cải lương. Chính cái nhà quê và cải lương này là bản chất của dân tộc, là hồn thiêng của núi sông, là đạo đức cơ bản của giống nòi. Quên, hay cố tình quên nó đi, là một cách nào đó, chúng ta tự thọc dao vào trái tim mình.

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới

ĐINH HÙNG, TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM, gồm các bài viết và phỏng vấn của Nguyên Sa, Du Tử Lê, Trần Văn Nam, Đoàn Thêm, Nguyễn Mạnh Trinh, Tạ Ty, Mai Thảo, Phạm Duy. Nhà xuất bản Đời 1992. Giá 12 Mỹ Kim.

Cuốn thứ ba trong tủ sách "Tác Giả Tác Phẩm" do Nguyên Sa chủ trương, Nguyễn Mạnh Trinh làm giám đốc. Hai cuốn đã xuất bản là: *Nguyên Sa, Tác Giả Và Tác Phẩm* và *Du Tử Lê, Tác Giả Và Tác Phẩm.*

Vẫn với cách xếp đặt như hai cuốn kia, và có lẽ cho tất cả những cuốn kế tiếp: sách chia làm hai phần. Phần một gồm những bài nhận định và phỏng vấn của nhiều tác giả viết về Đinh Hùng. Phần hai, trích dẫn những sáng tác tiêu biểu, rút từ hai tập thơ nổi tiếng: *Mê Hồn Ca* và *Đường Vào Tình Sử* của thi sĩ.

Trong tình hình khó khăn hiện nay, nỗ lực của nhà xuất bản Đời là một cố gắng không thể phủ nhận. Lãnh vực này, tại hải ngoại cũng như quốc nội, cho đến nay vẫn còn là vùng đất chưa khai phá, nếu không có những tấm lòng thực sự thiết tha văn chương, chắc chắn những tác phẩm như trên đã không thể ra đời.

TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI, tiệp bút của Đỗ Quý Toàn. Trình bày bìa Đinh Cường. Thanh Văn xuất bản 1992. Giá 14 Mỹ Kim.

Sách dày gần 300 trang, tuy lấy thơ Việt Nam làm đối tượng nghiên cứu, nhưng qua những bài tiệp ký này, ta nhận thấy tác giả đã sử dụng cái kho tàng vô tận của văn hóa nhân loại, từ cổ chí kim, cốt tạo hiệu quả cũng như làm sáng tỏ thêm những suy nghĩ của ông. Vì thế, ta sẽ bắt gặp rất nhiều những trích dẫn, từ thơ Mạnh Hạo Nhiên, Lý Bạch, Octavio Paz, E. Pound, hay Pasternak... đến cả tiểu thuyết Hồ Trường An, Nhất Linh...

Tác phẩm, thi sĩ không xếp vào các thể loại nhiều tác giả khác vẫn dùng: Biên Khảo, Khảo Cứu, Nhận Định, Lý Luận, Phê Bình... mà lại dùng "Tiệp Ký". Tiệp Ký? Theo Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ, *Tiệp*: tiếp liền rồi hiệp làm một, đường tắt, mau lẹ. *Ký*: ghi chép. Hiểu một cách... nôm na theo lối hiểu của người phụ trách mục này: Những bài ghi chép có cùng một chủ điểm nhằm làm sáng tỏ một vấn đề. Chủ điểm ở đây, xuyên qua

mười tám bài viết: thơ là một nghệ thuật dùng ngôn ngữ.

Bằng giọng văn linh hoạt, nhẹ nhàng và thông tuệ, tác giả bàn về việc làm thơ, đọc thơ, thưởng ngoạn thơ, giải thích, sửa chữa thơ... Xuyên qua những bài viết này, tác giả có dịp giới thiệu đến chúng ta các ý kiến của các thi sĩ và nhà phê bình khác: Bùi Giáng, Beardsley, Cao Bá Quát, Chế Lan Viên, Coleridge, De Man, Elliot, R. Frost, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Jarrell Jakobson, Kim Thánh Thán, Lê Quý Đôn, Lưu Trọng Lư, H. Miller, Nguyễn Tuân, Nguyễn Tử Tấn, Pasternak, E. Pound, IA Richards, G. Seferis, Shklovsky, Tào Tuyết Cần, Tùng Thiện Vương, Thanh Thảo, P. Valery... Độc giả cũng sẽ có dịp làm quen với tư tưởng và ý kiến của J. Austin, Chomsky, U. Eco, Grice, Huỳnh Sanh Thông, Jakobson, Phan Ngọc, G. Ryle, B. Russell, Sapir, Saussure, Whorf, Wittgenstein... Mọi tư tưởng, ý kiến của các thi sĩ, nhà văn, nhà nghiên cứu ngữ học hay triết gia nêu trên được tác giả dẫn ra, nhằm mục đích giúp chúng ta thưởng thức "tới nơi tới chốn" hơn thơ của rất nhiều thi sĩ Việt Nam trong lẫn ngoài nước.

QUÃNG ĐỜI ĐÁNH MẤT, tiểu thuyết Dương Thu Hương, bìa Đinh Cường, Hồng Lĩnh tái bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ 1992. Giá 15 Mỹ Kim.

Cốt truyện *Quãng Đời Đánh Mất* xoay quanh ba nhân vật chính cùng sống dưới một mái nhà, với những quan hệ không mấy bình thường, gồm có một người cha và hai đứa con cùng cha khác mẹ.

Tất cả mọi biến động, mọi niềm vui nỗi buồn xảy ra dưới mái nhà kia, cho những nhân vật đó, cuối cùng, chỉ để chứng minh một điều, có lẽ là thông điệp của nhà văn Dương Thu Hương muốn gởi đến chúng ta: sống cuộc đời mình một cách độc lập, can đảm đối diện và chống lại những quyền lực phi lý, nhìn cho đúng và phá vỡ mọi ảo tưởng xa lạ, yêu thương cuộc đời và con người một cách vị tha, chân thành. Những thông điệp này không mới lạ gì đối với chúng ta, nó là một thứ nhân sinh quan cơ bản, là tiền đề của mọi giá trị đạo đức, trải qua bao nhiêu nghìn năm, con người muốn vươn tới. Tuy nhiên, dù cũ, dù "chẳng xa lạ gì", cho đến nay, và có lẽ mãi mãi, chủ đề của tác phẩm vẫn còn là một nan đề đối với con người.

DẤU HUỆ HỒNG, thơ Triều Hoa Đại, bìa Võ Đình, phụ bản Lê Quang Xuân, Hồ Thành Đức, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Hữu Nhật. Sông Thu xuất bản 1992. Giá 10 Mỹ Kim.

Triều Hoa Đại làm thơ, làm báo rất lâu. Kể từ tập thơ đầu tiên *Buồn Lên Đôi Vai* (in chung) xuất hiện năm 1962, đến các tác phẩm khác: *Con Phố Điêu Tàn* (thơ - 1975), *Những Bài Âu Ca* (thơ, nhạc, cùng viết với Hoàng Châu, Diên Nghị, Kim Tuấn - 1967) là một quãng thời gian dài gần ba thập niên. Ông chỉ mới viết lại từ giữa năm 1989, và trở nên quen thuộc với giới yêu mến văn chương tại hải ngoại.

Thơ Triều Hoa Đại không mới, nếu hiểu chữ "mới" như là một cách thế

nào đó nhằm bức phá cái biên cương của ngôn ngữ, cũng như vượt qua giới hạn tù túng của vần điệu, nhưng thơ Triều Hoa Đại thật gần gũi với chúng ta, bởi những điều có trong thơ ông, những điều ông muốn nói đến, muốn vươn tới, cũng là những điều mỗi con người trong cõi trần thế này, đều đã từng ước mơ, ôm ấp. Đó là tình yêu, tình bằng hữu, tình người, là khát vọng vượt thoát thực tại để hòa nhập cùng thiên nhiên, tạo vật.

Nhưng trên hết, theo tôi, có lẽ sự êm đềm, nhẹ nhàng, thanh thoát rất gần với "Đạo" đã tạo cho thơ ông một hấp lực. Ưu điểm này phải chăng là những "mã số" giúp ta giải thích tại sao thơ Triều Hoa Đại đến được và ở lâu được trong lòng người đọc.

GIẤC MƠ, cuốn thứ hai trong bộ trường thiên của Nguyên Sa mang cùng tên. Bìa Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp. Đời xuất bản, 1992. Giá 12 Mỹ Kim.

Thông minh, dí dỏm, phá phách và quảng bác. Đó là cảm tưởng của người đọc dành cho tác giả *Giấc Mơ*. Tuy nhiên, sau khi đọc xong cuốn hai, độc giả vẫn hoang mang không biết tác giả sẽ dẫn chúng ta đến đâu. Nói một cách khác, hình như chúng ta đang bị tác giả du vào một mê hồn trận. Ở đó thực tại, tưởng tượng, dĩ vãng, tương lai đã đan quyện vào nhau, như một cuốn chỉ rối. Phải chăng sự rối rắm này cũng là hấp lực của tác phẩm?

BÂY GIỜ NHẬT BẢN BIẾT NÓI KHÔNG của Shintaro Ishihara, bản dịch Phạm Quốc Bảo. Khai sáng xuất bản 1992

Cuốn sách gây chấn động lớn trong mọi giới tại Hoa Kỳ, được trình bày bởi một nhân vật chính trị hàng đầu của Nhật Bản, Shinataro Ishihara, và Akio Morita, chủ tịch Công ty Sony, một đại công ty chuyên sản xuất các mặt hàng điện tử nổi danh hoàn vũ.

Cuốn sách cho thấy vai trò mới của Nhật Bản, như một quyền lực chính trên thế giới, mà sức dội của nó, đối với Hoa Kỳ, không phải là nhỏ.

Gần như một lời cảnh cáo, cuốn sách muốn nhắn nhủ với Hoa Kỳ: Không bao lâu nữa, về mặt kinh tế và kỹ thuật, Nhật Bản sẽ nắm giữ vai trò thứ nhì sau Hoa Kỳ trong thế giới ngày nay. Nếu còn muốn hợp tác song phương, Hoa Kỳ phải chứng tỏ sự tự chế thái độ siêu cường của mình.

NGHỀ LÀM VUA, truyện dài Lệ Hằng, bìa Đinh Cường. Thanh Văn xuất bản. Giá 12 Mỹ Kim.

Lệ Hằng là nhà văn nữ nổi tiếng từ trước 1975 tại miền Nam. Những tác phẩm *Thung Lũng Tình Yêu, Bản Tango Cuối Cùng*... đã một thời gây xôn xao dư luận. Bẵng đi bao nhiêu năm, chúng ta gặp lại Lệ Hằng qua tác phẩm mới *Nghề Làm Vua*, để ngạc nhiên nhận thấy: từ chủ đề tình yêu đẫm ướt nhục thể của một Lệ Hằng trước 75 đến những băn khoăn thao thức cho tương lai đất nước của một Lệ Hằng ngày nay, quả, đang là hai thái cực.

Nghề Làm Vua là một truyện dài dã sử, gồm bảy chương, mỗi chương dựa

vào một dấu mốc lịch sử của triều đại nhà Trần Việt Nam. Qua những dấu mốc này, lịch sử đã biến thành tiểu thuyết. Và qua tiểu thuyết, độc giả nhận được một thông điệp: tham vọng quyền lực của con người, mãi mãi, muôn đời là nguyên nhân của bao nhiêu thảm kịch. Để thoát khỏi thảm kịch đó, cho mỗi cá nhân và cho dân tộc, có lẽ phải cần đến một lớp người mới, dũng mãnh và can đảm, dám đặt quyền lợi của đất nước lên trên lợi ích bản thân.

Về văn phong, chúng tôi có cảm tưởng Lệ Hằng viết khá dễ dàng. Tuy nhiên không phải vì thế văn chương của bà bị rơi vào sự dung tục, cẩu thả như đa số những tiểu thuyết gia khác, viết nhanh, để đáp ứng nhu cầu của các tòa báo hoặc nhà xuất bản. Đó là một ưu điểm tương đối hiếm hoi trong môi trường chữ nghĩa hải ngoại.

CUỘC TÌNH ĐÃ LỠ, tập truyện ngắn Viên Luông, bìa Bình Minh, Tú Quỳnh xuất bản. Giá 11 Mỹ Kim.

Gồm năm truyện ngắn: *Bé Đã Được Tha, Chuyến Đi Làm Người, Cái Chết Của Người Tài Công, Cuộc Tình Đã Lỡ.* Và *Những Mảnh Đời Còn Lại*. Riêng truyện này dài trên 100 trang, có thể xem như một trung thiên tiểu thuyết.

Toàn bộ tập truyện xoay quanh các chủ đề: cuộc sống sau 1975 tại Việt Nam. Thảm kịch vượt biên và tị nạn.

Được biết, Viên Luông là một nhà báo kỳ cựu, tính đến nay, ông đã có ba mươi năm gắn bó với nghề. Và đây là tác phẩm văn chương đầu tiên của ông.

SA TĂNG DỊU DÀNG, tập truyện ngắn của Lệ Hằng. Bìa Đinh Cường. Thời Báo xuất bản 1992. Giá 14 Mỹ Kim.

Sa Tăng Dịu Dàng là truyện thứ tư trong số chín truyện ngắn được sắp theo thứ tự: *Tượng, Kiếm Khách, Cuối Tháng Tư, Sa Tăng Dịu Dàng, Dốc Mùa Xuân, Điếm, Linh Thần Nữ, Adams và Phương, Thần Rừng.*

Cho tác phẩm này, Mai Thảo viết: *Trên hàng tiền đạo lấp lánh của đội ngũ văn chương nữ phái miền Nam, từ 1954 đến 1975, với những thành tựu tốt đẹp về văn chương tiểu thuyết, cõi viết Lệ Hằng với tôi là một cõi viết trẻ trung nhất. Trẻ trung như tuổi trẻ, như đời sống. Như giải nắng sáng trên một thành cửa sổ. Như đóa hoa kia vừa nở ở trong vườn.*

Hình ảnh một nhà văn nữ từ khởi đầu đi vào văn chương đã trên một lối đi vào của tâm hồn phơi phới, lồng lộng nắng bay và múa gió, tôi thấy ở Lệ Hằng. Mãi mãi nắng và mãi mãi gió. Phong thái của một người viết nữ sống với xã hội và thời đại mình, bằng một thế sống vừa tận cùng vừa hết sức hồn nhiên, cái thế sống của một yêu đời vô điều kiện, cái thế sống độc lập của một cõi viết độc lập, tôi còn thấy như thế nữa ở Lệ Hằng...

Thiết tưởng một nhà văn lão thành, cả đời ở với và sống với văn chương, chắc hẳn những nhận xét của ông không thể phát sinh từ tình cảm riêng tư có tính cách đãi bôi thù tạc. Nếu chúng ta tin vào những nhận xét ấy, cũng có nghĩa, tác phẩm của Lệ Hằng xứng đáng chiếm giữ một vị trí nào đó trong thế giới văn chương.

THẰNG NGỌ, tập truyện Nguyễn Hữu Trí, tựa Nguyễn Xuân Hoàng, bìa, phụ bản Đinh Cường, tác giả xuất bản 1992. Giá 12 Mỹ Kim.

Chuyện quê nhà. Chuyện quê người. Quá khứ và thành thị. Thôn trang. Tình yêu. Tình dục... Bằng một cách viết giản dị và chân chất, Nguyễn Hữu Trí trong tập truyện đầu tay này của ông đã cho người đọc thấy bước đi của ông hơi ngập ngừng, nhưng là những bước đi vững chắc.

Truyện của Nguyễn Hữu Trí là những câu chuyện được kể bằng một giọng nói thật thà, trầm tĩnh. Ông biết mình đang kể chuyện gì và ông biết cho ngòi bút mình dừng lại ở đâu (Tựa, Nguyễn Xuân Hoàng).

Được biết, Nguyễn Hữu Trí sinh tại Nha Trang, giáo sư Anh văn tại các trường Đại Học ở Việt Nam và Mỹ từ năm 1964. Với tập truyện đầu tay này, người thầy giáo Nguyễn Hữu Trí đã bước qua một lĩnh vực khác, để nhập vào đội ngũ những người xuất thân nhà giáo viết văn làm thơ như Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Văn Sâm, Nguyên Sa, Trần Hồng Châu...

KINH THI, Khổng Tử, Tạ Quang Phát dịch, gồm ba tập, gần hai nghìn trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Nhà xuất bản Văn Học (Việt Nam) 1992. Không đề giá bán.

Đây là bản dịch được in trước 1975 tại Sài Gòn, nay được nhà xuất bản Văn Học tái bản, cùng với các bộ sách khác như *Hàn Phi Tử* của Hàn Phi, *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử... Những bộ sách này là các tác phẩm giá trị nhất của nền văn học cổ điển Trung Quốc, một nền văn học đồ sộ, có độ dày và chiều sâu lịch sử đã ảnh hưởng sâu sắc đến bạn đọc Việt Nam mà không một nền văn hóa nào sánh bằng.

Nhà nghiên cứu Bửu Cầm, nguyên giáo sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, giới thiệu về tác phẩm này, đại ý: Kinh Thi là một bộ sách gồm có những câu ca dao rất cổ của Trung Hoa, do các triều đại cầm quyền đất nước này sưu tập từ nhiều thế hệ. Đến đời Khổng Tử, đã bị tàn khuyết rất nhiều, chỉ còn lại chừng hơn ba trăm thiên, Khổng Tử đã chỉnh lý lại, bớt những câu, những chữ tối nghĩa hoặc rườm rà.

Hơn ba trăm thiên này của bộ sách được người Trung Hoa xem như "kinh", "kinh", hiểu theo nghĩa nào đó là những "tấm gương" để muôn đời soi chung. *Lấy việc chính đáng đức nhân mà tu thân, lấy việc dâm tà lơi lả mà răn mình xa lánh.*

BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ, tập truyện Vĩnh Hảo, bìa Đinh Cường, Chân Nguyên xuất bản 1992. Giá 10 Mỹ Kim.

Là tác phẩm thứ ba sau *Mẹ, Quê Hương Và Nước Mắt*, tập truyện, *Núi Xanh Mây Hồng* truyện dài của cùng tác giả.

Biển Đời Muôn Thuở *gồm 12 truyện ngắn, được viết với một bút pháp sắc*

gọn mà lại nhẹ nhàng, đôn hậu, châm biếm mà lại hiền hòa khiêm cung. 12 truyện ngắn là 12 mảnh đời. Mảnh đời tù tội. Mảnh đời tị nạn. Mảnh đời yêu đương. Mảnh đời đấu tranh v.v... Vẫn là những mảnh đời quen thuộc mà người ta có thể đọc thấy từ khắp các báo chí và văn nghệ phẩm khác. Nhưng, trong Biển Đời Muôn Thuở *tác giả đã mô tả những mảnh đời đó qua một cái nhìn rất lạ: cái nhìn của một đạo nhân có tâm hồn nghệ sĩ, hay cái nhìn của một nghệ sĩ có con mắt đạo nhân...*(Lời giới thiệu của nhà xuất bản)

THANH XUÂN, thơ Khế Iêm, chủ trương xuất bản: Trầm Phục Khắc, Lưu Hy Lạc. Tạp chí Văn xuất bản. Bìa Thái Tuấn, phụ bản Thái Tuấn, Duy Thanh. Giá 7 Mỹ Kim.

Về hình thức, giản dị nhưng trang nhã, đẹp.

Về nội dung, có lẽ là tập thơ "tới" nhất trong vài năm trở lại đây. Ngôn ngữ mới lạ, hình ảnh phong phú, rất tượng trưng, rất siêu thực mà lại đầy ắp thi tứ. Là một trong vài thi phẩm xứng đáng tiêu biểu cho thi ca Việt Nam đương đại, kể cả trong lẫn ngoài nước. Và cũng xứng đáng nằm trong tủ sách của những người yêu mến thi ca.

Được biết, đây là tác phẩm thứ hai, sau *Hột Huyết*, kịch (Sài Gòn 1972) của cùng tác giả.

BỤI VÀ RÁC, tức Người Đi Trên Mây tập hai của Nguyễn Xuân Hoàng, bạt Phạm Công Thiện, bìa Đinh Cường, phụ bản Nguyễn Trọng Khôi, Khánh Trường. Thanh Văn xuất bản 1992. Giá 13 Mỹ Kim.

..Những nhà phê bình thời thượng có thể ung dung tự tại cho rằng Người Đi Trên Mây *của Nguyễn Xuân Hoàng và* L'Amant *của Marguerite Duras không phải là "văn chương nhập cuộc"* ("littérature engagée", *chữ thời thượng của Sartre), nhưng có sự nhập cuộc nào vĩ đại lớn lao cho bằng sự nhập cuộc vào chính sự cô độc vô phương cứu chữa của tất cả con người trên mặt đất...* (Phạm Công Thiện, Bạt)

Nhận xét trên của Phạm Công Thiện về Nguyễn Xuân Hoàng cách đây vài năm, cho *Người Đi Trên Mây* tập một, đến bây giờ vẫn còn nguyên giá trị. Đó là lý do - có lẽ - tác giả đã sử dụng bài viết cho phần bạt và được trích dẫn in ở bìa sau cuốn sách.

Bụi Và Rác kể lại đoạn đời mười năm của Trần Lâm Thăng có thể hư cấu, có thể là chính tác giả - văn chương và cuộc đời, làm sao phân định rạch ròi biên giới?-tại Việt Nam sau tháng tư 1975. Những biến động của đất nước, xuyên qua cuộc thăng trầm của nhân vật trên, tuy không dữ dội, bi thảm, bạo tàn... như đa số các cuốn sách đã xuất bản tại hải ngoại - nhất là hồi ký - nhưng bằng giọng văn bình tĩnh, trong sáng, trí tuệ, người đọc đã hình dung được một cách khá rõ nét cái bối cảnh ảm đạm của một giai đoạn lịch sử.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và bạn đọc

THƯ BẠN ĐỌC

... Mặc dù tôi là con nhà "cộng sản nòi" đấy!

... Tôi đã nhận được Hợp Lưu, thật vô cùng xúc động trước sự quan tâm của các bạn. Tôi viết thư này bày tỏ lòng cảm ơn các bạn đã đáp ứng nhanh chóng nguyện vọng của chúng tôi. Hy vọng rằng trong cuộc sống tha hương nơi đất khách quê người này, những ai có nguyện vọng như chúng tôi, đều được các bạn quan tâm chu đáo và tận tình.

Đã lâu tôi không được đọc sách tiếng Việt, nên nhận được báo, vợ chồng tôi đọc ngấu nghiến. Vì mới làm quen với Hợp Lưu lần đầu, nên cảm giác của chúng tôi chưa thể chính xác lắm, chỉ biết rằng, đọc báo của các bạn xong, chúng tôi không còn muốn đọc các loại sách báo viết theo chỉ thị ở trong nước nữa, mặc dù tôi là con nhà "cộng sản nòi" đấy!

Tôi có một người bạn hiện đang chờ cứu xét đơn xin tị nạn tại CSFR. Đó là một chàng trai đã mất cả bố lẫn mẹ trong cuộc chiến tranh Quốc Cộng. Qua những năm tháng sống ở CSFR, bạn tôi đã nhận ra sự phi lý cùng cực của cuộc chiến tương tàn, và đã thấy cái chết vô nghĩa của hai vị sinh thành. Vì thế, anh chọn con đường đi khác với cha mẹ mình. Tôi mong các bạn gởi báo cho bạn tôi, để anh ấy hiểu thêm và tin tưởng hơn con đường mình đã chọn. Được vậy, cái công mà các bạn đã làm, đối với một số người đồng cảnh ngộ như bạn tôi, chắc chắn sẽ là vô cùng lớn... Sau đây là địa chỉ của bạn tôi...

DTH
(CSFR)

Ít ra công việc chúng tôi đang làm đã được các anh chị đồng cảm. Vâng, sẽ gởi báo đến người bạn của anh chị.

Thật chẳng ra cái gì.

Có đọc những chuyện đau lòng xảy ra ở Montréal - và cũng vô tình tuần rồiở Philadelphia. đọc bài của ông Nguyễn Nghĩa (*tòa soạn đính chính:*

Nguyễn Hữu Nghĩa). Thật chẳng ra cái gì!

Chúc anh chị vững niềm tin, và đừng để những vết bùn bám vào chân, khi bước qua vũng lầy, làm chùn bước chân. Sự thật rất giản dị, chỉ cần người ta nhìn bằng con mắt không thành kiến. Xứ sở mình đã khổ, đã đau quá nhiều, sao không dẹp bỏ ba cái tư tưởng hẹp hòi, và ba cái chủ nghĩa lỗi thời để bắt tay hàn gắn, xây dựng lại? Giản dị thế mà người ta không chịu hiểu!

Cái mục *"Ngày... Tháng..."* giúp cho tờ báo sinh động. Không biết có phải là đất cho những tình cảm "lẩm cẩm" không, hay chỉ thuần chính trị?

Lê Thị Sông Phố, California.

- "Người ta không chịu hiểu" vì cố tình không muốn hiểu, nếu hiểu, "người ta" còn lấy cái gì để mà chống? Không chống, báo làm sao "nổ" để câu độc giả và thân chủ quảng cáo? Có nhiều người nửa đùa nửa thật rằng: chủ nghĩa cộng sản chết đi, đối tượng buồn nhất không phải là các đảng viên cộng sản, mà chính là những anh những chị chủ báo đang hung hăng con bọ xít này! Thế mới biết, đôi khi chuyện quê hương đất nước cũng là chuyện xoàng. Không xoàng, sao lại biến thành một thứ... cần câu?

- Mục "Ngày... Tháng..." là "vùng oanh kích tự do", và chẳng chính trị chính em gì hết. Những tình cảm "lẩm cẩm" của chị rất nên cho độc giả "tham dự" với. Ông Kim Thi đã qua cái thời "lẩm cẩm", muốn viết, viết cũng chẳng được. Nếu chị "cứu bồ" giúp ông ấy một kỳ, chắc chắn ông ấy sẽ thích lắm. Thân kính.

"Ăn có"

Hai tháng nay tôi theo dõi "vụ Montréal" tương đối cẩn thận, từ nhiều phía. Kể cả điện thoại hỏi thăm một số anh chị em văn nghệ tôi từng quen biết. Cảm tưởng chung: Nhiều tờ báo chẳng hiểu mô tê ất giáp gì cũng nhảy xổ vào ăn có một cách ồn ào, khiến cho câu chuyện chỉ bằng con nhái, bỗng to như con bò. Thật chán mớ đời. Càng chán hơn cho cái thế giới báo bổ Việt Nam hải ngoại.

Một văn hữu, California

Báo chí Việt Nam hải ngoại từ bao giờ đến bây giờ, vẫn vậy. Và còn có triển vọng kéo dài đến... vô tận! Tự do mà! Ngày trước, chúng ta vẫn kinh ngạc khi biết đa số các vị chủ báo thường... dị ứng với sách vở. Thậm chí, có vị cả đời chưa bao giờ thèm đọc một trang sách. Kinh khủng hơn, ngay cả báo của chính mình, cũng... không biết nội dung nó thế nào! Bởi vì bài vở chỉ là phụ, quảng cáo mới quan trọng. Càng nhiều quảng cáo, tinh thần chống Cộng càng phơi phới đi lên. Có vị chẳng ngần ngại nói thẳng (dĩ nhiên, giữa... bè bạn với nhau): "Moi hết sức đồng ý với lập trường của toi. nhưng mà toi thông cảm giùm, moi kiếm ăn. Phàm đã kiếm ăn thì... vất mẹ nó ba cái lập trường lập đoản đi cho nó được việc! Nếu thỉnh thoảng toi có bị thọi vài ba quả, hãy ráng mà thông

cảm. Thiên hạ quên ngay ấy mà!" Trong thực tế đã có trường hợp dở khóc dở cười: một tờ báo làm số tết, lật chồng báo cũ năm xưa của thiên hạ thấy bài thơ với cái nhan đề có chữ "Xuân", bèn cắt dại dán vào art work. Khi báo phát hành, chẳng biết do ai đó chơi ác tố cáo bài thơ nội dung thiên Cộng. Thế là đất bằng nổi sóng, các đồng nghiệp yêu quý của vị chủ báo kia nhảy dựng lên, hoan hô đả đảo nhặng xị, thậm chí còn ra một cái thông cáo nguyên trang khổ lớn, "kiên định lại lập trường", nhất quyết đòi "các đoàn thể, tổ chức, hội đoàn... phải có thái độ với bọn ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản" (nghe.. đanh thép như bản tuyên án tử hình!), khiến ông chủ báo nạn nhân xanh mặt, phải tìm cách chạy tội: "có tên phá hoại nào đó lẻn vào nhà in thay đổi art wort, cốt vu khống cơ quan truyền thông của chúng tôi!" Điều cười ra nước mắt là vị chủ báo kia, cùng các đồng nghiệp của ông, đều không biết xuất xứ bài thơ từ đâu. Sau này, khi có người phát hiện bài thơ thật ra có nội dung chống cộng... tới chiều, và được trích từ một thi phẩm chỉ thoạt nghe cái tên, đã hiểu ngay nội dung thế nào: "Thơ Tù. Ở Một Nơi Gọi Là Việt Nam". Thế là cả bên "nguyên" lẫn bên "bị" đều... lờ đi, coi như chưa từng có gì xảy ra trên cõi đời này!

Lợi dụng tình trạng... dễ dãi của các vị chủ báo, vài chuyên viên gây rối tha hồ thao túng, mỗi khi muốn "mần thịt" ai, họ viết bài, viết bản tin rồi đánh máy, lay out đàng hoàng gởi đi cùng khắp. Thể nào cũng có một số những "cơ quan truyền thông ", vốn đói bài kinh niên, vớ được, mừng vừa có cái trám chỗ trống, vừa đỡ mất công đánh máy, trình bày, cứ thế "ịn" vào nguyên con. Bất cần biết bài báo mắng chửi, nhục mạ, chụp mũ, bêu rếu ai. Mới đây, ở San Jose cũng vừa xảy ra một trường hợp "thắt họng": sau ngày Nguyễn Tất Nhiên từ trần, một ông chủ báo nhận được một bài viết có cái nhan rất... "hợp thời trang": Khóc NTN (dĩ nhiên đã đánh máy, layout đâu ra đó). Mừng quá, bèn "lên khuôn" ngay. Khi báo phát hành, điện thoại gọi tới than phiền: nội dung bài viết chỉ mượn cớ "khóc NTN" để chê ông thi sĩ này mần thơ xoàng, sở dĩ nổi tiếng là nhờ nhạc sĩ Phạm Duy! Ông chủ báo của chúng ta lúc ấy mới... tò mò đọc lại bài viết, để rồi ôm đầu kêu "trời": moi có biết "thằng khốn nạn"chơi ác thế đâu!

Đấy, thực trạng vốn thế, anh hiểu, và cố đừng ngạc nhiên làm gì, tổn thọ. Thân mến.

Tuy nhiên...

Tôi xin tạ lỗi cùng Hợp Lưu và độc giả (ngoài Bắc Mỹ) vì đã quên dịch ra Việt ngữ câu văn của Chekov in ở trang 40, Hợp Lưu 6. Và cảm ơn tòa soạn đã làm dùm việc đó.

Tuy nhiên, xin góp đôi ý sau đây:

Trong câu văn của Chekov, *wicked* không hẳn có nghĩa là *"hung dữ"*. Nên hiểu, nhẹ thì lắt léo, giả dối, nặng thì nham hiểm, độc địa. Và *fools* ở đây không phải là *"khờ dại"*. Đần độn, ngu xuẩn, có thể gần với ý tác giả hơn. Tôi không đọc được Nga ngữ, và chỉ biết Chekov qua những bản dịch Pháp ngữ hoặc Anh ngữ. Và đoán ý tác giả như vậy thôi.

Ngoài ra, dịch *happiness* là *"hạnh phúc"* (và *unhappiness* là *"thiếu hạnh phúc"* cũng có thể gây ngộ nhận. Tôi ưa từ *an lạc* hơn, mặc dù từ này có âm hưởng Phật giáo. An lạc: Có niềm vui, và có sự yên ổn (trong tâm hồn).

Võ Đình, Maryland.

Tạ lỗi với anh. Lẽ ra, trước khi dịch câu văn kia, phải điện thoại hoặc thư để hỏi ý kiến. Nhưng thời gian đó anh đang lu bu cho cái triển lãm, làm bọn này "lu bu" theo, quên bẵng! Để chuộc lỗi, tòa soạn xin đăng lại nguyên văn câu tiếng Anh trích dẫn cùng lời dịch của tòa soạn để độc giả nắm được ý của anh:

Unhappy men are selfish, wicked, unjust and less able to understand each other than fools. Unhappiness does not unite people, but seperates them...

Anton Chekov, *Enemies*

Tòa soạn dịch:

Những kẻ thiếu hạnh phúc thì ích kỷ, hung dữ, bất công, và kém khả năng hiểu biết lẫn nhau hơn cả những kẻ khờ dại. Sự thiếu hạnh phúc không đưa con người tới gần nhau, nhưng chỉ gây chia cách...

Để có lời khen "tương đối ít lỗi chính tả" anh tặng, tên "đả tự" vừa được... trời cho thêm một độ cận, theo kết quả do nhà văn BS Hyuỳnh Hữu Cửu... xét duyệt, và cuốn Việt Nam Tự Điển bị... vày vò thêm vài chục lần nữa! Thế mới biết, trên cõi trần ai này, cái gì cũng có "giá" của nó. Tuy nhiên, cái "giá" này rất xứng đáng. Phàm bất cứ ai vướng vào nghiệp viết lách, đều hiểu, không có gì bực bội hơn khi thấy bài viết của mình bị rơi vào nổi buồng chín tã... *Ôi, trời sinh chi cái xứ... Bắc kỳ, khiến cho bọn Trung, Nam kỳ chúng tôi lao khổ tấm thân! Kính mến.*

Một đề nghị nhỏ.

Báo thật xuất sắc. Tôi hoàn toàn đồng ý với chủ trương dung hòa của tờ báo. Văn học quốc nội, hải ngoại đều là Việt Nam cả, gạt bỏ qua các chính kiến cực đoan mà tìm "trung đạo". Dầu sao chế độ Cộng Sản cũng chẳng thể tồn tại lâu, tôi ở Trung Quốc, xứ đầu não của Xã Hội Chủ Nghĩa nên thấy rõ điều này. Giỏi lắm sống không thọ 20 năm nữa đâu. Các nhà văn trong nước (ở cả miền Bắc), nếu họ thực sự là nhà văn, đều có cái lương tâm của kẻ cầm bút. *Hợp Lưu* có lẽ sẽ là thứ vũ khí sắc bén giúp cho nền văn học quốc nội được "giải phóng". Ngay ở Trung Quốc này, hiện giờ tràn ngập sách vở Đài Loan, Hồng Kông, Singapore (dĩ nhiên trừ các sách chính trị chống Cộng...) Chế độ Cộng Sản sẽ chết nếu họ không tự tìm cách cởi bỏ cái gông xiềng ý thức hệ tàn bạo này. Ở đây tôi thấy rõ tác dụng văn học tự do của Đài Loan và Hồng Kông đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm lý quần chúng, nhất là giới sinh viên học sinh. Tôi hy vọng *Hợp Lưu* sẽ là tờ báo mang lại phần nào ảnh hưởng giúp cho sự cởi trói của các cây bút trong nước và tiến đến một diễn đàn đối thoại của hai phe Hải Ngoại / Quốc Nội trong tình tự Việt Nam

không hận thù. Phe chống Cộng cực đoan ở Mỹ sẽ bị đào thải theo thời gian cũng như bọn Xã hội Chủ Nghĩa bảo thủ.

Kính chúc *Hợp Lưu* sống khỏe mạnh. Một đề nghị nhỏ, *Hợp Lưu* nên có hai loại ấn bản: một in giấy tốt dùng ở hải ngoại, hai in giấy báo thường cho rẻ để phát hành trong nước nếu muốn phát triển về Việt Nam cho nhiều.

Thomas Trần, *China.*

Đa số giới trí thức khắp nơi trên thế giới đều suy nghĩ giống anh. Chỉ tiếc, một thiểu số không nhiều, nhưng lại có phương tiện truyền thông trong tay, vì quyền lực ảo tưởng, vì tầm nhìn hữu hạn, đã tạo ra ở hải ngoại một thứ ghetto, rồi loay hoay vẫy vùng trong đó, như những con cá trong rọ. Nghĩ thật buồn.

Về "đề nghị nhỏ" của anh, thật ra, không tiết kiệm được bao nhiêu, lại nẩy thêm nhiều công đoạn rắc rối. Vả, trong tình hình hiện nay, báo gởi về Việt Nam vẫn còn là "bất hợp pháp" dưới con mắt của nhà cầm quyền trong nước. Vì vậy số lượng chưa nhiều, và trồi sụt thất thường. Hy vọng trong tương lai tình hình khá hơn, sẽ tính. Trân trọng.

Không cực hữu hay cực tả.

Chúng tôi có hân hạnh được nghe giới thiệu về tờ báo của quí anh chị với những trân trọng và cảm mến. Vì vậy, chúng tôi rất muốn được trao đổi báo với quí anh chị.

Báo *Tia Sáng* của chúng tôi là một tờ báo thiện nguyện, nó được ra đời bởi sự thôi thúc của lương tâm muốn làm được một cái gì đó để bóng đêm hắc ám sớm được xua tan nơi quê hương thân yêu. Là những trí thức được đào tạo từ trong và ngoài nước, không cực hữu hay cực tả, chúng tôi trân trọng và luôn mong muốn được đón nhận những tiếng nói và tấm lòng đồng điệu, của trí thức văn nghệ sĩ, không phân biệt nguồn gốc xuất thân, miễn là cùng hướng tới cái chân, thiện, mỹ, chống lại cái ác, cái xấu trên cõi đời này. Đó cũng chính là lý do thúc đẩy chúng tôi muốn được làm quen với các anh chị.

Nguyen - Tia Sáng (SPV) Zeitung, *Germany*

Anh nói "không phân biệt nguồn gốc" với chúng tôi thì chẳng sao, nhưng mấy lời này lọt vào tai các ông, các bà chủ báo, chủ tịch cộng đồng thì... thì... đời tư, gia phả, dòng họ, vợ con... của anh sẽ được "phơi" lên báo ngay đấy. Người Cộng sản xét lý lịch ba đời, người Quốc Gia của chúng tôi xét lý lịch có khi... những bốn đời cơ! Cho chắc.

Vâng, chúng tôi sẽ "trao đổi" với các anh. Thân kính.

HỢP LƯU TRẢ LỜI BẠN ĐỌC VÀ VĂN HỮU

Trân Sa (Canada): Phải cố gắng lắm mới đọc hết tấm giấy bẩn thỉu đó. Không hiểu được! Làm sao người ta có thể đủ can đảm viết, đánh máy, in ra

một thứ cặn bả như thế nhỉ? Phu nhân nhà văn Võ Kỳ Điền trong tháng rồi cũng nhận được qua fax một thư nặc danh tương tự, nghĩa là nội dung và ngôn ngữ cũng dơ dáy, tục tiểu, và bệnh hoạn như tấm giấy "in 1.000 bản dán khắp các chợ Tàu" kia. Không hiểu là may hay rủi: Chị Điền "kiểm tra " máy nhận, nó bèn thật thà khai báo nguồn gốc xuất xứ: tạp chí Làng Văn!. Cho nên sau đó, khi được chị Điền hỏi thăm, ông chủ bút của tờ tạp chí này đã phải vội vàng fax thêm một thư nửa, lần này ký tên ông hẳn hòi, chứ không "nặc danh" như cái trước, minh định rằng cái "chó chết"kia do tòa soạn nhận được, và ông ta chỉ làm nhiệm vụ "chuyển giao". Hẳn nhiên chúng ta rất nên tin lời ông Nguyễn Hữu Nghĩa, bởi vì, với quá trình vì nước vì dân, vì chính nghĩa quốc gia sáng ngời mà bao nhiên năm rồi ông ấy đã "xả thân", thì không lý do gì chúng ta có quyền nghi ngờ cả. Đáng trách chăng là "thằng khốn nạn" nào đó, sao lại u mê không gởi trực tiếp cho vợ chồng nhà văn Võ Kỳ Điền qua đường bưu điện, vừa chắc ăn, vừa khỏi làm tổn hại đến thanh danh ông chủ báo khả kính của chúng ta! Thế mới biết, "khôn" mà chẳng "ngoan" là căn bệnh mà "kẻ tà đạo" thường vấp phải!

Cảm ơn về sự "tiếp tay cụ thể", nhưng thôi nhé, *Trăm Con* hình như đang bị vây hãm bằng nhiều đòn bẩn, hãy dành thực lực lo cho nó. Bên này anh em "chịu" được, đừng sợ Hợp Lưu sẽ "bất đắc kỳ tử". Không bao giờ, đó là một quyết tâm, đó cũng là một lời hứa. "Hắn" có thói quen, khi đã làm, làm bằng được, làm tới nơi tới chốn. Nếu thua, họa chăng chỉ thua trên chiếu... rượu. Khà khà... Thân mến.

Anh Triều Hoa Đại (Florida): Ồ, nhầm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Cách đây năm bảy năm, dùng đòn tà tâm độc địa đó có thể nên đề phòng. Bây giờ, càng làm rối cànglộ bản chất. Thể nào cũng có ngày gặp vị... "anh hùng" ấy ở Cali hay đâu đó trên thế giới, quả đất tròn mà! Chỉ tay trái của tôi hơi yếu thôi, chứ tay mặt thì... còn sử dụng tốt, một chọi một, dư sức (Khà... khà...) Nóitheo ngôn ngữ của cụ PTH: *Nghiệp* cả anh ạ. *Nghiệp* của mỗi cá nhân, *nghiệp* của cả một giống nòi! Trả thôi. Kiếp này chưa xong, trả tiếp kiếp sau (nếu có kiếp sau). NMT sẽ gởi địa chỉ đến anh. Thân mến.

N. Ho (USA): Cái nghề của Ho thích nhỉ. Tháng trước, nhận thư mang khuôn dấu Đại Hàn. Tháng này, đã Louisana... Giống như Vũ Quỳnh N.H., cả thế giới đều là "nhà mình", chỉ khác, cô ấy "bay" trên trời, còn Ho "bơi" dưới biển. Một người "đi mây về gió", một kẻ "cởi sóng đại dương". Thảo nào thơ văn của cả hai cứ ngồn ngộn những địa danh, những phong tục tập quán... lạ hoắc, đọc, thấy mình cứ quẩn quanh mãi xó bếp, tủi thân muốn chết. Về vụ Montréal, định đăng thư của "ông" kỹ sư hải quân Hoa Kỳ lên cho độc giả chia xẻ chút quan điểm "tức muốn văng tục", nhưng xét cho cùng, thêm bẩn mặt nhau, chẳng đẹp đẽ gì. Thôi thì quên đi cho cuộc đời đỡ u ám. Đã gởi báo đến địa chỉ ở San Jose cho người bạn của Ho. Và số sau, OK, sẽ gởi về địa chỉ ở Honolulu. Này, PTH nói cứ thay đổi hộ khẩu mãi, computer nó dỗi, nó không thèm nhận, có ngày không nhận được báo, đừng trách, nhé. Thân mến.

Với các Mạnh Thường Quân: Tôn trọng yêu cầu của đa số quí vị, chúng tôi sẽ không công bố tên họ quí vị trên mặt báo. Tuy nhiên, cũng cho chúng tôi được gởi đến quí vị lời cảm ơn chân thành nhất của chúng tôi. Sự giúp đỡ của quí vị sẽ là lực đẩy cụ thể, để từ đó, Hợp Lưu còn tiếp tục đến với độc giả, không những hết năm 1992, mà chắc chắn sẽ lâu dài. Kính.

Với văn hữu và độc giả gởi bài cho Hợp Lưu: Cũng theo yêu cầu, từ nay, chúng tôi sẽ chỉ *đi* nhan đề của bài viết để quí vị an tâm bài đã tới. Nếu sau hai số, bài không xuất hiện trên HL, xin hãy gởi cho báo khác. Ngoài ra, có thể do tình trạng ứ bài không *đi* kịp, chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng. Sau đây là bài nhận được trong chu kỳ từ Hợp Lưu 6 đến Hợp Lưu 7:

Thơ: Những Ngày Ở California. Hoàng Hôn. Tiếng Thở Hư Không. Ta Mãi Thất Tình. Bài Thơ Làm Ở Montréal. Lời Đêm. Một Cõi. Thư Gởi Bạn. Bỗng Nhớ. Hoàng Lạp. Nguyên Sơ. Đêm, Ngày, Tiếng Thở, và Giọng Hát Xưa. Nỗi Niềm Hoang Vắng. Còn Gì. Lá Hát. Sau Lần Gặp Gỡ. Ca Ngợi. Vòng Hoa Từ Biệt. Ngọn Gió Non Cao. Hình Bóng. Vô Đề 1, 2, 3. Mặt Trời Sớm Mai. Vàng Phai. Lòng Bỗng Chợt Buồn. Về Lại Quê Hương. Phan Rang Và Em. Hòn Chồng. Đất Vẫn Nghìn Năm. Thổ Mộ. Trên Đường. Sáu Đoản Khúc Khi Trở Về. Chiều Sương. Lời Bé. Tiếng Thầm. Vọng Ngôn. Tự Cảm. Cuối Con Đường. Ngày Xưa. Chân Dung Kẻ Tà Đạo.

Truyện, Tuỳ Bút: Gió Non Ngàn (truyện). Ở Một Nơi Chưa Từng Đến (truyện). Bố (truyện). Chốn Lãng Quên (truyện). Tình Yêu Của Tuổi Bốn Mươi (truyện). Gió Cát (truyện). Thằng Bán Diêm (truyện). Sấm Động (truyện). Người Đàn Bà Trong Parking Lot Lúc Sẫm Chiều (truyện). Ngọn Tóc Mai (truyện). Tại sao, Bao Giờ (truyện). Nếu Quả Điều Đó Đã Xảy Ra (truyện). Trong Khu Chung Cư (truyện). Rưng rưng Giọt Nhớ (truyện). Dòng Lệ Mỏng (truyện). Có Thể (truyện). Cát Bồi (truyện). Chừng Như Ngày Đã Hết (tùy bút). Khung Cửa Nhớ (Tùy Bút).

Biên Khảo, Nhận Định, Lý Luận...: Dân Chủ Và Tương Lai Việt Nam (nhận định). Hồ Xuân Hương (biên khảo). Văn Chương Việt Nam Trong Bối cảnh Hiện Nay (nhận định). Sợi Khói Mong Manh (nhận định). Đọc Ly Thân Của Trần Mạnh Hảo (đọc sách). Hội Họa Trừu Tượng Việt Nam (hội họa). Phạm Thái, Gã Cuồng Giữa Thế Sự Nhiễu Nhương (nhận định).

Hợp Lưu

PHÂN ƯU

Ban chủ trương HỢP LƯU xin chia buồn cùng quý quyến

Nhà thơ NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tức NGUYỄN HOÀNG HẢI



đã từ trần chiều thứ Hai mùng 3 tháng 8, 1992
(Nhằm mùng 5 tháng 7 Nhâm Thân)
tại thành phố Garden Grove, California, USA

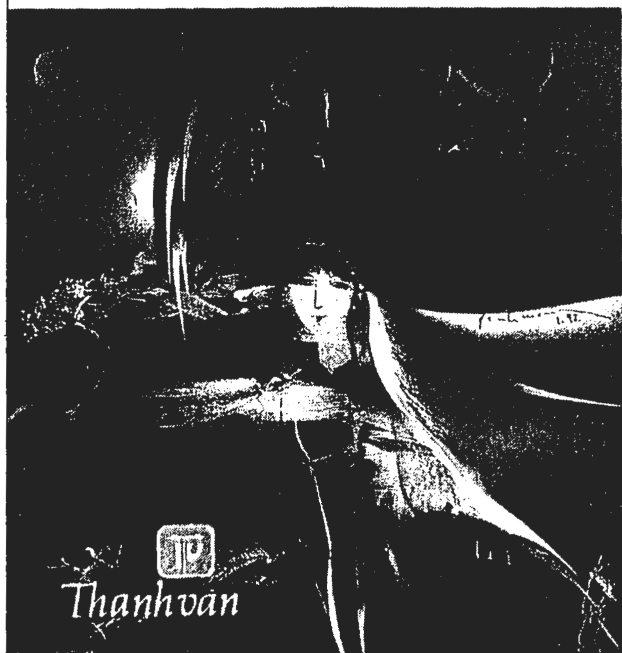
Hưởng dương 41 tuổi

Cầu mong hương hồn người quá cố sớm tiêu diêu miền cực lạc

Ban chủ trương HỢP LƯU
cùng toàn thể văn thi hữu, họa sĩ

Phát hành trong tháng chín, 1992

NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY tập 2



Trần Lâm Thăng 10 năm ở Sài Gòn sau 1975

Thanh Văn xuất bản

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(*Tất cả xin ghi rõ bằng chữ in*)

Họ tên ________________________________
Địa chỉ ________________________________
Nhận mua _____ năm Hợp Lưu kể từ số ____________

Giá tiền:

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada:
Hạng tư: $18.00 ☐ (1/2 năm) - $36.00 ☐ (1 năm)
Hạng nhất: $24.00 ☐ (1/2) năm) - $48.00 ☐ (1 năm)

* Âu châu, Úc châu, Á Châu:
Đường thủy: $24.00 ☐ (1/2 năm) - $48.00 ☐ (1 năm)
Hàng không: $34.00 ☐ (1/2) - $60.00 ☐ (1 năm)

Xin gởi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề:

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA

PHIẾU ỦNG HỘ

Tôi tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________
____
Điện thoại: ______________________________
ủng hộ tập san HỢP LƯU một số tiền là:_____ Mỹ Kim
cho ☐ (1/2 năm) ☐ (1 năm)
kể từ số________
để giúp HỢP LƯU có đủ phương tiện
tiếp tục phục vụ bạn đọc

PHIẾU TẶNG BÁO

Xin gởi HỢP LƯU kể từ số______ cho
Họ tên: ______________________________
Địa chỉ ______________________________
____

☐(nửanăm) ☐(một năm) bằng ☐hạng nhất ☐hạng tư
☐đường hàng không ☐đường thủy

Tên, địachỉ và số điện thoại của người tặng:

____
____

CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN

(Giá mỗi số Hợp Lưu gởi từ USA đi, đặc biệt cho văn hữu và thân hữu)

EUROPE: Belgium, Bulgaria, Czechoslovakia, Denmark, England, France, Finland, Germany, Hungary, Italy, Norway, Poland, Russia:
Airmail 4.99 Mỹ Kim - Surface 1.36 Mỹ Kim.

*

PACIFIC RIM: Australia, China, Hongkong, Japan, Singapore, India, Laos, Kampuchia, Vietnam:
Airmail 6.61 Mỹ Kim - Surface 1.36 Mỹ Kim.

*

CANADA: Airmail 2.58 Mỹ Kim - Surface 1.20 Mỹ Kim.
HOA KỲ: First Class 2.36 Mỹ Kim - Fourth Class 1.05 Mỹ Kim.



Giá $6.00